FRANZ KAFKA

"Sẽ có ngày, thế kỷ 20 được gọi là THẾ KỶ CỦA KAFKA." - MAX BROD

Nước Mỹ

(Kẻ mất tích)

LÊ CHU CẦU *dịch*



nhã nam



FRANZ KAFKA sinh năm 1883 tại Praha trong một gia đình Do Thái. Ông sáng tác bằng tiếng Đức, được giới phê bình xem như một trong những tác giả lớn có ảnh hưởng nhất thế kỷ 20. F. Kafka được so sánh với đại văn hào F. M. Dostoyevsky, và được xếp ngang hàng với James Joyce và Marcel Proust như những bậc thầy cách tân, mở đường cho nền văn xuôi hiện đại.

Đời tư của Kafka khá phức tạp. Ông trải qua nhiều mối tình, nhưng đã hai lần từ hôn để cống hiến mình cho sự nghiệp viết văn. Trước khi mất vì lao phổi (năm 1924), ông đã đốt hầu hết tác phẩm của mình, đồng thời để lại di chúc yêu cầu người bạn thân Max Brod thiêu hủy mọi giấy tờ còn lại. Nhưng Max Brod, vô cùng ngưỡng mộ Kafka, đã làm trái ý nguyện này. Nhờ đó mà người đọc còn được biết đến thiên tài văn chương Franz Kafka - "thần tượng của những thần tượng".

Nước Mỹ

(Kẻ mất tích)

Cuốn sách được dịch với sự tài trợ của Viện Goethe
Mit Unterstützung durch das Goethe-Institut


GOETHE
INSTITUT
VIETNAM

Goethe-Institut Vietnam
56-58 Nguyen Thai Hoc
Hanoi, Vietnam
www.goethe.de/vietnam

Amerika
(Der Verschollene)
Franz Kafka

Dịch từ nguyên bản tiếng Đức *Amerika* **(Der Verschollene)** của **Franz Kafka,**
Nhà xuất bản Fischer.

Bản quyền bản tiếng Việt © Công ty Văn hóa & Truyền thông Nhã Nam, 2016.

Bản quyền tác phẩm đã được bảo hộ. Mọi hình thức xuất bản, sao chụp, phân phối dưới dạng in ấn hoặc văn bản điện tử, đặc biệt là việc phát tán trên mạng Internet mà không có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản là vi phạm pháp luật và làm tổn hại đến quyền lợi của nhà xuất bản và tác giả. Không ủng hộ, khuyến khích những hành vi vi phạm bản quyền. Chỉ mua bán bản in hợp pháp.

F R A N Z   K A F K A

Nước Mỹ

(Kẻ mất tích)

LÊ CHU CẦU *dịch*



NHÀ XUẤT BẢN
HỘI NHÀ VĂN

1

Người thợ đốt lò[1]

Khi Karl Roßmann tiến vào cảng New York trên con tàu đã chạy chậm lại (cha mẹ khốn khổ của chàng trai mười bảy tuổi[2] này đã tống cổ cậu sang Mỹ, vì cậu bị một ả người làm quyến rũ và có con với ả), cậu thấy pho tượng Nữ thần Tự do, mà cậu đã quan sát một lúc lâu, như đứng trong một bầu trời đột nhiên chói lọi hơn. Cánh tay cầm kiếm[3] như vừa mới vung lên và những làn không khí tự do đang thổi quanh thân tượng.

"Cao thế!" cậu nhủ thầm và không nghĩ gì đến chuyện rời khỏi chỗ nên bị đám phu khuân vác, đang kéo qua mặt càng lúc càng đông hơn, đẩy dần tới lan can tàu.

---

1. Chương "Người thợ đốt lò" đã xuất bản năm 1913 dưới dạng truyện ngắn và được dựng thành phim (mọi chú thích trong sách là của người dịch - LCC).
2. Bản do Max Brod chủ biên đã sửa thành mười sáu, hẳn là để khớp với chi tiết "mười sáu tuổi" ở chương 5. (Bản của Brod có một số chỗ hơi khác bản của Jost Schillemeit, song người dịch chỉ chú thích nếu thấy thật sự cần thiết.)
3. Tượng Nữ thần Tự do ở Mỹ cầm trên tay bó đuốc. Được biết bạn đọc đã góp ý với tác giả về một vài chi tiết không chính xác trong truyện ngắn "Người thợ đốt lò" và Kafka đã sửa khi truyện tái bản, song vẫn giữ nguyên chi tiết "thanh kiếm" này, chứng tỏ Kafka có chủ ý, khiến giới nghiên cứu không ngớt tranh cãi về điểm này.

Một anh chàng cậu quen sơ trên chuyến tàu, hỏi khi đi ngang qua:

"Này, cậu chưa có hứng xuống tàu à?"

"Tôi xong rồi đây," Karl mỉm cười nói với anh ta và, vì cậu là một chàng trai khỏe mạnh, hào hứng nhấc rương lên vai. Nhưng khi thấy chàng thanh niên quen biết kia vung vẩy ba toong đi khỏi cùng với những người khác, cậu điếng người nhận ra mình đã bỏ quên chiếc dù dưới tàu. Cậu vội nhờ anh chàng vui lòng chờ bên chiếc rương một lúc (anh chàng có vẻ không mấy hào hứng), quan sát vị trí để hình dung lối về, rồi đâm bổ chạy. Dưới boong tàu cậu buồn phiền thấy cái lối đi tắt đã bị chặn lại, lẽ ra nó có thể rút ngắn đường cho cậu rất nhiều; đây là lần đầu tiên nó bị chặn, hẳn có liên quan đến việc đưa mọi hành khách lên bờ, và cậu phải vất vả tìm đường qua những cầu thang nối tiếp nhau không ngớt, qua những hành lang quanh co liên tục, qua một căn phòng trống với chiếc bàn giấy bỏ không, cho đến khi cậu thật sự bị lạc hoàn toàn, vì trước đây cậu chỉ đi lối này một hoặc hai lần và lần nào cũng cùng với khá nhiều người nữa. Đang hoang mang sẵn, thêm không gặp một ai, lại còn nghe trên đầu tiếng lạo xạo của cả nghìn bàn chân người và tiếng chuyển động cuối cùng như một hơi thở hắt của những cỗ máy đã bị tắt từ phía xa, cậu liền đập bừa lên một cánh cửa nhỏ nào đấy gặp phải lúc đi lạc lòng vòng.

"Cửa mở mà," có tiếng đáp từ bên trong và Karl mở ra, thở phào nhẹ nhõm.

"Làm gì mà cậu đập cửa như điên khùng thế?" một người đàn ông to như hộ pháp hỏi, khi vừa nhìn thấy

Karl. Một luồng ánh sáng, từ ô cửa sổ nào đó trên cao, đã bị tiêu hao ở các tầng trên, khi xuống đến đây trở nên mờ đục, rọi vào căn buồng tồi tàn ấy, nơi một chiếc giường, một cái tủ, một chiếc ghế và người đàn ông đứng sát bên nhau như được chất trong kho.

"Tôi bị lạc," Karl nói, "trong chuyến đi tôi đâu để ý rằng chiếc tàu này to khủng khiếp thế."

"Phải, cậu nói đúng," người đàn ông đáp với đôi chút tự hào và mải miết hí hoáy với ổ khóa của một chiếc hòm con mà hai tay ông ta không ngớt đóng khóa lại để lắng nghe tiếng chốt sập vào.

"Nhưng cậu vào đi thôi!" người đàn ông nói tiếp, "cậu không định đứng ngoài mãi chứ!"

"Tôi có làm phiền ông không đấy?" Karl hỏi.

"Chậc, cậu làm phiền tôi thế nào được!"

"Ông là người Đức à?" Karl hỏi để được yên tâm, vì cậu đã nghe nói về nhiều mối nguy hiểm, đặc biệt từ bọn Ireland, đe dọa những người mới di dân tới Mỹ.

"Đích thị, đích thị," người đàn ông đáp.

Karl vẫn còn ngần ngại. Đột nhiên người đàn ông nắm quả đấm cửa, kéo cánh cửa cùng với Karl vào trong và lẹ làng đóng lại.

"Tôi không chịu nổi khi có người đứng ngoài hành lang nhìn vào," người đàn ông vừa nói vừa tiếp tục hí hoáy chiếc hòm, "ai đi qua cũng ngó vào thì trong mười người họa may mới có một người chịu đựng nổi!"

"Nhưng hành lang trống trơn mà," Karl nói, đứng lúng túng như bị ép gí vào chân giường.

"Phải rồi, bây giờ thì trống," người đàn ông nói.

"Thì mình đang nói về bây giờ mà," Karl nghĩ, "trò chuyện với ông này khó gớm."

"Cậu lên giường nằm đi, trên đó rộng rãi hơn," người đàn ông nói.

Karl cố sức bò vào trong giường và cười phá lên vì lần đầu thử đu lên không được. Nhưng vừa ngồi trên giường cậu đã kêu lên: "Chúa ơi, tôi quên khuấy chiếc rương rồi!"

"Nó đang ở đâu thế?"

"Ở trên boong, một người quen trông giúp. Anh ta tên gì nhỉ?"

Và cậu móc ra một tấm danh thiếp từ cái túi bí mật mẹ cậu đã may vào lớp vải lót áo vét cho chuyến đi này. "Butterbaum, Franz Butterbaum."

"Cậu cần chiếc rương lắm à?"

"Tất nhiên."

"Thế sao cậu lại đưa nó cho người lạ?"

"Tại tôi quên cái dù dưới này nên chạy xuống lấy, nhưng không muốn kéo theo rương. Rồi tôi còn bị lạc ở đây nữa."

"Cậu đi một mình? Không có ai đi cùng sao?"

"Vâng, một mình."

"Có lẽ mình nên bám theo ông này," Karl thầm nghĩ, "mình tìm đâu ngay được một người bạn tốt hơn?"

"Và bây giờ cậu mất luôn cả rương nữa. Ấy là chưa kể cái dù."

Và người đàn ông ngồi lên ghế, như thể lúc này câu chuyện của Karl đã trở nên thú vị đôi chút đối với ông ta.

"Nhưng tôi tin rằng cái rương chưa mất."

"Có tin có lành," người đàn ông vừa nói vừa ra sức

gãi mái tóc đen, ngắn và dày, "đạo đức trên tàu cũng thay đổi theo bến cảng. Ở Hambourg[1] có thể gã Butterbaum của cậu canh giữ cái rương giúp cậu, nhưng ở đây rất có thể cả gã lẫn rương đều không cánh mà bay."

"Thế thì tôi phải lên ngay xem sao," Karl nói và nhìn quanh tìm lối ra.

"Ở lại đây thôi," người đàn ông vừa nói vừa đưa tay ấn khá thô bạo lên ngực Karl, đẩy cậu vào giường trở lại.

"Tại sao chứ?" Karl bực tức hỏi.

"Vì làm thế là vô nghĩa," người đàn ông nói, "lát nữa tôi cũng đi, ta sẽ cùng đi. Hoặc chiếc rương đã bị mất cắp thì vô phương, hoặc gã kia để lại đó thì khi tàu trống hết rồi ta càng dễ tìm. Cả cái dù của cậu nữa."

"Ông rành con tàu này nhỉ?" Karl nghi ngờ hỏi và cảm thấy cái ý tưởng, bình thường rất thuyết phục, rằng trên con tàu trống sẽ dễ tìm đồ đạc của mình nhất có ẩn giấu một cạm bẫy.

"Tôi là thợ đốt lò[2] của tàu này mà," người đàn ông nói.

"Ông là thợ đốt lò trên tàu!" Karl thích thú kêu lên, như thể điều này vượt quá mọi sự chờ đợi của mình và tựa trên khuỷu tay nhìn người đàn ông kỹ hơn. "Ngay trước phòng ngủ của tôi với gã người Slovak[3] có một cửa khoang, có thể nhìn qua vào phòng máy được."

"Đúng, tôi đã làm việc ở đó," người thợ đốt lò nói.

"Xưa nay tôi vốn luôn thích kỹ thuật," Karl nói và

---

1. Hải cảng lớn nhất của Đức.
2. Thời bấy giờ tàu chạy bằng hơi nước.
3. Slovak: người vùng (nay là nước) Slovakia.

tiếp tục thả hồn trong ý nghĩ của mình, "và chắc chắn sau này tôi sẽ trở thành kỹ sư, nếu tôi không phải đi qua Mỹ."

"Sao cậu lại phải qua Mỹ?"

"Chậc!" Karl tặc lưỡi và vừa phẩy tay bỏ qua câu chuyện, vừa mỉm cười nhìn người thợ đốt lò, như thể yêu cầu ông ta thông cảm cho việc cậu không thể tiết lộ.

"Chắc phải có lý do," người thợ đốt lò nói, chẳng rõ ông ta đòi được biết hay ngăn cản cậu kể nguyên nhân.

"Bây giờ tôi cũng có thể trở thành thợ đốt lò, nếu được," Karl nói, "bây giờ tôi làm gì thì bố mẹ tôi cũng chẳng quan tâm."

"Chỗ làm của tôi sẽ khuyết người đấy," người thợ đốt lò vừa nói với vẻ chắc chắn vừa thọc hai tay vào túi chiếc quần màu xám thép, nhăn nhúm giống như da, rồi gác và duỗi hai chân trên giường. Karl phải dịch sát hơn vào tường.

"Ông bỏ con tàu này à?"

"Đúng vậy, hôm nay tôi sẽ rút lui."

"Sao thế? Ông không thích công việc này à?"

"Chà, hoàn cảnh mà, có phải lúc nào cũng do mình thích hay không đâu. Với lại cậu nói đúng, tôi cũng không thích nữa. Hẳn cậu không thật tâm muốn trở thành thợ đốt lò, nhưng chính vì thế mà người ta dễ trở thành thợ đốt lò nhất. Tôi dứt khoát khuyên cậu bỏ ý định đó đi. Nếu cậu từng muốn học đại học ở châu Âu, tại sao cậu lại không muốn học ở đây? Các trường đại học Mỹ hơn hẳn ở châu Âu chứ."

"Có thể như thế thật," Karl nói, "nhưng tôi hầu như không có tiền để học. Tuy tôi có đọc về người nào đó ban

ngày làm việc trong một cửa hàng, ban đêm học đại học cho tới khi đỗ tiến sĩ và tôi tin là ông ấy đã trở thành thị trưởng, nhưng như thế cần kiên nhẫn lắm, nhỉ? Tôi e mình thiếu đức tính ấy. Ngoài ra tôi không phải là học sinh đặc biệt xuất sắc, vì thế việc bỏ học đối với tôi quả thật không có gì ghê gớm. Và các trường học ở đây có lẽ còn khó khăn hơn. Tiếng Anh hầu như tôi chẳng biết gì. Nhất là ở đây người ta có thành kiến với dân ngoại quốc."

"Cậu cũng biết thế rồi à? Thế thì hay lắm. Vậy cậu đúng là người tôi đang cần. Cậu nghĩ xem, mình đang ở trên một chiếc tàu Đức, chạy tuyến Hambourg-Mỹ, tại sao trên tàu không phải toàn người Đức? Tại sao trưởng cơ khí là một tay Rumani? Tên hắn là Schubal. Thật không tin nổi. Và tên vô lại này ngược đãi người Đức chúng ta trên một chiếc tàu Đức! Cậu đừng nghĩ rằng" - ông ta hết hơi, tay phẩy phẩy - "tôi phàn nàn chỉ để phàn nàn. Tôi biết cậu chẳng có ảnh hưởng gì và cũng chỉ là một gã khốn khổ thôi. Nhưng mà chuyện này tồi tệ quá mức!"

Ông ta đấm liên tu bất tận lên bàn và trong lúc ấy mắt không rời nắm tay.

"Tôi từng làm trên nhiều tàu rồi chứ" - và ông ta kể ra một loạt hai mươi chiếc tàu như thể đó là một tên, khiến Karl hoang mang - "tôi xuất sắc, được khen ngợi, là một công nhân hợp ý các thuyền trưởng, thậm chí tôi đã phục vụ vài năm trên một tàu buôn." Ông ta đứng dậy, như thể chuyện đó là đỉnh cao của cuộc đời mình. "Còn ở đây, trên con tàu này, nơi mọi việc được định sẵn đâu vào đấy, nơi chẳng cần gì đến tài cán thì tôi lại vô dụng, luôn luôn cản trở Schubal, tôi là thằng trây lười, đáng bị đuổi

cổ và tôi được trả lương vì thương hại. Cậu hiểu điều này không? Tôi chịu."

"Ông không được cam chịu chứ," Karl khích động nói. Cậu quên bẵng mình đang ở trên những tấm ván không chắc chắn của một con tàu tại bờ biển của một lục địa lạ, cái giường của người thợ đốt lò đã khiến cậu thấy thân thuộc như ở nhà.

"Ông gặp thuyền trưởng chưa? Ông đã đòi hỏi ông ta về quyền lợi của mình chưa?"

"Thôi cậu đi đi, cậu làm ơn đi đi. Tôi không muốn có cậu ở đây nữa. Cậu không lắng nghe tôi nói, mà lại khuyên này khuyên nọ. Làm sao tôi gặp được thuyền trưởng chứ!" Và người thợ đốt lò lại mệt mỏi ngồi xuống, úp mặt vào hai bàn tay.

"Mình đâu thể khuyên ông ta điều gì hay hơn," Karl tự nhủ. Và cậu thấy nên đi tìm rương hơn là ngồi đây đưa ra những lời khuyên chỉ bị coi là ngớ ngẩn. Khi cho đứt cậu cái rương, bố cậu hỏi đùa: "Con sẽ giữ nó được bao lâu?" và bây giờ có lẽ cậu đã thật sự mất chiếc rương khá quý giá này. Điều an ủi duy nhất là bố cậu không thể biết được hoàn cảnh của cậu hiện giờ, cho dù nếu ông dò hỏi. Công ty đường biển chỉ có thể trả lời rằng cậu đã tới New York thôi. Nhưng Karl thấy tiếc vì chưa hề dùng tới món nào trong đó, dù lẽ ra chẳng hạn cậu phải thay sơ mi từ lâu rồi. Nghĩa là cậu đã tiết kiệm không đúng chỗ; bây giờ, đúng lúc bắt đầu cuộc đời mới của mình, cần ăn mặc sạch sẽ tinh tươm thì cậu sẽ phải xuất hiện trong chiếc áo bẩn thỉu. Nếu không thì việc mất rương cũng chẳng có gì ghê gớm, vì bộ quần áo cậu đang mặc còn tốt hơn bộ

trong rương, thật ra chỉ để phòng khi cần thiết mà mẹ cậu đã phải may nó sát trước ngày cậu đi. Bây giờ cậu cũng nhớ ra trong rương còn cả một khúc xúc xích Verona mẹ cậu đã đặc biệt gói thêm, mà cậu mới chỉ ăn một mẩu, vì suốt chuyến đi cậu không thấy ngon miệng và với cậu thì món xúp người ta phân phát cho hành khách ở khoang hạng chót cũng thừa đủ rồi. Nhưng bây giờ cậu ước ao có khúc xúc xích đó trong tay để biếu người thợ đốt lò. Vì rất dễ giành được cảm tình của những người như thế này, khi ta có món gì đấy nho nhỏ giúi cho họ. Cậu biết điều này từ bố cậu, qua việc ông lấy lòng mọi người làm thuê bằng cách cho họ thuốc xì gà. Bây giờ cậu chỉ còn tiền là thứ có thể tặng được mà cậu tạm thời không muốn đụng tới, phòng trường hợp cái rương bị mất thật. Đầu óc cậu quay trở lại với cái rương và cậu quả tình không thể hiểu nổi tại sao trong chuyến đi cậu chăm chú canh chừng nó đến hầu như không ngủ, vậy mà bây giờ cậu lại để cho cũng cái rương ấy bị lấy mất dễ dàng đến thế. Karl nhớ tới năm đêm cậu không ngớt nghi ngờ một gã Slovak nhỏ con, nằm cách cậu hai giường về phía trái, đã nhắm cái rương của cậu. Gã Slovak này chỉ rình Karl cuối cùng chợp mắt trong một khoảnh khắc vì mệt, để gã có thể kéo nó về phía gã bằng một cây que dài mà gã luôn dùng để chơi hay tập dượt trong ngày. Ban ngày trông gã Slovak này thật hồn nhiên, nhưng khi bóng đêm vừa buông xuống, gã thỉnh thoảng đứng lên khỏi giường, buồn rầu nhìn về phía cái rương của Karl. Karl có thể nhận thấy rất rõ điều này, vì thỉnh thoảng lại có một người di dân nào đấy trong lòng hồi hộp bất an thắp nến lên, bất chấp

nội quy trên tàu cấm, để cố giải mã những tập sách mỏng khó hiểu của các cơ quan di dân. Nếu ngọn nến này gần giường Karl, cậu có thể chợp mắt một lúc, nhưng nếu nó ở xa hoặc tối thì cậu phải cố chong mắt thức. Nỗ lực ấy đã khiến cậu rất kiệt sức và bây giờ có lẽ nó hoàn toàn vô ích. Gã Butterbaum này, nếu có lần nào cậu còn gặp gã ở đâu đó mà xem!

Cho đến lúc ấy trong buồng hoàn toàn yên ắng, chợt đâu những tiếng khua ngắn và nhỏ vang lên từ xa, nghe như tiếng chân trẻ con, khi tới gần chúng trở nên mạnh hơn và giờ đây là tiếng bước đều của nhiều người đàn ông. Hẳn là họ đi hàng một, điều bình thường trong hành lang hẹp, nghe như có tiếng vũ khí loảng xoảng. Đang sắp nằm duỗi dài trên giường ngủ một giấc để thoát khỏi mọi âu lo về cái rương cùng gã Slovak, Karl giật nẩy mình, huých người thợ đốt lò để lưu ý ông ta, vì đoàn người dường như vừa tới ngay trước cửa buồng.

"Ban nhạc của tàu đấy," người thợ đốt lò nói, "họ chơi trên kia, giờ họ về thu dọn hành trang. Bây giờ mọi việc đã xong và chúng ta có thể đi được rồi. Nào cậu!"

Ông ta nắm tay Karl, phút chót còn tháo tấm hình lồng khung Đức Mẹ treo tường trên đầu giường, cất vào ngực áo, cầm cái hòm và vội vã cùng với Karl rời căn buồng.

"Bây giờ tôi tới văn phòng và sẽ nói cho các quý ông biết tôi nghĩ gì. Không còn hành khách nào nữa, ta chẳng cần phải khoan nhượng."

Người thợ đốt lò lặp lại câu này theo nhiều kiểu và trong lúc đi còn định tạt chân đạp bẹp một con chuột chạy ngang đó, song chỉ khiến nó lủi nhanh hơn vào cái hốc

nó gặp kịp thời. Nói chung ông ta cử động chậm chạp, vì chân ông ta tuy dài nhưng lại quá nặng nề.

Họ đi ngang một phòng của nhà bếp, nơi vài cô gái khoác tạp dề bẩn thỉu đang rửa chén đĩa trong những chậu gỗ to - các cô ả cố ý làm bắn nước lên tạp dề. Người thợ đốt lò gọi một cô nàng Line nào đó lại, quàng tay quanh hông cô và dìu cô đi một khúc, trong lúc cô không ngớt làm duyên làm dáng nép người vào cánh tay ông ta.

"Bây giờ đi lĩnh lương, em đi cùng không?" ông ta hỏi.

"Việc gì em phải tốn công, tốt hơn anh hãy mang tiền về cho em," cô đáp, rồi luồn dưới cánh tay ông ta và chạy đi. "Anh vớ được cậu bé xinh trai này ở đâu thế?" cô gọi với theo, nhưng không chờ được trả lời.

Có tiếng các cô cười ồ, họ đã ngừng rửa chén từ nãy rồi.

Hai người tiếp tục đi, tới một cái cửa mà bên trên là một vòm nhỏ tựa lên một chiếc cột con mang hình tượng người đàn bà giát vàng. Trên một con tàu mà trang trí như thế này thì rõ là hoang phí. Karl nhận thấy mình chưa tới khu này lần nào; trong chuyến đi có lẽ nó dành riêng cho hành khách hạng nhất và hạng nhì, còn bây giờ các cửa ngăn đã được mở để tổng vệ sinh tàu. Quả thật họ đã gặp vài người đàn ông vai vác chổi và chào người thợ đốt lò. Karl ngạc nhiên về sự nhộn nhịp này, ở boong giữa dĩ nhiên cậu đâu biết gì nhiều. Cậu thấy những đường dây điện chạy dọc theo các hành lang và nghe tiếng một cái chuông nho nhỏ rung liên tục.

Người thợ đốt lò kính cẩn gõ cửa và, khi nghe tiếng "Vào đi," ông ta huơ tay bảo Karl vào, đừng sợ. Karl cũng bước vào, nhưng dừng lại ở cửa. Qua ba cửa sổ của căn

phòng cậu nhìn thấy sóng biển và ngắm chúng tung tăng chuyển động mà tim rộn ràng, như thể cậu không hề nhìn biển suốt năm ngày liên tục. Những chiếc tàu lớn cắt ngang đường của nhau và tùy trọng tải mà chúng trồi lên sụt xuống nhiều ít theo con sóng. Nếu nheo mắt, ta có cảm tưởng những con tàu này tròng trành chính vì trọng tải của chúng. Trên các cột buồm, những lá cờ hẹp nhưng dài, mặc dù căng phồng theo gió lúc tàu chạy song vẫn phất phới. Tiếng súng chào mừng vang rền, hẳn là từ các tàu chiến; một chiếc tàu ấy chạy qua gần đấy, những nòng đại bác loáng ánh nắng phản chiếu trên lớp vỏ thép, như được vuốt ve bởi sự di chuyển vững chãi, uyển chuyển nhưng dập dềnh. Ta chỉ thấy được, ít nhất là từ cửa phòng, các tàu nhỏ và thuyền nơi phía xa, khi chúng chạy thành đoàn vào những khoảng trống giữa các con tàu lớn. Đứng sau tất cả những cái này là New York và nó nhìn Karl với hàng trăm nghìn cửa sổ của những tòa nhà chọc trời. Phải, trong căn phòng này ta biết ta đang ở đâu.

Tại một chiếc bàn tròn có ba ông đang ngồi, người mặc đồng phục xanh lơ là sĩ quan của tàu, hai người kia là viên chức cơ quan quản lý bến cảng trong đồng phục đen của Mỹ. Trên bàn chất thành chồng những hồ sơ đủ loại mà viên sĩ quan với cây bút trên tay xem lướt qua trước rồi trao cho hai người kia, khi thì họ đọc, lúc thì họ trích dẫn, khi thì họ cất vào cặp, nếu người có hàm răng gần như liên tục gây ra tiếng kêu lách cách không đọc gì đấy để đồng sự ghi vào biên bản.

Ngồi tại một chiếc bàn giấy bên cửa sổ, quay lưng ra cửa là một ông hơi nhỏ người, đang bận bịu với những

quyển sách khổ to đặt cạnh nhau ngang tầm mắt ông ta, trên một kệ sách kiên cố. Cạnh ông ta là một cái két để ngỏ, thoạt nhìn dường như trống trơn.

Cửa sổ thứ hai trống và nhìn ra rõ nhất. Nhưng gần cửa sổ thứ ba có hai ông đang đứng trò chuyện khe khẽ. Người đứng tựa bên cửa sổ cũng mặc đồng phục của tàu, tay mân mê đốc kiếm. Người đang trò chuyện với ông ta đứng quay về phía cửa sổ, thỉnh thoảng lại cử động làm hiện ra phần nào hàng huân chương trên ngực ông kia. Ông này mặc thường phục, cầm một cây gậy trúc mỏng và nó cũng dựng đứng tựa thanh kiếm, vì hai tay ông ta chống trên hông.

Karl không có nhiều thì giờ để nhìn hết tất cả, vì một gã giúp việc đã nhanh chóng tiến về phía họ, ngó người thợ đốt lò như thể ông ta không thuộc về nơi này và hỏi ông ta muốn gì. Người thợ đốt lò trả lời, cũng khẽ như khi được hỏi, rằng muốn nói chuyện với chánh thủ quỹ. Gã giúp việc, về phần mình, phẩy tay từ khước lời yêu cầu, nhưng vẫn nhón chân đi vòng thật xa tránh chiếc bàn tròn, tới bên người đàn ông với những quyển sách khổ to. Ông này - ta thấy rõ ràng - gần như sững người trước lời lẽ của gã giúp việc, nhưng cuối cùng đã quay về phía người đàn ông muốn được nói chuyện với mình, rồi phất tay nghiêm khắc xua đuổi người thợ đốt lò và, để chắc chắn, luôn cả gã giúp việc. Gã giúp việc liền quay lại người thợ đốt lò, nói bằng giọng như thể tiết lộ với ông ta điều gì đấy: "Ông xéo ngay khỏi phòng đi thôi!"

Nghe câu trả lời này người thợ đốt lò liền cúi nhìn Karl, như thể cậu là trái tim của ông ta, để ông ta lặng lẽ

than thở tình trạng đáng thương của mình. Không nghĩ ngợi gì thêm, Karl liền rời chỗ, chạy xuyên qua phòng, chạm cả vào chiếc ghế của viên sĩ quan; gã giúp việc lom khom chạy theo, dang hai tay trong tư thế ôm, như thể đang đuổi bắt sâu bọ, nhưng Karl đã đến bàn của chánh thủ quỹ trước gã, cậu nắm chặt chiếc bàn, phòng trường hợp gã giúp việc tìm cách kéo cậu đi.

Tất nhiên cả căn phòng lập tức nhốn nháo. Viên sĩ quan ở bàn nhảy dựng lên, hai viên chức bến cảng bình thản nhìn nhưng chăm chú, hai ông ở cửa sổ bước lại cạnh nhau; gã giúp việc liền lùi lại, vì cho rằng khi các ông lớn đã quan tâm thì gã đứng đó chỉ gây phiền toái. Còn người thợ đốt lò đứng ở cửa, căng thẳng chờ giây phút sự hỗ trợ của mình được cần đến. Cuối cùng viên chánh thủ quỹ xoay mạnh người sang bên phải trên cái ghế tựa của hắn.

Karl moi trong cái túi bí mật - mà cậu không ngần ngại trước ánh mắt của những người này - lấy hộ chiếu của mình, mở ra đặt lên bàn thay cho lời tự giới thiệu dông dài. Viên chánh thủ quỹ dường như coi hộ chiếu này là chuyện vặt vãnh, vì hắn đẩy nó sang bên bằng hai ngón tay; Karl liền cất nó vào túi trở lại, cho rằng chuyện thủ tục đã được giải quyết thỏa đáng.

Rồi cậu lên tiếng: "Tôi xin được nói rằng theo ý tôi thì ông thợ đốt lò đã bị đối xử bất công. Ở đây có một người tên Schubal nào đấy đã xử ép ông. Bản thân ông đã phục vụ trên nhiều tàu, mà ông có thể nêu tên ra hết với quý vị, và được hoàn toàn hài lòng; ông chăm chỉ, trân trọng công việc, nên thật sự không thể nào hiểu nổi tại sao

trên chính con tàu này, nơi công việc không khó khăn quá mức, như chẳng hạn trên những tàu buôn, ông lại phục vụ kém. Vậy đó chỉ có thể là sự vu khống nhằm cản trở bước đường thăng tiến cũng như sự khen ngợi mà lẽ ra chắc chắn ông phải được hưởng. Tôi chỉ nói đại để về chuyện này thôi, còn ông sẽ tự trình bày cùng quý vị những khiếu nại riêng của mình."

Karl hướng những lời lẽ này tới mọi người, vì quả thật ai nấy đều lắng nghe và hẳn là trong số tất cả những người này cậu dễ tìm được người công minh hơn là ở chính viên chánh thủ quỹ. Ngoài ra Karl đã khôn ngoan giấu nhẹm việc mình quen biết người thợ đốt lò chỉ mới đây thôi. Lẽ ra Karl còn ăn nói lưu loát hơn nhiều, nếu không bị gương mặt đỏ au của ông già cầm gậy trúc làm xao xuyến, gương mặt mà cậu lần đầu tiên trông thấy từ chỗ cậu hiện đang đứng.

"Đúng từng chữ một," người thợ đốt lò nói, dù chưa có ai kịp hỏi, thậm chí trước khi người ta kịp nhìn về phía ông ta. Sự quá nhanh nhảu này của người thợ đốt lò lẽ ra sẽ là một sai lầm lớn, nếu như người đàn ông đeo huân chương (chắc chắn là thuyền trưởng, điều này vừa lóe lên trong đầu Karl) không tự nhủ lòng phải lắng nghe người thợ đốt lò trình bày. Ông chìa tay ra và gọi người thợ đốt lò: "Ông lại đây!" với giọng chắc nịch, như lấy búa nện lên được. Bây giờ tất cả tùy thuộc vào thái độ ứng xử của người thợ đốt lò, vì cậu không nghi ngờ gì về những chuyện liên quan đến sự công bình trong vụ việc của ông ta.

May thay lúc này mới thấy là người thợ đốt lò đã đi nhiều nơi trên thế giới. Với một sự bình thản mẫu mực,

ông ta lấy ra ngay từ cái rương con một bó nhỏ giấy tờ cùng một sổ ghi chú, rồi - hoàn toàn không chú ý tới viên chánh thủ quỹ, như thể đó là chuyện đương nhiên - cầm tới chỗ thuyền trưởng, trải bằng chứng của mình lên thành cửa sổ. Viên chánh thủ quỹ không còn cách nào khác hơn là cũng phải cất công đi tới đó.

"Anh này nổi tiếng là vua kiện cáo," hắn giải thích, "anh ta thường ở quầy chi thu hơn là trong buồng máy. Anh ta đã khiến Schubal, con người điềm đạm ấy, phát điên lên được. Anh nghe này!" hắn nói với người thợ đốt lò, "quả thật anh đã quấy rầy quá mức rồi đấy. Đã bao lần người ta tống cổ anh ra khỏi các phòng phát lương, xứng đáng với những đòi hỏi rặt phi lý, không có ngoại lệ, của anh! Đã bao lần anh chạy từ đó tới quầy thu ngân chính! Đã bao lần người ta thân ái bảo anh rằng Schubal là cấp trên trực tiếp của anh, anh là cấp dưới thì phải tự thỏa thuận với ông ta! Và bây giờ thậm chí anh còn tới đây, khi có mặt ngài thuyền trưởng; chẳng những không xấu hổ vì đã quấy rầy ngài, anh lại còn không ngần ngại dẫn theo cậu bé này, mà đây là lần đầu tiên tôi thấy trên tàu, làm kẻ phát ngôn như vẹt cho những cáo buộc tào lao của anh!"

Karl cố kiềm chế không xông tới. Nhưng thuyền trưởng đã lên tiếng: "Chúng ta hãy nghe người này nói đã. Dẫu sao tôi thấy Schubal càng ngày càng quá tự chuyên, tôi nói thế không phải thiên về ông đâu nhá." Câu sau nhắm vào người thợ đốt lò, tất nhiên thuyền trưởng không thể lập tức can thiệp cho ông ta được, nhưng mọi chuyện có vẻ tiến triển tốt. Người thợ đốt lò bắt đầu giải thích và

ngay từ đầu đã biết tự kiềm chế, khi gọi Schubal bằng "ông". Đứng bên chiếc bàn giấy đã bỏ trống của viên chánh thủ quỹ Karl vui xiết bao, cậu luôn tay ấn cái cân thư một cách thích thú. - Ông Schubal không công bằng! Ông Schubal thiên vị người ngoại quốc! Ông Schubal tống người thợ đốt lò ra khỏi buồng máy, bắt ông ta cọ nhà vệ sinh, mà chắc chắn đó không phải là công việc của người thợ đốt lò! Có lúc ông ta thậm chí còn hoài nghi năng lực của ông Schubal, bảo đó chỉ là bề ngoài chứ không thực chất. Nghe thế, Karl đăm đăm nhìn thuyền trưởng, vẻ tin cậy, như thể ông là đồng nghiệp của cậu, chỉ để ông đừng bị ảnh hưởng bất lợi cho người thợ đốt lò vì cách diễn đạt hơi kém khéo léo của ông ta. Dẫu sao người ta không biết được gì cụ thể từ những lời lẽ dông dài này và tuy thuyền trưởng vẫn còn nhìn thẳng phía trước, lần này trong đôi mắt hiện nét quyết tâm nghe người thợ đốt lò cho đến cuối, các ông kia đã trở nên sốt ruột và chẳng bao lâu sau tiếng nói của người thợ đốt lò không còn ngự trị tuyệt đối trong căn phòng nữa, thì điều này khiến cậu lo ngại. Mới đầu người đàn ông mặc thường phục cầm gậy trúc gõ gõ lên sàn gỗ, cho dù rất khẽ. Các ông kia dĩ nhiên thỉnh thoảng lại nhìn về phía đó; những viên chức bến cảng, hẳn là bị thôi thúc, lại vớ lấy các tập hồ sơ và bắt đầu xem qua, tuy vẫn còn hơi lơ đãng; viên sĩ quan xích lại gần bàn[1]; còn viên chánh thủ quỹ thở dài châm biếm, cho rằng đã thắng keo này. Dường như chỉ có gã giúp việc thoát khỏi tình

1. Câu này bản của Max Brod in nhầm thành "xích *cái bàn của ông ta* lại gần hơn" (trong khi ba người này ngồi quanh một cái bàn *chung*).

trạng lơ đãng nói chung ấy, gã thông cảm phần nào với nỗi khốn khổ của người đàn ông đáng thương giữa đám tai to mặt lớn và nghiêm trang gật đầu với Karl, như thể muốn qua hành động này giải thích điều gì đó.

Trong khi đó cuộc sống nơi bến cảng vẫn tiếp tục bên ngoài các khung cửa sổ tàu; một chiếc tàu hàng thấp bè bè chở một núi thùng phuy (hẳn chúng phải được chất một cách tuyệt khéo nên mới không bị lăn) kéo qua khiến căn phòng gần như bị tối sầm; những xuồng máy nhỏ phóng băng băng sau những cái nhích tay của một người đàn ông đứng thẳng nơi bánh lái, nếu lúc này có thì giờ Karl sẽ có thể nhìn ngắm chúng thật kỹ! Đây đó những vật thể nổi hình thù kỳ dị tự động trồi lên khỏi mặt biển luôn xao động, rồi tức khắc bị nước tràn lên và chìm xuống trước ánh mắt ngạc nhiên của Karl; thuyền chở đầy hành khách của những con tàu xuyên đại dương được các thủy thủ ra sức chèo vào bờ; họ ngồi yên chờ đợi, như thể họ đã như thế rồi ngay từ lúc bị nhét vào đó, tuy cũng có một số người không nhịn được, cứ quay đầu nhìn theo những cảnh trí đổi thay. Một sự chuyển dịch không ngừng, một tình trạng náo động, do thiên nhiên hiếu động truyền sang những con người bất lực cùng các công trình của họ!

Nhưng mọi thứ nhắc nhở phải gấp gáp, phải rõ ràng, phải diễn tả thật chính xác; thế mà người thợ đốt lò đang làm gì? Ông ta vừa nói vừa mướt mồ hôi, đã một hồi lâu đôi bàn tay run rẩy không còn giữ nổi những giấy tờ trải trên thành cửa sổ; những cáo buộc về Schubal từ mọi hướng ập tới ông ta, mà theo ông ta thì mỗi cáo buộc

riêng lẻ ấy đủ để chôn vùi hoàn toàn tay Schubal này, song những gì ông ta có thể trình bày với thuyền trưởng lại chỉ là một mớ hổ lốn đáng buồn của tất cả những điều ấy. Một hồi lâu rồi người đàn ông cầm gậy trúc đã vừa nhìn lên trần vừa khẽ huýt sáo; các viên chức bến cảng đã giữ viên sĩ quan ở bàn của họ và chẳng hề tỏ vẻ sẽ buông tha ông ta vào lúc nào đấy; viên chánh thủ quỹ rõ ràng không can thiệp vào, chỉ vì hắn bị sự bình thản của thuyền trưởng ngăn lại; trong tư thế đứng nghiêm gã giúp việc sẵn sàng chờ đợi mệnh lệnh của thuyền trưởng ban ra bất cứ lúc nào đối với người thợ đốt lò.

Thế là Karl không thể bàng quan được nữa. Cậu liền chậm chạp đi tới nhóm người, vừa đi vừa cân nhắc thật nhanh nên can thiệp vào câu chuyện sao cho khéo nhất. Quả thật đã đến lúc quyết định rồi, chậm chút nữa thôi là hai người hoàn toàn có thể bị tống ra khỏi phòng. Thuyền trưởng có thể là người tốt và hơn nữa đúng lúc này, theo Karl thấy, ông ta có lý do đặc biệt nào đấy để tỏ ra là một cấp trên công bằng, nhưng dẫu sao ông ta cũng không phải là một công cụ để ta muốn đập cho tơi tả thế nào cũng được - song người thợ đốt lò, tất nhiên vì lòng căm hận vô biên, lại đã cư xử với ông ta y như thế.

Thế nên Karl nói với người thợ đốt lò: “Ông phải kể gọn hơn, rõ ràng hơn, chứ như nãy giờ thì ngài thuyền trưởng không hiểu đúng được đâu. Chẳng lẽ ngài rành hết tên họ hoặc thậm chí tên thánh của mọi thợ máy và tùy phái để ngài biết được ngay người đó là ai, khi ông nêu tên? Ông hãy xếp thứ tự các điều ông khiếu nại, nói những điều quan trọng nhất đã rồi mới đến

những điều kia, như thế có thể sẽ không cần phải đề cập đến phần lớn những điều đó. Ông kể với tôi luôn rành mạch lắm mà!"

"Ở Mỹ, khi người ta có thể ăn cắp rương, thì đôi lúc ta cũng có thể nói dối được chứ," cậu lấy đó làm cớ để biện minh.

Giá mà điều cậu vừa nói giúp được việc! Hay đã quá muộn rồi? Tuy người thợ đốt lò ngừng nói lập tức, sau khi nghe giọng nói quen thuộc, nhưng ông không thể nhận ra Karl rõ ràng được nữa bằng đôi mắt bị mờ bởi những giọt lệ của danh dự người đàn ông bị nhục mạ, của những hồi tưởng khủng khiếp, của sự khốn quẫn tột cùng hiện tại. Làm sao giờ đây ông có thể đột nhiên thay đổi cách nói năng của mình, Karl lặng lẽ nhận thấy rõ điều ấy ở con người đang nín lặng này, vì dường như ông cho rằng đã trình bày hết mọi điều cần nói mà không được mảy may đồng tình, nhưng mặt khác lại như thể chưa nói gì hết thảy và bây giờ ông không thể đòi hỏi mọi người nghe lại tất cả. Và trong một thời điểm như vậy thì Karl, người duy nhất ủng hộ ông, lại còn đến, định giúp ông một lời khuyên tốt, nhưng thay vì thế lại cho ông thấy rằng mọi chuyện, mọi chuyện đã hỏng cả rồi.

"Giá mà mình can thiệp sớm hơn, thay vì ngó ra ngoài cửa sổ!" Karl tự nhủ, cúi mặt trước người thợ đốt lò và chập hai tay vào đường may nối ống quần, cho thấy rằng mọi hy vọng thế là hết.

Nhưng người thợ đốt lò hiểu nhầm, tưởng Karl có gì đấy thầm tự trách móc, nên giờ đây đỉnh cao hành động của ông, với hảo ý để cậu nói ra hết những điều ấy, là ông

lại còn gây sự với Karl nữa. Giờ đây, khi mà những người ngồi ở chiếc bàn tròn từ lâu đã phẫn nộ về sự ồn ào vô ích, quấy rầy công việc quan trọng của họ, khi mà viên chánh thủ quỹ dần dần cảm thấy sự nhẫn nại của thuyền trưởng là không hiểu được và chỉ chực lập tức nổi trận lôi đình, khi mà gã giúp việc lại hoàn toàn chịu ảnh hưởng của các cấp trên, nhìn người thợ đốt lò với ánh mắt giận dữ và khi mà cuối cùng người đàn ông với cây gậy trúc - thỉnh thoảng ông ta vẫn được thuyền trưởng nhìn thân thiện - đã hoàn toàn trở nên thờ ơ đối với người thợ đốt lò, thậm chí ác cảm, lôi ra một quyển sổ nhỏ và hết đưa mắt ngó Karl lại nhìn vào quyển sổ, hiển nhiên ông bận rộn với những chuyện gì khác hẳn.

"Tôi biết chứ," Karl vừa nói vừa vất vả chống đỡ những lời lẽ liên tu bất tận của người thợ đốt lò giờ đây trút vào cậu, song tuy tranh cãi cậu vẫn giữ được nụ cười thân thiện với ông, "ông có lý, có lý, tôi không hề nghi ngờ mà." Cậu rất muốn giữ đôi bàn tay đang vung vẩy, sợ bị đánh trúng, hơn nữa cậu còn muốn đẩy ông vào một góc phòng để thì thầm vào tai ông đôi lời trấn an mà không ai khác phải nghe. Nhưng người thợ đốt lò đã mất bình tĩnh rồi. Giờ đây Karl thậm chí còn nảy ra ý nghĩ, như một kiểu an ủi, rằng trong cơn cùng quẫn người thợ đốt lò có thể chế ngự tất cả bảy người đàn ông hiện diện bằng sức mạnh tuyệt vọng của ông. Dẫu sao một cái liếc mắt về phía chiếc bàn giấy cũng đủ thấy trên đó có một thiết bị với rất nhiều nút bấm điện và chỉ cần một bàn tay nhấn lên thôi là cả con tàu với mọi hành lang của nó, vốn đầy những con người thù địch, sẽ loạn ngay.

Lúc đó người đàn ông hết sức thờ ơ nọ cầm gậy trúc tiến lại gần Karl và hỏi, không quá lớn, nhưng đủ rõ để át tiếng la lối của người thợ đốt lò: "Cậu tên gì nhỉ?"

Ngay lúc ấy có tiếng gõ cửa, như thể ai đó đứng bên ngoài chỉ chờ ông ta thốt ra câu hỏi này. Gã giúp việc nhìn thuyền trưởng, ông ta gật đầu. Thấy thế gã liền ra mở cửa. Một người đàn ông tầm thước khoác chiếc áo cũ kiểu rất oách[1] đang đứng bên ngoài, hình dáng y trông quả thật không thích hợp với công việc máy móc, song đó lại chính là Schubal. Giả thử Karl không nhận ra đó là y, qua một sự hài lòng nào đấy biểu hiện trong ánh mắt mọi người, kể cả của thuyền trưởng, cậu cũng sẽ phải nhận thấy điều đó qua hình ảnh đã khiến cậu kinh hoàng ở người thợ đốt lò: đôi cánh tay ông ta gồng lên nắm thật chặt, như thể sự dồn sức này là điều quan trọng nhất ở ông ta, và ông ta sẵn sàng vì nó mà hy sinh tất cả mọi thứ có được trên đời. Lúc này người thợ đốt lò dồn mọi sức lực của mình vào đấy, kể cả sức lực đã giữ cho ông ta đứng thẳng được.

Hóa ra đó là kẻ thù, tự do và linh lợi trong bộ lễ phục, tay kẹp sổ kế toán, hẳn là với sổ lương và chứng chỉ lao động của người thợ đốt lò; y không ngần ngại lần lượt nhìn vào mắt từng người để xác định tâm trạng của họ. Tất cả bảy người này từng là bạn của y, và tuy vừa rồi thuyền trưởng đã phản bác y gì đấy, hoặc có lẽ chỉ làm ra vẻ thế thôi, thì sau những buồn phiền mà người thợ đốt lò đã gây cho ông ta, dường như ông ta chẳng thấy Schubal có gì đáng phàn nàn nữa. Đối xử với một kẻ như tay thợ

1. Nguyên văn "Kaiserrock": áo vét [kiểu] hoàng đế.

đốt lò thì nghiêm khắc bao nhiêu cũng không đủ và nếu Schubal có điều gì đáng khiển trách thì đó là trong thời gian qua y đã không bẻ gãy được tính ngang bướng của tay thợ đốt lò, khiến cho hôm nay hắn còn dám xuất hiện trước mặt thuyền trưởng.

Có thể ta sẽ nghĩ rằng sự đối chất giữa người thợ đốt lò và Schubal trước đám người này cũng có tác dụng không kém trước một hội nghị cao hơn, vì dù cho Schubal giỏi vờ vĩnh thì y cũng không thể vờ vĩnh đến cuối được. Sự đê tiện của y chỉ thoáng lộ ra cũng đủ để đám người này nhận thấy và Karl sẽ nỗ lực để làm cho điều ấy xảy ra. Cậu đã ngẫu nhiên biết được sự sắc sảo, nhược điểm, tính khí của từng người và như thế thì quãng thời gian trôi qua ở đây không uổng phí. Giá mà người thợ đốt lò ở trong tư thế vững mạnh hơn một tí, nhưng ông dường như hoàn toàn không có khả năng chiến đấu. Giả thử ta giữ tên Schubal trước mặt ông, hẳn ông sẽ có thể dùng nắm đấm đập vỡ cái sọ đáng ghét của y. Nhưng chỉ nguyên việc tiến vài bước tới gần y thôi, thì ông hầu như không có khả năng. Tại sao Karl lại không thấy trước cái điều dễ tiên liệu đến thế, rằng cuối cùng Schubal cũng phải tới, nếu không tự ý thì cũng do thuyền trưởng gọi? Tại sao trên đường đi tới đây cậu không bàn bạc với người thợ đốt lò một phương án đấu tranh kỹ lưỡng, thay vì như họ thật sự đã làm, đó là không chuẩn bị mà cứ đâm đầu thẳng vào nơi nào có cánh cửa? Người thợ đốt lò còn nói, còn trả lời có hoặc không được nữa chăng, như phải có trong cuộc đối chất? Song tất nhiên may mắn lắm mới có được cuộc hỏi cung chéo này. Ông đứng đó, hai chân giạng,

đầu gối hơi cong, đầu hơi ngẩng và không khí ra vào qua cái miệng há, như thể trong ngực ông không còn lá phổi nào để hấp thụ nữa.

Thế nhưng Karl cảm thấy mình khỏe và khôn ngoan, có lẽ còn hơn ở nhà. Giá mà bố mẹ cậu có thể thấy được cậu bênh vực điều phải tại một đất nước xa lạ trước những nhân vật có máu mặt và tuy chưa đưa được cuộc đấu tranh này đến thắng lợi, nhưng cậu đã hoàn toàn sẵn sàng giành chiến thắng cuối cùng! Lúc ấy bố mẹ cậu có thay đổi cái nhìn về cậu không? Họ có cho cậu ngồi giữa họ và khen ngợi cậu không? Họ có nhìn một lần, một lần thôi, vào đôi mắt đầy phục tùng của cậu không? Những câu hỏi thiếu tự tin và đặt ra hết sức không đúng lúc!

"Tôi đến, vì tôi tin rằng người thợ đốt lò cáo buộc tôi không lương thiện sao đó. Một cô trong nhà bếp bảo tôi rằng cô ấy thấy anh ta đi tới đây. Thưa thuyền trưởng cùng toàn thể quý vị, tôi sẵn sàng bác bỏ mọi cáo buộc, dựa trên sổ sách của tôi và, trong trường hợp cần thiết, qua lời khai của những nhân chứng vô tư và không bị ảnh hưởng hiện đang đứng ngoài cửa." Schubal đã nói như thế.

Tất nhiên đó là những lời lẽ rành mạch của một người đàn ông và qua sự đổi thay trên nét mặt của đám người nghe thì ta có thể sẽ nghĩ rằng lần đầu tiên, sau một thời gian dài, họ mới lại được nghe giọng nói của con người. Dĩ nhiên họ không nhận thấy rằng chính những lời lẽ hoa mỹ này cũng có lỗ hổng. Tại sao "không lương thiện" lại là từ cụ thể đầu tiên y nghĩ ra? Phải chăng có lẽ nên bắt đầu sự cáo buộc từ điều này thay vì ở sự thiên vị mang tính dân tộc của y? Một cô gái của nhà bếp thấy người thợ đốt lò tới

văn phòng và Schubal lập tức hiểu có chuyện gì ư? Không phải ý thức tội lỗi đã khiến đầu óc y nhạy bén ư? Và y đã dẫn ngay nhân chứng theo, lại còn bảo rằng họ vô tư và không bị ảnh hưởng? Bịp bợm, không gì khác hơn là bịp bợm! Quý ông đây đã cho phép và xác nhận thái độ này là đúng đắn? Tại sao từ lúc được cô gái báo y đã chờ rất lâu, rõ ràng là thế, mới đến đây? Chắc chắn không nhằm mục đích nào khác hơn là để cho người thợ đốt lò làm quý ông đây mệt mỏi đến mất dần sự xét đoán sáng suốt, điều mà Schubal đặc biệt sợ. Há không phải y, chắc chắn y đã đứng chờ từ lâu ở ngoài, chỉ gõ cửa đúng lúc ông cầm gậy trúc nọ hỏi một câu chẳng ăn nhập gì, cho phép y hy vọng rằng người thợ đốt lò đã tiêu đời?

Mọi chuyện thật sáng tỏ và đã được Schubal vô tình thể hiện ra như thế, nhưng ta phải chỉ cho quý ông đây thấy điều đó bằng cách khác, rõ ràng hơn nữa. Họ cần được làm cho tỉnh ra. Cho nên Karl cấp tốc tận dụng thời gian, ít nhất là thế, trước khi các nhân chứng xuất hiện làm hỏng hết cả!

Nhưng thuyền trưởng vừa mới phẩy tay bảo Schubal ngừng nói, y lập tức bước tránh sang bên - vì vụ việc của y có vẻ phải dời lại một lúc - và bắt đầu trò chuyện khe khẽ với gã giúp việc; gã về hùa ngay với y và trong lúc cùng không ngớt liếc về phía người thợ đốt lò và Karl, họ vung vẩy tay rất là thuyết phục. Dường như Schubal chuẩn bị cho lời phát biểu sắp tới của y như thế đấy.

"Không phải ngài định hỏi chàng trai này điều gì ư, thưa ngài Jakob?" thuyền trưởng nói với ông cầm gậy trúc trong sự im lặng chung.

"Có chứ," ông này vừa đáp vừa hơi cúi đầu cám ơn sự lưu tâm của thuyền trưởng. Rồi ông ta hỏi Karl lần nữa: "Cậu tên gì nhỉ?"

Cho rằng sẽ có lợi cho việc lớn quan trọng, nếu cậu giải quyết chóng vánh chuyện rắc rối của con người tò mò bướng bỉnh này, Karl trả lời cộc lốc, chứ không xuất trình hộ chiếu theo thói quen mà cậu sẽ phải tìm trước đó: "Karl Roßmann."

"Nhưng mà," người được gọi là Jakob nói rồi lùi lại, mỉm cười gần như không tin. Cả thuyền trưởng, chánh thủ quỹ, viên sĩ quan tàu, thậm chí gã giúp việc rõ ràng đều tỏ ra quá mức ngạc nhiên khi nghe tên họ của Karl. Chỉ hai viên chức bến cảng và Schubal vẫn giữ vẻ dửng dưng.

"Nhưng mà," ông Jakob lặp lại và bước những bước cứng nhắc tới bên Karl, "thế thì ta là bác Jakob của cậu, còn cậu là cháu yêu quý của ta. Tôi cứ ngờ ngợ suốt nãy giờ!" ông nói với thuyền trưởng, rồi mới ôm hôn Karl, còn cậu cứ lặng thinh để mọi chuyện diễn ra.

"Ngài tên gì ạ?" Karl hỏi - sau khi cảm thấy đã được buông ra - tuy rất lễ phép, nhưng không mảy may xúc động và cậu cố dự đoán những hệ quả mà sự kiện mới mẻ này có thể sẽ gây ra cho người thợ đốt lò. Tạm thời chưa có gì cho thấy Schubal có thể trục lợi từ chuyện này.

"Bạn trẻ ạ, cậu phải hiểu rằng cậu may mắn lắm đấy," thuyền trưởng nói, cho rằng câu hỏi của Karl đã xúc phạm phẩm giá của cá nhân ngài Jakob, lúc này đang đứng cạnh cửa sổ, hẳn là để những người khác khỏi trông thấy gương mặt khích động mà ngài đang chấm nhẹ bằng khăn tay.

"Người vừa xưng là bác của cậu chính là thượng nghị sĩ[1] Edward Jakob. Một tương lai xán lạn đang chào đón cậu, hẳn là trái ngược hoàn toàn với những gì cậu chờ đợi đến nay. Giờ cậu hãy cố nhận ra điều ấy và trấn tĩnh lại!"

"Tất nhiên tôi có một ông bác Jakob ở Mỹ," Karl quay qua nói với thuyền trưởng, "nhưng nếu tôi hiểu đúng thì Jakob là họ của ngài thượng nghị sĩ."

"Đúng vậy," thuyền trưởng trịnh trọng nói.

"Nhưng bác của tôi, tức là anh của mẹ tôi, tên rửa tội là Jakob, còn tất nhiên cũng phải cùng họ Bendelmayer như mẹ tôi."

"Thưa các ông!" Thượng nghị sĩ kêu lên trước lời giải thích của Karl, ông đã từ chỗ nghỉ bên cửa sổ vui vẻ quay lại. Mọi người, trừ hai viên chức bến cảng, đều ồ lên cười, một số như vì xúc động, một số khác lại khôn dò.

"Mình có nói gì nực cười đâu nào," Karl nghĩ.

"Thưa các ông," thượng nghị sĩ lặp lại, "các ông đang tham dự vào một màn kịch gia đình nho nhỏ, trái ngược với ý muốn của tôi và của các ông, và vì vậy tôi không thể tránh khỏi giải thích, vì, tôi tin thế, chỉ có ngài thuyền trưởng" - điều này đã khiến cả hai ngài cúi đầu trước nhau - "là được thông báo đầy đủ."

"Bây giờ mình phải thật sự chú ý từng lời," Karl tự nhủ và khi liếc nhìn người thợ đốt lò cậu vui mừng nhận thấy sự sống bắt đầu trở lại trên khuôn mặt ông ta.

---

1. Ở đây và một vài chỗ nữa trong ấn bản mới của Jost Schillemeit in là "Staatsrat" (ủy viên Hội đồng Nhà nước), song hầu hết là "senator" (thượng nghị sĩ) như trong ấn bản của Max Brod; người dịch dùng "thượng nghị sĩ" cho thống nhất.

"Suốt những năm tháng dài tôi lưu trú trên nước Mỹ - từ 'lưu trú' tất nhiên không thích hợp cho một công dân Mỹ với tất cả tâm hồn như tôi - suốt những năm tháng dài ấy tôi sống hoàn toàn cách trở với họ hàng của tôi ở châu Âu, vì những lý do một là không thuộc vào đây, hai nữa tôi sẽ phiền muộn rất nhiều nếu phải kể. Tôi thậm chí sợ cả giây phút mà có thể tôi buộc phải kể cho cháu trai yêu quý của tôi, mà rất tiếc tôi sẽ không tránh khỏi phải nói thẳng về bố mẹ nó và người trong gia đình họ."

"Ông là bác mình rồi, không hoài nghi gì nữa," Karl tự nhủ và lắng nghe, "chắc ông đã đổi họ."

"Nay cháu trai yêu quý của tôi bị bố mẹ nó - chúng ta cứ dùng thẳng cái từ diễn tả đúng sự kiện - tống cổ, giống như ta tống cổ con mèo ra khỏi cửa, khi nó làm phiền. Tôi hoàn toàn không muốn che đậy cho việc cháu tôi đã làm, khiến nó bị trừng phạt như vậy - che đậy không phải là kiểu của người Mỹ[1] - nhưng lỗi lầm của nó thuộc loại mà chỉ nêu tên ra thôi cũng đủ hàm chứa lời xin lỗi rồi."

"Bác nói nghe được quá," Karl thầm nghĩ, "song mình không muốn bác kể ra hết. Với lại bác cũng không thể biết hết được. Từ đâu chứ? Nhưng rồi mình sẽ thấy bác có thật sự biết hết không."

"Chẳng qua là cháu tôi," ông bác nói tiếp và hơi cúi người, tì lên cây gậy trúc đang chống trước mặt và qua đó ông quả thật đã làm cho sự vụ mất đi vẻ trịnh trọng không cần thiết, mà bình thường nhất định sẽ có, "chẳng qua nó bị một ả giúp việc tên Johanna Brummer, chừng ba

1. Câu này bị sót trong ấn bản của Max Brod.

mươi lăm tuổi, dụ dỗ. Tôi hoàn toàn không muốn làm tổn thương cháu tôi với từ 'dụ dỗ', nhưng thật khó tìm ngay được một từ khác thích hợp."

Karl, bấy giờ đã đến khá gần ông bác, quay lại để suy đoán ấn tượng mà câu chuyện đã để lại trên nét mặt những người hiện diện. Không một ai cười, mà mọi người đều kiên nhẫn và nghiêm trang lắng nghe. Vả chăng đâu ai nỡ cười cháu trai của một thượng nghị sĩ ngay khi có dịp. Tối đa người ta có thể nói rằng người thợ đốt lò đã mỉm cười với Karl, dù chỉ chút ít, nhưng một là điều này đáng mừng vì nó là dấu hiệu mới của sự sống nơi ông ta, hai là thông cảm được, vì khi ở trong buồng của ông ta Karl đã muốn giấu nhẹm câu chuyện mà giờ đây đã trở thành công khai.

"Nay ả Brummer này," bác cậu nói tiếp, "có với cháu tôi một đứa con, một thằng nhỏ khỏe mạnh, được đặt tên rửa tội là Jakob, hiển nhiên để tưởng nhớ đến kẻ hèn này, người hẳn đã để lại nơi cô gái một ấn tượng lớn, dù chắc chắn cháu tôi chỉ đề cập phớt qua về tôi thôi. May mắn thay, tôi tự nhủ. Vì bố mẹ nó trốn tránh việc trả tiền nuôi thằng nhỏ hoặc tai tiếng nào khác lan tới chính họ - tôi phải nhấn mạnh rằng tôi không biết luật lệ ở đó cùng những hoàn cảnh khác của bố mẹ nó, tôi chỉ biết qua hai bức thư xin xỏ của họ ngày trước, mà tôi tuy không hồi âm nhưng vẫn giữ và chúng là sự liên lạc thư từ duy nhất, hơn nữa lại đơn phương, với họ suốt từ đó đến nay[1] - nghĩa là để tránh việc trả tiền nuôi thằng nhỏ và tai tiếng nên họ

---

1. Bản của Max Brod thiếu đoạn "tôi chỉ biết qua hai bức thư... từ đó đến nay".

đã cho con trai họ, cháu trai yêu quý của tôi, đáp tàu qua Mỹ, họ đã vô trách nhiệm trang bị không đầy đủ cho nó, thành ra như ta thấy - nếu ta không tính đến những dấu hiệu sinh động của những kẻ làm ăn phất và những phép mầu[1] hiện vẫn còn thấy ở Mỹ - thì thằng bé này, một thân một mình, hẳn sẽ bỏ xác lập tức tại một con hẻm nào đấy ở bến cảng New York, nếu ả giúp việc nọ không cho tôi biết tất cả câu chuyện cũng như mô tả diện mạo cháu tôi và khôn ngoan kể ra cả tên chiếc tàu thủy trong một bức thư mà vòng vo mãi hôm qua mới đến tay tôi. Nếu tôi có ý định giúp quý vị tiêu khiển thì tôi có thể đọc vài đoạn của bức thư này" - ông rút từ túi áo hai tờ thư lớn chi chít chữ và phe phẩy - "ở đây. Chắc chắn quý vị sẽ mủi lòng, vì nó được viết khá chất phác, tuy luôn ranh mãnh nhưng với hảo ý và nhiều tình thương yêu dành cho bố đứa bé. Nhưng tôi không muốn giúp quý vị tiêu khiển nhiều hơn cần thiết để quý vị được sáng tỏ, cũng không muốn làm tổn thương những tình cảm còn lại của cháu tôi đối với cô gái, khi đón nhận thư này. Nếu muốn, nó có thể đọc thư để học hỏi trong sự yên tĩnh của căn phòng riêng đang chờ đợi nó."

Nhưng Karl đâu có cảm tình nào cho cô gái. Trong những hình ảnh chen chúc của một quá khứ càng lúc càng lùi xa có hình ảnh cô ngồi trong bếp, bên cạnh cái chạn, hai khuỷu tay tì lên mặt chạn. Cô nhìn Karl, khi thỉnh thoảng cậu vào bếp lấy một ly nước cho bố cậu hoặc làm một việc gì đấy cho mẹ cậu. Đôi khi cô ngồi một bên chạn

---

1. Ý nói những kẻ có tài hoặc gặp may, chẳng hạn... từ rửa bát trở thành triệu phú!

viết thư trong tư thế vặn vẹo và tìm cảm hứng từ khuôn mặt Karl. Đôi lúc cô lấy tay che mắt, thì chẳng lời chào hỏi nào lọt tới cô được. Đôi khi cô quỳ trong căn buồng chật hẹp của mình cạnh nhà bếp và cầu nguyện trước một thập giá gỗ; lúc ấy Karl rụt rè quan sát cô qua khe cửa mở hé khi đi ngang qua. Đôi khi cô lùng sục quanh nhà bếp và giật mình vừa lùi vừa cười như mụ phù thủy, khi vướng phải Karl. Đôi khi cô khóa cửa bếp lúc Karl bước vào và giữ nắm đấm cửa mãi cho đến lúc cậu đòi ra. Đôi khi cô lấy những thứ cậu hoàn toàn không muốn và lặng lẽ ấn vào tay cậu. Nhưng một lần cô đã gọi "anh Karl" và thở dài cau mặt dẫn cậu, còn đang kinh ngạc về cách xưng hô bất ngờ này, vào buồng mình rồi khóa lại. Cô ôm chặt cổ cậu và trong lúc cô yêu cầu cậu cởi quần áo cô thì thật ra chính cô đã cởi quần áo cậu và kéo cậu lên giường, như thể từ nay cô không buông cậu cho ai nữa cả, cô sẽ vuốt ve và săn sóc cậu đến ngày tận thế. "Karl, ơi anh Karl của em!" cô kêu lên, như thể cô trông thấy được cậu và khẳng định cậu là sở hữu của mình, trong khi cậu chẳng nhìn thấy tí gì và cảm thấy không thoải mái trong đống chăn nệm quá nóng mà dường như được cô chất đống cho riêng cậu. Rồi cô cũng nằm xuống với cậu và muốn biết từ cậu những bí mật nào đấy, nhưng cậu chẳng biết nói gì với cô và cô nổi nóng, vừa đùa vừa thật, lay mạnh cậu, nghe tiếng tim cậu đập, chìa ngực cô cho cậu nghe nữa, nhưng Karl không chịu, cô áp bụng trần truồng vào thân thể cậu, tay lần mò giữa hai đùi cậu, ghê tởm đến nỗi đầu và cổ Karl vật vã khỏi gối, rồi cô thúc bụng vài lần vào cậu - cậu cảm thấy như cô là một phần của bản thân cậu

và có lẽ chính vì thế mà một sự khốn khổ ghê gớm đã đè nén cậu. Cuối cùng cậu khóc lóc về lại giường mình, sau khi nghe cô thốt ra bao lời ước mong gặp lại. Tất cả chỉ có vậy thôi, thế mà ông bác đã biết thêu dệt thành cả một câu chuyện. Tức là cô bếp cũng đã nghĩ đến cậu và báo cho ông bác về việc cậu đến. Cô đã cư xử đẹp và hẳn là sẽ có lần cậu đền ơn.

"Và bây giờ," thượng nghị sĩ kêu lên, "ta muốn nghe cháu nói công khai rằng ta có phải là bác của cháu hay không."

"Bác là bác của cháu," Karl nói và hôn tay ông và được ông hôn lại lên trán. "Cháu rất mừng đã gặp bác, nhưng bác nhầm rồi nếu cho rằng bố mẹ cháu chỉ nói xấu về bác. Ngoài điều đó ra thì trong những lời bác vừa nói cũng có vài chi tiết không đúng, có nghĩa là cháu nghĩ rằng chúng không diễn ra thật như vậy. Nhưng mà quả tình từ nơi xa xôi này bác cũng không thể xét đoán vụ việc thật đúng được; ngoài ra cháu cho rằng nếu quý vị đây được thông báo hơi thiếu chính xác về chi tiết những vụ việc mà họ thật ra không quan tâm nhiều thì cũng chẳng hại gì đặc biệt."

"Cháu nói hay lắm," thượng nghị sĩ nói, dẫn Karl tới trước thuyền trưởng, ông ta tỏ rõ sự đồng cảm, và hỏi: "Không phải tôi có một đứa cháu tuyệt vời sao?"

"Thưa ngài thượng nghị sĩ," thuyền trưởng vừa nói vừa cúi đầu như chỉ thấy ở những người được đào tạo về quân sự, "tôi sung sướng được quen biết cháu của ngài. Thật là một vinh dự đặc biệt cho tàu của tôi, được chọn làm nơi diễn ra một cuộc gặp gỡ như thế này. Nhưng

chuyến đi ở boong giữa hẳn là rất mỏi mệt, làm sao chúng tôi có thể biết được ở đó có ai. Chẳng hạn có lần người con trai cả của nhà đại tài phiệt Hungary đã đi vé boong giữa trên tàu của chúng tôi; tôi không nhớ tên và lý do nào đã khiến anh ta chọn loại vé rẻ nhất. Mãi về sau tôi mới được biết chuyện này mà. Chúng tôi đã làm tất cả những gì có thể làm, nhiều hơn các đường tàu Mỹ chẳng hạn, để hành khách ở boong giữa đỡ vất vả nhất, nhưng làm cho một chuyến đi như thế trở thành một cuộc tiêu khiển thì tất nhiên chúng tôi mãi vẫn chưa đạt được."

"Cháu không bị thiệt hại gì cả," Karl nói.

"Nó không bị thiệt hại gì!" thượng nghị sĩ cả cười lặp lại.

"Chỉ có cái rương thì cháu e đã bị mất," và thế là Karl nhớ lại mọi chuyện đã xảy ra cùng những gì còn phải làm, cậu nhìn quanh và nhận thấy mọi người hiện diện đứng nguyên tại chỗ, đưa mắt nhìn cậu, không nói một lời vì kính nể và sửng sốt. Chỉ những viên chức bến cảng tỏ ra hối tiếc - như bộ mặt nghiêm nghị và tự mãn của họ cho thấy - đã đến đây không hợp lúc như thế và với họ thì cái đồng hồ bỏ túi mà giờ đây họ đặt lên bàn có vẻ quan trọng hơn mọi chuyện đã diễn ra và có thể còn xảy ra trong phòng.

Người đầu tiên ngỏ lời chúc mừng, sau thuyền trưởng, lạ lùng thay là người thợ đốt lò. "Tôi thành tâm chúc mừng cậu," ông nói và bắt tay Karl, bằng cách đó ông cũng muốn nói lên gì đấy như sự cảm kích. Rồi khi ông quay qua thượng nghị sĩ định nói cũng những lời ấy thì thượng nghị sĩ lùi lại, như thể người thợ đốt lò đã vượt

quá quyền hạn của mình; người thợ đốt lò liền lập tức ngừng lại. Nhưng những người khác thấy ngay phải làm gì, đã rối rít quây quanh Karl và thượng nghị sĩ. Thành thử Karl thậm chí đã nhận và cám ơn lời chúc mừng của Schubal. Khi đã yên lặng trở lại, các viên chức bến cảng cũng nhập cuộc như những người cuối cùng và nói hai từ tiếng Anh, tạo một ấn tượng lố bịch.

Để tận hưởng sự thích thú, thượng nghị sĩ rất muốn kể lại cho chính mình và những người khác những yếu tố không mấy quan trọng, việc này tất nhiên không những được mọi người chấp nhận mà còn quan tâm lắng nghe. Chẳng hạn ông lưu ý mọi người rằng ông đã ghi những dấu hiệu nhận dạng nổi bật nhất của Karl được nêu trong bức thư của cô bếp vào sổ tay của ông để có thể sử dụng ngay khi cần. Suốt lúc người thợ đốt lò nói tào lao đến không chịu nổi, ông đã lôi sổ tay ra không nhằm mục đích gì khác hơn là để nghĩ tới chuyện khác và, như một trò chơi, liên hệ những quan sát dĩ nhiên không hẳn vào hàng trinh thám của cô đầu bếp với diện mạo Karl. "Và tôi tìm được cháu tôi như thế đấy!" ông kết thúc với giọng điệu như thể muốn được chúc mừng lần nữa.

"Chuyện gì sẽ xảy đến với người thợ đốt lò bây giờ ạ?" Karl hỏi sau khi ông bác thôi kể. Cậu cho rằng ở vị trí mới này của mình, cậu có thể nói ra mọi điều mình nghĩ.

"Người thợ đốt lò sẽ nhận được cái y đáng được nhận," thượng nghị sĩ nói, "và ngài thuyền trưởng xét thấy là đúng. Bác nghĩ rằng chúng ta đã chán, quá chán người thợ đốt lò rồi và chắc chắn mỗi người hiện diện ở đây đều sẽ đồng ý với bác về điều này."

"Một vấn đề về công bằng không tùy thuộc vào đấy , "Karl nói. Cậu đứng giữa ông bác và thuyền trưởng và, có lẽ bị vị trí này ảnh hưởng, tin rằng mình nắm quyết định trong tay.

Tuy nhiên người thợ đốt lò dường như chẳng hy vọng gì cho mình nữa. Hai tay ông thọc hờ vào thắt lưng quần, những cử động bồn chồn của ông làm nó lộ ra cùng với một vạt áo sơ mi in hoa văn. Ông chẳng mảy may quan tâm; ông đã khiếu nại hết nỗi khốn khổ của mình, bây giờ người ta cứ việc thấy nốt mấy miếng giẻ rách ông mang trên người và rồi cứ việc khiêng ông đi ra. Ông trù tính rằng gã giúp việc và Schubal, hai kẻ cấp thấp nhất ở đây, sẽ làm cho ông điều tử tế cuối cùng này. Rồi Schubal sẽ được yên thân, không còn bị ông làm cho tuyệt vọng nữa, như viên chánh thủ quỹ đã diễn tả. Thuyền trưởng sẽ có thể tuyển toàn người Rumani, chỗ nào cũng nói tiếng Rumani và rồi có thể mọi chuyện sẽ thật sự tốt đẹp hơn. Không còn người thợ đốt lò nào tán gẫu ở quầy thu ngân chính nữa, chỉ lần nói chuyện tào lao cuối cùng này của ông có lẽ sẽ được người ta thân ái ghi nhớ, vì, như thượng nghị sĩ đã nhấn mạnh, nó là lý do gián tiếp đã khiến ngài nhận ra được cháu trai. Dẫu sao người cháu này trước đó đã thường cố giúp ích cho ông và đã cám ơn ông nhiều hơn công lao của ông trong việc họ nhận ra nhau, thành thử giờ đây người thợ đốt lò thấy không nên đòi hỏi thêm gì nữa ở cậu. Với lại, tuy cậu là cháu của thượng nghị sĩ, song còn lâu cậu mới là thuyền trưởng mà cuối cùng thì lời nói độc địa sẽ thốt ra từ miệng thuyền trưởng. Nghĩ thế nên người thợ đốt lò cũng cố không nhìn về phía Karl,

nhưng tiếc thay trong căn phòng của những kẻ thù này không còn chỗ nào khác yên ổn cho đôi mắt của ông.

"Cháu đừng hiểu nhầm tình hình," thượng nghị sĩ bảo Karl, "có thể đây là một vấn đề của sự công bằng, nhưng đồng thời cũng là vấn đề của kỷ luật. Ở đây, cả hai vấn đề và nhất là vấn đề sau phụ thuộc vào sự phán xét của ngài thuyền trưởng."

"Đúng thế," người thợ đốt lò lẩm bẩm. Ai nghe thấy và hiểu vấn đề đều mỉm cười kinh ngạc.

"Với lại chúng ta đã cản trở ngài thuyền trưởng quá nhiều trong công việc của ngài rồi; cập bến New York thì công việc chắc chắn lại càng chồng chất không tin nổi, thành ra đã đến lúc chúng ta rời tàu, để tránh can thiệp hết sức không cần thiết khiến cho cuộc cãi cọ vặt vãnh giữa hai thợ máy trở thành một sự kiện lớn. Bác hoàn toàn hiểu cách cư xử của cháu, cháu yêu quý ạ, nhưng chính điều đó cho bác quyền gấp rút dẫn cháu ra khỏi đây."

"Tôi sẽ lập tức ra lệnh hạ một chiếc thuyền xuống cho ngài," thuyền trưởng nói, không mảy may phản bác lời lẽ của ông bác, khiến Karl ngạc nhiên, vì rõ ràng những lời lẽ đó có thể bị coi là một sự hạ mình của ông bác. Viên chánh thủ quỹ hấp tấp chạy lại bàn giấy, dùng điện thoại truyền lệnh của thuyền trưởng tới người phụ trách xuồng.

"Cấp bách lắm rồi," Karl nhủ thầm, "nhưng mình không thể làm gì mà không xúc phạm mọi người. Giờ đây mình đâu thể rời bỏ bác, khi bác vừa mới tìm được mình. Thuyền trưởng tuy lịch sự, nhưng cũng chỉ đến thế thôi. Đụng tới kỷ luật thì ông cũng hết lịch sự và chắc chắn bác mình đã nói ra chính cái điều thuyền trưởng nghĩ. Mình

không muốn nói chuyện với Schubal, thậm chí mình rất tiếc đã bắt tay y. Còn những người khác chẳng quan trọng."

Rồi cậu vừa nghĩ ngợi vừa chậm chạp đi tới người thợ đốt lò, kéo bàn tay phải của ông ta ra khỏi thắt lưng và giữ nó dễ dàng trong tay mình.

"Sao chú[1] không nói gì cả?" cậu hỏi. "Sao chú lại chịu để những chuyện ấy xảy ra với chú?"

Người thợ đốt lò chỉ nhăn trán, như tìm từ để diễn tả điều mình muốn nói. Và ông nhìn xuống bàn tay Karl cùng bàn tay mình.

"Không ai trên tàu bị đối xử bất công như chú, cháu biết rõ điều đó." Và Karl đẩy tới đẩy lui những ngón tay mình giữa những ngón tay của người thợ đốt lò; ông nhìn quanh với đôi mắt long lanh, như hoan hỉ mà không ai có thể bực mình ông về điều ấy.

"Chú phải chống lại chứ, phải nói có hoặc không, kẻo người ta không thể biết được sự thật. Chú phải hứa sẽ nghe lời cháu, vì cháu e rằng sẽ hoàn toàn không thể giúp chú được nữa, vì nhiều lý do." Và Karl bật khóc trong lúc hôn bàn tay người thợ đốt lò và áp bàn tay nứt nẻ, gần như bất động ấy lên hai má mình như một bảo vật mà cậu phải từ bỏ. Nhưng rồi ông bác thượng nghị sĩ đã đến bên cậu và kéo cậu đi, tuy là ép buộc, nhưng rất nhẹ nhàng.

"Người thợ đốt lò có vẻ đã bỏ bùa cháu rồi," ông nói và cảm thông nhìn trên đầu Karl về phía thuyền trưởng.

---

1. Karl đã đổi cách gọi người thợ đốt lò bằng đại danh từ "Sie" (ông/chú) khách sáo, xa lạ bằng "Du" (ông/chú/anh) thân mật.

"Cháu đã cảm thấy bị bỏ rơi, lúc ấy cháu gặp được người thợ đốt lò và bây giờ cháu biết ơn hắn, điều ấy rất đáng khen. Nhưng hãy vì bác mà đừng đi quá đà và hãy học để hiểu vị trí của cháu."

Ngoài cửa huyên náo tiếng la ó, thậm chí như ai đó bị xô mạnh vào cửa. Một thủy thủ bước vào, áo xống lôi thôi, khoác tấm tạp dề của phụ nữ. "Ngoài kia có nhiều người," y kêu lên và huých cùi chỏ lung tung, như thể vẫn còn ở giữa đám đông đang chen lấn. Cuối cùng lúc đã hoàn hồn và định đứng nghiêm chào thuyền trưởng, y nhận ra tấm tạp dề, liền giật quăng xuống sàn và kêu: "Thật là kinh tởm, họ đã buộc tấm tạp dề phụ nữ vào người tôi." Rồi y chập mạnh hai gót giày, chào đúng nghi thức. Ai đó cố cười, nhưng thuyền trưởng đã nghiêm khắc nói: "Họ vui vẻ thật thôi. Ai ở ngoài đó vậy?"

"Các nhân chứng của tôi đấy ạ," Schubal bước tới trước nói, "tôi cung kính xin lỗi về thái độ không thích đáng của họ. Khi mọi người kết thúc chuyến đi, đôi khi họ như điên dại."

"Ông gọi họ vào đây lập tức!" thuyền trưởng ra lệnh và quay ngay qua nói với thượng nghị sĩ, niềm nở nhưng nhanh: "Thưa ngài thượng nghị sĩ kính mến, xin ngài vui lòng cùng với cậu cháu của ngài đi theo người thủy thủ này, anh ta sẽ đưa quý vị xuống thuyền. Tôi không cần phải nói rằng tôi vui sướng và vinh dự nhường nào được quen biết trực tiếp ngài thượng nghị sĩ. Tôi chỉ ước ao, thưa ngài thượng nghị sĩ, chúng ta sớm có dịp nối lại cuộc đàm luận dang dở về tình trạng của các hạm đội Mỹ, lúc đó có thể nó sẽ lại bị gián đoạn theo cách thoải mái như hôm nay."

"Với tôi thì một người cháu này tạm thời đủ rồi," ông bác cười nói. "Và bây giờ xin ngài nhận lời cám ơn chân thành nhất của tôi về sự tử tế của ngài và tạm biệt ngài. Vả lại hoàn toàn không phải không có khả năng" - ông âu yếm kéo Karl sát vào người - "rằng chúng tôi có thể lại gặp ngài lâu dài hơn trong chuyến du lịch châu Âu sắp tới của chúng tôi."

"Tôi sẽ rất vui mừng," thuyền trưởng nói. Hai người đàn ông bắt tay nhau, Karl chỉ còn có thể im lặng và chìa tay vội vã cho thuyền trưởng, vì ông ta đã bận rộn với khoảng mười lăm người; dưới sự hướng dẫn của Schubal họ lúng túng bước vào, nhưng vẫn rất ồn ào. Người thủy thủ xin phép thượng nghị sĩ đi trước dẫn đường, anh ta rẽ đám người cho ông và Karl, hai bác cháu dễ dàng đi qua đám đông đứng cúi đầu. Dường như đám người thật thà này cho rằng cuộc cãi cọ giữa Schubal với người thợ đốt lò là một trò đùa khôi hài, tới trước thuyền trưởng vẫn không chịu chấm dứt. Karl nhận thấy trong số đó có cả Line, cô gái trong nhà bếp, cô nàng vừa nháy mắt vui vẻ với cậu vừa đeo tấm tạp dề người thủy thủ đã quăng đi, vì nó là của cô.

Tiếp tục đi theo người thủy thủ, hai bác cháu rời văn phòng, ngoặt vào một hành lang nhỏ, sau vài bước tới một cửa con, từ đây theo một cầu thang ngắn xuống chiếc thuyền đã được chuẩn bị cho họ. Đoàn thủy thủ trong thuyền đứng cả dậy và chào theo nghi thức khi trưởng đoàn của họ nhảy một bước xuống thuyền. Thượng nghị sĩ đang nhắc nhở Karl cẩn thận khi leo xuống thì cậu đã bật khóc nức nở ngay khi còn ở bậc thang trên cùng. Tay

phải thượng nghị sĩ đỡ cằm Karl, kéo sát cậu vào người, còn tay trái vuốt ve. Cứ như thế họ từ từ xuống từng bậc và ôm sát nhau bước vào thuyền, ở đó thượng nghị sĩ tìm cho Karl một chỗ ngồi tốt ngay trước mặt ông. Được thượng nghị sĩ ra hiệu, các thủy thủ đẩy thuyền ra khỏi tàu và lập tức ra sức chèo. Mới rời tàu được vài mét, Karl tình cờ phát hiện họ đang ở phía mạn tàu mà những cửa sổ của phòng thu ngân chính nhìn ra. Cả ba cửa sổ đều đầy những người chứng của Schubal, họ vui vẻ vẫy tay chào, thậm chí bác cậu cũng cảm tạ họ và một thủy thủ đã biểu diễn tiết mục xòe tay gửi lên đó một nụ hôn gió, trong khi vẫn không ngừng nhịp nhàng chèo. Quả thật cứ như thể không còn người thợ đốt lò nữa. Karl chăm chú nhìn ông bác, hai đầu gối ông gần chạm đầu gối cậu, và ngờ rằng người đàn ông này lúc nào đấy có thể thay thế được hình ảnh người thợ đốt lò trong lòng cậu. Ông bác cũng tránh ánh mắt cậu và nhìn vào những con sóng đang làm thuyền tròng trành.

2

Ông bác

Karl nhanh chóng quen với hoàn cảnh mới ở nhà ông bác. Ông vui vẻ đáp ứng mọi nguyện vọng của cậu, dù nhỏ nhặt và Karl không hề phải trải qua những kinh nghiệm cay đắng như phần đông những người bắt đầu cuộc đời mới ở nước ngoài.

Phòng của Karl ở trên tầng sáu một tòa nhà mà năm tầng dưới với ba tầng hầm nữa được dùng cho công việc kinh doanh của ông bác. Nắng tràn vào phòng cậu qua hai cửa sổ và cửa ban công khiến Karl không ngớt sửng sốt, khi cậu từ căn phòng ngủ nhỏ bước ra đây vào buổi sáng. Lẽ ra Karl sẽ phải cư ngụ ở đâu, nếu cậu lên bờ như một gã nhập cư nhỏ bé, nghèo hèn? Phải, lúc ấy thậm chí có thể người ta không cho cậu vào Mỹ - điều này thì ông bác, theo hiểu biết của ông về Luật nhập cư, cho rằng rất có khả năng - mà tống cậu về nhà, chẳng cần quan tâm rằng cậu không còn quê hương nữa. Vì ở đây ta không được trông chờ vào lòng trắc ẩn và những gì Karl đã đọc về nước Mỹ trên khía cạnh này là hoàn toàn đúng; ở đây dường như chỉ những người may mắn

mới thật sự hưởng hạnh phúc giữa những khuôn mặt vô ưu chung quanh họ.

Một ban công hẹp chạy suốt chiều dài căn phòng. Nếu ở thành phố quê hương Karl một chỗ như thế này sẽ là điểm quan sát cao nhất thì ở đây nó chỉ cho thấy bao quát không quá một con đường chạy giữa hai dãy nhà phân chia một cách cứng nhắc; con đường thẳng tắp nên trông như thể bay tới chốn xa, nơi hình dáng một ngôi thánh đường khổng lồ vươn lên từ màn sương mù nặng trĩu. Sáng cũng như tối, và luôn cả trong những giấc mơ của cậu vào ban đêm, sự đi lại trên con đường này luôn không ngừng hối hả, nhìn từ trên cao như một sự hòa trộn bừa bãi và không ngừng đổi mới của những hình người dị dạng và những nóc xe cộ đủ kiểu, rồi từ đó lại nổi lên một hòa trộn mới, cuồng loạn gấp bội lần, của tiếng ồn ào, bụi bặm và các loại mùi, mọi thứ này được bao trùm và xuyên suốt bởi một ánh sáng mãnh liệt, không ngừng vung vãi khỏi khối vật thể, bị cuốn đi và được hăm hở mang trở lại, hiển hiện rõ ràng trước con mắt của kẻ mê mẩn nó, như thể con đường này được phủ một tấm kính và mỗi khoảnh khắc tấm kính này lại bị một sức mạnh gớm ghê đập nát vụn.

Vốn là người thận trọng trong mọi chuyện, ông bác khuyên Karl nên tạm thời chớ can dự vào việc gì một cách nghiêm túc. Cậu nên xem xét và quan sát mọi thứ, nhưng đừng để bị cuốn vào. Những ngày đầu tiên của một người Âu ở Mỹ có thể so sánh với một sự sinh nở, tuy ở đây ta thích nghi nhanh hơn so với khi từ thế giới bên kia bước vào thế giới loài người, nói thế để Karl khỏi sợ hãi không

cần thiết, ta phải nhớ rằng ấn tượng ban đầu bao giờ cũng không có nền tảng vững chắc và có lẽ không nên để nó làm xáo lộn mọi nhận định trong tương lai, những nhận định sẽ giúp ta tiếp tục cuộc sống của mình ở đây. Chính ông đã quen biết những người mới đến, thay vì hành xử theo những nguyên tắc này thì họ lại đứng suốt ngày ở ban công nhìn xuống đường như những con chiên lạc đàn, ví dụ thế. Nhất định sẽ quẫn trí! Đối với người đến đây du lịch giải trí thì sự ăn không ngồi rồi đơn độc, sự ngắm nhìn ấy của họ vào một ngày làm việc cần cù của New York là chấp nhận được và có thể khuyến khích, tuy cần dè dặt, nhưng với một người sẽ ở lại đây thì đó là một tai họa, ta có thể không ngại dùng từ này, dù quá đáng. Và quả thật ông bác nhăn mặt khó chịu, khi thấy Karl ở ban công vào một trong những lần ông đến thăm, luôn chỉ một lần mỗi ngày và luôn vào những giờ giấc khác nhau. Karl sớm nhận thấy điều ấy nên đã cố từ bỏ thú vui đứng ở ban công, như có thể.

Đó quả thật không phải là thú tiêu khiển duy nhất của cậu. Trong phòng cậu có một chiếc bàn viết kiểu Mỹ thứ oách nhất, loại mà bố cậu đã ước ao suốt nhiều năm và cố công tìm mua ở nhiều cuộc bán đấu giá với một cái giá rẻ vừa túi tiền, nhưng không được vì tài chính của ông eo hẹp. Tất nhiên những cái bàn được cho là của Mỹ phiêu bạt tại các cuộc bán đấu giá ở châu Âu không so sánh được với chiếc bàn này. Chẳng hạn phần lắp ghép phía trên của nó có cả trăm ngăn kích thước khác nhau và ngay cả tổng thống Liên bang cũng có thể tìm cho mỗi tập hồ sơ của mình một ngăn thích hợp; ngoài ra bên cạnh còn

gắn một thiết bị điều chỉnh, bằng cách quay cái tay quay ta sẽ có được những cách sắp xếp và trật tự khác nhau của các ngăn này theo ý muốn và nhu cầu. Những tấm vách mỏng ở bên cạnh hạ xuống từ từ thành đáy hoặc nâng lên thành nắp của những ngăn mới; chỉ cần quay một vòng là phần lắp ghép này trông đã khác hẳn và tùy theo cách ta quay mà mọi thứ diễn ra từ từ hay nhanh kinh khủng. Đó là một sáng chế mới nhất, song đã khiến Karl nhớ rành mạch đến những hoạt cảnh Chúa ra đời mà người ta cho lũ trẻ sửng sốt xem ở chợ Giáng sinh tại quê nhà; Karl cũng đã thường đứng trước hoạt cảnh đó, bó chặt trong quần áo mùa đông và không ngừng so sánh việc quay tay quay do một ông già thực hiện với những tác động trong hoạt cảnh: cảnh ba vua[1] ngập ngừng đi tới, ngôi sao tỏa sáng và cuộc sống tù túng trong chuồng gia súc thiêng liêng. Karl luôn có cảm tưởng rằng mẹ, đang đứng sau lưng cậu, không đủ chăm chú theo dõi kỹ mọi sự kiện; cậu đã kéo mẹ sát lại cho đến khi cảm thấy bà chạm lưng mình và lớn tiếng chỉ cho mẹ những cảnh tượng bị che khuất, đó có thể là một con thỏ lúc thì đứng trên hai chân sau trong đám cỏ, lúc lại trong tư thế tiếp tục chạy, cho đến khi mẹ bịt miệng cậu và có lẽ bà lại rơi vào sự lơ đãng như trước. Tất nhiên cái bàn không được làm ra chỉ để cậu nhớ đến những chuyện đó, nhưng trong lịch sử của những

---

1. Tân ước (Matthew 2.1), đã viết rằng khi Chúa giáng sinh, một ngôi sao sáng đã xuất hiện dẫn đường cho mấy *nhà chiêm tinh* từ phương Đông mang lễ vật tới ra mắt Ngài.
- Tuy nhiên, theo các nhà chú giải Kinh Thánh, dựa trên nhiều mối liên hệ mà dân gian đã gọi họ là "các vua" và cho rằng họ có ba người.

sáng tạo hẳn cũng có một mối liên hệ mơ hồ tương tự như trong những kỷ niệm của Karl. Ngược với Karl, bác cậu hoàn toàn không ưng cái bàn này, đúng ra ông chỉ muốn mua cho cậu một bàn viết đàng hoàng, song hiện nay mọi bàn viết đều gắn thiết bị mới này, ưu điểm của nó là có thể gắn vào những bàn viết cũ mà không tốn kém nhiều. Dẫu sao ông bác cũng không quên nhắn nhủ Karl hết sức tránh dùng bộ phận điều chỉnh; để nhấn mạnh thêm lời khuyên nhủ này, ông bảo rằng cách cấu tạo của nó rất dễ hỏng và việc khôi phục rất tốn kém. Thật không khó nhận thấy rằng những nhắc nhở này chỉ là những lời nói quanh, vì đúng ra bộ phận điều chỉnh này rất dễ gắn cố định để không sử dụng được nữa, chẳng qua ông không muốn làm đấy thôi.

Trong những ngày đầu, khi mà đương nhiên Karl và ông bác trò chuyện với nhau thường xuyên hơn, Karl cũng đã kể ở nhà cậu rất thích chơi đàn piano, tuy ít thôi, tất nhiên chỉ có thể với những kiến thức vỡ lòng đã được mẹ cậu dạy cho. Karl hiểu rõ rằng kể như thế đồng thời có nghĩa là xin một chiếc piano, nhưng cậu đã quan sát đủ để biết rằng bác cậu hoàn toàn không cần phải tiết kiệm. Tuy nhiên, lời yêu cầu này không được đáp ứng ngay, mà khoảng tám gày sau ông bác mới nói, gần như là miễn cưỡng thú nhận, rằng chiếc piano vừa mới đến nơi và nếu Karl muốn, cậu có thể giám sát việc chuyên chở. Việc giám sát này tất nhiên dễ dàng, nhưng không dễ dàng hơn chính việc chuyên chở bao nhiêu, vì trong nhà có một thang máy riêng để chở đồ đạc, đủ chỗ cho cả một xe hàng mà không cần chen lấn và chiếc piano sẽ

được đưa lên phòng Karl trong thang máy này. Tuy Karl có thể đi cùng thang máy đó với chiếc đàn và những thợ khuân vác, nhưng vì ngay bên cạnh có chiếc thang máy chở người nên Karl đi với nó, rồi dùng một cần điều khiển giữ nó luôn ngang tầm với thang máy kia và cậu dán mắt quan sát qua những vách kính cái nhạc cụ xinh đẹp giờ đây là sở hữu của mình. Khi đã có đàn trong phòng và gõ những thanh âm đầu tiên, Karl sướng mê tơi đến độ đã nhảy cẫng lên rồi áp tay lên hông, thích thú đứng xa xa ngẩn ngơ ngắm nghía nó, thay vì tiếp tục chơi. Cả độ âm vang của căn phòng cũng tuyệt vời và góp phần làm cho sự không thoải mái nho nhỏ ban đầu của cậu, đó là sống trong một ngôi nhà sắt, biến mất hoàn toàn. Dù bên ngoài ngôi nhà trông có vẻ sắt thép đến đâu, nhưng trong phòng quả thật hoàn toàn không thấy một chi tiết xây dựng bằng sắt thép nào và không ai chỉ ra được, dù chỉ một chi tiết, trong các đồ đạc có thể làm xáo lộn sự hoàn toàn ấm cúng. Trong thời gian đầu Karl kỳ vọng nhiều ở việc chơi piano và không ngượng ngùng, ít nhất trước khi thiếp đi, nghĩ tới khả năng việc chơi đàn này có thể ảnh hưởng trực tiếp lên hoàn cảnh ở Mỹ. Song le khi cậu chơi vào bầu không khí đầy tiếng ồn ào trước những khung cửa sổ để ngỏ một bản nhạc quen thuộc của lính tráng quê hương cậu (mà tối đến họ đứng tựa cửa sổ doanh trại nhìn ra ngoài quảng trường tối om, hát từ cửa sổ này qua cửa sổ khác) thì nó ngân rất kỳ quặc, rồi khi cậu nhìn xuống đường phố, thấy nó không thay đổi và chỉ là một mảng nhỏ của một chu trình khổng lồ mà không ai có thể níu lại nếu không biết mọi sức mạnh tác động lên chu trình đó.

Ông bác cho phép cậu chơi đàn, không phản đối gì, nhất là vì họa hoằn lắm Karl mới tự cho phép mình hưởng thú vui này, dù ông không nhắc nhở[1]; phải, thậm chí ông còn mang đến cho Karl nhạc phổ của các hành khúc Mỹ và tất nhiên cả quốc ca, nhưng nếu chỉ do yêu thích âm nhạc thì hẳn không giải thích được một ngày nọ ông nghiêm trang hỏi Karl có muốn học chơi vĩ cầm hoặc kèn co không.

Tất nhiên học tiếng Anh là nhiệm vụ đầu tiên và quan trọng nhất của Karl. Sáng sáng một thầy giáo trẻ của một trường cao đẳng thương mại đến phòng Karl vào lúc bảy giờ và đã thấy cậu ngồi ở bàn viết với quyển vở bài tập hoặc đi đi lại lại trong phòng lẩm nhẩm ôn bài. Karl biết rằng để lĩnh hội tiếng Anh thì gấp gáp bao nhiêu cũng không đủ và ngoài ra đây là cơ hội tốt nhất để qua sự tiến bộ nhanh chóng đem lại cho bác cậu niềm vui đặc biệt. Trong khi lúc đầu trò chuyện với ông bác bằng tiếng Anh cậu chỉ giới hạn trong những từ chào hỏi và tạm biệt, thì quả thật chẳng bao lâu sau càng ngày phần trò chuyện bằng tiếng Anh giữa hai bác cháu càng nhiều hơn, đồng thời những đề tài thân tình cũng bắt đầu xuất hiện. Bài thơ Mỹ đầu tiên, miêu tả một vụ hỏa hoạn, mà một tối Karl đã có thể đọc cho ông bác nghe đã khiến ông hài lòng đến trở thành trịnh trọng. Lúc ấy hai bác cháu đứng bên một khung cửa sổ trong phòng Karl, ông bác nhìn ra ngoài bầu trời đã tối đen, vỗ tay chậm rãi và nhịp nhàng theo sự đồng cảm với bài thơ, trong khi Karl đứng thẳng bên cạnh, mắt đờ đẫn vật lộn với bài thơ khó. Tiếng Anh của Karl càng khá bao nhiêu, ông

1. Bản của Max Brod in nhầm thành "kể cả sau khi được ông nhắc nhở".

bác càng tỏ ra hứng thú cho cậu gặp gỡ người quen của ông bấy nhiêu và mỗi lần như thế ông đều sắp xếp để tạm thời thầy giáo tiếng Anh luôn ở gần Karl. Người đầu tiên Karl được giới thiệu vào một buổi sáng là một thanh niên mảnh khảnh, hết sức mềm mỏng, được ông bác dẫn vào phòng Karl với những lời tán dương đặc biệt. Theo quan điểm của bố mẹ anh ta thì hiển nhiên anh ta thuộc vào hàng những người con trai hư hỏng thuộc các gia đình triệu phú, mà cuộc đời đã sa đọa đến mức một người bình thường không thể theo dõi bất kỳ một ngày nào trong đời của anh ta mà không ưu phiền. Và vì anh ta biết hoặc đoán được điều ấy, nên khi gặp người khác, anh ta sẽ cố hết sức để đôi môi và đôi mắt hiện lên một nụ cười bất tận của hạnh phúc dường như được dành cho chính anh ta, cho người đối diện anh ta và cho toàn thế giới.

Được sự tán thành vô điều kiện của ông bác, Karl đã hội ý với chàng thanh niên này, tên anh ta là Mack, về việc cùng nhau cưỡi ngựa vào năm giờ rưỡi sáng, hoặc ở trường cưỡi ngựa, hoặc ngoài trời. Mới đầu Karl ngần ngừ chưa nhận lời, vì cậu chưa ngồi trên ngựa bao giờ nên muốn học cưỡi chút ít trước đã, nhưng ông bác và Mack ra sức thuyết phục, bảo cưỡi ngựa chỉ là thuần túy giải trí và luyện tập sức khỏe, chứ hoàn toàn không phải nghệ thuật gì, rốt cuộc Karl đã nhận lời. Bây giờ tất nhiên cậu phải ra khỏi giường vào lúc bốn giờ rưỡi và thường rất hối tiếc, vì cậu gần như mắc chứng hay buồn ngủ, hẳn vì trong ngày phải không ngừng chú ý, nhưng khi vào phòng tắm là cậu hết hối tiếc ngay. Cái đài hương sen căng suốt bề dài và bề rộng bồn tắm - thử hỏi ở quê nhà có người bạn nào

cùng trường, dù giàu tới đâu, có được một bồn tắm như thế, mà lại cho riêng mình nữa - và Karl nằm duỗi người; trong bồn tắm này cậu có thể dang tay, để nước ấm, rồi nóng, rồi lại ấm và cuối cùng lạnh như băng xối xuống một phần hay toàn thân thể theo ý muốn. Cậu nằm đó như tận hưởng giấc ngủ thêm chút nữa và đặc biệt thích lim dim mắt hứng những giọt nước lẻ tẻ cuối cùng rơi xuống, rồi vỡ ra và chảy trên mặt mình.

Chiếc ô tô cao ngất ngưởng của ông bác thả cậu xuống trường cưỡi ngựa; thầy dạy tiếng Anh đã chờ cậu sẵn ở đó, trong khi Mack luôn luôn tới muộn hơn. Anh ta có thể vô tư đến muộn, vì trò cưỡi ngựa sôi nổi chỉ thật sự bắt đầu khi anh ta có mặt. Há không phải bầy ngựa chồm lên khỏi giấc ngủ chập chờn của chúng, khi anh ta bước vào ư? Há không phải lúc ấy tiếng roi vụt to hơn trong phòng ư? Há không phải bấy giờ trên hành lang vòng quanh đột nhiên xuất hiện người này người nọ, khán giả, mã phu, người học cưỡi ngựa hoặc những người nào khác ư? Karl tận dụng thời gian trước khi Mack tới để tập luyện, dù chỉ là những bài tập chuẩn bị cơ bản nhất. Ở đó có một người đàn ông cao ngòng, không cần vươn tay vẫn chạm tới sống lưng những con ngựa cao nhất và ông ta dạy Karl bài học luôn kéo dài chưa đầy mười lăm phút này. Karl không thành công lắm, nhưng cậu có thể thường xuyên học được nhiều từ tán thán bằng tiếng Anh mà trong lúc tập cậu hổn hển thốt ra với thầy giáo tiếng Anh luôn đứng dựa cột cổng, buồn ngủ suốt. Nhưng khi Mack đến thì hầu như mọi điều không vừa ý về chuyện cưỡi ngựa liền chấm dứt. Người đàn ông cao kều bị tống đi và rồi trong

cái sảnh vẫn còn tranh tối tranh sáng ta không nghe gì khác hơn tiếng vó ngựa phi nước đại và không trông thấy gì khác ngoài cánh tay giơ cao của Mack ra hiệu lệnh cho Karl. Họ ngừng lại sau nửa giờ vui thú trôi qua như giấc ngủ này. Mack rất vội, anh ta chào tạm biệt Karl, thỉnh thoảng vỗ má cậu nếu anh ta đặc biệt hài lòng với việc cưỡi ngựa của cậu rồi biến mất, vội đến nỗi không cả cùng đi với Karl ra cửa. Karl liền kéo thầy giáo lên xe và họ hay phải chạy đường vòng về nhà cho giờ tiếng Anh, vì chen chúc trên đường lớn, đúng ra nó dẫn thẳng từ trường cưỡi ngựa về nhà ông bác, sẽ mất quá nhiều thời gian. Vả lại, ít ra thầy giáo tiếng Anh sẽ sớm ngưng việc tháp tùng cậu, vì Karl tự trách đã đòi hỏi người đàn ông mệt mỏi này đến trường cưỡi ngựa một cách vô ích, nhất là sự giao thiệp bằng tiếng Anh với Mack rất đơn giản, nên yêu cầu ông bác miễn cho thầy giáo nhiệm vụ này. Sau một lúc cân nhắc, ông bác đã đồng ý.

Phải khá lâu ông bác mới quyết định cho phép Karl biết sơ qua về công việc kinh doanh của ông, dù Karl thường nài nỉ. Đó là một dạng vận chuyển hàng hóa và mua bán do ủy nhiệm, mà theo Karl biết thì dường như ở châu Âu hoàn toàn không có. Việc kinh doanh dựa trên sự buôn bán trung gian, nhưng không phải là môi giới hàng hóa từ nhà sản xuất đến người tiêu thụ hoặc nhà buôn, mà là môi giới mọi loại hàng hóa và nguyên liệu cho các tổ hợp độc quyền lớn hoặc giữa chúng với nhau. Vì thế công việc kinh doanh này bao gồm việc mua, lưu kho, chuyên chở và bán ở mức độ khổng lồ, và phải giữ liên lạc chính xác và liên tục bằng điện thoại và điện tín với khách hàng.

Phòng điện báo không nhỏ hơn, mà to hơn sở điện báo ở thành phố quê hương cậu - cậu từng có lần được một bạn học quen biết với sở đó dẫn đi qua. Trong sảnh, nhìn đâu cũng thấy các cửa buồng điện thoại mở ra, đóng lại và tiếng chuông làm rối cả đầu óc. Ông bác mở một cửa buồng gần nhất và ta thấy ở đó, trong ánh điện sáng chói, một nhân viên, lơ đãng trước mọi tiếng động ở cửa, lồng trên đầu một đai thép có gắn ống nghe ấn vào hai tai. Cánh tay phải anh ta đặt lên một chiếc bàn con như thể nó quá nặng, chỉ những ngón tay cầm bút chì là ngoáy đều và nhanh khác người bình thường. Anh ta rất kiệm lời nói vào ống nói và thậm chí ta thường thấy có vẻ anh ta phản bác người nói điều gì đấy, muốn hỏi người đó cho rõ hơn, nhưng trước khi kịp thực hiện ý định thì những từ nào đấy vừa nghe được đã buộc anh ta cụp mắt xuống viết. Anh ta cũng không cần phải nói, như ông bác khẽ giải thích cho Karl, vì cũng những thông báo ấy, mà người đàn ông này ghi nhận, còn được hai nhân viên khác ghi nhận cùng lúc rồi đối chiếu, để hết sức loại trừ sai sót. Đúng lúc hai bác cháu ra khỏi cửa buồng thì một tập sự viên bước vào rồi cầm ra tờ giấy đã được viết. Người qua kẻ lại như bị săn đuổi không ngớt qua chính giữa sảnh. Không ai chào ai, việc chào hỏi đã bị bãi bỏ, ai cũng nối bước người đi trước, mắt dán xuống đất, cố bước thật nhanh, hoặc liếc nhìn chỉ dăm ba từ hay vài con số trên những tờ giấy cầm trong tay và lất phất theo bước chân đi như chạy của anh ta.

"Quả thật bác đã rất thành công," Karl nói vào một trong những dịp đi qua hãng xưởng; muốn thăm thú hết ta cần nhiều ngày, cho dù ở mỗi phòng ban ta chỉ ngó qua.

"Cháu nên biết là tự tay bác đã xây dựng lên hết trước đây ba mươi năm. Hồi đó bác có một cửa hàng nhỏ ở khu bến cảng và ngày nào chuyển xuống đó được năm thùng hàng đã là nhiều và bác dương dương tự đắc đi về nhà. Nay bác có những nhà kho lớn hàng thứ ba ở bến cảng và cửa hàng nọ nay là phòng ăn và phòng chứa dụng cụ của đội bốc vác thứ sáu mươi lăm của bác."

"Gần như là phép lạ," Karl nói.

"Ở đây mọi chuyện phát triển nhanh thế đấy," bác cậu nói, cắt ngang cuộc trò chuyện.

Một hôm ông bác đến ngay trước giờ ăn mà Karl tưởng cậu sẽ lại ăn một mình như mọi khi; ông bảo cậu cũng mặc đồ đen vào và đến dùng bữa với ông, ở đó sẽ có cả hai người bạn kinh doanh của ông. Trong lúc Karl thay quần áo ở phòng bên, ông bác ngồi vào bàn viết và xem qua bài tập tiếng Anh cậu vừa làm xong, ông đập tay lên bàn nói lớn: "Xuất sắc thật!" Chắc chắn khi nghe lời khen, Karl thay đồ thoải mái hơn, song thật ra cậu biết tiếng Anh của mình đã khá rồi.

Trong phòng ăn của ông bác, mà cậu vẫn còn nhớ từ buổi tối đầu tiên mới tới, hai người đàn ông to béo đứng dậy chào; một ông tên Green nào đấy, ông thứ hai tên Pollunder nào đấy, như cậu được biết trong lúc trò chuyện ở bàn ăn. Ông bác có thói quen không nói qua một lời về bất cứ người quen nào của mình mà luôn để Karl tự quan sát tìm ra điều thiết yếu hoặc thú vị. Trong bữa ăn họ chỉ bàn bạc về những chuyện kinh doanh quen thuộc - một cơ hội tốt để Karl học những từ ngữ thương mại - và cứ để Karl im lặng ăn uống, như thể cậu là một đứa trẻ, trước

hết phải ăn thật no. Khi ông Green cúi về phía Karl và hỏi chung chung, rõ ràng ông cố nói tiếng Anh thật rõ, những cảm tưởng đầu tiên của cậu về nước Mỹ. Trong bầu không khí lặng như tờ chung quanh, Karl trả lời khá tỉ mỉ, thỉnh thoảng liếc nhìn ông bác, và tìm cách bày tỏ lòng biết ơn bằng một lối diễn đạt hơi mang màu sắc New York để mọi người thoải mái. Một câu nói của cậu thậm chí đã làm cả ba ông đều cười nghiêng ngả và Karl sợ rằng mình đã thất thố nặng nề; nhưng không, như ông Pollunder giải thích, cậu đã nói gì đấy rất đạt nữa cơ. Ông Pollunder này có vẻ đặc biệt thích Karl, nên trong khi ông bác và ông Green lại quay về với những chuyện làm ăn, ông Pollunder bảo Karl dịch ghế lại gần; mới đầu ông hỏi Karl đủ thứ về tên tuổi, lai lịch và chuyến đi của cậu, cho đến cuối cùng, để Karl được nghỉ ngơi, ông cười, ho và hối hả kể về chính mình và cô con gái; cha con ông sống với nhau ở một thái ấp nhỏ gần New York, nhưng tất nhiên ông chỉ có thể ở đó vào buổi tối, vì ông là chủ ngân hàng và nghề nghiệp của ông giữ rịt ông ở New York suốt cả ngày. Ông nhanh chóng hết lòng chân thành mời Karl đến thái ấp đó, một người Mỹ "mới tinh" như Karl chắc hẳn cũng có nhu cầu thỉnh thoảng rời khỏi New York để nghỉ ngơi. Karl lập tức xin ông bác cho phép nhận lời mời này và ông bác đồng ý, có vẻ cũng rất vui, nhưng không nêu một ngày nào nhất định, cũng không nói sẽ cân nhắc, như Karl và ông Pollunder chờ đợi.

Nhưng ngay hôm sau Karl được lệnh đến một văn phòng của ông bác (riêng trong ngôi nhà này ông có mười văn phòng khác nhau), ở đó cậu gặp ông bác và ông Pollunder đang khá lầm lì ngồi trên ghế bành.

"Ông Pollunder," ông bác nói, hầu như không nhận ra ông trong ánh hoàng hôn của căn phòng, "ông Pollunder đến để đón cháu tới thái ấp của ông, như chúng ta đã trò chuyện về việc này hôm qua sẵn sàng."

"Cháu không biết rằng ngay hôm nay rồi," Karl đáp, "bằng không cháu đã chuẩn bị."

"Nếu cháu chưa sẵn sàng thì ta dời sang một ngày gần đây có lẽ hay hơn," ông bác nói.

"Cái gì mà sẵn sàng!" ông Pollunder kêu lên. "Một thanh niên luôn luôn sẵn sàng rồi."

"Không phải vì nó đâu," ông bác quay sang nói với khách, "nhưng nếu đi thì dẫu sao nó cũng phải lên phòng nó và ông sẽ bị chậm trễ."

"Vẫn thừa thì giờ cho việc chuẩn bị mà," ông Pollunder nói, "tôi cũng dự kiến sẽ chậm trễ, nên đã đóng cửa ngân hàng sớm hơn."

"Cháu thấy đấy," ông bác nói, "ngay bây giờ mà chuyến đi thăm của cháu đã tạo ra những phiền toái nào rồi."

"Cháu rất tiếc," Karl nói, "nhưng cháu sẽ quay lại ngay," và định phóng đi liền.

"Cậu đừng quá vội," ông Pollunder nói. "Cậu không mảy may gây phiền toái cho tôi, ngược lại cuộc viếng thăm của cậu làm tôi rất vui sướng."

"Cháu sẽ hụt giờ cưỡi ngựa ngày mai, cháu đã hủy chưa?"

"Chưa ạ," Karl nói, chuyến viếng thăm mà cậu rất thích thú bắt đầu trở thành một gánh nặng, "cháu thật sự không biết..."

"Thế mà cháu vẫn muốn đi?" ông bác lại hỏi.

Ông Pollunder, con người thân ái ấy, nói đỡ cậu.

"Trên đường đi chúng tôi sẽ dừng ở trường cưỡi ngựa và dàn xếp ổn thỏa việc này."

"Thế cũng được," ông bác nói. "Nhưng Mack vẫn sẽ đợi cháu."

"Anh ấy sẽ không đợi cháu đâu," Karl nói, "nhưng tất nhiên anh ấy sẽ tới."

"Thế thì sao?" ông bác nói, như thể điều Karl trả lời chẳng biện minh mảy may.

Ông Pollunder lại nói điều có sức quyết định: "Nhưng mà Klara" - cô là con gái ông - "cũng chờ cậu Karl và ngay tối nay rồi, hẳn nó phải được ưu tiên hơn Mack chứ?"

"Tất nhiên," ông bác nói. "Vậy cháu chạy lên phòng đi thôi," và ông vỗ nhiều lần lên tay ghế bành như vô tình. Karl đã ra tới cửa thì ông bác giữ cậu lại với câu hỏi: "Sáng sớm mai hẳn cháu sẽ có mặt ở đây vào giờ tiếng Anh chứ?"

"Ơ kìa!" ông Pollunder kêu lên và xoay người trong ghế bành vì sửng sốt, trong chừng mực sự to béo của ông cho phép. "Chẳng lẽ cậu ấy không được ở lại đó ít nhất ngày mai à? Nếu được thế, sáng sớm ngày kia tôi sẽ đưa cậu ấy về."

"Dứt khoát không được," ông bác đáp. "Tôi không thể để cho việc học của nó bị xáo lộn như vậy. Sau này, khi cuộc sống nghề nghiệp của nó ổn định, tôi sẽ rất sẵn lòng cho phép nó nhận một lời mời thân ái và vinh hạnh đến thế, dài ngày hơn cũng được."

"Mâu thuẫn làm sao!" Karl nghĩ.

Ông Pollunder trở nên buồn rầu. "Cho một tối và một đêm thì quả thật gần như không đáng."

"Ý tôi cũng thế," ông bác nói.

"Ta được cái gì thì nhận cái nấy thôi," ông Pollunder nói và đã lại cười. "Vậy, tôi chờ nhé!" ông lớn tiếng gọi Karl, còn cậu, thấy ông bác không nói gì nữa, vội vàng chạy đi. Khi cậu nhanh chóng quay lại, sẵn sàng để đi, cậu chỉ còn gặp ông Pollunder trong văn phòng, ông bác đã đi khỏi. Ông Pollunder sung sướng lắc hai tay Karl, như để được biết một cách chắc chắn hết mức, rằng bây giờ Karl đi theo thật. Karl đang còn nóng cả người vì chạy vội, cũng lắc hai tay ông Pollunder, cậu vui mừng được thực hiện chuyến đi chơi.

"Bác cháu không bực mình vì cháu đi chơi chứ?"

"Không đâu! Bác cậu không thật nghĩ thế đâu. Chẳng qua ông ấy quá lo lắng cho việc dạy dỗ cậu thôi."

"Chính bác đã nói với ông, rằng hồi nãy bác không thật nghĩ thế à?"

"Đúng thế," ông Pollunder dài giọng nói để chứng tỏ rằng ông không biết nói dối.

"Lạ thật, sao bác lại miễn cưỡng cho phép cháu đến thăm ông, tuy ông là bạn của bác."

Ông Pollunder, dù không công nhiên thú nhận, cũng không tìm được lời giải thích và khi chạy trong chiếc ô tô của ông Pollunder trong buổi tối ấm áp, hai người còn ngẫm nghĩ lâu về điều đó, tuy họ đã nói ngay sang những chuyện khác.

Họ ngồi sát bên nhau và ông Pollunder cầm tay Karl trong khi nói. Karl muốn biết nhiều về cô Klara, như thể

sốt ruột về chuyến đi dài và những câu chuyện này có thể giúp cậu đến sớm hơn là trong thực tế. Tuy cậu chưa bao giờ đi xe qua các đường phố New York vào buổi tối, và trên vỉa hè cùng lòng đường tiếng ồn ào lao vùn vụt, chốc chốc lại xoay chiều, như trong một cơn gió lốc, không phải như do con người gây ra, mà như một nguyên tố xa lạ, Karl không quan tâm đến gì khác hơn cái áo gi lê màu thẫm của ông Pollunder, trên đó bình thản vắt ngang một sợi dây xích vàng, trong lúc cậu cố ghi nhận cặn kẽ những lời lẽ của ông Pollunder. Ra khỏi những đường phố (nơi công chúng không giấu giếm nỗi sợ hãi lớn lao là sẽ bị đến muộn, bước như chạy trốn hoặc phóng xe hối hả, chen lấn tới các rạp hát), họ đi qua những khu chuyển tiếp tới vùng ngoại ô, nơi ô tô của họ bị các cảnh sát cưỡi ngựa liên tục chỉ phải đi vào những con đường nhánh, vì những đường lớn bị công nhân ngành kim loại đình công đang chiếm giữ, và chỉ những xe cộ cần thiết nhất mới được phép qua lại ở các ngã tư. Rồi khi ô tô từ những con đường nhỏ khá tối tăm, âm vang mơ hồ tiếng vọng, băng qua một trong những con đường rộng bằng cả một quảng trường, họ thấy hai bên hè đường hiện ra theo những phối cảnh, không ai biết đâu là cùng tận, dày đặc những đám đông nhích tới từng bước, tiếng hát của họ còn đều hơn một giọng ca duy nhất. Nhưng trên lòng đường được để trống người ta thấy đây đó một viên cảnh sát trên lưng con ngựa bất động hoặc những người cầm cờ hay những biểu ngữ giăng ngang đường hoặc một thủ lĩnh công nhân có các đồng nghiệp và những người liên lạc bao quanh hoặc một chiếc xe điện đã không nhanh chóng chạy thoát kịp nên

bây giờ đứng đó trống trơ và tối om, trong khi tài xế và người soát vé ngồi ở bậc lên xuống. Những người hiếu kỳ đứng thành nhóm nhỏ, thật xa những người biểu tình thật sự và không rời khỏi chỗ, tuy họ không hiểu rõ lắm về sự kiện đang diễn ra này. Còn Karl vui sướng tựa vào cánh tay ông Pollunder đang quàng quanh cậu; niềm tin vững chắc rằng mình sắp trở thành người khách được mong đợi tại một ngôi nhà ở nông thôn sáng ánh đèn, có tường bao quanh, có chó canh giữ khiến cậu hết sức thoải mái, và tuy rằng do trạng thái chớm buồn ngủ mà cậu không còn hiểu rõ hoàn toàn, hoặc chỉ hiểu lỗ mỗ những gì ông Pollunder nói, thỉnh thoảng cậu vẫn cố khắc phục và dụi mắt, để lại xem thử ông Pollunder có nhận ra chuyện cậu buồn ngủ không, vì cậu muốn bằng mọi giá tránh không để ông biết.

3

Một ngôi nhà nông thôn gần New York

"Chúng ta tới nơi rồi," ông Pollunder nói, đúng vào một trong những khoảnh khắc Karl đang ngủ gật. Chiếc ô tô đậu trước một ngôi nhà giống kiểu những ngôi nhà nông thôn của người giàu ở vùng phụ cận New York, nó rộng lớn hơn và cao hơn một ngôi nhà nông thôn thông thường cho một gia đình ở. Vì chỉ phần dưới ngôi nhà sáng ánh đèn, ta hoàn toàn không thể xác định được nó cao đến đâu. Những cây dẻ kêu xào xạc phía trước, một lối đi ngắn - cổng song sắt đã mở - xuyên giữa hai hàng cây dẫn tới bậc thềm của ngôi nhà. Qua sự mệt mỏi Karl cảm thấy khi bước xuống xe cậu nghĩ rằng chuyến đi khá dài. Trong bóng tối của lối đi cậu nghe giọng một cô gái nói bên cạnh mình: "Cuối cùng ông Jakob cũng đã tới."

"Tôi tên là Roßmann," Karl nói và nắm bàn tay được cô gái chìa ra cho cậu, giờ đây cậu nhận ra hình dạng của nàng.

"Cậu đây chỉ là cháu ông Jakob thôi," ông Pollunder giải thích, "và tên là Karl Roßmann."

"Điều này chẳng thay đổi gì hết niềm vui của chúng

ta được tiếp đón anh ấy ở đây," cô gái nói, không chú trọng nhiều đến tên với tuổi.

Tuy nhiên Karl vẫn hỏi trong lúc đi giữa ông Pollunder và cô gái lại gần ngôi nhà: "Chị là Klara?"

"Vâng," nàng đáp, và ánh sáng từ ngôi nhà đã chiếu một ít vào mặt nàng đang nghiêng về phía Karl, khiến cậu có thể thấy rõ khuôn mặt ấy, "nhưng tôi không muốn tự giới thiệu ở đây, trong bóng tối."

"Vậy sao nàng lại chờ ở cổng nhỉ?" Karl nghĩ, việc đi bộ đã làm cậu tỉnh táo dần.

"Nhân tiện nói thêm là tối nay chúng ta có thêm một người khách nữa," Klara nói.

"Không thể!" ông Pollunder bực bội kêu lên.

"Ông Green," Klara nói.

"Ông ấy tới lúc nào?" Karl hỏi, như lo lắng vì một linh cảm.

"Mới một lúc thôi. Thế bố với anh không nghe tiếng xe ông ấy chạy ngay phía trước sao?"

Karl ngước nhìn ông Pollunder để xem ông nhận xét chuyện này như thế nào, nhưng ông thọc hai tay vào túi quần và chỉ giậm chân hơi mạnh hơn trong lúc đi.

"Sống bên ngoài New York chỉ một chút xíu chẳng ích lợi gì, ta vẫn không tránh khỏi bị quấy rầy. Có lẽ chúng tôi nhất định phải dời chỗ ở ra xa nữa; và tôi sẽ phải chạy xe hết nửa đêm mới về đến nhà."

Họ dừng lại trước bậc thềm.

"Nhưng lâu lắm rồi ông Green không đến đây," Klara nói, rõ ràng nàng hoàn toàn đồng ý với bố, song vẫn cố nhẫn nhịn để vỗ về ông.

"Sao ông ấy lại đến đúng vào tối nay," ông Pollunder nói và lời ông giận dữ lăn qua làn môi dưới dày, chỗ thịt lòng thòng và nặng này rất dễ bị động đậy.

"Tất nhiên!" Klara nói.

"Có thể ông ấy đi ngay ấy mà," Karl có ý kiến và chính cậu ngạc nhiên về sự đồng thuận với những người mà mới hôm qua còn hoàn toàn xa lạ với mình.

"Không đâu," Klara nói, "ông ấy có mối làm ăn lớn nào đấy cho bố tôi, có lẽ sẽ phải bàn bạc lâu, vì ông ấy đã dọa đùa rằng nếu tôi muốn là một bà chủ nhà lịch sự thì phải chịu khó nghe tới sáng luôn."

"Lại còn thế nữa. Vậy là ông ta ở qua đêm luôn!" ông Pollunder kêu lên, như thể qua đó cuối cùng ông đã chạm tới điều tồi tệ nhất. "Quả thật tôi muốn," ông nói và trở nên thân mật hơn qua những ý nghĩ mới mẻ này, "quả thật tôi muốn lại kéo cậu lên ô tô, cậu Roßmann ạ, và chở cậu về với ông bác của cậu. Buổi tối hôm nay đã bị quấy rầy ngay từ đầu rồi, và ai biết được bao giờ ông bác cậu lại đồng ý cho cậu tới thăm chúng tôi. Nhưng nếu tôi đưa cậu về ngay hôm nay, thì lần tới ông ấy không thể không cho cậu đến với chúng tôi được."

Và ông đã nắm lấy tay Karl để thực hiện kế hoạch của mình. Nhưng Karl không nhúc nhích và Klara yêu cầu để cậu ở lại, vì ít nhất nàng và Karl sẽ không thể bị ông Green quấy rầy mảy may và cuối cùng ông Pollunder cũng tự nhận thấy quyết định của mình không phải là tốt nhất. Hơn nữa - và có lẽ đây là điều then chốt - họ đột nhiên nghe ông Green từ bậc thềm trên cùng gọi xuống dưới vườn: "Các người ở đâu thế?"

"Nào," ông Pollunder nói và bước ngoặt lên thềm. Karl và Klara đi sau ông, giờ đây họ nhìn kỹ nhau trong ánh đèn.

"Môi nàng đỏ thật đấy," Karl tự nhủ và nghĩ tới đôi môi của ông Pollunder và việc chúng chuyển hóa sang cô con gái mới tuyệt vời sao.

"Sau bữa ăn tối," nàng nói, "nếu anh đồng ý, chúng ta sẽ lên ngay phòng tôi, để nếu bố tôi đã phải tiếp chuyện ông Green, thì ít nhất chúng ta cũng thoát khỏi ông ta. Và rồi anh sẽ thân ái chơi piano cho tôi nghe, vì bố tôi kể anh đàn giỏi lắm, còn tôi rất tiếc hoàn toàn không có khả năng và không đụng tới piano của mình, dù đúng ra tôi rất yêu thích âm nhạc."

Karl hoàn toàn đồng ý với đề nghị của Klara, tuy cậu cũng rất muốn có cả ông Pollunder tham gia nữa. Tuy nhiên trước hình hài đồ sộ của ông Green - Karl mới vừa quen với vóc dáng của ông Pollunder - đang từ từ hiện ra trước mặt khi họ leo lên những bậc thềm, Karl tiêu tan mọi hy vọng lôi kéo thế nào đấy ông Pollunder ra khỏi người đàn ông này trong buổi tối hôm nay.

Ông Green vội vội vàng vàng đón họ, như thể họ đã mất nhiều thời gian lắm rồi, ông nắm cánh tay ông Pollunder và đẩy Karl cùng Klara đi tới trước vào phòng ăn; đặc biệt nhờ trên bàn có những đóa hoa nghiêng nghiêng vươn lên từ những đám lá tươi khiến phòng ăn trông rất trang trọng và mọi người cảm thấy đáng tiếc gấp đôi về sự hiện diện của ông Green phá đám. Karl vừa mới mừng (cậu đang đứng ở bàn chờ mọi người ngồi xuống) rằng cánh cửa kính lớn trông ra vườn sẽ được để

mở, vì một mùi hương ngào ngạt bay vào như thể phòng ăn là ngôi nhà hóng mát trong vườn, thì ông Green đã thở phì phò đi ngay tới đóng cửa kính này lại, ông cúi xuống những cái chốt dưới cùng rồi vươn lên những chốt trên cùng, mọi động tác nhanh nhẹn như thanh niên, đến mức khi tay người hầu đâm bổ tới thì chẳng còn gì để làm nữa. Lời lẽ đầu tiên của ông Green ở bàn là những biểu thị sự kinh ngạc về chuyện Karl được ông bác cho phép đến đây thăm. Ông vừa múc hết thìa xúp đầy này tới thìa xúp đầy khác đưa lên miệng vừa giải thích sang bên phải cho Klara, sang bên trái cho ông Pollunder, tại sao ông ta ngạc nhiên như vậy và ông bác trông chừng Karl ra sao và tình thương của ông bác dành cho Karl quá lớn, khiến ta khó có thể gọi đó là tình thương của một ông bác.

"Ông ta mò đến đây không cần thiết còn chưa đủ, lại can thiệp luôn cả vào chuyện giữa hai bác cháu mình nữa," Karl nghĩ và không nuốt trôi một hớp nào của món xúp vàng óng. Nhưng rồi cậu lại không muốn người ta nhận thấy mình xiết bao bối rối, nên bắt đầu lặng lẽ tọng xúp vào miệng. Bữa ăn trôi đi chậm chạp như một điều phiền toái. Chỉ ông Green, và cùng lắm thêm Klara nữa, là sinh động và đôi lúc tìm được cơ hội cho một tiếng cười ngắn ngủi. Chỉ vài lần ông Pollunder bị lôi kéo vào cuộc trao đổi ý kiến, khi ông Green bắt đầu nói về kinh doanh. Nhưng ông cũng nhanh chóng rút khỏi những cuộc trò chuyện này và sau một thời gian ông Green lại phải gây bất ngờ cho ông với chủ đề ấy. Tiện thể ông Green nhấn mạnh - lúc ấy vì Karl lắng nghe, như có gì đấy đe dọa mình, Klara đã phải lưu ý cậu rằng món thịt quay ở trước

mặt và cậu đang ngồi tại bữa ăn tối - rằng ngay từ đầu ông đã không có ý định thực hiện chuyến viếng thăm bất ngờ này. Vì cho dù chuyện làm ăn, mà ông với ông Pollunder sẽ còn nói tới, đặc biệt gấp gáp, thì chí ít điều quan trọng nhất vẫn có thể bàn bạc hôm nay trong thành phố và điều kém quan trọng hơn có thể để dành lại cho ngày mai hoặc hôm sau. Thế nên trước khi ngân hàng đóng cửa rất lâu, ông quả thật cũng đã ghé ông Pollunder rồi, nhưng không gặp, khiến ông buộc phải gọi điện thoại về nhà, bảo tối nay ông không về và lái xe tới đây.

"Thế thì cháu phải xin lỗi," Karl nói lớn và trước khi ai đó kịp trả lời, cậu đã nói tiếp, "vì cháu có lỗi về việc hôm nay ông Pollunder rời nhiệm sở sớm hơn và cháu rất lấy làm tiếc về chuyện đó."

Ông Pollunder che phần lớn khuôn mặt mình bằng tấm khăn ăn, trong khi Klara tuy mỉm cười với Karl, nhưng đó không phải là nụ cười thông cảm, mà nó cần gây ảnh hưởng lên cậu thế nào ấy.

"Đâu cần phải xin lỗi," ông Green nói trong lúc hăm hở ấn mạnh dao xẻ thịt con bồ câu, "mà hoàn toàn ngược lại, quả tình tôi rất vui được qua buổi tối với những người dễ chịu thế này, thay vì ăn tối một mình ở nhà; ở đó tôi được bà quản gia già phục vụ, bà ta già đến nỗi đoạn đường từ cửa tới bàn của tôi đã là khó nhọc đối với bà ta và tôi có thể ngồi tựa ghế thật lâu, nếu muốn quan sát bà ấy đi đứng. Mãi gần đây tôi mới đạt được chuyện người hầu bưng món ăn tới cửa phòng ăn, còn đoạn đường từ cửa tới bàn ăn của tôi, nếu tôi hiểu đúng bà quản gia, vẫn thuộc bà ấy."

"Lạy Chúa," Klara kêu lên, "quả là một con người trung thành!"

"Phải, trên đời vẫn còn sự trung thành," ông Green nói và đưa một miếng vào miệng, nơi cái lưỡi phấn khởi đớp lấy thức ăn, như Karl tình cờ nhận thấy. Cậu suýt buồn nôn và đứng dậy. Ông Pollunder và Klara đã nắm lấy hai bàn tay Karl gần như cùng lúc.

"Anh phải ngồi lại," Klara nói. Và khi cậu đã ngồi lại, nàng thì thầm với cậu: "Chúng mình sắp cùng nhau chuồn được rồi. Anh hãy kiên nhẫn."

Trong lúc đó ông Green thản nhiên lo việc ăn uống của mình, như thể nhiệm vụ đương nhiên của ông Pollunder và Klara là trấn an Karl, khi ông làm cho cậu buồn nôn.

Bữa ăn kéo dài, đặc biệt do sự tỉ mỉ của ông Green khi xử lý từng món ăn, cho dù ông luôn sẵn sàng đón nhận không mệt mỏi mọi món mới, có vẻ như ông thật sự muốn hồi phục triệt để khỏi bà quản gia già. Thỉnh thoảng ông khen ngợi nghệ thuật của Klara trong chuyện quản lý việc nhà, rõ ràng là tâng bốc nàng, trong khi Karl tìm cách đáp trả, như thể ông đã đả kích nàng. Nhưng ông Green không chỉ hài lòng với việc khen ngợi nàng, mà còn thường phàn nàn, song mắt không ngước khỏi đĩa, rằng Karl ăn uống uể oải thấy rõ. Ông Pollunder bênh vực sự kém ngon miệng của Karl, tuy lẽ ra với tư cách chủ nhà ông cũng nên khuyến khích Karl ăn thêm. Và quả thật Karl cảm thấy khó chịu vì sự ép uổng mà mình phải chịu đựng trong suốt bữa ăn, đến mức cậu đã diễn giải, ngược với óc suy xét đúng đắn của mình, ý kiến của ông

Pollunder là không thân thiện. Và điều đó hoàn toàn phù hợp với tâm trạng lúc này của cậu, khiến cậu đột nhiên ngốn thật nhanh và nhiều, hoàn toàn không đúng nơi đúng lúc, để rồi mệt mỏi buông dao nĩa một lúc lâu và là kẻ ì nhất trong nhóm, khiến anh hầu lo việc mời món ăn thường không biết phải làm gì với cậu.

"Ngay ngày mai tôi sẽ kể với ngài thượng nghị sĩ rằng cậu đã xúc phạm cô Klara như thế nào qua việc cậu không chịu ăn," ông Green nói và tự giới hạn ý định đùa bỡn của lời nói này qua cách thức ông sử dụng dao nĩa. "Cậu cứ nhìn cô ấy xem cô ấy buồn nhường nào," ông nói tiếp và nâng cằm Klara. Nàng cứ để yên và nhắm mắt lại.

"Cô bé ơi!" ông kêu lên, ngả người ra sau ghế và cười, mặt đỏ gay với sức mạnh của kẻ đã no nê. Karl cố giải thích thái độ của ông Pollunder, nhưng hoài công. Ông ngồi trước cái đĩa của mình, nhìn vào đó, như thể chuyện thật sự quan trọng xảy ra ở đấy. Ông không kéo ghế của Karl lại gần mình hơn và nếu có lần nào nói, thì ông nói với mọi người, còn với Karl ông chẳng có gì để nói riêng. Ngược lại ông chịu để yên cho Green, lão già độc thân láu cá người New York này sờ mó Klara với ý định rõ rệt, để yên cho lão nhục mạ Karl, khách của ông, hoặc ít nhất cư xử với Karl như con nít và ai mà biết được Green định làm ra những hành động tồi tệ nào nên lão ăn uống tẩm bổ đấy.

Sau khi bữa tiệc kết thúc - khi Green nhận ra bầu không khí chung, ông ta là người đầu tiên đứng dậy và có thể cho là đã kéo mọi người đứng lên theo - Karl tách ra một mình đi tới một trong những khung cửa sổ to (được

phân ra bằng những thanh nẹp nhỏ màu trắng) dẫn ra hàng hiên và đúng ra không phải cửa sổ mà cửa thật sự, như cậu nhận thấy khi lại gần. Giờ đây mối ác cảm ban đầu mà ông Pollunder cùng cô con gái cảm thấy đối với ông Green - lúc ấy Karl thấy có vẻ hơi khó hiểu - còn lại những gì? Giờ đây họ cùng đứng bên ông Green và gật gù với ông ta. Khói từ điếu xì gà của ông Green, quà tặng của ông Pollunder (về độ lớn của nó thì bố cậu ở nhà thỉnh thoảng vẫn hay kể đúng như thế, dù có lẽ ông chưa bao giờ thấy tận mắt), tỏa khắp phòng và đem ảnh hưởng của ông Green vào tận những ngóc ngách mà bản thân ông ta sẽ chẳng bao giờ đặt chân tới. Tuy Karl đứng cách xa đến thế, cậu vẫn cảm thấy mũi bị nhột vì khói ấy và thái độ của ông Green, mà từ chỗ đang đứng cậu chỉ thoáng quay nhìn ông ta có mỗi một lần, theo cậu là bỉ ổi. Giờ đây Karl hoàn toàn không loại trừ rằng sở dĩ ông bác mãi mới chịu cho phép cậu đi, vì ông bác biết ông Pollunder tính tình yếu đuối và vì thế ông bác thấy trước, tuy không chính xác nhưng trong phạm vi có thể, rằng Karl sẽ bị xúc phạm trong lần thăm viếng này. Cả cô gái người Mỹ cậu cũng không ưa, tuy trước khi tới đây cậu tuyệt đối không chờ đợi rằng có thể nàng xinh đẹp hơn nhiều. Từ lúc ông Green bận bịu nhiều với nàng, cậu thậm chí ngạc nhiên vì khuôn mặt nàng lại có thể đẹp đến thế và nhất là vẻ tuyệt vời trong đôi mắt xúc động mãnh liệt của nàng. Cậu chưa từng thấy cái váy nào ôm khít thân thể như chiếc váy của nàng, những nếp nhăn nho nhỏ trên làn vải màu ngà mịn và chắc cho thấy độ căng của nó. Vậy mà Karl hoàn toàn không quan tâm đến nàng và sẵn sàng khước từ được dẫn

lên phòng nàng, nếu thay vì thế cậu mở được cái cửa (hai tay cậu đã sẵn sàng đặt trên nắm đấm của nó), leo lên ô tô hoặc, nếu người tài xế đã ngủ, được phép một mình đi bộ về New York. Đêm quang đãng cùng vầng trăng tròn trìu mến rộng mở cho bất kỳ ai và theo Karl thấy ở ngoài trời kia mà sợ hãi thì rõ thật vớ vẩn. Cậu tưởng tượng - và lần đầu tiên cậu thấy dễ chịu trong căn phòng này - mình sẽ làm ông bác ngạc nhiên biết mấy vào sáng mai - cậu sẽ không thể về tới nhà sớm hơn nếu đi bộ. Tuy cậu chưa bao giờ vào phòng ngủ của ông, cũng hoàn toàn không biết nó nằm chỗ nào, nhưng cậu sẽ hỏi được thôi. Rồi cậu sẽ gõ cửa và khi nghe câu "Vào đi!" hình thức, cậu chạy ùa vào phòng và bất ngờ gặp ông bác yêu quý (mà đến nay cậu chỉ luôn thấy đương đầy đủ áo xống, cúc cài kín mít), mặc đồ ngủ, ngồi thẳng trên giường, mắt sửng sốt hướng ra cửa. Thật ra có lẽ chuyện này chẳng ghê gớm gì, nhưng ta phải suy tính kỹ những hệ quả mà nó có thể gây ra. Có thể cậu sẽ ăn sáng lần đầu tiên với ông bác, ông bác trên giường, cậu trên ghế, món điểm tâm để trên một chiếc bàn con đặt giữa hai bác cháu, có thể bữa ăn sáng chung này sẽ trở thành một sinh hoạt thường xuyên, có thể vì kiểu ăn sáng này mà họ sẽ gặp nhau thường xuyên hơn thay vì chỉ một lần trong ngày như cho tới nay (điều này thậm chí khó tránh khỏi) và rồi đương nhiên họ cũng có thể trò chuyện cởi mở hơn. Rốt cuộc thì cũng chỉ vì thiếu sự trò chuyện cởi mở này mà hôm nay cậu đã không vâng lời đôi chút, hay đúng hơn, đã bướng bỉnh đối với ông bác. Và ngay cả nếu hôm nay cậu phải ở lại đây qua đêm - tiếc thay có vẻ sẽ hoàn toàn như thế thật, tuy người ta để mặc

cậu đứng ở cửa sổ và tự ý tiêu khiển - có thể cuộc viếng thăm đáng tiếc này đã trở thành bước ngoặt làm tốt hơn mối quan hệ với ông bác, có thể tối nay ông bác cũng có những ý nghĩ tương tự trong phòng ngủ của mình.

Được an ủi đôi chút, cậu quay người lại. Klara đứng trước mặt cậu và nói: "Anh hoàn toàn không thích ở đây với chúng tôi sao? Anh không cảm thấy chút ít thân thuộc như ở nhà ư? Nào, tôi muốn thử lần cuối cùng."

Nàng dẫn cậu đi ngang qua phòng, ra tới cửa. Ở một cái bàn bên cạnh hai ông kia đang ngồi bên những chiếc ly cao đựng đầy thứ nước uống hơi sủi bọt mà Karl không biết đó là nước gì và muốn nếm thử. Ông Green tì một khuỷu tay lên bàn, cả bộ mặt ông gí gần sát ông Pollunder; nếu ta không quen biết ông Pollunder, hẳn ta rất có thể cho rằng họ đang bàn bạc việc gì đấy tội lỗi, chứ không phải chuyện làm ăn. Trong khi ông Pollunder thân ái nhìn theo Karl ra tới cửa, ông Green lại chẳng quay nhìn Karl chút nào (dù người ta thường có thói quen bất giác nhìn theo ánh mắt người đối diện); theo Karl thấy thì thái độ này nói lên một kiểu niềm tin vững chắc của ông Green rằng ở đây mỗi người phải thử xoay xở theo năng lực riêng, Karl cho mình và Green cho ông ta, mối quan hệ xã hội tất yếu giữa họ sẽ được hình thành đúng lúc qua thắng lợi hoặc diệt vong của một trong hai người. "Nếu ông ta nghĩ thế," Karl tự nhủ, "thì ông ta là một người khờ dại. Mình thật sự chẳng muốn gì hết ở ông ta và ông ta cũng nên để mình yên."

Vừa ra tới hành lang, cậu sực nhớ có lẽ mình đã cư xử bất lịch sự, vì trong lúc dán mắt vào ông Green, cậu

đã gần như để cho Klara lôi ra khỏi phòng. Nên giờ đây cậu đi cạnh nàng một cách ngoan ngoãn hơn. Trên đường đi qua những hành lang cậu mới đầu không tin vào mắt mình, khi cứ mỗi hai mươi bước lại thấy một người hầu mặc chế phục lộng lẫy đứng, hai tay nắm chặt cái thân to của một đài cắm nến.

"Cho đến nay đường dây điện mới mẻ mới chỉ được lắp đặt trong phòng ăn," Klara giải thích. "Chúng tôi mua ngôi nhà này mới gần đây thôi và thuê người xây lại hoàn toàn, trong chừng mực mà một ngôi nhà cũ với lối kiến trúc lì lợm của nó cho phép xây dựng lại được."

"Thế tức là ở Mỹ cũng đã có những ngôi nhà cũ rồi," Karl nói.

"Dĩ nhiên," Klara cười nói và kéo cậu đi tiếp. "Anh có những quan niệm thật lạ lùng về nước Mỹ."

"Chị không nên chế giễu tôi," cậu bực tức nói. Dẫu sao cậu đã biết châu Âu và nước Mỹ, còn nàng chỉ biết mỗi nước Mỹ thôi.

Khi đi qua một cánh cửa, Klara hơi đưa tay đẩy nó ra và nói mà không dừng lại: "Anh sẽ ngủ ở đây."

Đương nhiên Karl muốn quan sát căn phòng ngay, nhưng Klara sốt ruột giải thích, gần như hét, rằng sẽ còn có thì giờ cho việc ấy và trước đó cậu hãy đi theo nàng đã. Họ giằng co một lúc trong hành lang, cuối cùng Karl cho rằng không nhất nhất chuyện gì mình cũng phải làm theo Klara, nên đã vùng khỏi nàng và vào trong phòng đó. Bóng tối bất ngờ trước khung cửa sổ hóa ra là do một ngọn cây đang đung đưa hết cỡ. Nghe có tiếng chim hót. Trong căn phòng, nơi ánh trăng còn chưa rọi tới, tất nhiên

ta hầu như không thể phân biệt được gì. Karl hối tiếc đã không mang theo chiếc đèn pin được ông bác tặng. Trong ngôi nhà này một cái đèn pin quả là không thể thiếu được, giá mà có vài đèn pin như thế, người ta có thể cho các người hầu đi ngủ. Cậu ngồi trên bệ cửa sổ, nhìn và lắng nghe bên ngoài. Một con chim bị khiếp sợ dường như đang rúc qua tán lá của cái cây cổ thụ. Tiếng còi của một đoàn xe lửa ngoại ô New York vang lên đâu đó ở vùng quê. Còn thì yên ắng.

Nhưng chẳng được lâu, vì Klara đã vội vã bước vào. Nàng kêu lên, rõ ràng cáu kỉnh: "Thế là thế nào?" và vỗ vỗ lên váy. Karl định sẽ chỉ trả lời khi nào nàng tỏ ra lịch sự hơn. Nhưng nàng đã sải bước về phía cậu, kêu to: "Thế anh có muốn đi với tôi hay không?" rồi, vì cố ý hoặc chỉ vì khích động, đẩy vào ngực cậu mạnh đến nỗi cậu sẽ ngã lộn ra ngoài cửa sổ, nếu vào giây phút chót cậu không kịp trượt khỏi bệ cửa sổ, hai chân chạm sàn nhà.

"Tí nữa thì tôi lộn cổ ra ngoài rồi," cậu trách.

"Đáng tiếc chuyện ấy đã không xảy ra. Sao anh lại khó bảo thế! Tôi đẩy anh xuống lần nữa."

Và quả thật nàng đã ghì chặt cậu và, bằng cơ thể được thể thao tôi luyện, vác cậu, mới đầu cậu sửng sốt quên trì người xuống, gần tới cửa sổ. Nhưng lúc đó cậu hoàn hồn, xoay hông thoát ra được và ôm chặt lấy nàng.

"Ái, anh làm tôi đau," nàng lập tức kêu lên.

Nhưng lúc này Karl nghĩ rằng không được buông nàng ra nữa. Tuy cậu để nàng được tự do bước, nhưng vẫn bám theo chứ không buông. Vả lại cũng rất dễ túm nàng trong cái váy chật.

"Buông tôi ra," nàng thì thầm, khuôn mặt nóng bừng ghé sát mặt Karl, sát đến nỗi cậu phải căng mắt để nhìn nàng. "Buông tôi ra, tôi sẽ cho anh món này rất đẹp."

"Sao nàng thở dài thế nhỉ?" Karl nghĩ, "nàng không thể nào đau được, mình đâu có ấn" và cậu chưa buông nàng ra. Nhưng đột nhiên, sau một khoảnh khắc đứng đó im lặng, không cảnh giác, cơ thể cậu lại cảm thấy sức mạnh dần tăng của nàng và nàng vùng khỏi cậu, túm cậu bằng cú nắm điêu luyện, cản đôi chân cậu bằng bộ vị bàn chân của một môn võ lạ và, nàng lấy hơi với sự đều đặn tuyệt vời, du cậu tới bên tường. Ở đó có một cái trường kỷ, nàng đẩy Karl xuống đấy và nói với cậu, mà không cúi xuống quá thấp:

"Bây giờ nhúc nhích đi, nếu chú mày làm được."

"Đồ mèo cái, mèo cái điên," Karl chỉ kịp kêu lên trong tình trạng rối loạn vừa giận dữ lẫn xấu hổ của mình hiện giờ.

"Mi đúng là điên, đồ mèo cái điên!"

"Chú mày hãy liệu liệu cái mồm," nàng nói và một bàn tay lướt tới cổ cậu, nàng bắt đầu bóp thật mạnh, đến nỗi Karl hoàn toàn không có khả năng làm gì khác hơn là đớp đớp không khí, trong khi nàng đưa tay kia lên má cậu, vuốt như để thử nghiệm, rồi rút tay về, cứ tiếp tục như thế và bất cứ lúc nào cũng có thể giáng xuống một bạt tai.

"Chú mày nghĩ thế nào," lúc ấy nàng hỏi, "nếu tôi tống cổ chú mày về nhà bằng một cái tát đích đáng để trừng phạt thái độ của chú mày đối với một cô nương? Có thể nó sẽ hữu ích cho đường đời tương lai của chú mày,

tuy không để lại một kỷ niệm đẹp. Tôi lấy làm tiếc cho chú mày, chú mày khá xinh trai và giá như chú mày từng học môn jiu-jitsu, chắc hẳn chú mày đã nện tôi nên thân. Tuy thế, tuy thế - tôi gần như bị cám dỗ ghê gớm được bạt tai chú mày, giờ đây khi chú mày nằm đó như vậy. Có thể tôi sẽ cảm thấy không vui; nhưng nếu tôi bạt tai chú mày, thì chú mày nên biết ngay từ bây giờ rằng điều đó gần như trái với ý muốn của tôi. Và rồi tất nhiên tôi sẽ không hài lòng với chỉ một bạt tai thôi, mà sẽ tát bên phải rồi bên trái, cho đến lúc hai má chú mày sưng húp. Có thể chú mày là người trọng danh dự - tôi rất muốn tin như thế - sẽ không muốn tiếp tục sống nữa và biến khỏi thế gian này. Nhưng tại sao chú mày lại có thái độ như thế đối với tôi? Có thể chú mày không ưa tôi chăng? Có phải lên phòng tôi là không đáng chăng? Coi chừng! Suýt nữa tôi đã bất ngờ giáng cho chú mày một cái tát rồi đấy. Vậy nếu hôm nay chú mày còn thoát được, thì mai đây hãy cư xử lịch sự hơn nhé. Tôi không phải ông bác của chú mày để chú mày có thể thách đố. Ngoài ra tôi còn muốn chú mày lưu ý, nếu tôi thả chú mày mà không bạt tai, thì chú mày chớ nghĩ rằng hoàn cảnh hiện giờ của chú mày và việc chú mày thật sự bị tát chẳng khác gì nhau, xét từ quan điểm của danh dự. Nếu chú mày vẫn thích nghĩ như thế, tôi ưng được tát chú mày thật sự. Mack sẽ nói sao, khi tôi kể hết những chuyện này cho anh ấy?"

Khi nhớ tới Mack, nàng buông Karl ra; trong những cảm nghĩ mơ hồ của mình cậu thấy Mack như một cứu tinh. Cậu vẫn còn cảm thấy bàn tay của Klara trên cổ mình một lúc nữa, nên chỉ hơi quay qua quay lại, rồi nằm im.

Nàng ra lệnh cho cậu đứng dậy, cậu không trả lời, cũng không nhúc nhích. Nàng thắp một ngọn nến ở đâu đó, căn phòng bừng sáng, những đường ngoằn ngoèo xanh lơ hiện ra trên trần, nhưng Karl nằm, gối đầu lên cái gối dài, y như lúc Klara đặt cậu xuống, và không cựa quậy một ly. Klara đi quanh phòng, váy kêu sột soạt quanh hai chân nàng, có lẽ nàng dừng lại một lúc lâu bên cửa sổ.

"Hết bướng chưa?" rồi ta nghe nàng hỏi.

Karl cảm thấy đau đớn, vì không được bình yên trong chính căn phòng mà ông Pollunder đã dành cho cậu tối nay. Vì cô gái kia cứ hết đi quanh lại dừng, lại nói và cậu đã chán nàng khôn xiết. Ngủ thật nhanh và chuồn khỏi đây là ước muốn duy nhất của cậu. Cậu hoàn toàn không muốn vào giường nữa, chỉ muốn nằm trên trường kỷ này thôi. Cậu chỉ rình nàng đi khỏi, để nhảy theo sau nàng tới cửa, cài chốt, rồi quay lại buông người trên trường kỷ. Cậu thèm được duỗi người và ngáp, nhưng không muốn làm thế trước mặt Klara. Và cậu nằm như thế, đăm đăm nhìn lên trần, cảm thấy mặt mình càng lúc càng cứng đờ và một con ruồi cứ chập chờn lượn quanh trước mắt, mà cậu không thật biết đó là gì. Klara lại tiến tới gần, cúi xuống theo hướng ánh mắt Karl và nếu không kiềm chế được, cậu đã phải nhìn nàng rồi.

"Tôi đi đây," nàng nói. "Có thể lát nữa chú mày có hứng qua phòng tôi. Cửa phòng tôi là cái thứ tư, tính từ cửa này, phía bên đây hành lang. Tức là chú mày đi qua ba cửa nữa, cái kế tiếp là đúng nó. Tôi không xuống phòng dưới kia nữa đâu, mà ở lại trong phòng tôi. Chú mày cũng đã làm tôi mệt thật sự đấy. Tôi sẽ không chờ chú mày đâu,

nhưng nếu chú mày thích, thì cứ qua. Hãy nhớ rằng chú mày đã hứa chơi piano cho tôi nghe đấy. Song có thể tôi đã làm chú mày kiệt sức rồi và chú mày không nhúc nhích nổi nữa, vậy cứ ở lại đây và ngủ cho đẫy giấc. Tạm thời tôi sẽ không hé một lời nào với bố tôi về trận ẩu đả của chúng ta. Tôi nói thế phòng trường hợp chuyện này làm chú mày lo lắng." Rồi, dù bảo rằng rất mệt, nàng chạy ra khỏi phòng chỉ với hai bước nhảy.

Karl lập tức ngồi thẳng dậy, nằm mãi thế này khiến cậu chịu không nổi. Để vận động đôi chút cậu đi tới cửa và nhìn ra hành lang. Ở đó mới tối làm sao! Cậu thấy mừng khi đã đóng và gài cửa, rồi quay lại đứng bên chiếc bàn dưới ánh nến. Quyết định của cậu là không nán lại lâu trong ngôi nhà này, mà xuống dưới kia gặp ông Pollunder, thẳng thắn nói với ông việc Klara đã đối xử với mình thế nào - cậu thấy chẳng sao cả khi thú nhận mình thua - và với luận chứng hẳn là đầy đủ này, cậu xin phép được chở bằng ô tô hoặc đi bộ về nhà. Nếu ông Pollunder có gì phản đối việc trở về lập tức này, Karl sẽ xin ông ít nhất cho một người hầu dẫn mình tới khách sạn gần nhất. Tuy thông thường người ta không cư xử như cách Karl dự tính với những chủ nhà hiếu khách, nhưng người ta lại càng hiếm khi cư xử với khách như Klara đã làm. Thậm chí nàng còn cho lời hứa của mình, tạm thời không kể gì hết với ông Pollunder về vụ đánh lộn, là một thái độ tử tế. Thật quá quắt! Ờ, chẳng lẽ Karl đã được mời tới một trận đấu vật, để đến nỗi cậu phải xấu hổ vì bị quật ngã bởi một cô gái có lẽ đã dành phần lớn cuộc đời để học những mánh lới của đô vật? Có lẽ nàng đã học từ Mack. Nàng cứ việc

kể hết cho anh ta; chắc chắn anh ta phân biệt được phải quấy, Karl biết thế, tuy cậu chưa từng được trải nghiệm cụ thể. Song Karl cũng biết rằng nếu được Mack chỉ dạy, cậu sẽ còn tiến xa hơn Klara nhiều; rồi một ngày nào đó cậu sẽ quay lại đây, khả năng rất lớn là không được mời, tất nhiên trước hết cậu sẽ nghiên cứu địa thế, một ưu thế lớn của Klara là biết rõ địa hình, rồi tóm lấy cũng ả Klara này và dùng ả đập cho sạch bụi cái trường kỷ nhỏ mà bữa nay ả đã quẳng cậu lên đó.

Bây giờ chỉ cốt sao Karl tìm được lối quay lại phòng ăn, nơi mà có lẽ do lúc đầu lơ đãng cậu cũng đã để bừa cái mũ của mình ở chỗ nào đó. Tất nhiên cậu muốn cầm theo cây nến, nhưng ngay cả khi có ánh sáng, cũng không dễ tìm ra đường. Chẳng hạn cậu không hề biết căn phòng này có nằm cùng tầng với phòng ăn không. Trên đường tới đây Klara cứ một mực kéo cậu đi, khiến cậu hoàn toàn không thể đánh giá được chung quanh. Ông Green và những người hầu cầm giá nến cũng đã khiến cậu phân tâm; nói tóm gọn, quả thật giờ đây Karl hoàn toàn không biết họ đã đi qua một hay hai hay có thể không qua cầu thang nào. Xét theo toàn cảnh thì căn phòng này ở khá cao, do đó cậu thử hình dung rằng họ đã đi qua vài cầu thang, nhưng ngay lúc tới cửa để vào nhà họ đã phải leo cầu thang rồi, thế thì tại sao phía này của ngôi nhà lại không thể cũng được nâng cao chứ? Giá mà trên hành lang ít nhất thấy được ở đâu đó một tia sáng yếu ớt lọt ra từ một cái cửa hoặc nghe được một tiếng nói từ phía xa dù thật khẽ!

Chiếc đồng hồ bỏ túi, quà tặng của ông bác, chỉ mười một giờ, cậu cầm cây nến và đi ra ngoài hành lang. Cậu để

cửa ngỏ, để nhỡ tìm đường không ra thì ít nhất cũng tìm lại được phòng của mình và sau đó, trong trường hợp cực kỳ khẩn cấp, cửa phòng Klara. Cho chắc chắn, cậu lấy ghế chặn cánh cửa để nó khỏi tự đóng lại. Trong hành lang chẳng may Karl gặp phải một luồng gió - đương nhiên cậu đi về phía trái, ngược hướng phòng Klara - tuy rất nhẹ, nhưng dẫu sao cũng có thể dễ dàng làm tắt nến, khiến Karl phải lấy tay che, ngoài ra cậu còn thường phải dừng lại, để ngọn lửa đang lụi dần hồi phục lại. Karl tiến tới rất chậm và con đường vì thế dường như dài gấp đôi. Karl đi qua một đoạn tường dài không có chiếc cửa nào, cậu không thể hình dung được đằng sau nó là gì. Rồi cửa lại san sát nhau, cậu thử mở nhiều cái, thấy chúng đều khóa và những phòng ấy hẳn là không có người ở. Thật là một sự phí phạm phòng ốc có một không hai, và Karl nghĩ tới những khu phố ở phía Đông New York mà ông bác đã hứa sẽ chỉ cho cậu, nghe bảo ở đó nhiều hộ cư ngụ trong một phòng con và tổ ấm của một gia đình chỉ gồm một góc phòng, nơi lũ trẻ túm tụm quanh cha mẹ chúng. Còn ở đây có nhiều phòng bỏ trống đến thế, chỉ để nghe vang lên âm thanh trống rỗng, khi ta gõ cửa. Theo Karl thấy thì ông Pollunder bị bạn bè giả dối lừa gạt và vì ông yêu cô con gái quá mức nên mới sinh đốn. Chắc chắn ông bác đã nhận xét đúng về ông Pollunder và chỉ vì nguyên tắc của ông bác, không gây ảnh hưởng lên việc Karl nhận xét con người, nên mới có chuyến viếng thăm này và chuyện Karl lang thang trong các hành lang. Karl muốn nói thẳng điều này với ông bác vào ngày mai, vì theo nguyên tắc của ông bác thì có lẽ ông cũng sẽ thích thú và điềm tĩnh chăm chú nghe

đứa cháu nhận xét về ông. Ngoài ra, có lẽ nguyên tắc này là điều duy nhất mà Karl không thích ở ông bác, và ngay cả sự không thích này cũng không phải là vô điều kiện.

Chợt bức tường ở một bên hành lang kết thúc và thay vào đó là một hàng lan can bằng đá hoa cương lạnh ngắt. Karl đặt nến xuống bên cạnh và thận trọng cúi nhìn qua. Một khoảng không lờ mờ ập vào cậu. Nếu đó là sảnh chính của ngôi nhà - một mảng trần hình vòm hiện ra trong ánh nến lung linh - thì tại sao hồi tối họ không vào nhà qua sảnh này? Căn phòng sâu và rộng này dùng để làm gì nhỉ? Ta đứng ở trên đây cứ như tại hành lang nhà thờ. Karl gần như nuối tiếc không thể ở lại trong ngôi nhà này đến ngày mai, cậu rất muốn được ông Pollunder dẫn đi thăm thú khắp nơi trong ánh sáng ban ngày và giải thích mọi thứ.

Hàng lan can không dài và Karl lại nhanh chóng lọt vào trong hành lang khép kín. Ở một chỗ ngoặt đột ngột Karl đâm sầm vào bức tường, và chỉ nhờ cậu luôn thận trọng cầm chặt cây nến mới may mắn giữ được nó khỏi rơi và tắt ngấm. Vì hành lang mãi không chịu hết, không đâu có cửa sổ để nhìn ra được bên ngoài, cả ở trên cao lẫn dưới thấp chẳng thấy gì nhúc nhích, Karl ngờ rằng mình đang không ngừng đi lòng vòng trong cùng cái hành lang hình tròn và đã hy vọng có thể sẽ tìm thấy lại khung cửa để ngỏ của phòng mình, nhưng cả nó lẫn hàng lan can đều không xuất hiện lại. Cho đến giờ Karl vẫn dè dặt không kêu toáng lên, vì cậu không muốn gây ồn ào trong một ngôi nhà lạ vào lúc khuya khoắt như thế này, nhưng bây giờ cậu nhận thấy việc kêu chẳng có gì là sai trái trong

ngôi nhà không được chiếu sáng này và vừa định hét to một tiếng "ai ơi!" về hai phía hành lang, thì cậu phát hiện ra ở hướng mình vừa đi qua một đốm sáng đang tới gần. Mãi lúc ấy cậu mới có thể ước lượng được chiều dài của cái hành lang thẳng tắp; ngôi nhà này là một pháo đài, chứ không phải biệt thự. Niềm hân hoan của Karl trước ánh sáng cứu mạng này lớn đến mức cậu quên khuấy mọi sự thận trọng và chạy ngay tới đó; nhưng mới phóng được vài bước nến của cậu đã tắt phụt. Cậu không quan tâm, vì chẳng cần đến nó nữa, một lão bộc đang cầm đèn lồng đi tới, ông ta sẽ chỉ cho cậu lối đi chính xác.

"Cậu là ai?" lão bộc hỏi và soi đèn lồng vào mặt Karl, qua đó đồng thời soi sáng luôn cả mặt lão. Khuôn mặt lão có vẻ hơi cứng nhắc vì bộ râu quai nón rậm, trắng như cước, xuống đến ngực mới tõe ra thành búp xoăn óng như tơ. "Hẳn phải là một gia nhân trung thành thì mới được phép mang một bộ râu như thế," Karl nghĩ và đăm đăm nhìn bộ râu theo cả chiều dài lẫn chiều rộng, mà không cảm thấy khó chịu khi chính mình cũng bị quan sát. Dẫu sao cậu lập tức trả lời rằng mình là khách của ông Pollunder, muốn đi từ phòng mình tới phòng ăn mà không tìm thấy.

"Ra thế," lão bộc nói, "chúng tôi chưa gắn điện."

"Tôi biết," Karl nói.

"Cậu có muốn châm nến ở cái đèn của tôi không?" lão hỏi.

"Có," Karl nói và châm nến.

"Trong các hành lang gió lùa lắm," lão bộc nói, "nến dễ tắt, nên tôi cầm đèn lồng."

"Phải, đèn lồng tiện hơn nhiều," Karl nói.

"Nến nhỏ đầy người cậu rồi kìa," lão nói và cầm nến[1] soi bộ com lê của Karl.

"Tôi quả tình hoàn toàn không nhận thấy đấy!" Karl buồn rầu kêu lên, vì đây là bộ com lê đen mà ông bác từng nói là hợp với cậu hơn cả. Trận đánh nhau vừa rồi với Klara hẳn cũng đã làm nó bị hư hại, giờ đây cậu nhớ lại. Người lão bộc đủ tử tế để làm sạch bộ com lê hết mức trong lúc vội vã; Karl không ngớt xoay người trước mặt lão và chỉ cho lão chỗ này chỗ nọ còn một vệt, được lão ngoan ngoãn cậy đi.

"Sao ở đây gió lùa thế nhỉ?" Karl hỏi, khi họ tiếp tục đi.

"Chính vì ở đây còn phải xây dựng nhiều," lão bộc nói, "tuy đã bắt đầu rồi, nhưng tiến hành rất chậm. Mà nay công nhân xây dựng lại còn đình công nữa chứ, như cậu có lẽ cũng biết. Gặp phải kiểu kiến trúc như thế này bực mình lắm. Vì bây giờ người ta trổ vài chỗ xuyên qua lớn mà chưa xây bít lại, thành thử gió lùa khắp nhà. Nếu không nhét bông đầy tai, tôi không thể chịu nổi."

"Vậy hẳn là tôi phải nói to hơn nhỉ?" Karl hỏi.

"Không, giọng cậu rất rõ," lão bộc nói. "Nhưng để trở lại chuyện tòa nhà này; đặc biệt ở đây gần nhà nguyện, gió lùa không chịu nổi, sau này nhất định sẽ phải ngăn nó với phần còn lại của ngôi nhà."

"Tức là cái bao lơn, mà ta đi qua trong hành lang này, dẫn tới nhà nguyện à?"

"Phải."

"Tôi đã nghĩ ngay thế," Karl nói.

1. Đèn lồng mới hợp lý!

"Nhà nguyện rất đáng xem," lão bộc nói, "nếu không có nó, hẳn là ông Mack chẳng mua ngôi nhà này đâu."

"Ông Mack à?" Karl hỏi, "tôi tưởng nhà này của ông Pollunder?"

"Thì vẫn," lão bộc nói, "nhưng trong việc mua bán này ông Mack mới là người đưa ra quyết định. Cậu không quen ông Mack sao?"

"Có chứ," Karl nói. "Nhưng ông ấy quan hệ thế nào với ông Pollunder vậy?"

"Ông ấy là hôn phu của tiểu thư," lão bộc nói.

"Điều ấy dĩ nhiên tôi không biết," Karl nói và dừng lại.

"Nó khiến cậu ngạc nhiên thế à?" lão hỏi.

"Tôi chỉ muốn cân nhắc cẩn thận về điều ấy. Nếu không biết những quan hệ như thế, quả thật ta có thể phạm những sai lầm to lớn," Karl đáp.

"Tôi chỉ ngạc nhiên rằng người ta không cho cậu biết gì hết về chuyện ấy," lão bộc nói.

"Phải, đúng thế thật," Karl ngượng nghịu nói.

"Có lẽ người ta ngỡ cậu biết rồi," lão bộc nói, "nào phải tin gì mới đâu. Vả lại chúng ta tới nơi rồi," và mở một cánh cửa, đằng sau hiện ra một cầu thang dẫn thẳng xuống cửa sau của phòng ăn đang được chiếu sáng hệt như lúc Karl tới đây.

Trước khi Karl bước vào phòng ăn, mà ta nghe thấy vẳng ra từ đó giọng nói của ông Pollunder và ông Green chẳng khác khoảng hai tiếng đồng hồ trước đây, lão bộc nói: "Nếu cậu muốn, tôi sẽ chờ ở đây, rồi dẫn cậu về phòng cậu. Dẫu sao cũng khó biết rõ đường đi nước bước ở đây ngay buổi tối đầu tiên."

"Tôi sẽ không quay về phòng mình nữa," Karl nói và không biết tại sao lại buồn khi thốt ra điều ấy.

"Đâu đến nỗi tệ thế," lão nói, hơi mỉm cười kẻ cả vỗ vai cậu. Hẳn là lão suy diễn rằng Karl định ở suốt đêm trong phòng ăn, trò chuyện và chè chén với hai ông kia. Lúc này Karl không muốn xác nhận gì, ngoài ra cậu nghĩ rằng lão bộc này (cậu thích lão hơn mọi người hầu khác ở đây) rồi đây sẽ chỉ cho mình hướng đi về New York, nên cậu nói: "Nếu ông muốn chờ ở đây, thì nhất định là ông rất tử tế và tôi cám ơn xin nhận. Dẫu sao lát nữa tôi sẽ trở ra và cho ông biết tôi sẽ làm gì tiếp sau. Tôi nghĩ rằng sẽ còn cần đến sự giúp đỡ của ông."

"Được," lão bộc nói, để đèn lồng xuống sàn và ngồi xuống một bệ thấp đang bỏ không, hẳn liên quan đến việc xây lại ngôi nhà. "Tôi sẽ chờ ở đây. Cậu cũng có thể để cây nến lại cho tôi," lão nói thêm khi Karl định bước vào phòng với cây nến đang cháy.

"Tôi thật lơ đãng," Karl nói và đưa nến cho lão, lão chỉ gật đầu, không rõ vì cố ý hay vì lão đang bận vuốt râu.

Karl mở cửa, nó kêu cọt kẹt thật to, nhưng không phải lỗi tại cậu, vì cửa chỉ làm bằng một tấm kính duy nhất, nó như thể bị cong khi cửa mở quá nhanh và chỉ được giữ ở tay cầm. Karl hốt hoảng buông ra, chính vì cậu muốn bước vào thật lặng lẽ. Không quay đầu lại, cậu vẫn nhận thấy sau lưng mình lão bộc, hiển nhiên đã bước xuống khỏi bệ, thận trọng đóng cửa mà không gây chút tiếng động nào.

"Cháu xin lỗi đã quấy rầy," Karl nói với hai người đàn ông đang nhìn cậu với bộ mặt to và sửng sốt của

họ. Cùng lúc, ánh mắt cậu lướt nhìn căn phòng, xem có thể nhanh chóng tìm thấy cái mũ của mình ở chỗ nào không. Nhưng chẳng thấy nó đâu, bàn ăn đã dọn sạch, có thể cái mũ đã bị đem xuống bếp sao đấy, thế thì quá phiền toái.

"Cậu đã để Klara ở đâu thế?" ông Pollunder hỏi, xem ra không phải ông không thích sự quấy rầy này, vì ông đổi ngay thế ngồi trong ghế bành và quay mặt hẳn về phía Karl. Ông Green đóng vai bàng quan, rút ra một cái ví, thuộc loại to và dày khủng khiếp, dường như tìm kiếm gì đấy trong bao nhiêu là ngăn, vừa tìm ông vừa đọc cả những giấy tờ khác rơi vào tay mình lúc đó.

"Cháu có một yêu cầu mà ông đừng hiểu nhầm về nó," Karl nói, bước vội về phía ông Pollunder và đặt tay lên tay ghế bành, để được thật gần ông.

"Yêu cầu gì mới được chứ?" ông Pollunder hỏi và nhìn Karl với ánh mắt cởi mở, bộc trực. "Dĩ nhiên nó đã được chấp thuận." Và ông quàng tay quanh Karl, kéo cậu lại giữa hai chân ông. Karl sẵn lòng chịu đựng, tuy nói chung cậu cảm thấy cách cư xử như thế không thích hợp vì mình đã quá trưởng thành. Nhưng sau hành động này của ông, tất nhiên cậu khó nói ra hơn điều định yêu cầu.

"Cậu hài lòng thế nào ở chỗ chúng tôi?" ông Pollunder hỏi. "Chẳng lẽ cậu không cảm thấy như chúng tôi, rằng từ thành phố về vùng quê ta gần như được giải thoát? Nói chung" - và một cái liếc xéo không thể hiểu nhầm, bị Karl che mất phần nào, hướng về phía ông Green - "nói chung tối nào tôi cũng có cảm giác ấy nhiều lần."

"Ông ấy nói như thể không biết gì về ngôi nhà rộng

rinh, những hành lang bất tận, nhà nguyện, những căn phòng bỏ trống, bóng tối khắp nơi."

"Nào," ông Pollunder nói, "lời yêu cầu!" và thân thiện lắc lắc Karl đang đứng lặng thinh ở đó.

"Cháu yêu cầu," Karl nói, dù cậu hết sức hạ giọng cũng không thể tránh khỏi bị ông Green đang ngồi bên cạnh nghe thấy hết, cậu rất muốn giấu ông ta lời yêu cầu có thể sẽ bị hiểu như một sự xúc phạm ông Pollunder, "cháu yêu cầu ông để cháu về nhà, ngay bây giờ, trong đêm nay."

Và vì điều khó nói nhất đã được thốt ra, mọi chuyện khác dồn tới càng nhanh hơn; không mảy may dối trá, cậu nói những điều mà trước đó cậu quả thật không hề nghĩ tới. "Cháu muốn về nhà bằng mọi giá. Cháu sẽ sẵn lòng quay lại, vì thưa ông Pollunder, ông ở đâu thì cháu cũng thích ở đó. Riêng hôm nay cháu không ở lại đây được. Ông biết rằng bác cháu không sẵn lòng cho phép cháu đi chuyến này. Bác ấy chắc chắn có lý do đúng đắn khi nghĩ thế, như trong mọi việc bác ấy làm, và cháu đã tự cho mình quyền chống lại nhận thức sáng suốt của bác ấy, đã thật sự ép bác ấy cho phép. Đúng là cháu đã lạm dụng tình thương của bác ấy dành cho cháu. Bác ấy băn khoăn gì về chuyến thăm này, giờ đây điều ấy quả thật không quan trọng, cháu chỉ biết hoàn toàn chắc chắn, thưa ông Pollunder, rằng trong sự băn khoăn ấy không có điều gì có thể xúc phạm ông, người bạn thân nhất của bác ấy. Không ai khác có thể sánh được với ông, dù chỉ mảy may, trong tình bạn với ông bác của cháu. Chính đó cũng là lời biện minh duy nhất cho sự không nghe lời của cháu, nhưng chưa đủ. Có lẽ ông không có được cái nhìn tổng

quát chính xác về quan hệ giữa bác ấy và cháu, vì thế cháu chỉ muốn nói về những gì rõ ràng nhất. Bao lâu việc học tiếng Anh của cháu chưa kết thúc và cháu chưa thu thập đủ kinh nghiệm trong việc kinh doanh thực tiễn, cháu hoàn toàn phụ thuộc vào lòng tốt của bác ấy, mà tất nhiên vì là họ hàng ruột thịt cháu được phép hưởng.

"Ông chớ nghĩ rằng hiện nay cháu đã có thể kiếm sống bằng cách đàng hoàng nào đấy - cầu Chúa tránh cho cháu những cách khác. Thật đáng tiếc là để kiếm sống thì việc học của cháu trước đây quá không thiết thực. Trong bốn năm ở một trường trung học Âu châu cháu là một học sinh trung bình, để kiếm sống thì như thế còn thua xa mức chẳng có gì, vì giáo trình các trường trung học của chúng cháu rất lạc hậu. Cháu mà kể ra những gì mình đã học, ông sẽ cười ngất. Nếu tiếp tục học lên, xong trung học, rồi vào đại học, lúc ấy có thể tất cả sẽ cân bằng thế nào đấy và cuối cùng ta có được một sự đào tạo có hệ thống, để có thể bắt đầu làm gì đấy và nó giúp ta quyết tâm trong việc kiếm sống. Nhưng rất tiếc cháu đã bị bứt ra khỏi việc học hành chặt chẽ này; đôi khi cháu cho rằng mình chẳng biết gì hết thảy và rốt cuộc mọi điều cháu có thể biết, thì ở Mỹ vẫn luôn là còn quá ít ỏi. Hiện nay bên nước cháu người ta đang xây dựng đây đó những trường trung học cách tân, ở đó ta cũng học các ngôn ngữ hiện đại[1] và có lẽ cả môn khoa học thương mại nữa; khi cháu học xong tiểu học thì chưa có môn này. Tuy bố cháu

1. Cho tới đầu thế kỷ 20, trường trung học Đức chú trọng dạy tiếng Hy Lạp và Latin.

muốn cho cháu học tiếng Anh, nhưng một là hồi đó cháu không thể ngờ được mình sẽ gặp phải sự bất hạnh gì và sẽ cần tiếng Anh tới mức nào, hai là cháu phải học nhiều ở trường trung học, khiến cháu không còn mấy thì giờ cho những công việc khác. Cháu nêu ra hết những điều này để ông thấy cháu phụ thuộc vào bác cháu tới mức nào và vì thế cũng hàm ơn bác ấy biết bao. Chắc chắn ông sẽ thừa nhận rằng, trong hoàn cảnh như thế cháu không thể cho phép mình mảy may, dù chỉ là phỏng đoán, làm trái ý của bác ấy. Chính vì thế, để sửa chữa, dù chỉ đến mức độ nào đấy, lỗi lầm cháu đã phạm đối với bác ấy, cháu phải về nhà lập tức."

Trong suốt lời trình bày dài của Karl, ông Pollunder đã chăm chú lắng nghe; ông thường ôm siết Karl vào mình, dù khó nhận thấy, nhất là khi cậu nhắc đến ông bác, thỉnh thoảng ông nghiêm nghị và như đầy chờ đợi nhìn qua ông Green vẫn đang tiếp tục bận rộn với cái ví. Còn Karl, trong lúc nói càng ý thức rõ hơn về vị trí của mình đối với ông bác, cậu càng trở nên sốt ruột hơn, đã bất giác tìm cách vùng ra khỏi cánh tay của ông Pollunder. Mọi thứ ở đây câu thúc cậu; con đường về với ông bác (qua những cửa kính, những bậc thềm, qua con đường với hai hàng cây dẻ, qua những con đường làng, qua những vùng ngoại ô tới những đường lớn tấp nập xe cộ, dẫn đến ngôi nhà của ông bác) hiện ra với cậu như gì đấy gắn bó chặt chẽ với nhau, con đường nằm đó trống rỗng, nhẵn nhụi, được chuẩn bị sẵn cho cậu và bằng một giọng mạnh mẽ đòi gặp cậu. Lòng tốt của ông Pollunder và sự xấu xa của ông Green nhòe nhoẹt vào nhau, và từ căn phòng

đầy khói này cậu không muốn có được gì khác hơn là sự cho phép mình từ biệt. Tuy cậu cảm thấy không liên quan gì với ông Pollunder nữa và sẵn sàng chiến đấu với ông Green, thế nhưng một nỗi sợ hãi mơ hồ tràn ngập chung quanh cậu, những cú thúc của nó làm mắt cậu mờ đi.

Cậu lùi lại một bước và giờ đây đứng cách đều ông Pollunder và ông Green.

"Ông muốn nói gì với cậu ấy không?" ông Pollunder hỏi và nắm bàn tay ông Green như nài nỉ.

"Tôi không biết nên nói gì với cậu ấy," ông Green nói, rốt cuộc đã rút từ ví một bức thư và đặt nó trước mặt trên bàn. "Việc cậu ấy muốn trở về với ông bác là rất đáng khen, và ta nên tin rằng rất có thể cậu ấy sẽ gây cho ông bác một niềm vui đặc biệt. Trừ phi cậu ấy đã làm cho ông bác tức giận ghê gớm qua sự không vâng lời, điều này quả thật cũng có thể. Nếu thế thì đương nhiên cậu ấy nên ở lại đây. Ngay lúc này thật khó nói gì đấy cụ thể; tuy hai chúng tôi là bạn của ông bác và hẳn phải vất vả mới nhận ra được sự chênh lệch về thứ bậc giữa tình bạn của tôi với ông ấy và của ông Pollunder với ông ấy, nhưng chúng tôi không thể nhìn vào đời sống nội tâm của ông ấy, và nhất là ở khoảng cách nhiều cây số giữa chúng ta ở đây với New York."

"Thưa ông Green," Karl nói và nỗ lực vượt qua ngần ngại để xích lại gần ông ta. "Cháu nghe được từ những lời lẽ của ông, rằng ông cũng thấy tốt nhất cháu nên trở về ngay."

"Tôi hoàn toàn không nói thế," ông Green đáp và mải mê nhìn bức thư mà ông ta đang dùng hai ngón tay vuốt tới vuốt lui các mép. Có vẻ ông ta muốn ám chỉ bằng

cách ấy rằng ông Pollunder đã hỏi ông ta và cũng đã được trả lời, còn với Karl đúng ra ông ta không liên quan gì.

Trong lúc đó ông Pollunder đã đến bên Karl và nhẹ nhàng kéo cậu khỏi ông Green tới một trong những cửa sổ to. "Cậu Roßmann thân mến," ông vừa nói vừa cúi xuống tai Karl và để chuẩn bị, ông lấy khăn mùi soa lau mặt và tạm dừng ở mũi để xì. "Cậu đừng nghĩ rằng tôi muốn giữ cậu lại đây trái với ý muốn của cậu. Thật tình không có chuyện đó đâu. Tuy tôi không thể đưa ô tô cho cậu sử dụng, nó đậu trong một gara công cộng xa đây, vì tôi chưa có thì giờ để xây gara riêng ở đây, nơi mọi thứ mới đang trên đường hình thành. Mặt khác, người lái xe không ngủ trong nhà này, mà gần gara, thật tình tôi cũng không biết nó ở đâu. Ngoài ra anh ta hoàn toàn không có nhiệm vụ phải ở đây vào lúc này, anh ta chỉ có nhiệm vụ sáng sớm lái xe qua đây đúng giờ. Nhưng mọi điều này không phải là những cản trở cho việc trở về lập tức của cậu, vì nếu cậu khăng khăng đòi về, tôi sẽ đưa ngay cậu ra trạm xe lửa gần nhất chạy vào thành phố, song nó ở quá xa, khiến hẳn cậu sẽ không về đến nhà sớm hơn là mấy so với sáng mai cậu chịu đi chung ô tô với tôi - chúng tôi khởi hành vào lúc bảy giờ."

"Thưa ông Pollunder, thế thì cháu muốn đi bằng xe lửa hơn," Karl nói. "Cháu đã hoàn toàn không nghĩ tới xe lửa. Chính ông vừa nói bằng xe lửa cháu sẽ về sớm hơn so với đi sớm bằng ô tô."

"Nhưng chỉ sớm hơn chút ít thôi."

"Mặc dù vậy, mặc dù vậy, thưa ông Pollunder," Karl nói, "để tưởng nhớ tới tấm lòng ưu ái của ông, cháu luôn

sẵn lòng quay trở lại đây, tất nhiên với điều kiện ông vẫn còn muốn mời, sau thái độ hôm nay của cháu, và có thể mai đây cháu diễn đạt được rõ hơn tại sao hôm nay mỗi phút sớm hơn cháu gặp lại bác của cháu lại quan trọng đối với cháu đến thế." Rồi như thể đã được cho phép ra về, cậu nói thêm: "Nhưng dứt khoát ông không được đưa cháu đi. Cũng hoàn toàn không cần. Ngoài kia có người lão bộc sẵn sàng đưa cháu ra trạm xe. Bây giờ cháu chỉ còn phải tìm cái mũ của mình thôi." Còn chưa dứt lời cậu đã đi ngang căn phòng, vội vội vàng vàng thử tìm lần cuối cùng xem có thấy mũ của mình không.

"Tôi có thể giúp cậu cái mũ cát két được không?" ông Green nói và rút từ túi một mũ cát két. "Có thể ngẫu nhiên cậu đội vừa."

Karl sửng sốt đứng lại và nói: "Cháu đâu thể nào lấy mũ của ông. Cháu đi đầu trần[1] cũng được mà. Cháu hoàn toàn không cần."

"Không phải mũ của tôi đâu. Cậu cứ cầm lấy!"

"Vậy cháu cám ơn," Karl nói, để khỏi phải dừng lại thêm, và cầm cái mũ cát két. Cậu đội vào và cười, vì nó thật vừa vặn, lại cầm nó trên tay, ngắm nghía, nhưng không thấy được điểm đặc biệt mà cậu tìm ở nó; đó là một cái mũ cát két mới tinh. "Rất vừa!" cậu nói.

"Vậy là nó vừa!" ông Green kêu và đập tay lên bàn.

Karl đã đi tới cửa để gọi người lão bộc, thì ông Green đứng dậy, vươn người sau một bữa ăn thịnh soạn và nghỉ ngơi lâu, vỗ mạnh lên ngực và nói bằng giọng vừa khuyên

1. Thời bấy giờ ở Âu Mỹ đàn ông lịch sự ra đường cần đội mũ, mặc vét.

nhủ vừa ra lệnh: "Trước khi ra về, cậu phải chào từ biệt cô Klara chứ."

"Phải đấy," ông Pollunder tán thành và cũng đứng lên[1] luôn. Nghe giọng là biết ngay những lời lẽ này không xuất phát từ đáy lòng ông, ông yếu ớt để hai bàn tay chạm vào đường chỉ dọc ống quần, luôn tay cài và cởi cúc áo vét, theo mốt bấy giờ thì nó rất ngắn, chỉ dài tới hông, không thích hợp với những người to béo như ông Pollunder. Vả lại, khi ông đứng cạnh ông Green, người ta có cảm giác rõ rệt rằng ở ông Pollunder không phải là một sự mập mạp khỏe mạnh; lưng nặng nề hơi cong, bụng trông nhão và bệu, một gánh nặng thật sự, khuôn mặt trông nhợt nhạt và lo lắng không yên. Ngược lại ông Green đứng đây, có lẽ còn béo hơn ông Pollunder chút ít, nhưng đó là một sự mập mạp cố kết, hỗ tương gánh vác sức nặng, hai bàn chân ông chập vào nhau kiểu nhà binh, đầu vươn thẳng và hơi lắc lư; ông có vẻ là một vận động viên cự phách, một hướng dẫn viên thể dục.

"Vậy thì trước tiên," ông Green nói tiếp, "cậu đến chỗ cô Klara. Chắc chắn cậu sẽ thích thú và cũng rất phù hợp với sự sắp xếp thời gian của tôi. Vì, trước khi cậu rời khỏi đây, quả thật tôi có đôi điều thú vị để nói với cậu, nó cũng có thể là chủ chốt cho việc trở về của cậu. Chỉ tiếc là tôi bị ràng buộc bởi lệnh trên, không được tiết lộ gì với cậu trước nửa đêm. Cậu có thể hình dung được rằng điều này cũng làm chính tôi khốn khổ, vì nó quấy rầy sự nghỉ ngơi ban đêm của tôi, nhưng tôi phải tuân thủ nhiệm vụ

1. Có lẽ tác giả quên: khi kéo Karl tới cửa sổ, ông Pollunder *đã* đứng lên rồi.

được trao. Bây giờ là mười một giờ mười lăm, tức là tôi còn có thể bàn bạc xong việc làm ăn với ông Pollunder, mà sự hiện diện của cậu chỉ làm phiền thôi, và cậu có thể vui vầy một lúc với cô Klara. Đúng mười hai giờ cậu tới đây, cậu sẽ được biết điều thiết yếu."

Karl có thể nào cự tuyệt lời yêu cầu này không, nó quả thật chỉ đòi hỏi ở cậu chút xíu lịch sự và lòng biết ơn đối với ông Pollunder, hơn nữa nó do một người vốn vô can, thô lỗ đặt ra, trong khi ông Pollunder, người liên quan, lại hết sức dè dặt trong lời nói và ánh mắt? Và điều thú vị mà mãi tới nửa đêm cậu mới được phép biết đó là gì? Nếu nó không làm cho sự trở về nhà của cậu được nhanh hơn ít nhất bốn mươi lăm phút, quãng thời gian mà vì nó nên giờ đây việc trở về kia phải lùi lại, thì cậu không quan tâm mấy. Nhưng sự hoài nghi lớn nhất của cậu là mình có thật sự lên được với Klara không, nàng là kẻ thù của cậu mà. Giá mà ít nhất cậu có bên mình cái đục đã được ông bác tặng làm cái chặn thư! Phòng của Klara có thể là một hang ổ khá nguy hiểm. Nhưng bây giờ ở đây cậu hoàn toàn không thể nói chút gì chống báng Klara, vì nàng là con gái của ông Pollunder và, như cậu vừa được biết, còn là hôn thê của Mack nữa. Giá mà nàng cư xử khác với cậu chỉ chút xíu thôi, cậu sẽ công khai bày tỏ lòng ngưỡng mộ nàng vì những quan hệ ấy. Cậu còn đang cân nhắc mọi chuyện, nhưng đã nhận thấy ngay rằng người ta đâu có yêu cầu mình cân nhắc, vì ông Green đã mở cửa và bảo người lão bộc - lão đã nhảy khỏi cái bệ: "Lão dẫn cậu đây đến chỗ cô Klara."

"Người ta thi hành mệnh lệnh như thế đấy," Karl nghĩ, khi người lão bộc gần như chạy, hổn hển vì tuổi già

sức yếu, dẫn cậu đến phòng Klara bằng một lối đi tắt đặc biệt. Khi đi qua căn phòng của mình, cửa vẫn để ngỏ, Karl muốn vào đó giây lát, có lẽ để trấn tĩnh. Nhưng người lão bộc không cho. "Không được," lão nói, "cậu phải đến chỗ cô Klara. Chính cậu đã nghe thế mà."

"Tôi sẽ chỉ dừng lại trong đó giây phút thôi," Karl nói và nghĩ đến chuyện nằm lăn trên trường kỷ một chút cho có sự thay đổi, để thời gian trôi nhanh hơn tới nửa đêm.

"Cậu đừng làm khó dễ tôi trong việc thực hành nhiệm vụ chứ," người lão bộc nói. "Lão có vẻ coi việc mình phải đến chỗ cô nàng Klara là một sự trừng phạt," Karl nghĩ bụng và đi vài bước, nhưng rồi lại đứng lại vì thách thức.

"Đi thôi, cậu ơi," người lão bộc nói, "một khi cậu đã tới đây rồi. Tôi biết cậu muốn đi khỏi ngay trong đêm nay, nhưng đúng là không phải mọi chuyện đều theo ý mình muốn, tôi đã nói ngay với cậu rằng không được đâu."

"Đúng, tôi muốn đi khỏi và cũng sẽ đi khỏi," Karl nói, "và bây giờ chỉ muốn chào tạm biệt cô Klara thôi."

"Thế à?" người lão bộc nói, và Karl thấy rõ là lão không tin chút nào. "Thế thì tại sao cậu lại dùng dằng chào tạm biệt; đi thôi cậu."

"Ai ngoài hành lang vậy?" giọng Klara vang lên, và ta thấy nàng thò đầu ra từ một khung cửa gần đó, tay cầm cái đèn bàn to với cái chụp màu đỏ. Người lão bộc bước vội tới và báo cáo với nàng. Karl chậm rãi theo sau.

"Anh đến muộn đấy."

Tạm chưa trả lời nàng, Karl nói khẽ với người lão bộc, nhưng bằng giọng ra lệnh nghiêm khắc, do đã biết bản tính của lão: "Ông chờ tôi ngay trước cánh cửa này!"

"Tôi định đi ngủ rồi đấy chứ," Klara nói và đặt đèn lên bàn. Giống như ở phòng ăn dưới kia, ở đây người lão bộc cũng thận trọng đóng cửa lại từ bên ngoài. "Đã hơn mười một rưỡi rồi."

"Hơn mười một rưỡi rồi," Karl lặp lại như hỏi, khác nào hốt hoảng về con số này. "Thế thì tôi phải lập tức cáo từ," Karl nói, "vì đúng mười hai giờ tôi phải có mặt dưới phòng ăn."

"Anh có công việc gì gấp gáp thế!" Klara nói và lơ đãng chỉnh lại những nếp nhăn của bộ đồ ngủ khoác hờ. Mặt đỏ bừng, nàng không ngớt mỉm cười. Karl cho rằng sẽ không có nguy cơ lại xảy ra chuyện cãi nhau với Klara. "Chẳng lẽ anh không thể chơi piano được một chút, như hôm qua bố tôi đã hứa với tôi và hôm nay chính anh cũng hứa?"

"Nhưng chẳng lẽ chưa quá muộn rồi ư?" Karl hỏi. Cậu sẵn lòng làm vui lòng nàng, vì giờ đây nàng khác hẳn hồi nãy, như thể nàng đã vươn thế nào đấy lên ngang tầm ông Pollunder và rồi đây sẽ ngang tầm Mack.

"Phải, đã muộn rồi," nàng nói và có vẻ không còn hứng thú âm nhạc nữa. "Rồi mỗi âm thanh ở đây cũng sẽ vang khắp nhà, tôi chắc chắn nếu anh đàn thì cả đến đám gia nhân trên tầng áp mái cũng sẽ thức dậy hết."

"Vậy tôi sẽ không đàn, tôi hy vọng sẽ còn trở lại mà; nhân tiện, nếu không mất công quá, thì lúc nào đó chị hãy đến thăm bác tôi và tiện thể ghé qua phòng tôi luôn. Tôi có một chiếc piano tuyệt lắm. Bác tôi tặng tôi. Rồi nếu chị thấy tiện, tôi sẽ đàn chị nghe mọi bản nhạc nho nhỏ của tôi, rất tiếc không nhiều, và chúng cũng hoàn toàn không

thích hợp với một nhạc cụ tốt như thế, nó chỉ đáng được những nghệ sĩ bậc thầy chơi thôi. Nhưng cả điều thú vị này chị cũng có thể sẽ được thưởng thức, nếu chị cho tôi biết trước về chuyến thăm viếng của chị, vì mai đây bác tôi định sẽ thuê một ông thầy danh tiếng dạy tôi - chị có thể hình dung tôi vui mừng về chuyện này biết mấy - và ngón đàn của ông ấy chắc chắn sẽ là lý do đảm bảo để chị đến thăm trong giờ tôi luyện tập. Nói thật, tôi mừng rằng đã quá muộn nên không thể chơi đàn, vì tôi hoàn toàn chưa chơi được gì, chị sẽ ngạc nhiên nếu thấy tôi kém cỏi nhường nào. Và bây giờ xin tạm biệt chị, dẫu sao cũng đã đến giờ ngủ rồi."

Và vì Klara hiền lành nhìn cậu và có vẻ không chút để bụng về vụ ẩu đả, cậu mỉm cười nói thêm, trong lúc chìa tay cho nàng bắt: "Ở nước tôi người ta quen nói: 'ngủ ngon và mộng đẹp'."

"Khoan đã," nàng nói, không bắt tay cậu, "có lẽ anh cứ đàn đi." Và nàng biến mất qua một cửa ngách nhỏ, bên cạnh chiếc piano. "Chuyện gì thế nhỉ?," Karl nghĩ. "Mình đâu thể chờ lâu, dù nàng dễ thương mấy đi nữa." Có tiếng gõ ở cửa thông ra hành lang và người lão bộc, không dám mở toang, thì thầm qua khe cửa: "Xin lỗi cậu, tôi vừa bị gọi, nên không thể chờ thêm được nữa."

"Ông cứ việc đi," Karl nói, giờ đây cậu dám tự mình tìm đường xuống phòng ăn. "Chỉ cần để lại cái đèn ở ngoài cửa cho tôi thôi. Với lại mấy giờ rồi nhỉ?"

"Sắp mười một giờ bốn lăm," người lão bộc nói.

"Thời gian trôi chậm thật thôi!" Karl nói. Người lão bộc đã định đóng cửa, chợt Karl nhớ ra mình chưa cho

ông ta tiền boa, liền móc một schilling[1] từ túi quần - bây giờ cậu luôn để tiền xu trong túi quần, kêu leng keng theo lối Mỹ, còn tiền giấy trong túi áo gi lê - đưa cho người lão bộc và nói: "Thưởng ông đã tận tâm phục vụ."

Khi Klara quay trở ra, hai tay đặt trên mái tóc được kẹp chắc, Karl sực nhớ lẽ ra không nên bảo người lão bộc đi, vì bây giờ ai sẽ dẫn mình ra trạm xe lửa? Chậc, hẳn là ông Pollunder sẽ kiếm được một người hầu nào khác thôi, biết đâu chính người lão bộc bị gọi xuống phòng ăn để rồi sẽ được dùng vào việc này.

"Tôi vẫn yêu cầu anh chơi cho vài bài. Ở đây tôi hiếm khi được nghe nhạc, đến nỗi hễ có dịp là không thể bỏ qua."

"Thế thì không thể chần chừ được nữa," Karl nói không đắn đo và ngồi ngay vào piano.

"Anh cần nhạc phổ không?" Klara hỏi.

"Không cần đâu, tôi còn chưa đọc thông nốt nhạc mà," Karl trả lời và chơi luôn. Đó là một bản nhạc ngắn mà Karl biết rõ là phải chơi khá chậm để có thể hiểu được, đặc biệt với người ngoại quốc, nhưng cậu chơi bừa theo nhịp hành khúc hối hả nhất cho xong chuyện. Dứt bản nhạc, sự yên ắng bị khuấy động của ngôi nhà trở về, như thể chen lấn dữ dội, với vị trí của nó. Họ ngồi đó như đờ đẫn và không nhúc nhích.

"Hay lắm," Klara nói, nhưng không kiểu nói lịch sự nào có thể tâng bốc nổi Karl sau khi cậu trình tấu bản nhạc này.

---

1. Schilling là đơn vị tiền tệ của Anh và Áo (đế chế Áo-Hung, bao gồm cả Boheme, cho đến cuối Thế chiến I) - Kafka nhầm hay cố ý?

"Mấy giờ rồi nhỉ?" cậu hỏi.

"Mười hai giờ kém mười lăm."

"Vậy tôi còn chút thì giờ nữa," cậu nói và thầm nghĩ: "Được ăn cả, ngã về không. Mình đâu phải chơi hết cả mười bài mình biết, nhưng có một bài mình có thể chơi tương đối hay." Và cậu bắt đầu chơi bản nhạc lính yêu thích của mình. Chậm đến nỗi sự khát khao thảng thốt của người nghe kéo dài tới nốt nhạc tiếp theo mà Karl giữ lại và khó khăn lắm mới chịu nhả ra. Quả thật cho mỗi bản nhạc cậu đều phải đưa mắt tìm trước những phím cần thiết, nhưng ngoài ra cậu còn cảm thấy trong lòng mình trào dâng một nỗi buồn, nó tìm một kết thúc khác vượt ra khỏi sự kết thúc của bản nhạc, nhưng không thể tìm thấy.

"Tôi thật tầm thường," Karl nói sau khi kết thúc và rưng rưng nước mắt nhìn Klara. Lúc ấy từ phòng bên cạnh vang lên tiếng vỗ tay lớn.

"Còn có người nữa nghe!" Karl kêu lên, bừng tỉnh.

"Mack đấy," Klara nói khẽ.

Và ta nghe ngay tiếng Mack gọi: "Karl Roßmann, Karl Roßmann!"

Karl tung cả hai chân một lượt qua cái ghế ngồi chơi piano và mở cửa. Cậu thấy Mack đang nửa nằm nửa ngồi trên một cái giường to có màn trướng, chăn vứt bừa lên đôi chân. Tấm màn bằng lụa xanh lơ là vẻ lộng lẫy duy nhất đặc thù con gái của cái giường vốn đơn giản, đóng thô kệch bằng loại gỗ nặng. Trên cái bàn ngủ nhỏ chỉ thắp một ngọn nến duy nhất, nhưng ga giường và sơ mi của Mack trắng nõn, khiến ánh nến rọi lên đó hắt lại gần như làm lóa mắt; cả tấm màn cũng lấp lánh sáng, ít nhất ở mép

màn, với thứ lụa hơi dợn sóng và không thật căng. Ngay sau lưng Mack, cái giường và mọi thứ chìm vào bóng tối hoàn toàn. Klara tựa cột giường và ánh mắt nàng chỉ còn dành cho Mack.

"Servus[1]," Mack nói và chìa tay cho Karl. "Cậu đàn thật hay, cho tới nay tôi chỉ được biết tài cưỡi ngựa của cậu thôi."

"Cả hai môn tôi đều dở như nhau," Karl nói. "Nếu biết anh lắng nghe, tôi chắc chắn đã không chơi. Nhưng cô nàng của anh" - cậu ngừng lại, do dự không nói "hôn thê", vì rõ ràng Mack và Klara đã ngủ với nhau rồi.

"Tôi đoán cậu sẽ nói thế," Mack nói, "nên Klara mới phải nhử cậu từ New York tới đây, bằng không tôi sẽ chẳng được nghe ngón đàn của cậu. Cậu đúng là mới tập tành, và ngay trong những bài được soạn rất sơ đẳng, mà cậu đã nhiều lần tập đi tập lại, cậu vẫn phạm vài lỗi, nhưng dẫu sao tôi cũng rất vui, ấy là chưa kể tôi không coi thường ngón đàn của ai cả. Nhưng cậu không muốn ngồi lại đây với chúng tôi một lát nữa sao? Klara, đưa cậu ấy cái ghế."

"Cám ơn," Karl ấp úng nói. "Tôi không thể ở lại, dù muốn tới đâu. Tôi được biết quá muộn rằng trong nhà này có căn phòng ấm cúng đến thế."

"Tôi xây lại hết theo kiểu này đấy," Mack nói.

Đúng lúc đó vang lên mười hai tiếng chuông, dồn dập nối nhau, tiếng này đập vào âm vang của tiếng kia. Karl cảm thấy gió từ sự chuyển động mạnh của những

---

1. Servus: kiểu chào (khi gặp gỡ hoặc tạm biệt) đặc trưng của người Áo và vùng Bavaria (Đông Nam Đức).

cái chuông thổi qua hai má. Ngôi làng như thế nào mà có những cái chuông thế ấy!

"Đã đến lúc không nấn ná được nữa rồi," Karl nói, chỉ chìa tay cho Mack với Klara, song không bắt tay họ và chạy ra hành lang. Ở đấy cậu không thấy đèn đâu và tiếc rẻ đã cho người lão bộc tiền boa quá sớm. Cậu định lần mò theo vách tường tới cái cửa để ngỏ của phòng mình, nhưng chưa đi được nửa đường đã thấy ông Green giơ cao ngọn nến vội vã lắc lư đi tới. Trong bàn tay cầm nến ông cũng mang một bức thư.

"Roßmann, sao cậu lại không tới? Sao cậu để tôi chờ? Cậu đã làm gì ở chỗ cô Klara vậy?"

"Hỏi lắm thế!" Karl nghĩ bụng, "và bây giờ ông còn ép mình vào tường nữa," vì quả thật ông ta đứng sát trước mặt Karl, còn cậu tựa lưng vào tường. Trong hành lang này vóc dáng ông Green trông to lớn đến nực cười và Karl tự hỏi đùa, chẳng lẽ ông ta đã ngốn hết ông Pollunder hiền lành rồi sao.

"Cậu đúng là người không giữ lời. Hứa đúng mười hai giờ xuống dưới, nhưng lại rón rén đi quanh cửa phòng cô Klara. Còn tôi đã hứa cho cậu biết điều gì đấy thú vị vào lúc nửa đêm và tôi mang nó tới đây."

Nói xong ông ta đưa bức thư cho Karl. Trên phong bì viết "*Gửi Karl Roßmann, đưa tận tay vào lúc nửa đêm, dù gặp nó ở đâu.*"

"Dẫu sao," ông Green nói, trong lúc Karl mở thư, "tôi đã vì cậu mà lái xe từ New York tới đây, việc này thật đáng ca ngợi, tôi nghĩ thế, vậy cậu cũng đừng nên để cho tôi phải chạy theo cậu trong các hành lang chứ."

"Của ông bác!" Karl nói, lúc vừa mới nhìn vào thư. "Cháu đã chờ đợi chuyện này," cậu nói với ông Green.

"Cậu chờ đợi hay không đối với tôi cũng thế thôi. Cậu hãy đọc ngay đi," ông ta nói và giơ nến cho Karl.

Karl đọc dưới ánh nến:

"Cháu yêu quý!

Như cháu hẳn đã nhận thấy trong cuộc sống chung rất tiếc quá ngắn ngủi của bác cháu ta, bác là người hoàn toàn có nguyên tắc. Điều này không chỉ rất khó chịu và đáng buồn cho những người chung quanh bác mà cho cả bác nữa, nhưng chính nhờ những nguyên tắc của mình mà bác có được mọi thứ như ngày nay và không ai được quyền đòi hỏi bác phủ nhận cái nền tảng bất di bất dịch đó của bác, không ai, kể cả cháu, cháu yêu quý, tuy rằng nếu lúc nào đấy bác chợt thấy nên chấp nhận một sự công kích bác về mọi mặt, thì chính cháu sẽ là người đầu tiên trong số những người được quyền đó. Lúc ấy bác thích nhất được chụp lấy cháu và nhấc bổng lên với đôi bàn tay mà bác đang giữ tờ giấy và viết bức thư này. Nhưng vì tạm thời hoàn toàn không có gì báo hiệu điều ấy có thể xảy ra một ngày nào đấy, bác bắt buộc phải đuổi cháu đi sau vụ việc hôm nay, và bác khẩn thiết yêu cầu cháu đừng tìm đến bác hoặc tìm cách liên lạc với bác qua thư từ hay qua trung gian. Tối nay cháu đã quyết định rời khỏi bác trái với ý muốn của bác, vậy cháu hãy giữ lấy quyết định này suốt đời cháu; chỉ lúc ấy nó mới là quyết định của người đàn ông. Để đưa tin này, bác đã chọn ông Green, người bạn thân nhất của bác; ông ấy chắc chắn sẽ tìm được những lời lẽ đủ nhã nhặn để nói với cháu, mà quả tình bác không nghĩ ra được vào lúc này. Ông ấy là người có nhiều ảnh hưởng và, để làm vui lòng bác, sẽ giúp cháu bằng lời nói và

hành động trong những bước đi tự lập đầu tiên của cháu. Để hiểu thấu sự chia tay của bác cháu ta, mà bây giờ khi kết thúc bức thư này bác lại thấy không thể tin được, bác cứ phải không ngớt lặp đi lặp lại: Karl ạ, từ gia đình cháu chẳng có được gì tốt đẹp. Nếu ông Green quên trao cho cháu cái rương và cái dù, cháu hãy nhắc ông ấy.

Gửi cháu những lời chúc tốt đẹp nhất cho sự bình an mai sau.

Bác Jakob đáng tin cậy của cháu."

"Cậu đọc xong chưa?" ông Green hỏi.

"Xong rồi ạ," Karl nói. "Ông có mang cái rương và dù cho cháu không?" Karl hỏi.

"Nó đây," ông Green nói và đặt cái rương cũ của Karl, mà cho đến lúc đó ông ta vẫn giấu sau lưng bằng tay trái, xuống sàn nhà, cạnh cậu.

"Thế còn cái dù?" Karl lại hỏi.

"Ở đây tất," ông Green nói và kéo ra cả cái dù mà ông móc ở túi quần. "Một người tên Schubal nào đó, trưởng cơ khí tuyến tàu Hambourg-Mỹ, đã đem những thứ này tới, bảo đã tìm thấy trên tàu. Có dịp thì cậu nhớ cám ơn hắn."

"Ít nhất cháu đã tìm lại được những đồ cũ của mình," Karl nói và đặt dù lên cái rương.

"Trong tương lai cậu nên chú ý đến chúng kỹ hơn, ngài thượng nghị sĩ nhờ tôi nhắn như thế với cậu," ông Green nói, rồi hỏi, rõ ràng vì sự tò mò riêng: "Cái rương gì mà lạ lùng vậy?"

"Đây là loại rương mà những người lính ở nước cháu mang theo khi nhập ngũ," Karl trả lời, "nó là cái rương cũ của bố cháu thời đi lính. Đúng ra nó rất tiện

lợi," cậu mỉm cười nói thêm, "miễn là đừng để quên nó ở đâu đó."

"Dẫu sao cậu cũng đã được chỉ dẫn đủ rồi," ông Green nói, "và hẳn là cậu không có một ông bác thứ hai ở Mỹ. Đây tôi đưa cậu một cái vé hạng ba đi San Francisco. Tôi đã quyết định cho cậu chuyến đi này, vì một là khả năng cậu tìm việc ở bên phía Đông[1] dễ dàng hơn nhiều và hai là ở đây mọi công việc cậu có thể định làm đều có liên quan đến ông bác mà cậu tuyệt đối phải tránh gặp. Ở San Francisco cậu có thể hoàn toàn thanh thản làm việc; cậu hãy bình tĩnh bắt đầu từ dưới cùng và cố gắng làm việc để vươn lên dần."

Karl không nhận thấy ác ý nào trong những lời lẽ này, cái tin xấu ông Green giữ trong người suốt buổi tối đã được trao, và từ nay xem ra ông Green là một người vô hại mà có lẽ ta có thể trò chuyện thẳng thắn hơn so với mọi người khác. Chẳng làm gì nên tội mà bị chọn làm kẻ chuyển giao một quyết định bí mật và gây đau khổ nhường ấy, thì con người tử tế nhất này phải có vẻ đáng nghi, chừng nào ông còn giữ điều bí mật ấy bên người.

"Cháu sẽ lập tức rời khỏi ngôi nhà này, vì cháu chỉ được tiếp đón với tư cách cháu của ông bác, chứ nếu là người lạ thì đừng hòng. Ông vui lòng chỉ cho cháu lối ra, rồi dẫn cháu tới đường để cháu đến quán trọ gần nhất được không?" Karl nói, chờ đợi sự xác nhận của một người từng trải.

---

1. San Francisco không ở phía Đông, mà phía Tây của New York (và nước Mỹ). Không rõ Kafka nhầm lẫn hay cố ý.

"Nhưng gấp gáp lên," ông Green nói. "Cậu gây không ít phiền toái cho tôi đấy."

Thấy ông Green sải bước đi ngay, Karl khựng lại; đó quả là một sự vội vã đáng nghi, cậu túm áo vét của ông Green và nói, vì đột nhiên nhận ra thực chất của chuyện này: "Còn một điều nữa ông phải giải thích cho cháu: trên phong bì mà ông phải đưa cho cháu chỉ ghi rằng cháu cần nhận được thư vào lúc nửa đêm, dù gặp cháu ở đâu. Thế thì tại sao ông lại viện dẫn bức thư này để giữ cháu lại đây, khi cháu muốn đi khỏi vào lúc mười một giờ mười lăm? Ông đã vượt quá nhiệm vụ của mình."

Green mở đầu câu trả lời của mình bằng một cái phác tay, diễn tả một cách phóng đại sự vô ích trong nhận xét của Karl, rồi nói: "Phải chăng trên phong bì có ghi rằng vì cậu mà tôi phải chạy đôn chạy đáo đến chết và chẳng lẽ nội dung bức thư cho phép hiểu dòng chữ ấy như thế? Nếu tôi không giữ cậu lại, hẳn tôi sẽ phải trao bức thư cho cậu vào nửa đêm trên đường làng."

"Không," Karl nói không nao núng, "không hoàn toàn thế. Trên bì thư ghi: 'Trao sau nửa đêm'. Nếu ông quá mệt, hẳn ông không thể chạy theo cháu được, hoặc cháu đã về đến nhà bác cháu vào lúc nửa đêm rồi, điều mà chính ông Pollunder đã bảo là không thể được, hoặc rốt cuộc nhiệm vụ của ông là đưa cháu về bằng xe của ông (bỗng dưng cái xe không được nhắc tới nữa), vì cháu đã thiết tha trở về đến thế cơ mà. Chẳng lẽ lời ghi này không nói lên hoàn toàn rõ, rằng nửa đêm vẫn còn là thời hạn cuối cùng cho cháu sao? Và chính ông có lỗi trong việc cháu đã hụt thời hạn này."

Karl nghiêm khắc nhìn ông Green và hẳn là cậu nhận ra được rằng trong lòng ông ta sự hổ thẹn vì bị lật tẩy đang giao chiến với niềm vui đã thực hiện được ý đồ của mình. Cuối cùng ông ta trấn tĩnh lại và nói bằng giọng như thể ngắt lời Karl, dù cậu đã im lặng từ lâu: "Đừng nói nữa!" và đẩy cậu, đã lại xách rương và dù, qua một khung cửa nhỏ mà ông ta đạp mở ra trước mặt cậu.

Karl sửng sốt đứng ngoài trời. Trước mặt cậu là một cầu thang không lan can, được xây thêm vào nhà, dẫn xuống dưới. Cậu chỉ cần đi xuống, rồi quẹo phải một quãng là tới lối đi với hai hàng cây dẻ, dẫn ra con đường làng. Trong ánh trăng vằng vặc cậu không thể nào đi lạc được. Dưới vườn cậu nghe nhiều tiếng chó sủa; được thả ra, chúng đang chạy quanh trong bóng cây tối om. Ngoài ra thảy đều im lặng, ta nghe rất rõ tiếng chúng rơi trên cỏ sau khi nhảy thật xa.

Rốt cuộc Karl đã ra khỏi vườn mà không gặp rắc rối với lũ chó. Cậu không thể xác định chắc chắn New York nằm hướng nào. Lúc đi tới đây cậu đã chú ý quá ít đến những chi tiết mà lúc này có thể giúp được mình. Cuối cùng cậu tự nhủ rằng mình không nhất thiết phải về New York, ở đó chẳng ai chờ đợi mình và một người thậm chí dứt khoát không chờ đợi. Cho nên cậu chọn một hướng bất kỳ và bắt đầu lên đường.

4
Đi bộ tới Ramses

Đi được một quãng ngắn, Karl tới một quán trọ nhỏ (thật ra đó chỉ là một trạm nhỏ cuối cùng cho xe tải của New York, vì thế hiếm khi được dùng làm nơi nghỉ đêm), hỏi chỗ ngủ rẻ nhất có thể có được, vì cậu nghĩ mình phải bắt đầu tiết kiệm ngay từ bây giờ. Đáp ứng đòi hỏi của Karl, chủ quán ra hiệu cho cậu, như thể cậu là một người làm công, lên cầu thang; trên đó cậu được một mụ hầu phòng đầu bù tóc rối, bực mình vì bị phá giấc ngủ, tiếp đón và, hầu như chẳng buồn nghe cậu nói mà luôn mồm nhắc nhở cậu bước khẽ, dẫn cậu vào một căn phòng, rồi đóng cửa lại, trước đó không quên quở mắng cậu bằng một tiếng "suỵt"!

Mới đầu, Karl không thật rõ đó chỉ là do mành mành cửa sổ được buông xuống hay có thể căn phòng chẳng có cửa sổ nào, phòng tối thế đấy; cuối cùng nhận ra một cửa sổ nhỏ được che trên mái, cậu kéo tấm màn và ít ánh sáng lọt vào qua đó. Phòng có hai giường, song đều đã có người. Karl thấy hai thanh niên nằm ở đó trong giấc ngủ say và nhất là có vẻ ít đáng tin cậy, bởi vì họ nằm ngủ với

đầy đủ áo xống, dù không có lý do nào khả dĩ hiểu được; một người thậm chí còn mang cả giày ống.

Lúc Karl kéo màn cửa sổ, một trong hai người đang ngủ hơi giơ tay và chân lên cao, tạo nên một cảnh tượng khiến Karl dù đang lo lắng cũng phải cười thầm.

Karl nhanh chóng nhận thấy mình sẽ không thể ngủ nổi, vì cậu không được để cho cái rương mới tìm thấy lại của mình và số tiền cất trong người gặp hiểm nguy, đó là chưa kể không có chỗ nằm nào khác, không trường kỷ cũng chẳng sofa. Nhưng Karl cũng không muốn bỏ đi, vì cậu không dám mới đó đã lại đi ra trước mặt mụ già và chủ quán trọ. Vả chăng ở đây có lẽ cũng chẳng kém an toàn hơn trên đường làng. Tất nhiên điều đáng chú ý là trong cả căn phòng, trong chừng mực ánh sáng lờ mờ cho phép xác định, không thấy một hành lý nào. Nhưng có lẽ, và rất có khả năng, hai thanh niên này là gia nhân, sắp phải dậy phục vụ khách nên mới ngủ với nguyên áo xống. Tất nhiên như thế thì cậu chẳng vinh quang gì đặc biệt khi ngủ chung phòng với họ, nhưng càng ít nguy hiểm. Tuy nhiên chừng nào điều này còn chưa chắc chắn, cậu tuyệt đối không được nằm xuống ngủ.

Dưới sàn, trước một cái giường có để một cây nến với vài que diêm, Karl rón rén tới lấy. Cậu không ngại thắp nến, vì theo mệnh lệnh của chủ quán thì căn phòng này thuộc về cậu cũng như hai người kia, hơn nữa họ đã hưởng giấc ngủ được nửa buổi tối rồi và lợi thế hơn hẳn cậu qua việc chiếm hai cái giường. Vả chăng dĩ nhiên cậu cố gắng thận trọng khi đi lại trong phòng cũng như khi làm chuyện này chuyện nọ để khỏi đánh thức họ.

Trước nhất cậu muốn xem xét cái rương, để có được cái nhìn bao quát về những thứ cậu chỉ còn nhớ mang máng, mà chắc chắn những món quý giá nhất hẳn là đã mất rồi. Vì khi Schubal đã đặt tay lên vật gì, thì ta ít có hy vọng nhận được lại nó nguyên vẹn. Tất nhiên hắn có thể chờ đợi từ ông bác một món tiền boa lớn, còn nếu thiếu món này món nọ hắn có thể đổ cho anh chàng Butterbaum, người nhận canh giữ cái rương.

Karl mở rương và kinh hoàng lúc mới thoạt nhìn. Trong chuyến vượt đại dương cậu đã bỏ ra biết bao tiếng đồng hồ sắp xếp đi sắp xếp lại cái rương, và giờ đây tất cả được nhồi nhét lộn xộn đến nỗi mới mở khóa mà nắp rương đã tự động bật lên. Nhưng Karl nhanh chóng vui mừng nhận thấy sự lộn xộn này chỉ là do người ta xếp thêm vào đó bộ com lê cậu mặc trong chuyến đi, mà tất nhiên nó đã không được cái rương dự trù chỗ. Không thiếu chút gì. Trong cái túi bí mật của áo vét tông không phải chỉ có tấm hộ chiếu, mà còn cả số tiền đã mang theo từ nhà, khiến cho nếu gộp thêm những gì cậu hiện mang trong người, thì lúc này Karl có được kha khá tiền. Cả những áo quần cậu mặc khi tới Mỹ cũng có trong đó, được giặt sạch sẽ và là cẩn thận. Cậu lập tức cất đồng hồ và tiền vào cái túi bí mật đáng tin cậy. Điều đáng tiếc duy nhất là khúc xúc xích Verona (nó cũng không mất) đã ám mùi lên mọi thứ. Nếu không khử được bằng cách nào đấy, Karl có triển vọng sẽ đi tới đi lui hàng tháng trời trong cái mùi phủ kín người này.

Khi tìm và lôi ra vài thứ nằm tận dưới đáy rương - một quyển *Kinh Thánh* bỏ túi, giấy viết thư và bức hình của bố mẹ - cái mũ cát két tuột khỏi đầu cậu, rơi vào rương.

Trong môi trường chung quanh quen thuộc của nó, cậu lập tức nhận ra đó là cái mũ cát két của mình, mà mẹ cậu đã cho để cậu đội đi đường. Tuy nhiên cậu đã cẩn thận không đội nó trên tàu, vì cậu biết ở Mỹ người ta nói chung đội cát két thay vì loại mũ có vành, vì thế cậu không muốn chưa tới nơi mà mũ mình đã bị sờn. Song ông Green đã dùng nó để bỡn cợt cậu. Có thể nào ông bác cũng đã giao cho ông ta mệnh lệnh đó chăng? Và trong một cử động giận dữ không chủ ý cậu chụp lấy nắp rương, khiến nó sập xuống ầm ĩ.

Bây giờ chẳng còn cách nào cứu vãn nữa, hai người đang ngủ đã bị đánh thức. Mới đầu một người ưỡn dài và ngáp, người kia liền bắt chước theo. Trong lúc đó gần như mọi thứ trong rương đã đổ ra trên bàn; nếu là quân trộm cắp, họ chỉ cần lại gần và chọn lựa. Để chặn trước khả năng này và cũng để làm sáng tỏ ngay, Karl cầm nến đi tới hai cái giường và giải thích mình có quyền gì mà ở đây. Họ có vẻ hoàn toàn không chờ đợi lời giải thích đó, vì còn quá ngái ngủ không trò chuyện được, họ chỉ nhìn cậu, không mảy may tỏ vẻ ngạc nhiên. Cả hai người đều rất trẻ, nhưng công việc vất vả hoặc sự nghèo khổ đã khiến gương mặt họ trơ xương trước tuổi, râu mọc lởm chởm quanh cằm, mái tóc lâu chưa cắt bờm xờm trên đầu và vì buồn ngủ họ còn lấy những khớp xương đốt ngón tay dụi và ấn lên những đôi mắt sâu hoắm.

Karl muốn tận dụng tình trạng yếu ớt tức thời của họ, nên cậu nói: "Tôi tên Karl Roßmann và là người Đức. Vì chúng ta ở chung một phòng, xin vui lòng cũng cho tôi biết tên và quốc tịch của các anh. Xin nói ngay là tôi

không đòi được có giường, vì tôi đã đến quá muộn và hoàn toàn không có ý định ngủ. Ngoài ra các anh cũng không phải khó chịu về quần áo đẹp của tôi, tôi nghèo xơ xác và chẳng có tiền đồ nào cả."

Người thấp bé hơn - chính là anh chàng mang giày ống - ra hiệu bằng cả hai tay, hai chân và nét mặt rằng hắn không hề quan tâm đến tất cả những điều ấy và bây giờ hoàn toàn không phải là lúc cho những loại trò chuyện như thế, rồi lại nằm xuống và ngủ tức thì; người kia, da ngăm ngăm, cũng lại nằm xuống, nhưng trước khi thiếp đi còn thờ ơ chìa tay nói: "Hắn tên Robinson và là người Ireland, còn tôi tên Delamarche, người Pháp và bây giờ xin vui lòng yên lặng." Vừa dứt lời, y phồng má thổi tắt ngọn nến của Karl và ngả đầu xuống gối.

"Thế là tạm thời ngăn chặn được mối nguy này," Karl tự nhủ và quay lại chỗ cái bàn. Nếu việc họ buồn ngủ không phải là giả vờ thì mọi chuyện ổn cả. Chỉ hiềm nỗi một gã là người Ireland. Karl không nhớ rõ có lần đã đọc trong quyển sách nào khi còn ở nhà, rằng ở Mỹ ta cần cảnh giác trước những người Ireland. Trong thời gian ở nhà ông bác dĩ nhiên cậu có cơ hội tốt nhất để làm sáng tỏ mối nguy hiểm của người Ireland, nhưng vì ngỡ mình sẽ được chăm sóc mãi mãi, nên cậu đã quên bẵng chuyện ấy. Bây giờ Karl muốn ít nhất với ngọn nến vừa châm lại, tới nhìn gã Ireland này kỹ hơn, và cậu thấy chính gã trông dễ chịu hơn gã người Pháp. Trong chừng mực mà Karl, đứng nhón chân xa xa, có thể xác định được thì thậm chí hai má gã còn vương nét phinh phính và gã mỉm cười thật dễ mến trong giấc ngủ.

Tuy nhiên vẫn kiên quyết sẽ không ngủ, Karl ngồi xuống chiếc ghế duy nhất trong phòng, tạm thời chưa thu xếp rương vội - vì cậu còn có thể dành cả đêm cho việc này mà - và lần giở quyển *Kinh Thánh*, nhưng chẳng đọc gì. Rồi cậu cầm lấy bức ảnh của bố mẹ, hình chụp ông bố nhỏ bé đứng thẳng ưỡn người vênh mặt để trông cho cao, còn bà mẹ ngồi hơi lọt thỏm trong chiếc ghế bành trước mặt ông. Một tay ông bố để lên lưng ghế phô tơi, tay kia nắm lại, đặt lên một quyển sách hình để mở trên một chiếc bàn con mảnh dẻ trang trí cầu kỳ bên cạnh. Cũng có một bức ảnh khác, chụp Karl với bố mẹ. Trong tấm hình này bố và mẹ đăm đăm nhìn cậu, trong khi cậu được lệnh của ông phó nhòm nhìn vào máy ảnh. Nhưng tấm hình này cậu không mang theo trong chuyến đi.

Vì thế cậu càng nhìn kỹ hơn tấm hình trước mặt và tìm cách bắt lấy ánh mắt bố từ nhiều hướng khác nhau. Nhưng dù cậu thay đổi việc quan sát bằng cách đặt ngọn nến ở những vị trí khác nhau, bố cậu vẫn không chịu trở nên sống động, hàng ria rậm nằm ngang của ông trông cũng hoàn toàn không giống với thật, bức ảnh này không đạt. Còn bà mẹ được chụp khá hơn, miệng bà méo xệch như thể bà gặp chuyện đau khổ và phải gượng mỉm cười. Theo Karl thì ai nhìn bức ảnh cũng phải nhận thấy rõ điều ấy, đến nỗi khoảnh khắc sau cậu lại cho rằng sự rõ ràng của ấn tượng này là quá mạnh và gần như phi lý. Làm sao người ta có thể có được từ một bức hình niềm tin vững chắc không thể chối cãi về cảm xúc được che giấu của người trong ảnh! Và cậu rời mắt một lúc khỏi tấm ảnh. Khi nhìn trở lại, cậu nhận thấy bàn tay mẹ để thõng trên đầu tay ghế phô tơi, gần tới

mức có thể hôn được. Cậu nghĩ có lẽ nên viết thư cho bố mẹ, như họ quả thật đã yêu cầu cậu (lần cuối ông bố đã yêu cầu rất nghiêm khắc ở Hambourg). Tuy nhiên hồi đó, khi bà mẹ thông báo cho cậu bên cửa sổ vào một buổi tối kinh hoàng về chuyện đi Mỹ, cậu đã có lời thề bất di bất dịch rằng sẽ không bao giờ viết thư, nhưng một lời thề như thế của một chàng trai non nớt nào có ý nghĩa gì ở đây, trong hoàn cảnh mới! Ngày ấy cậu có thể thề rằng sau hai tháng ở Mỹ mình sẽ trở thành tướng của quân đội Mỹ cũng được vậy, trong khi sự thật cậu đang ở trong một phòng sát mái chung với hai gã du thủ du thực, trong một quán trọ ở vùng ngoại ô New York, ngoài ra cậu phải thú nhận rằng đây mới đúng là chỗ của mình. Cậu mỉm cười chăm chú nhìn mặt bố mẹ, tuồng như có thể biết được từ đó họ có còn luôn mong muốn nhận được tin tức của con trai hay không.

Trong lúc ngắm nghía cậu nhanh chóng nhận thấy mình quả tình rất mệt mỏi và khó lòng thức tới sáng được. Tấm hình vuột khỏi hai bàn tay cậu, rồi cậu áp mặt lên đó, tấm hình mát lạnh làm má cậu dễ chịu, cậu thiếp đi với cảm giác khoan khoái.

Cậu bị đánh thức sớm vì có người cù nách. Chính tay người Pháp đã tự cho phép mình suồng sã như vậy. Nhưng cả tay Ireland cũng đứng trước bàn của Karl và hai gã ấy nhìn cậu chăm chú không kém hồi đêm Karl nhìn họ. Karl không ngạc nhiên về việc họ dậy mà không làm mình thức; họ xuất hiện hết sức khẽ hoàn toàn không phải do có ý đồ xấu xa, mà vì cậu đã ngủ quá say, ngoài ra việc mặc quần áo và rõ ràng cả việc rửa ráy cũng chẳng khiến họ mất công gì nhiều.

Bây giờ họ chào hỏi nhau đàng hoàng và đôi chút trịnh trọng; Karl được biết hai người này là thợ cơ khí lắp ráp, đã từ lâu không thể tìm được việc ở New York, vì thế hơi xuống dốc. Để chứng minh, Robinson phanh áo vét tông của hắn và ta có thể thấy hắn không có sơ mi, tuy nhiên điều này lẽ ra ta cũng có thể nhận thấy rồi, ở cái cổ áo giả rộng lùng thùng hắn đính vào lưng chiếc áo vét tông. Họ định đi bộ tới Butterford, một thành phố nhỏ cách New York hai ngày đường, nghe nói ở đó có việc làm. Họ không có gì phản đối chuyện Karl đi cùng và hứa một là thỉnh thoảng sẽ xách hộ cậu cái rương và hai là, nếu họ kiếm được việc, sẽ tìm cho cậu một chỗ học nghề, hẳn cũng dễ thôi, miễn là có việc làm. Karl chỉ vừa mới đồng ý, họ đã thân ái khuyên cậu cởi bộ quần áo đẹp ra, vì nó sẽ gây trở ngại cho cậu mỗi khi xin việc. Ngay chính trong ngôi nhà này có cơ hội tốt để tống khứ nó đi, vì mụ hầu phòng buôn bán quần áo. Karl còn ngần ngừ chưa quyết, họ đã giúp cậu cởi bộ quần áo và đem nó đi. Khi Karl, bị bỏ lại một mình và còn hơi buồn ngủ, chậm chạp khoác lên người bộ quần áo cũ đã mặc lúc đi tàu qua đây, cậu tự trách đã bán bộ com lê, có thể nó bất lợi cho cậu khi xin một chỗ học nghề, nhưng biết đâu lại hữu ích khi xin một chỗ làm khá hơn, và cậu mở cửa để gọi hai tay đó trở lại, nhưng đã đụng ngay họ rồi; họ đặt lên bàn nửa đô la tiền bán được, mặt mũi tỏ ra hớn hở đến nỗi cậu không thể tự thuyết phục nổi rằng họ đã không đút túi phần nào và nói cho đúng, nó nhiều đến mức đáng giận.

Song đây không phải là lúc để nói với nhau về chuyện ấy, vì mụ hầu phòng đã vào, ngái ngủ y hệt hồi

đêm, và xua cả ba ra ngoài hành lang, với lời giải thích rằng phải làm phòng cho những khách mới. Dĩ nhiên đâu có chuyện ấy, mụ làm thế chỉ vì độc ác thôi. Vừa định xếp rương, Karl đã phải chứng kiến cảnh mụ túm đồ đạc của cậu bằng cả hai tay và ném mạnh vào đó, như thể chúng là những con vật cần phải dạy nằm bẹp xuống. Hai tay thợ cơ khí lắp ráp tuy có làm khó dễ mụ, họ giật váy mụ, đập đập lưng mụ, nhưng nếu họ định giúp Karl bằng cách ấy thì chẳng đi đến đâu. Khi đã đóng xong cái rương, mụ ấn quai xách vào tay Karl, hất tay hai thợ cơ khí và đuổi cả ba ra khỏi phòng, dọa nếu họ không nghe lời sẽ không được uống cà phê. Rõ ràng mụ đã hoàn toàn quên rằng ngay từ đầu Karl không thuộc nhóm hai tay thợ cơ khí, vì mụ đối xử như thể họ là một băng. Song hai tay thợ cơ khí đã bán bộ com lê của Karl cho mụ, bằng cách ấy chứng tỏ họ liên quan mật thiết với nhau đôi chút.

Họ phải đi đi lại lại ngoài hành lang một lúc lâu; khoác tay Karl, gã người Pháp luôn mồm chửi rủa, dọa sẽ cho chủ quán trọ đo ván, nếu ông ta dám chường mặt ra, và dường như để chuẩn bị cho chuyện ấy, y giận dữ cọ hai nắm đấm vào nhau. Cuối cùng một thằng bé nhỏ thó vô tội xuất hiện, nó phải rướn người khi đưa bình cà phê cho gã người Pháp. Tiếc thay chỉ có một bình cà phê, mà họ không tài nào làm cho thằng nhỏ hiểu được rằng họ cần thêm ly. Thành thử luôn chỉ có một người uống, còn hai người kia đứng chờ trước mặt. Karl không hứng thú uống, nhưng không muốn làm phật lòng những người kia, nên khi đến lượt mình, cậu chỉ đưa bình cà phê lên miệng chứ không uống.

Để từ biệt, tay người Ireland quăng cái bình xuống nền nhà bằng đá. Họ rời quán trọ mà không ai trông thấy và bước vào làn sương mù dày đặc, vàng vàng của buổi sáng. Nói chung họ lặng lẽ đi cạnh nhau bên ven đường, Karl phải xách cái rương, những người kia có lẽ sẽ chỉ mang giúp khi được cậu yêu cầu; thỉnh thoảng một chiếc ô tô vọt ra từ màn sương mù và ba người quay đầu nhìn theo những cỗ xe phần lớn khổng lồ, hình dáng thật khác thường và hiện ra chớp nhoáng đến nỗi họ không kịp nhận ra có người trong đó hay không. Lát sau những đoàn xe tải chở thực phẩm tới New York bắt đầu, chúng chạy thành hàng năm, chiếm hết chiều ngang con đường, liên tục, khiến không ai có thể băng qua được. Thỉnh thoảng con đường phình ra thành một quảng trường, ở giữa có một viên cảnh sát đi lại trên một cái đài tựa như ngọn tháp để có thể nhìn khắp tất cả và với một cây gậy nhỏ điều khiển sự lưu thông trên đường chính cũng như từ các đường nhánh đổ vào, để rồi nó không được giám sát cho đến quảng trường tới và viên cảnh sát tiếp sau, nhưng được những người đánh xe ngựa và tài xế ô tô, lặng thinh và chăm chú, tự nguyện tuân thủ trong một trật tự chấp nhận được. Karl ngạc nhiên nhất về sự yên tĩnh chung. Nếu không có tiếng kêu của những con thú vô ưu trên đường đến lò mổ, có lẽ người ta không nghe thấy gì khác hơn tiếng gõ lóc cóc của những móng guốc và tiếng lăn vun vút của bánh xe. Song tất nhiên không phải lúc nào tốc độ cũng như nhau. Ở đôi ba quảng trường cá biệt, khi xe cộ từ các đường nhánh đổ vào quá đông, phải có những điều chỉnh lớn, mọi làn xe khựng lại và chỉ nhích từng

bước, nhưng cũng có khi mọi xe cộ phóng qua như chớp được một lúc, cho tới khi chúng dịu lại, như thể được chế ngự bởi một cái phanh duy nhất. Từ đường sá không bay lên chút bụi nào, tất cả chuyển động trong bầu không khí trong lành nhất. Không thấy một khách bộ hành nào, ở đây không có những bà bán hàng đi bộ ra thành phố họp chợ như bên đất nước của Karl, song thỉnh thoảng lại thấy những chiếc ô tô to và phẳng, với khoảng hai mươi phụ nữ đeo sọt đứng trên đó, dễ có thể đó là các bà bán hàng đi họp chợ, họ nghển cổ để quan sát xe cộ qua lại và nuôi hy vọng chuyến đi sẽ nhanh hơn. Rồi ta thấy những chiếc xe tương tự, trên có vài người đàn ông đi lòng vòng, tay thọc túi quần. Các xe này mang những hàng chữ khác nhau. Karl khẽ kêu lên khi thấy trên một chiếc: "Tuyển dụng công nhân bốc vác ở cảng cho Hãng Vận tải Jakob". Chiếc xe đang chạy thật chậm và một người đàn ông thấp bé, lưng còng, vui tươi đứng ở bậc lên xuống mời ba khách lữ hành lên xe. Karl trốn sau lưng hai thợ cơ khí, cứ như thể ông bác của cậu có thể đang ở trên xe và trông thấy cậu vậy. Cậu mừng vì hai người kia cũng từ khước lời mời, tuy vẻ mặt kênh kiệu của họ lúc đó cũng đã khiến cậu hơi bị tổn thương. Họ hoàn toàn không được cho rằng họ quá giỏi giang và ông bác không đáng để họ phục vụ. Cậu lập tức làm cho họ hiểu điều ấy, tuy tất nhiên không nói thẳng. Delamarche liền yêu cầu cậu vui lòng đừng can thiệp vào những việc mà cậu không hiểu; cách tuyển dụng người như thế là một sự lừa đảo bỉ ổi và hãng Jakob đầy tai tiếng trên toàn nước Mỹ. Karl không đáp, nhưng từ lúc ấy cậu giữ quan hệ nhiều hơn với tay Ireland, cậu cũng nhờ hắn

mang giúp cái rương một lúc và hắn cũng đã làm, sau khi Karl nhiều lần nhắc lại lời yêu cầu. Chỉ phải cái hắn luôn miệng cằn nhằn cái rương quá nặng, cho đến lúc vỡ lẽ rằng hắn chỉ muốn làm cho cái rương nhẹ bớt khúc xúc xích Verona từng khiến hắn thèm thuồng chú ý ngay tại quán trọ. Karl phải moi khúc xúc xích ra, tay người Pháp vơ lấy để xử lý với con dao trông tựa dao găm và mình y chén gần hết. Thỉnh thoảng Robinson mới được một lát, còn Karl (cậu lại phải xách cái rương, nếu không muốn để nó lại trên con đường làng) chẳng được lát nào, như thể cậu đã ăn trước phần của mình rồi. Cậu thấy xin xỏ một miếng là quá tầm thường, nhưng tức ứa mật.

Sương mù đã tan, xa xa lấp lánh một rặng núi cao, đỉnh núi nhấp nhô trải dài xa nữa vào làn hơi nước mờ đục ánh mặt trời. Bên cạnh đường, những cánh đồng trồng trọt nham nhở bao quanh những nhà máy lớn đứng giữa trời nhả khói đen kịt. Tại những khu nhà ở thuê tập thể nằm rải rác mọc lên bừa bãi có nhiều cửa sổ rung rinh vì vô vàn chuyển động và ánh sáng, những phụ nữ và trẻ con có bao thứ việc phải làm trên các ban công chật hẹp và ọp ẹp, trong khi chung quanh họ những tấm khăn và quần áo treo phơi hoặc để nằm bay phần phật, phồng căng trong làn gió sớm, hết che khuất họ lại để lộ họ ra. Rời ánh mắt khỏi những ngôi nhà ấy, ta lại thấy bầy chim sơn ca bay tít trên bầu trời và bên dưới là đàn chim én lượn không cao quá trên đầu người qua lại trên đường.

Nhiều thứ gợi Karl nhớ quê nhà và cậu không biết việc mình rời New York, đi sâu vào nội địa đất nước này có tốt không. Ở New York có biển và lúc nào cũng có khả

năng quay về quê hương. Thế là cậu liền dừng bước, bảo hai bạn đồng hành rằng cậu lại không muốn rời New York nữa. Và khi Delamarche cứ định đẩy cậu đi tiếp, Karl không chịu, bảo cậu có quyền quyết định cho mình. Trước hết tay Ireland phải can thiệp, giải thích rằng Butterford đẹp hơn New York nhiều, rồi hai gã phải ra sức năn nỉ cậu mới chịu tiếp tục đi. Ngay cả lúc ấy Karl cũng không chắc đã đi, nếu cậu không tự nhủ rằng tới một nơi mà khả năng trở về quê nhà không quá dễ dàng có lẽ lại hay hơn. Chắc chắn ở đó cậu sẽ làm việc tốt hơn và thăng tiến, vì không bị những suy nghĩ vô ích cản trở.

Bây giờ chính cậu là người kéo hai gã đó theo, và hai gã quá vui mừng về sự hăng hái của cậu tới mức đã thay nhau xách hộ cái rương mà không cần đợi được yêu cầu, và Karl không thật rõ mình đã tạo được cho hai gã niềm vui ấy bằng cách nào. Họ tới một vùng dốc lên và khi thỉnh thoảng dừng lại, ngoái nhìn họ có thể thấy toàn cảnh New York với bến cảng đang không ngừng mở rộng. Chiếc cầu nối New York với Brooklyn treo mỏng manh trên sông Hudson và khi nhíu mắt ta thấy nó rung rinh. Trông như thể hoàn toàn không có xe cộ qua lại trên cầu và phía dưới nó trải dài dải nước mịn màng, buồn tẻ. Mọi thứ được dựng lên ở hai thành phố khổng lồ này dường như hoang vắng và vô ích. Hầu như chẳng có khác biệt nào giữa những ngôi nhà lớn nhỏ. Ở những đường phố nằm dưới sâu không thấy nổi có lẽ cuộc sống vẫn tiếp diễn theo cách của nó, nhưng ở bên trên ta không thấy gì khác hơn một làn hơi nước nhẹ, tuy nó lặng lờ, song dường như cũng dễ xua đi. Ngay cả ở cảng, cảng lớn nhất

thế giới, sự yên lặng cũng đã trở lại; chỉ thỉnh thoảng, hẳn là do ảnh hưởng của ký ức về một lần trông thấy trước đây từ khoảng cách gần, ta mới tưởng đã nhìn thấy một con tàu xê dịch đi một quãng ngắn. Nhưng ta cũng không thể dõi theo nó lâu, nó thoát khỏi tầm mắt và ta không tìm thấy nó nữa.

Nhưng rõ ràng Delamarche và Robinson trông thấy nhiều hơn, họ khum bàn tay chỉ hết bên phải đến bên trái vào những quảng trường và những công viên mà họ nêu tên vanh vách. Họ chịu không hiểu nổi sao Karl đã ở New York hơn hai tháng mà hầu như không thấy gì khác của thành phố ngoài một con đường. Và họ hứa, khi kiếm được đủ tiền ở Butterford, sẽ cùng đi với cậu tới New York và chỉ cậu xem mọi danh lam thắng cảnh, tất nhiên đặc biệt là những khu mà họ sẽ tiêu khiển sướng đời. Rồi Robinson gân cổ hát một bài, được Delamarche vỗ tay phụ họa và Karl nhận ra đó là một khúc ca kịch mà cậu rất thích, xuất xứ từ quê hương mình, ở đây ca từ tiếng Anh của nó khiến cậu còn thích hơn nhiều. Thế là họ có một buổi trình diễn nho nhỏ ngoài trời mà tất cả đều tham gia, chỉ riêng thành phố dưới kia, nghe nói rất ưa thích khúc nhạc này, dường như không hề hay biết.

Một lần Karl hỏi hãng vận chuyển Jakob ở chỗ nào, lập tức cậu thấy những ngón tay trỏ của Delamarche và Robinson duỗi ra chỉ, có thể vào cùng một điểm, cũng có thể vào những điểm cách nhau cả dặm. Rồi khi tiếp tục đi, Karl hỏi bao giờ họ có thể kiếm đủ tiền để quay về New York sớm nhất. Delamarche bảo có thể trong một tháng đã kiếm đủ rồi, vì ở Butterford khan hiếm công nhân và

tiền công cao. Tất nhiên họ sẽ bỏ tiền vào một quỹ chung, để san bằng những chênh lệch ngẫu nhiên trong thu nhập giữa bạn bè. Karl không thích quỹ chung này, tuy rằng là thợ học việc đương nhiên cậu thu nhập ít hơn công nhân có tay nghề. Robinson còn bảo nếu ở Butterford không có việc, tất nhiên họ phải tiếp tục đi để làm công nhân nông trường ở đâu đó, hoặc có thể tới California đãi vàng; xét theo lời kể lể tỉ mỉ của Robinson thì đây là ý định hắn ưa thích nhất.

"Sao anh lại trở thành thợ lắp ráp cơ khí, nếu bây giờ anh muốn đi đãi vàng?" Karl hỏi, cậu nghe một cách bất đắc dĩ về sự cần thiết phải làm những chuyến đi xa và không chắc chắn như thế.

"Tại sao tớ thành thợ lắp ráp cơ khí ư?" Robinson nói, "chắc chắn không phải là để cho thằng con trai của mẹ tớ chết đói rồi. Còn đãi vàng thì kiếm được bộn tiền."

"Thời đó đã qua rồi," Delamarche nói.

"Vẫn còn," Robinson nói và kể về nhiều người quen đã giàu nhờ đãi vàng; họ vẫn còn ở đấy, dĩ nhiên họ chẳng muốn giúp ai dù thấy người ta làm lụng vất vả, nhưng vì tình bạn cố tri họ sẽ giúp đỡ hắn và tất nhiên cả các bạn bè của hắn được giàu có.

"Mình sẽ tìm được việc ở Butterford thôi," Delamarche nói, gãi đúng chỗ ngứa của Karl, nhưng đó không phải một cách nói lạc quan.

Trong ngày họ chỉ dừng lại một lần trước một quán ăn và dùng bữa ngoài trời - theo Karl thấy - tại một cái bàn bằng sắt, món thịt gần như sống nhăn, không xắt được bằng dao nĩa, chỉ có thể xé. Bánh mì có dạng hình

trụ và trong mỗi ổ cắm một con dao dài. Cùng với món ăn này người ta bưng ra một chất lỏng màu đen, uống rát cổ họng. Nhưng Delamarche và Robinson thấy nó ngon, họ hay nâng và cụng ly bằng cách kề sát ly một lúc trên cao, chúc nhau thực hiện được nhiều ước nguyện. Ngồi ở bàn bên cạnh là những công nhân trong bộ áo lao động bám đầy vôi và mọi người uống cùng thứ chất lỏng ấy. Ô tô nườm nượp chạy qua, tung những đám bụi lên bàn. Những tờ báo khổ lớn được chuyền quanh, người ta khích động nói về cuộc đình công của công nhân xây dựng, tên một ông Mack nào đó thường được nhắc tới. Karl dò hỏi về người tên Mack này và được biết đó là cha của anh chàng Mack mà cậu quen biết và là chủ thầu xây dựng lớn nhất của New York. Cuộc đình công làm ông ta thiệt hại bạc triệu và có thể đe dọa địa vị của ông ta trong ngành. Karl không tin một lời nào trong câu chuyện ba hoa của những kẻ thiếu thông tin và có thái độ thù địch này.

Ngoài ra Karl còn thấy buồn bực về bữa ăn, vì chưa thật rõ nên thanh toán nó như thế nào. Sẽ là bình thường nếu ai trả phần người nấy, nhưng Delamarche cũng như Robinson đã thỉnh thoảng nói rằng họ chi hết số tiền cuối cùng cho việc ngủ trọ tối qua rồi. Chẳng thấy người nào đeo đồng hồ, nhẫn hoặc gì khác có thể bán được. Và Karl không thể nào trách móc họ đã kiếm chác gì đấy khi bán bộ com lê của cậu, vì đó sẽ là một sự sỉ nhục và chia tay vĩnh viễn. Nhưng điều ngạc nhiên là cả Delamarche lẫn Robinson đều chẳng lo lắng gì về chuyện trả tiền, ngược lại họ còn đủ vui vẻ để tìm cách bắt chuyện thật nhiều với

cô phục vụ đang kiêu hãnh đi đi lại lại với bước chân nặng nề giữa các bàn. Tóc cô hơi lòa xòa trên trán và hai má và cô không ngớt thọc hai tay dưới tóc vuốt ngược ra sau. Cuối cùng, khi ta có thể chờ đợi ở cô lời nói thân thiện đầu tiên, thì cô bước lại, đặt hai tay lên bàn và hỏi: "Ai trả?" Chưa bao giờ có những bàn tay giơ lên nhanh hơn bàn tay của Delamarche và Robinson lúc này, khi chúng chỉ vào Karl. Karl không vì thế mà hốt hoảng, cậu đã tiên liệu điều này và chẳng thấy có gì tồi tệ, khi những người bạn (mà quả tình cậu cũng chờ đợi có được những mối lợi từ họ) để cho cậu trả vài thứ lặt vặt, tuy sẽ là thích đáng hơn nếu họ bàn bạc rõ ràng chuyện này trước giây phút quyết định. Chỉ phiền nỗi trước hết cậu phải moi tiền từ cái túi bí mật. Ý định ban đầu của cậu là giữ số tiền này phòng trường hợp tối cần thiết, tức là bây giờ cậu tạm thời sống, trong chừng mực nào đó, ngang mức với các bạn của mình. Nếu nhờ số tiền này và nhất là qua việc giấu nhẹm chuyện mình sở hữu nó trước các bạn đồng hành mà cậu có được chút lợi thế, thì bù lại, họ cũng lợi thế không kém - có khi còn hơn nhiều, vì họ đã ở Mỹ từ nhỏ, họ quá rành rẽ và đủ kinh nghiệm trong việc kiếm tiền và sau hết vì họ không từng quen sống phong lưu hơn hoàn cảnh hiện tại của họ. Những gì Karl dự tính cho đến nay liên quan đến tiền bạc của mình, kỳ thật không bị xáo lộn qua việc thanh toán món tiền ăn này, vì dù thiếu một phần tư pfund[1] cậu vẫn sống được, cho nên cậu sẵn sàng đặt một phần tư pfund lên bàn, bảo đây là tài sản duy nhất của mình và cậu sẵn

1. Pfund (pound): không phải tiền Mỹ!

sàng hy sinh nó cho chuyến đi chung tới Butterford. Số tiền này thừa đủ nếu họ đi bộ.

Nhưng bây giờ cậu không biết mình có đủ tiền lẻ chăng, hơn nữa số tiền lẻ này cũng như những tiền giấy được gấp lại đang nằm sâu đâu đó trong cái túi bí mật, và cách hay nhất để tìm gì đó trong túi ấy là đổ hết mọi thứ lên bàn. Song nói chung hết sức không cần thiết để các bạn cậu biết được gì đấy về cái túi bí mật này. May mà các bạn cậu vẫn còn quan tâm đến cô phục vụ hơn là muốn biết làm cách nào Karl gom góp được tiền để trả. Delamarche yêu cầu cô phục vụ viết phiếu thanh toán, để dụ cô vào giữa y với Robinson và cô chỉ có thể chống lại sự suồng sã của họ bằng cách đặt nguyên bàn tay lên mặt người này hoặc người kia và đẩy ra. Trong khi đó Karl, nóng bừng vì căng thẳng, gom vào một bàn tay để dưới gầm bàn số tiền cậu đã dùng bàn tay kia mò tìm trong cái túi bí mật và móc ra từng đồng một. Cuối cùng, tuy chưa thật rành tiền Mỹ, cậu nghĩ rằng thế đã đủ, ít nhất dựa theo số lượng các đồng tiền, và đặt nó lên bàn. Tiếng tiền loẻng xoẻng cắt đứt lập tức mọi trò đùa bỡn. Hóa ra có tới gần một pfund nằm đó, khiến Karl bực mình, còn mọi người kinh ngạc. Tuy chẳng ai hỏi tại sao trước đây Karl không nói gì hết về số tiền này, nó đủ để họ đi xe lửa thoải mái tới Butterford, nhưng cậu đã rất lúng túng. Trả tiền ăn xong, Karl chậm chạp vơ tiền trên bàn về; cậu còn chưa kịp cất, Delamarche đã nhón từ bàn tay cậu một đồng kẽm làm tiền boa cho cô phục vụ mà y đang ôm riết vào người bằng một tay, để rồi đưa cho cô tiền từ tay kia.

Karl biết ơn họ, vì trên đường tiếp tục đi họ không đả động gì đến món tiền, và thậm chí trong một lúc lâu cậu còn nghĩ đến việc thú thật hết với họ về toàn bộ tài sản của mình, song lại thôi, vì không gặp dịp nào thuận tiện. Gần tối họ đến một vùng thôn dã màu mỡ hơn. Ta thấy chung quanh những cánh đồng không bị chia cắt, màu xanh non đầu mùa phủ trên những ngọn đồi thoai thoải, những thái ấp giàu có trải kín hai bên đường và họ đi hàng giờ liền giữa những hàng rào mạ vàng của những khu vườn, họ băng qua nhiều lần cùng một dòng sông lờ đờ chảy và thường nghe trên đầu tiếng xe lửa ầm ầm qua những cây cầu cạn uốn lượn trên cao. Khi họ gieo người lên bãi cỏ trên một gò đất ở giữa một đám cây để nghỉ ngơi sau những căng thẳng, thì mặt trời cũng vừa mới lặn khỏi đường viền của những cánh rừng xa xa. Delamarche và Robinson nằm đó, dang hết chân tay. Còn Karl ngồi thẳng, nhìn xuống con đường nằm phía dưới vài mét, nơi không ngừng có những chiếc ô tô, như cậu đã thấy suốt ngày hôm nay, chạy ào qua nhau, như thể chúng không ngừng được gửi đi với số lượng chính xác từ một nơi xa này và được chờ đợi ở một nơi xa kia với cũng cùng số lượng ấy. Suốt cả ngày, từ sáng sớm, Karl không thấy một chiếc xe nào dừng lại hoặc một hành khách nào xuống.

Robinson đề nghị ngủ đêm ở đây, vì họ đã mệt nhoài, vì rồi họ sẽ càng có thể lên đường sớm hơn và sau hết vì họ hầu như không tìm nổi một chỗ nghỉ đêm nào rẻ hơn, có vị trí tốt hơn trước khi bóng đêm ập xuống hoàn toàn. Delamarche đồng ý, riêng Karl thấy có trách nhiệm lên tiếng rằng cậu có đủ tiền để trả chỗ ngủ cho mọi người,

kể cả trong khách sạn. Delamarche bảo họ sẽ còn cần đến tiền, cậu hãy cứ giữ cho kỹ. Delamarche không chút che giấu rằng y đã trù tính với số tiền của Karl rồi. Vì đề nghị đầu tiên của hắn được chấp thuận, Robinson liền nói thêm rằng nhưng bây giờ trước khi ngủ họ phải ăn gì đấy no nê, để có sức cho ngày mai và một người phải đến cái khách sạn gần nhất trên con đường làng, lấp lánh bảng hiệu "Khách sạn Occidental" mua đồ ăn về cho cả bọn. Là người trẻ nhất, lại cũng vì chẳng có ai khác tình nguyện, Karl không ngần ngại đề nghị để cậu làm chuyện này và đi qua khách sạn, sau khi đã ghi nhận những món được đặt: thịt lợn xông khói, bánh mì và bia.

Gần đây hẳn là phải có một thành phố lớn, vì ngay cái sảnh đầu tiên của khách sạn mà Karl bước vào đã đông nghẹt người và ở thức đồ ăn trải dọc bức tường dài và hai tường bên, nhiều người bồi khoác tạp dề trắng chạy tới lui hối hả, thế mà vẫn không làm vừa lòng được những vị khách thiếu kiên nhẫn, vì ta không ngớt nghe chỗ này chỗ nọ những tiếng chửi bới và tiếng đấm tay lên bàn. Chẳng ai để ý đến Karl; trong sảnh cũng không có phục vụ, khách hàng (họ ngồi ở những cái bàn nhỏ xíu, chỉ cần bốn người là chẳng còn thấy bàn đâu) tự lấy ở quầy mọi món mình muốn. Bàn nào cũng có một chai lớn đựng dầu hoặc giấm hay đại loại thế, để khách rưới lên tất cả các món lấy từ quầy thức ăn trước khi ăn. Nếu Karl muốn tới được quầy thức ăn - có lẽ ở đây cậu mới bắt đầu gặp khó khăn, đặc biệt vì cần mua nhiều món - cậu phải len qua nhiều chiếc bàn, việc này tất nhiên khó tránh khỏi làm phiền khách dù cậu thận trọng tới đâu, nhưng họ chấp nhận mọi chuyện

như thể họ vô cảm xúc, kể cả khi Karl suýt hất đổ một cái bàn do bị một người khách xô phải. Cậu xin lỗi, nhưng rõ ràng người ta không hiểu, với lại cậu cũng chẳng mảy may hiểu người ta lớn tiếng nói gì với mình.

Tới quầy thức ăn cậu vất vả mới tìm được một chỗ trống, ở đấy tầm nhìn của cậu bị những người đứng cạnh chống khuỷu tay che mất một lúc lâu. Dường như chống cùi chỏ và ép nắm tay lên thái dương là tập tục ở đây; Karl không khỏi nhớ lại thầy giáo tiếng Latin của mình, tiến sĩ Krumpal, ghét cay ghét đắng dáng điệu này và cách ông luôn len lén bất ngờ lại gần sát rồi thình lình rút thước kẻ hất cùi chỏ khỏi bàn bằng một cú thúc đau điếng.

Karl đứng ép sát vào quầy thức ăn, vì cậu mới vừa xếp hàng thì một chiếc bàn được kê ngay phía sau cậu và một trong những người khách ngồi đó cọ cái mũ to tướng vào lưng Karl, mỗi khi ông ta hơi ngả người ra sau trong lúc trò chuyện. Và cậu cũng rất ít hy vọng mua được gì từ những người bồi, kể cả khi hai ông khách thô kệch đứng trước đã hài lòng đi khỏi. Đã vài lần Karl thò tay qua bàn túm tạp dề một người bồi, nhưng hắn luôn nhăn mặt giật ra. Cậu chẳng níu được người nào, họ toàn chạy và chạy. Giá mà gần chỗ Karl đứng ít ra có gì đấy thích đáng để ăn và uống, cậu sẽ lấy rồi hỏi giá, đặt tiền xuống trả và hoan hỉ bỏ đi. Nhưng ngay trước mặt cậu chỉ có những tô cá giống như cá trích với vảy đen ở lườn óng ánh như vàng. Có lẽ chúng rất đắt và chắc chẳng làm ai no được. Ngoài ra trong tầm tay cậu là những chai rượu rum nhỏ, nhưng cậu không muốn mang rum về cho các bạn đồng hành, vì dường như mỗi khi có dịp là họ lại đi uống loại rượu nồng

độ cực cao này và cậu không muốn tiếp tay cho họ trong chuyện đó nữa.

Thành ra Karl không còn cách nào hơn là tìm một chỗ khác và cố xếp hàng lại từ đầu. Mà thời gian đã trôi qua rất nhanh rồi. Căng mắt nhìn qua khói thuốc vào chiếc đồng hồ ở đầu sảnh phía kia, cậu vẫn có thể nhận ra được những cây kim của nó đã chỉ quá chín giờ. Ở những chỗ khác của buffet người ta chen lấn còn tợn hơn ở chỗ hơi khuất nẻo hồi nãy. Ngoài ra càng về đêm sảnh càng đông. Khách không ngớt kéo vào qua những cửa chính, lớn tiếng chào "hallo". Ở một số chỗ khách hách dịch dẹp buffet rồi ngồi lên quầy, nâng ly với nhau, đó là những chỗ tốt nhất, nhìn bao quát được toàn sảnh.

Tuy Karl vẫn tiếp tục lấn tới, nhưng thật ra cậu chẳng còn hy vọng tìm được món gì nữa. Cậu tự trách mình không biết gì về những tình huống ở đây mà lại xung phong lo chuyện mua sắm này. Các bạn cậu sẽ hoàn toàn có lý khi chửi bới cậu, có thể họ còn cho rằng cậu không mang gì về chỉ cốt để tiết kiệm tiền. Giờ đây cậu đứng tại một chỗ mà thực khách ở các bàn chung quanh đều ăn những món thịt nóng với những củ khoai tây vàng ngon mắt; cậu không hiểu người ta đã mua được bằng cách nào.

Chợt cậu thấy phía trước mình vài bước có một bà đứng tuổi, rõ ràng là nhân viên khách sạn, đang vừa cười nói với một ông khách vừa luôn tay cài cây trâm vào mái tóc. Karl lập tức quyết định nói với bà những món mình muốn mua; vì theo cậu thì bà là người phụ nữ duy nhất trong sảnh, có nghĩa là một ngoại lệ trong tiếng ồn ào

vang lên khắp nơi và sự chạy như săn đuổi chung quanh, vả cũng vì lý do đơn giản: bà là nhân viên khách sạn duy nhất gần đấy, tất nhiên với điều kiện bà không tiếp tục bận trò chuyện khi cậu ngỏ lời. Nhưng sự việc đã diễn ra hoàn toàn ngược lại. Karl còn chưa bắt chuyện với bà, mới chỉ rình chờ một lúc, bà đã nhìn về phía Karl - như người ta thỉnh thoảng vẫn liếc sang bên cạnh ngay giữa lúc trò chuyện - bà ngừng nói và, bằng thứ tiếng Anh rõ ràng như trong sách ngữ pháp, thân mật hỏi có phải cậu tìm gì chăng. "Đúng ạ," Karl nói, "nhưng cháu chẳng tìm được gì ở đây cả."

"Vậy hãy đi với tôi, cậu bé," bà nói rồi từ biệt người quen nọ; ông ta nhấc mũ chào, ở đây cử chỉ này có vẻ như là một hành động vô cùng lịch thiệp; bà nắm tay Karl dẫn tới buffet, đẩy một người khách qua bên, nâng tấm chắn quầy, băng qua hành lang sau quầy - ở đây ta phải chú ý kẻo va phải những người bồi chạy qua chạy lại không mệt mỏi - rồi mở hai cánh cửa gắn ẩn tiệp màu với giấy dán tường, và thế là họ đã ở trong kho lạnh lớn chứa đồ dự trữ. "Hóa ra người ta bố trí như thế," Karl tự nhủ.

"Sao, cậu muốn món gì nào?" bà hỏi và cúi xuống với cậu tỏ vẻ sẵn sàng phục vụ. Bà rất béo, thân hình núng nính, nhưng gương mặt khá thanh tú, dĩ nhiên là tương đối. Thấy bao nhiêu thứ ăn được xếp chồng cẩn thận trên các kệ và các bàn con, Karl suýt bị cám dỗ nghĩ ra một bữa ăn tối sang trọng, nhất là vì cậu có thể hy vọng được người đàn bà nhiều thế lực này bán cho rẻ hơn, nhưng cuối cùng vì không nghĩ ra được món nào thích hợp, cậu lại chỉ kêu thịt ba chỉ xông khói, bánh mì và bia.

"Không thêm gì nữa à?" bà hỏi.

"Cám ơn, không ạ," Karl nói, "nhưng cho ba người."

Khi bà hỏi về hai người kia, Karl liền kể vắn tắt về các bạn đồng hành của mình; vài ba câu hỏi này khiến cậu hởi lòng.

"Nhưng đây là món ăn cho người tù mà," bà nói và hiển nhiên chờ đợi những mong muốn nữa của Karl. Nhưng cậu lại ngại bà sẽ tặng chứ không chịu lấy tiền, nên lặng thinh. "Chúng ta sẽ có ngay mấy thứ này thôi," nói rồi bà, tuy to béo nhưng nhanh nhẹn lạ thường, đi tới một cái bàn, dùng con dao dài mỏng lưỡi răng cưa[1] xắt một miếng lớn thịt ba chỉ xông khói, lấy từ kệ một ổ bánh mì, từ dưới sàn ba chai bia, đặt tất vào một cái giỏ rơm nhẹ, đưa cho Karl. Trong khi đó bà giải thích với Karl rằng sở dĩ bà dẫn cậu tới đây, vì những món ăn ngoài buffet dù được tiêu thụ nhanh nhưng luôn bị khói thuốc và nhiều thứ hơi khác làm mất tươi. Song chúng đủ tốt cho những người ở ngoài đó. Karl không nói gì thêm, vì chẳng biết tại sao mình lại được hưởng sự đối xử đặc biệt này. Cậu nghĩ đến các bạn đồng hành; dù họ rành rẽ nước Mỹ thế nào đi nữa, có lẽ họ cũng không bao giờ vào được kho chứa thực phẩm này và phải hài lòng với những món ăn thiu trên buffet. Nơi đây không nghe thấy tiếng ồn nào từ sảnh, các bức tường hẳn phải rất dày để giữ cho kho chứa đủ lạnh. Karl cầm giỏ rơm một lúc rồi mà chưa nghĩ đến trả tiền và cũng không nhúc nhích. Chỉ khi người đàn bà muốn

1. Kafka có vẻ không thạo chuyện bếp núc: dao răng cưa dùng để cắt bánh mì, chứ không dùng thái thịt.

bỏ thêm vào giỏ một cái chai giống những chai trên bàn ngoài kia, cậu mới rùng mình cám ơn.

"Các cậu còn phải đi xa nữa không?" người đàn bà hỏi.

"Tới Butterford ạ," Karl đáp.

"Thế thì còn xa lắm," người đàn bà nói.

"Một ngày đường nữa," Karl nói.

"Không xa hơn à?" bà ta hỏi.

"Không ạ," Karl đáp.

Người đàn bà sắp lại ngay ngắn vài thứ trên bàn, một anh chàng phục vụ bước vào, ngó quanh tìm kiếm; được bà chỉ vào một tô to tú hụ cá mòi trên rắc một ít rau ngò tây, anh chàng liền giơ cao hai tay bưng tô cá ra ngoài sảnh.

"Sao các cậu lại muốn ngủ ngoài trời thế?" người đàn bà hỏi. "Ở đây chúng tôi có đủ chỗ. Các cậu ngủ trong khách sạn của chúng tôi đi."

Karl thấy rất hấp dẫn, nhất là vì tối qua cậu ngủ rất không ngon. "Hành lý của cháu để ngoài đó," cậu ngần ngừ nói và không phải không có vẻ kiêu căng.

"Cậu cứ mang vào đây," người đàn bà nói, "có gì phiền toái đâu."

"Nhưng còn các bạn cháu!" Karl nói và lập tức thấy rằng họ quả là một phiền toái.

"Dĩ nhiên họ cũng có thể ngủ qua đêm ở đây," người đàn bà nói. "Nào! Đừng để tôi phải năn nỉ thế."

"Các bạn cháu là những người đàng hoàng," Karl nói, "nhưng họ không được sạch sẽ."

"Cậu không thấy sự bẩn thỉu trong sảnh à?" người đàn bà hỏi và nhăn mặt. "Ngay kẻ tệ lậu nhất cũng có thể đến với chúng tôi. Tôi sẽ bảo chuẩn bị ngay ba cái giường.

Tuy nhiên chỉ trên tầng áp mái thôi, vì khách sạn đầy hết rồi, ngay cả tôi cũng đã chuyển lên tầng áp mái, nhưng dẫu sao vẫn hơn ngủ ngoài trời."

"Cháu không thể dẫn các bạn cháu theo," Karl nói. Cậu hình dung hai gã kia sẽ gây những ồn ào nào trong các hành lang của khách sạn sang trọng này; Robinson sẽ làm nhơ bẩn mọi thứ và chắc chắn Delamarche sẽ quấy rầy ngay chính người đàn bà này.

"Tôi không hiểu tại sao lại không thể," người đàn bà nói, "nhưng nếu cậu muốn thế thì cứ để các bạn cậu ngoài đó, còn riêng cậu vào đây."

"Không được đâu, không được đâu," Karl nói, "họ là bạn cháu và cháu phải ở với họ."

"Cậu ngoan cố thật," người đàn bà nói, nhìn nơi khác, "người ta có lòng, rất muốn giúp cậu, mà cậu một mực không chịu."

Karl hiểu hết đấy, nhưng cậu không biết nên làm thế nào, bèn chỉ nói thêm: "Cháu vô cùng cám ơn tấm thịnh tình của bà," rồi sực nhớ chưa trả tiền, liền hỏi hết bao nhiêu.

"Cậu trả khi nào đem giỏ rơm vào cho tôi," người đàn bà nói. "Muộn nhất sáng mai tôi phải có lại đấy."

"Vâng," Karl nói. Bà mở một cái cửa, nó dẫn thẳng ra ngoài trời và bà nói thêm khi cậu cúi chào, bước ra: "Ngủ ngon nhé, nhưng cậu làm thế là không phải."

Karl đã đi được vài bước, bà còn gọi theo: "Mai gặp lại!"

Vừa mới ra tới ngoài Karl đã lại nghe tiếng ồn ào vang ra từ sảnh, nó không yếu đi mà còn thêm những âm

thanh của một dàn nhạc kèn đồng. Cậu mừng vì đã không phải đi ngang qua sảnh. Giờ đây cả năm tầng khách sạn đều sáng đèn, khiến toàn mặt đường phía trước sáng trưng. Tuy không còn nườm nượp nhưng từ phía xa xe cộ vẫn phóng tới, nhanh hơn ban ngày, những tia đèn màu trắng dò dẫm mặt đường trở nên xanh xao khi gặp vầng hào quang của khách sạn rồi lại tỏa sáng khi xe ào vào bóng đêm nối tiếp.

Khi Karl gặp lại các bạn thì họ đã ngủ say, song cậu đi cũng đã quá lâu. Karl vừa định bày biện tử tế các món lên những tấm giấy ăn tìm thấy trong giỏ, xong đâu đấy mới đánh thức các bạn dậy, thì cậu hốt hoảng thấy cái rương mình đã khóa và để lại, chìa khóa cậu cất trong túi, bị mở tung, nửa số đồ chứa trong đó nằm ngổn ngang trên cỏ.

"Dậy!" cậu kêu. "Các anh ngủ, trong lúc đó kẻ trộm đã tới đây."

"Có mất gì không chứ?" Delamarche hỏi. Robinson chưa tỉnh hẳn mà đã chụp ngay lấy bia.

"Tôi không biết," Karl kêu lên, "song cái rương mở. Nhưng nằm ngủ và để rương mở ở đây là không thận trọng."

Delamarche và Robinson cười; gã thứ nhất nói: "Lần tới cậu không được đi lâu như thế nữa. Khách sạn chỉ cách có mười bước mà cậu cần những ba tiếng đồng hồ để đi và về. Hồi nãy chúng tôi đói và nghĩ có thể cậu có gì đấy ăn được trong rương nên mới cù ổ khóa cho đến khi nó bật ra. Song chả có gì trong đó cả và cậu có thể cứ việc xếp hết vào trở lại."

"Thế à," Karl nói, đăm đăm nhìn vào cái giỏ đang nhanh chóng vợi đi và lắng nghe thứ âm thanh kỳ quái Robinson gây ra khi uống, lúc ấy chất lỏng trước hết vào sâu trong họng gã, rồi vọt ngược lên với một kiểu huýt gió, đoạn ồng ộc trôi xuống sâu. "Hai anh ăn xong chưa?" cậu hỏi, khi hai gã nghỉ xả hơi một lúc.

"Không phải cậu đã ăn trong khách sạn rồi sao?" Delamarche hỏi, ngỡ Karl đòi hỏi phần của cậu.

"Nếu các anh còn muốn ăn nữa thì gấp gáp lên," Karl nói và đi tới cái rương.

"Hắn có vẻ cáu," Delamarche nói với Robinson.

"Tôi không cáu," Karl nói, "nhưng chẳng lẽ nạy rương của tôi và quăng đồ của tôi ra, khi tôi vắng mặt là phải ư? Tôi biết giữa bạn bè ta phải chấp nhận một số chuyện, và tôi cũng đã chuẩn bị tinh thần để chấp nhận, nhưng thế này là quá đáng. Tôi sẽ trọ đêm trong khách sạn và không đi Butterford nữa. Các anh ăn nhanh lên, tôi phải trả lại cái giỏ."

"Thấy chưa, Robinson, người ta nói năng như thế đấy," Delamarche nói, "đó là cách ăn nói thanh lịch. Hắn là người Đức mà. Mày đã sớm cảnh báo tao về hắn rồi, nhưng tao là một thằng khờ tốt bụng nên đã dẫn hắn theo. Chúng mình đã tin cậy hắn, kéo hắn theo nguyên một ngày trời, vì thế đã mất ít nhất nửa ngày và bây giờ - vì ai đó trong khách sạn dụ dỗ hắn - hắn chia tay, chia tay tỉnh bơ. Nhưng vì hắn là Đức giả hiệu, nên hắn không nói thẳng điều đó, mà lại viện cớ cái rương và vì là một tên Đức thô lỗ, hắn không thể bỏ đi mà không xúc phạm danh dự chúng ta, gọi chúng ta

là quân trộm cắp, vì chúng ta đã đùa một chút với cái rương của hắn."

Đang xếp đồ vào rương, Karl nói, không ngoảnh lại: "Các anh cứ tiếp tục nói như thế đi, để việc ra đi của tôi được dễ dàng hơn. Tôi biết rất rõ tình bằng hữu là gì. Ở châu Âu tôi cũng từng có bạn bè và không ai có thể trách tôi cư xử giả dối hay đê tiện với họ. Tất nhiên bây giờ chúng tôi mất liên lạc với nhau, nhưng nếu có lần nào đó tôi trở lại châu Âu, mọi người sẽ tiếp đón tôi đàng hoàng và lập tức nhìn nhận tôi là bạn của họ. Còn anh, Delamarche, và anh, Robinson, nghĩ rằng tôi đã phản bội các anh, vì các anh đã - điều này tôi sẽ không bao giờ quên - thân ái cho tôi nhập bọn và hứa tìm cho tôi một chân học việc ở Butterford ư? Song thật ra khác cơ. Các anh chẳng có gì sất và điều này không mảy may hạ thấp các anh trong mắt tôi, nhưng các anh đã ganh tị chút của nả ít ỏi của tôi, vì thế đã tìm cách hạ nhục tôi, cái đó tôi không chịu được. Bây giờ, sau khi đã nạy tung rương của tôi, các anh không xin lỗi một lời, lại còn chửi bới tôi và mạ lỵ cả dân tộc tôi - như thế các anh đã tước của tôi mọi cơ hội để ở lại với các anh. Nhân tiện nói luôn là những điều tôi nói đây thật ra không phải nhắm vào anh đâu, Robinson ạ. Về tính tình của anh tôi chỉ phàn nàn rằng anh quá lệ thuộc vào Delamarche."

"Bây giờ chúng tôi thấy," Delamarche nói trong lúc bước tới Karl, đẩy nhẹ cậu một cái, như để làm cậu chú ý, "bây giờ chúng tôi thấy cậu trở mặt như thế nào. Cả ngày cậu đi theo tôi, nắm áo vét của tôi, bắt chước từng động tác của tôi, còn thì cứ im thin thít như chuột nhắt. Nhưng

bây giờ, vì cậu cảm thấy được sự hỗ trợ gì đấy trong khách sạn, liền lớn lối. Cậu là đồ láu cá oắt con và tôi chưa biết chúng tôi có thản nhiên chấp nhận không, có nên đòi học phí cho những gì cậu đã học lóm của chúng tôi trong ngày hôm nay không. Robinson này, chúng mình ganh tị với hắn - hắn nghĩ thế - về của nả của hắn. Một ngày làm việc ở Butterford - chứ chưa nói tới California - chúng tôi sẽ có gấp mười lần những gì cậu đã cho chúng tôi xem và có thể cậu còn giấu trong lớp vải lót áo vét của cậu. Thành ra cậu hãy luôn luôn nhớ giữ mồm giữ miệng!"

Karl đứng lên khỏi cái rương, thấy Robinson đang lại gần, gã vẫn còn ngái ngủ, nhưng đã hơi có sức sống nhờ bia. "Nếu tôi còn nán lại đây lâu," cậu nói, "có thể tôi sẽ biết thêm nhiều bất ngờ nữa. Anh dường như có hứng dần tôi một trận nên thân."

"Mọi kiên nhẫn đều có giới hạn," Robinson nói.

"Anh im đi là hơn, Robinson ạ," Karl nói, mắt không rời Delamarche, "trong thâm tâm anh đồng ý với tôi, nhưng bề ngoài anh phải làm theo Delamarche!"

"Phải chăng cậu định hối lộ nó?" Delamarche hỏi.

"Tôi không nghĩ đến chuyện đó," Karl nói. "Tôi vui mừng rằng mình sẽ bỏ đi và không muốn liên quan gì nữa đến bất cứ người nào trong các anh. Tôi chỉ muốn nói một điều nữa thôi, anh trách tôi có tiền mà giấu các anh. Cứ cho rằng như vậy thật đi, chẳng lẽ tôi làm thế là không đúng đối với những người tôi mới quen biết được vài giờ và không phải anh đã xác nhận qua thái độ hiện giờ của anh về sự đúng đắn của một cách cư xử như vậy ư?"

"Cứ bình tĩnh," Delamarche bảo Robinson, dù gã này không nhúc nhích. Rồi y hỏi Karl: "Vì cậu quá đỗi thẳng thắn như thế, và vì chúng ta đang đứng thoải mái bên nhau, cậu hãy thẳng thắn thêm nữa và thú nhận tại sao cậu lại muốn vào ngủ trong khách sạn." Karl phải bước qua chiếc rương vài bước, vì Delamarche đã tiến lại quá sát cậu. Nhưng Delamarche không vì thế mà bối rối, y đẩy rương qua bên, bước tới một bước, giẫm chân lên một chiếc may ô trắng còn nằm trên cỏ và lặp lại câu hỏi. Như để trả lời, một người đàn ông từ dưới đường cầm đèn pin sáng quắc leo lên chỗ họ. Đó là một người phục vụ trong khách sạn. Vừa nhìn thấy Karl, y đã nói: "Tôi kiếm anh gần nửa giờ rồi. Tìm khắp mọi sườn dốc hai bên đường. Bà bếp trưởng nhắn rằng bà cần gấp cái giỏ rơm đã đưa anh mượn."

"Nó đây," Karl run run nói vì khích động. Delamarche và Robinson bước sang bên, ra vẻ khiêm tốn, như bọn họ vẫn luôn làm trước những người lạ có địa vị. Người phục vụ nhận giỏ và nói: "Bà bếp trưởng còn nhắn hỏi anh đã cân nhắc chưa và có định ngủ qua đêm trong khách sạn không. Cả hai người kia cũng được hân hoan đón chào, nếu anh muốn dẫn họ theo. Giường chuẩn bị xong rồi. Đêm nay ấm đấy, nhưng ngủ ở đây, trên sườn dốc này, hoàn toàn không phải không nguy hiểm, thường hay gặp rắn."

"Vì bà bếp trưởng mến khách đến thế, tôi nhận lời mời vậy," Karl nói và chờ các bạn cậu lên tiếng. Nhưng Robinson đứng đờ ra đó, còn Delamarche thọc hai tay vào túi quần, ngước nhìn sao. Hiển nhiên chúng tin

tưởng rằng Karl sẽ dẫn chúng theo, chứ không gây rắc rối gì.

"Trước tình huống này," người phục vụ nói, "tôi được giao nhiệm vụ dẫn anh vào khách sạn và xách hành lý của anh."

"Vậy ông vui lòng chờ một lát nữa," Karl nói rồi cúi xuống nhét vài ba thứ còn nằm vương vãi vào trong rương.

Đột nhiên cậu đứng thẳng lên. Thiếu mất bức hình, trong rương nó được xếp trên cùng mà không tìm thấy đâu cả. Còn đủ mọi thứ, chỉ thiếu bức ảnh. "Tôi không tìm thấy tấm hình," cậu nói với Delamarche giọng nài nỉ.

"Hình gì?" tay này hỏi.

"Hình bố mẹ tôi," Karl nói.

"Chúng tôi chẳng thấy tấm hình nào cả," Delamarche nói.

"Không có tấm hình nào trong đó, cậu Roßmann ạ," Robinson cũng xác nhận từ phía hắn.

"Nhưng mà không thể," Karl nói và ánh mắt cầu cứu của cậu đã kéo anh chàng phục vụ tới gần. "Nó nằm trên cùng và bây giờ biến mất. Giá mà các anh đừng đùa nghịch với cái rương!"

"Tuyệt đối không có chuyện nhầm lẫn," Delamarche nói, "trong rương hoàn toàn chẳng có tấm hình nào cả."

"Đối với tôi nó quan trọng hơn mọi thứ khác trong rương," Karl nói với anh chàng phục vụ đang đi quanh tìm trong thảm cỏ. "Ấy là vì nó không thể thay thế, tôi không có được tấm thứ hai." Và khi người phục vụ bỏ cuộc tìm kiếm vô vọng, cậu còn nói: "Đó là tấm ảnh duy

nhất tôi có về bố mẹ tôi." Nghe thế anh chàng phục vụ liền nói to, không chút vòng vo: "Có thể chúng ta lục tìm trong túi của các anh này."

"Phải," Karl nói ngay, "tôi phải tìm cho ra tấm ảnh. Nhưng trước khi tôi lục soát túi của các anh, tôi nói thêm rằng ai tự nguyện đưa tôi bức hình sẽ nhận được cái rương cùng mọi thứ trong đó." Sau một lúc ai nấy đều im lặng, Karl nói với người phục vụ: "Các bạn tôi rõ ràng muốn được khám túi. Song ngay cả bây giờ tôi vẫn hứa tặng cả cái rương cho người nào có tấm hình nọ trong túi. Hơn nữa thì tôi không làm được."

Người phục vụ lập tức khám Delamarche, vì thấy gã có vẻ khó xử lý hơn Robinson, anh ta nhường gã này cho Karl. Anh ta lưu ý Karl rằng phải khám hai gã cùng một lượt, vì nếu không một gã có thể lén cất giấu tấm hình mà họ không nhận ra. Vừa thọc tay vào túi Robinson Karl đã tìm thấy trong đó cái ca vát của mình, nhưng cậu không lấy lại mà bảo anh chàng phục vụ: "Dù ông tìm được gì nơi Delamarche, xin vui lòng để cho y, tất cả. Tôi không muốn gì khác hơn tấm ảnh, chỉ bức ảnh thôi."

Khi khám ngực áo Robinson, tay Karl lùa lên ngực hắn, nóng và nhờn và cậu hiểu rằng có thể mình đang phạm phải một sai trái to lớn với các người bạn. Cậu liền vội vàng làm thật nhanh. Vả chăng tất cả đều công cốc, cả ở Robinson lẫn Delamarche đều không phát hiện được tấm hình.

"Chẳng thấy gì hết," người phục vụ nói.

"Có thể họ đã xé nát bức ảnh và vất đi rồi," Karl nói. "Tôi cứ tưởng họ là bạn bè, nhưng trong thâm tâm họ

chỉ muốn hại tôi. Nói cho đúng ra không phải Robinson, hắn hoàn toàn không nghĩ nổi rằng đối với tôi bức hình quý giá nhường ấy, nhưng Delamarche thừa sức." Karl chỉ nhìn thấy anh chàng phục vụ đứng trước mặt, chiếc đèn của anh ta chiếu sáng một quầng tròn nhỏ, trong khi mọi người khác, cả Delamarche và Robinson, đều trong bóng tối đen.

Dĩ nhiên không còn có chuyện dẫn hai gã nọ vào khách sạn nữa rồi. Anh chàng phục vụ nhấc bổng rương lên vai, còn Karl cầm giỏ rơm và họ bỏ đi. Khi đã xuống tới đường rồi, Karl ngừng suy nghĩ, dừng lại và gọi với vào bóng đêm: "Các anh nghe nhé, nếu một trong hai anh vẫn còn giữ tấm hình và muốn mang vào khách sạn cho tôi - anh ấy vẫn nhận được cái rương và sẽ không bị tố cáo, tôi thề."

Không có tiếng trả lời thật sự đáp xuống từ trên cao, chỉ nghe một từ bị rứt ra, một từ mở đầu lời gọi của Robinson, song dường như hắn đã lập tức bị Delamarche bịt miệng. Karl đợi một lúc lâu nữa, xem ở trên kia bọn họ có quyết định khác không. Cậu gọi hai lần cách quãng: "Tôi vẫn còn ở đây!" Nhưng không nghe tiếng trả lời, chỉ một lần một hòn đá lăn sườn dốc xuống, có thể ngẫu nhiên, cũng có thể nó bị ném hụt.

5

Khách sạn Occidental

Tới khách sạn Karl được dẫn ngay vào một căn buồng, một loại văn phòng, ở đó bà bếp trưởng đang tay cầm quyển sổ đọc cho một cô nhân viên trẻ viết một bức thư bằng máy chữ. Cách đọc hết sức chính xác, tiếng phím gõ điềm tĩnh và linh hoạt đuổi theo tiếng tích tắc thỉnh thoảng mới nghe thấy của chiếc đồng hồ treo tường lúc ấy đã chỉ gần mười một giờ rưỡi.

"Xong!" bà bếp trưởng nói, gập quyển sổ, cô nhân viên đánh máy nhảy bật lên và đậy cái nắp gỗ lên máy chữ, cô vừa làm một cách máy móc vừa không rời mắt khỏi Karl. Trông cô vẫn như một nữ sinh, tấm tạp dề của cô được là rất cẩn thận, chẳng hạn xếp nếp trên hai vai, mái tóc bới cao, và sau những chi tiết này, cậu hơi ngạc nhiên khi thấy gương mặt cô thật nghiêm trang. Cô cúi chào bà bếp trưởng trước, sau đến Karl, rồi bỏ đi và Karl bất giác nhìn bà bếp trưởng với ánh mắt dò hỏi.

"Cuối cùng cậu cũng đã đến, thế là hay lắm," bà bếp trưởng nói. "Thế còn các bạn cậu?"

"Cháu không dẫn họ theo," Karl nói.

"Hẳn là họ sẽ lên đường rất sớm," bà bếp trưởng nói, như tự giải thích chuyện này.

"Chẳng lẽ bà nghĩ mình cũng sẽ đi cùng ư?" Karl tự hỏi và nói để tránh mọi hiểu lầm: "Chúng cháu chia tay nhau vì bất hòa."

Có vẻ bà bếp trưởng xem đây là một tin tức vừa ý. "Tức là cậu tự do?" bà hỏi.

"Vâng, cháu tự do," Karl nói và đối với cậu không gì vô giá trị hơn.

"Thế này, cậu có muốn một chỗ làm trong khách sạn đây không?" bà bếp trưởng hỏi.

"Cháu muốn lắm," Karl nói, "nhưng cháu ít kiến thức khủng khiếp. Chẳng hạn cháu không hề biết đánh máy."

"Đó không phải là điều quan trọng nhất," bà bếp trưởng bảo. "Trước mắt cậu sẽ nhận được một cương vị hết sức nhỏ, rồi phải cố gắng, qua chăm chỉ và chu đáo mà tiến lên. Dẫu sao tôi nghĩ rằng cậu ổn định ở đâu đó thì tốt và thích hợp hơn là lang thang như thế trên cõi đời. Theo tôi thấy thì cậu sinh ra không phải để sống như vậy."

"Ông bác mình cũng sẽ ký ngay vào tất cả những điều bà nhận định này," Karl tự nhủ và gật đầu đồng ý. Đồng thời cậu sực nhớ rằng mình, người được bà quan tâm như thế, vẫn chưa tự giới thiệu. "Cháu xin lỗi," cậu nói, "chưa tự giới thiệu, cháu tên là Karl Roßmann."

"Cậu là người Đức, đúng không?"

"Vâng," Karl nói, "cháu ở Mỹ chưa lâu."

"Quê cậu ở đâu vậy?"

"Ở Praha, vùng Boheme," Karl nói.

"Hay chưa kìa," bà bếp trưởng kêu lên bằng một thứ tiếng Đức nặng âm sắc Anh và gần như giơ cao hai tay, "vậy chúng ta là đồng bào, tôi tên là Grete Mitzelbach, đến từ Vienna. Tôi rành rẽ Praha lắm, tôi từng làm việc nửa năm ở quán Ngỗng Vàng trên quảng trường Wenzel mà. Cậu thử nghĩ xem."

"Bao giờ thế ạ?" Karl hỏi.

"Đã nhiều năm lắm rồi."

"Quán Ngỗng Vàng cũ," Karl nói, "đã bị phá sập cách đây hai năm."

"Phải, đúng thế," bà bếp trưởng nói, ngơ ngẩn nhớ về những thời đã qua. Nhưng rồi đột nhiên sống động trở lại, bà vừa nắm hai tay Karl vừa kêu lên: "Nay hóa ra cậu là đồng hương của tôi thì dù thế nào cậu cũng không được bỏ đây đi. Cậu không được làm thế với tôi. Cậu có muốn làm người trực thang máy không? Cậu chỉ cần nói muốn là xong ngay. Nếu cậu đi đây đi đó chút ít, cậu sẽ thấy rằng không dễ mà nhận được những việc làm như thế này, vì chúng là bước khởi đầu tốt nhất mà ta có thể nghĩ tới. Cậu sẽ gặp mọi người khách, người ta luôn trông thấy cậu, người ta giao cho cậu những việc nho nhỏ; nói tóm gọn, ngày nào cậu cũng có cơ hội để đạt được gì đấy khá hơn. Mọi chuyện còn lại cậu cứ để tôi lo."

"Cháu rất muốn làm người trực thang máy," Karl nói sau một lúc im lặng. Sẽ là cực kỳ vớ vẩn, nếu vì tiếc nuối năm năm trung học mà đắn đo trước công việc của một người trực thang máy. Ở Mỹ này thì năm năm trung học là lý do để xấu hổ có lẽ đúng hơn. Vả lại xưa nay Karl

vẫn thích những người trực thang máy, đối với cậu họ giống như đồ trang trí của khách sạn.

"Có đòi hỏi biết nhiều thứ tiếng không ạ?" Karl hỏi thêm.

"Cậu nói tiếng Đức và kha khá tiếng Anh, thế là hoàn toàn đủ."

"Mãi đến khi sang Mỹ cháu mới học tiếng Anh, trong hai tháng rưỡi," Karl nói, cho rằng không được giấu giếm ưu điểm duy nhất của mình.

"Thế là cậu khá rồi," bà bếp trưởng nói. "Khi tôi nghĩ tới hồi đó đã gặp khó khăn nhường nào với tiếng Anh. Tuy nhiên đã ba mươi năm rồi. Tôi vừa nhắc tới chuyện này hôm qua. Vì hôm qua là sinh nhật thứ năm mươi của tôi mà." Và bà mỉm cười thử tìm trên nét mặt Karl ấn tượng mà uy quyền của tuổi tác bà đã gây trên cậu.

"Vậy cháu chúc bà nhiều may mắn," Karl nói.

"Ta luôn có thể cần đến nó," bà nói, bắt tay Karl và lại hơi buồn về câu thành ngữ xưa từ quê hương, mà bây giờ bà sực nhớ ra trong lúc nói tiếng Đức.

"Nhưng tôi giữ chân cậu mất rồi," bà kêu lên. "Chắc chắn cậu đang rất mệt và chúng ta có thể bàn bạc mọi chuyện tốt hơn vào ban ngày. Nỗi vui được gặp đồng hương đã làm tôi vô ý vô tứ. Nào, tôi sẽ dẫn cậu tới phòng cậu."

"Cháu còn một yêu cầu, thưa bà bếp trưởng," Karl nói khi thấy cái điện thoại trên bàn, "có lẽ ngày mai, có thể rất sớm, các bạn cũ của cháu mang tới cho cháu một bức ảnh mà cháu rất cần. Bà có thể vui lòng gọi điện cho người gác cửa bảo ông ta chỉ họ đến gặp cháu hoặc cho gọi cháu xuống, được chứ ạ?"

"Đương nhiên," bà bếp trưởng nói, "nhưng nếu ông ta nhận bức ảnh thì không đủ à? Ảnh gì mới được chứ, nếu tôi được phép hỏi?"

"Đó là ảnh của bố mẹ cháu," Karl nói. "Không, cháu phải trực tiếp nói chuyện với họ."

Bà bếp trưởng không nói gì thêm và gọi điện ra lệnh cho phòng trực, lúc ấy bà nêu số 536 là số phòng của Karl. Rồi họ đi qua một trong những khung cửa ngược hướng cửa vào, tới một hành lang hẹp, ở đấy một gã trực thang máy thấp bé đang tựa vào chấn song của một thang máy và ngủ.

"Ta tự phục vụ được mà," bà bếp trưởng nói khẽ và bảo Karl bước vào thang máy. "Làm việc mỗi ngày từ mười đến mười hai tiếng đồng hồ là hơi quá nhiều cho một thanh niên như thế này," rồi bà nói, trong lúc thang máy đưa họ lên trên. "Nhưng đó là điều độc đáo ở Mỹ. Chẳng hạn cậu bé này, cũng mới cùng bố mẹ sang đây được nửa năm, cậu ta là người Ý. Hiện giờ trông cậu ta như thể không chịu đựng nổi công việc, mặt chẳng còn tí thịt nào, ngủ trong giờ làm việc, tuy tính tình cậu ta rất sốt sắng - nhưng cậu ta chỉ cần làm việc thêm sáu tháng nữa tại đây hoặc nơi nào khác ở Mỹ, cậu ta sẽ chịu đựng mọi thứ dễ dàng và năm năm nữa cậu ta sẽ trở thành một người đàn ông lực lưỡng. Tôi có thể kể với cậu hàng giờ liền về những ví dụ như thế này. Song tôi chẳng phải lo cho cậu, vì cậu là một thanh niên cường tráng; cậu mười bảy tuổi, phải không?"

"Tháng tới đây cháu tròn mười sáu tuổi," Karl đáp.

"Thậm chí mới mười sáu!" bà bếp trưởng nói. "Vậy hãy mạnh dạn lên!"

Lên tới trên bà dẫn Karl vào một căn phòng, tuy là phòng áp mái có một bức tường nghiêng, nhưng trông rất ấm cúng dưới ánh sáng của hai ngọn đèn điện.

"Cậu chớ hốt hoảng về sự bố trí," bà bếp trưởng nói, "vì đây không phải là phòng trọ của khách sạn, mà một phòng trong căn hộ của tôi; nó gồm ba phòng, thành ra cậu không làm phiền tôi chút nào. Tôi sẽ khóa cái cửa thông, để cậu được hoàn toàn tự nhiên. Ngày mai, là nhân viên mới của khách sạn, tất nhiên cậu cũng sẽ nhận được một buồng riêng nho nhỏ. Nếu như cậu đến với các bạn thì tôi đã bảo dọn giường cho các cậu trong phòng ngủ tập thể của người giúp việc, nhưng vì cậu có một mình, tôi nghĩ cậu ở đây thích hợp hơn, tuy rằng cậu phải ngủ trên sofa. Còn bây giờ cậu hãy ngủ ngon, để lấy sức cho công việc. Ngày mai chưa căng thẳng lắm đâu."

"Cháu cám ơn rất nhiều vì sự ân cần của bà."

"Khoan," bà dừng lại và nói lúc đang bước ra, "thế này thì cậu sẽ bị đánh thức sớm mất." Rồi bà đi tới một cửa bên của căn buồng, gõ và gọi: "Therese!"

"Dạ, thưa bà bếp trưởng," tiếng cô đánh máy nhỏ nhắn trả lời.

"Sáng sớm mai khi qua đánh thức tôi, em phải đi lối hành lang, vì trong phòng này có khách ngủ. Cậu ấy mệt lử." Bà vừa nói vừa mỉm cười với Karl. "Em hiểu không?"

"Dạ hiểu, thưa bà bếp trưởng."

"Vậy ngủ ngon nhé!"

"Chúc bà ngủ ngon."

"Chẳng là vì," bà bếp trưởng nói để giải thích, "từ vài năm nay tôi ngủ rất tệ. Giờ đây tôi quả tình có thể hài

lòng với chức vụ của mình và thật ra không cần lo lắng gì. Nhưng hẳn đó phải là hệ quả của những lo âu trước kia đã khiến tôi bị chứng mất ngủ này. Nếu tôi thiếp đi được vào lúc ba giờ sáng là mừng rồi. Nhưng vì đến năm giờ, hoặc muộn nhất năm rưỡi tôi lại phải có mặt ở chỗ làm, tôi phải nhờ đánh thức và, nói cho đúng, hết sức khéo, để tôi khỏi căng thẳng thần kinh hơn mức tôi đã vốn thế rồi. Chính Therese đánh thức tôi đấy. Nhưng bây giờ cậu đã thật sự biết hết mọi chuyện rồi, mà tôi thì chưa chịu đi. Ngủ ngon nhé!" Và tuy thân thể đẫy đà, bà gần như lướt ra khỏi phòng.

Karl vui mừng sắp được ngủ, vì ngày hôm nay đã làm cậu kiệt sức. Và cho một giấc ngủ dài, thanh thản thì cậu không thể mong ước gì hơn là môi trường thoải mái này. Căn buồng tuy không thích hợp để dùng làm phòng ngủ (dường như nó là phòng sinh hoạt, hoặc đúng hơn nữa, phòng tiếp khách đặc biệt của bà bếp trưởng) và vì cậu mà một bồn rửa được đem tới cho riêng tối nay, tuy vậy Karl không cảm thấy mình là kẻ đột nhập, mà chỉ là được chu cấp tốt hơn thôi. Cái rương của cậu đã được khôi phục đàng hoàng và hẳn đã lâu rồi nó không tìm được chỗ nào chắc chắn hơn đây. Trên một chiếc tủ thấp có ngăn, phủ tấm khăn len đan thô, để nhiều bức ảnh lồng khung kính; trong lúc quan sát căn phòng Karl dừng lại ở đó và ngắm nhìn chúng. Phần lớn là những ảnh cũ và đa số chụp các cô gái trong những bộ áo quần không mấy tân thời và gò bó, đội hờ những cái mũ nhỏ nhưng cao, tay phải chống dù, quay về hướng người ngắm ảnh, thế nhưng ánh mắt vẫn né tránh. Trong số những bức chân dung đàn ông

Karl chú ý đặc biệt đến tấm hình một người lính trẻ, anh ta đặt mũ kê pi lên một chiếc bàn con, đứng nghiêm với mái tóc đen rối bời và một nụ cười đầy kiêu hãnh nhưng cố nén. Những chiếc khuy trên bộ quân phục của anh ta được tô thêm trông như bằng vàng. Tất cả những tấm ảnh này hẳn là chụp ở châu Âu, có thể đọc được chính xác điều này ở mặt sau, nhưng Karl không muốn cầm chúng lên. Cậu cũng rất muốn trưng bày hình bố mẹ trong căn phòng tương lai của mình giống như những tấm ảnh để ở đây.

Karl đang nằm duỗi dài trên trường kỷ thưởng thức giấc ngủ đang dần tới, sau khi rửa ráy kỹ lưỡng khắp cả người, mà vì lưu tâm đến cô hàng xóm cậu đã hết sức cố gắng làm thật khẽ, chợt cậu cho rằng vừa nghe thấy tiếng gõ cửa khe khẽ. Cậu không xác định ngay được tiếng gõ ấy ở cửa nào, cũng có thể chỉ là một tiếng động ngẫu nhiên. Nó cũng không lặp lại ngay và Karl đã gần thiếp đi thì lại nghe thấy. Lần này không còn nghi ngờ gì nữa, đó là tiếng gõ cửa và từ phía của cô đánh máy. Karl nhón chân chạy tới đó và hỏi khẽ đến mức, nếu người bên cạnh ngủ rồi thì dù thế nào cũng không thể bị cậu đánh thức: "Cô cần gì chăng?"

Lập tức có tiếng đáp lại và cũng khẽ như thế: "Anh mở cửa được không? Chìa khóa cắm bên phía anh."

"Được," Karl nói, "tôi phải mặc quần áo[1] đã."

Sau một lúc giọng kia lại nói: "Không cần đâu. Anh mở cửa rồi nằm lên giường, tôi sẽ chờ một tí."

---

1. Ở Âu Mỹ mặc quần áo ngủ tiếp khách là bất lịch sự!

"Được," Karl nói và làm theo, ngoài ra cậu còn bật cả đèn. "Tôi nằm rồi," rồi cậu nói lớn hơn một chút.

Lúc ấy cô đánh máy nhỏ nhắn cũng đã bước ra từ căn phòng tối của mình, ăn mặc hệt như lúc ở dưới văn phòng, hẳn là suốt từ bấy đến giờ cô không nghĩ đến đi ngủ.

"Xin lỗi anh vô cùng," cô nói và đứng hơi lom khom trước chỗ Karl nằm, "và xin anh đừng tiết lộ chuyện này, xin anh đừng. Tôi cũng không muốn quấy rầy anh lâu đâu, tôi biết anh đang kiệt sức mà."

"Không thảm hại đến thế đâu," Karl nói, "nhưng nếu tôi ăn mặc nghiêm chỉnh thì có lẽ tốt hơn." Cậu phải nằm duỗi thẳng người để có thể che chăn kín tới cổ, vì không có áo ngủ.

"Tôi chỉ ở đây một lát thôi," cô nói và đưa tay nắm chiếc ghế. "Tôi ngồi trên trường kỷ được chứ?"

Karl gật đầu. Cô ngồi ép người trên trường kỷ đến nỗi Karl phải xích vào tường để có thể ngước nhìn cô. Cô có khuôn mặt bầu bĩnh, cân đối, chỉ phải cái trán cao khác thường, song cũng có thể đó chỉ là do mái tóc không thật hợp với cô. Cô ăn mặc rất sạch sẽ và chu đáo. Cô vò một chiếc khăn mùi soa trong tay trái.

"Anh ở lại đây lâu không?" cô hỏi.

"Cũng chưa chắc chắn lắm," Karl đáp, "nhưng tôi nghĩ là sẽ ở lại."

"Nếu thế thì tốt lắm," cô nói và đưa khăn tay lau mặt, "chẳng là vì ở đây tôi cô đơn quá."

"Lạ nhỉ," Karl nói. "Bà bếp trưởng rất tử tế với cô mà. Bà đối xử với cô hoàn toàn không như một nhân viên. Tôi lại cứ nghĩ cô có họ hàng với bà."

"À không," cô nói, "tôi tên là Therese Berchtold, quê ở Pomerania[1]."

Karl cũng tự giới thiệu. Thế rồi lần đầu tiên cô nhìn kỹ cậu, như thể qua việc xưng danh tính cậu đã trở nên hơi xa lạ đối với cô. Rồi cô nói: "Anh không được nghĩ rằng tôi vô ơn bạc nghĩa. Nếu không có bà bếp trưởng có lẽ tôi sẽ khốn khổ hơn nhiều. Trước kia tôi là đầu bếp trong khách sạn này và sắp bị đuổi việc đến nơi, vì tôi không kham nổi công việc nặng. Ở đây người ta đòi hỏi nhiều lắm. Tháng trước một cô đầu bếp bị ngất đi vì làm việc quá sức, phải nằm nhà thương mười bốn ngày. Mà tôi đâu có khỏe gì lắm, xưa kia tôi cực khổ nhiều, thành thử hơi bị còi cọc; hẳn anh hoàn toàn không ngờ được là tôi đã mười tám tuổi rồi đấy. Nhưng nay tôi đã khỏe mạnh hơn rồi."

"Công việc ở đây thật sự hẳn rất vất vả," Karl nói. "Tôi vừa mới thấy ở dưới kia một cậu gác thang máy ngủ đứng."

"Mà các cậu gác thang máy làm việc nhàn nhất đấy," cô nói, "họ được nhiều tiền boa và còn lâu mới phải quần quật như những người trong nhà bếp. Nhưng quả thật tôi cũng được một lần may mắn; có lần bà bếp trưởng cần một cô sắp xếp khăn ăn cho một bữa tiệc chiêu đãi, bà xuống tìm trong đám đầu bếp chúng tôi, ở đây có tới năm mươi cô, lúc đó tôi đang rảnh và tôi đã khiến bà rất hài lòng, vì tôi luôn rành rẽ chuyện sắp xếp khăn ăn. Và thế là từ đó bà giữ tôi ở bên cạnh và từ từ đào tạo tôi thành thư ký của bà. Qua đó tôi học được rất nhiều."

1. Pomerania: một vùng của Đức, giáp Ba Lan và biển Baltic.

"Có nhiều thứ để viết thế sao?" Karl hỏi.

"Chậc, nhiều lắm," cô đáp, "hẳn anh không hình dung nổi đâu. Anh đã thấy hôm nay tôi làm việc đến mười một giờ rưỡi, mà hôm nay không phải là một ngày đặc biệt. Tất nhiên không phải tôi chỉ viết suốt, mà cũng có nhiều việc phải làm trong thành phố."

"Thành phố tên gì vậy?" Karl hỏi.

"Anh không biết à?" cô hỏi, "Ramses."

"Có lớn không?" Karl hỏi.

"Rất lớn," cô đáp, "tôi không thích đi tới đó. Nhưng có thật anh chưa muốn ngủ không?"

"Thật, thật," Karl nói, "tôi còn chưa biết tại sao cô vào đây mà."

"Vì tôi không có ai để trò chuyện. Tôi không hay than van, nhưng khi ta quả thật không có ai để trò chuyện, thì cuối cùng có người chịu nghe mình nói là sung sướng rồi. Tôi đã thấy anh trong sảnh dưới kia rồi đấy chứ; lúc bà bếp trưởng dẫn anh vào kho thực phẩm thì tôi cũng vừa tới để tìm bà."

"Cái sảnh ấy thật là khiếp," Karl nói.

"Tôi chẳng còn để ý nữa," cô đáp. "Nhưng tôi chỉ muốn nói rằng bà bếp trưởng quá tử tế với tôi không khác bà mẹ đã quá cố của tôi. Nhưng địa vị quá chênh lệch, khiến tôi không thể ăn nói tự do với bà được. Trước kia tôi cũng có những cô bạn tốt trong số các đầu bếp, nhưng đã từ lâu họ không còn ở đây nữa mà những cô mới tôi hầu như không quen. Cuối cùng đôi lúc tôi cảm thấy công việc hiện giờ của mình căng thẳng hơn ngày trước và tôi thực hiện kém hơn hồi trước và bà bếp

trưởng giữ tôi ở vị trí chỉ vì thương hại. Dù sao học vấn cũng phải khá hơn mới trở thành thư ký được. Nói thế này thật là tội lỗi, nhưng càng lúc tôi càng sợ rằng mình hóa điên. Lạy Chúa," đột nhiên cô nói nhanh hơn hẳn và nắm nhẹ vai Karl, vì hai tay cậu ở dưới chăn. "Nhưng anh không được tiết lộ một lời nào với bà bếp trưởng đấy, kẻo tôi tiêu đời thật sự. Nếu ngoài chuyện làm bà buồn phiền qua công việc của mình, tôi còn làm khổ bà thêm nữa thì quá tệ."

"Tôi sẽ không nói gì hết với bà ấy, điều đó đương nhiên," Karl đáp.

"Thế thì tốt," cô nói, "và anh hãy ở lại đây. Tôi sẽ rất mừng, nếu anh ở lại, và chúng ta sẽ đoàn kết với nhau, nếu điều đó hợp ý anh. Ngay lần đầu trông thấy anh tôi đã tin tưởng ở anh. Tuy vậy - anh nghĩ xem tôi tồi tệ thế nào - tôi cũng đã sợ rằng bà bếp trưởng có thể sẽ cho anh làm thư ký thay tôi và sa thải tôi. Chỉ khi tôi ngồi một mình, trong lúc anh ở dưới văn phòng, tôi mới nghĩ cặn kẽ chuyện này, rằng thậm chí sẽ rất tốt nếu anh đảm trách công việc của tôi, vì chắc chắn anh hiểu nó hơn nhiều. Nếu anh không muốn thực hiện những việc vặt trong thành phố thì tôi có thể làm công việc đó. Nếu không thì dĩ nhiên tôi hữu ích trong bếp hơn nhiều, nhất là vì tôi cũng đã khỏe mạnh hơn chút ít."

"Vấn đề đã được giải quyết rồi," Karl nói, "tôi sẽ làm trực thang máy và cô vẫn là thư ký. Nhưng nếu cô chỉ bóng gió chút xíu về kế hoạch của cô với bà bếp trưởng, tôi sẽ tiết lộ mọi điều cô đã nói với tôi hôm nay, dù đáng tiếc tới đâu."

Giọng điệu này khiến Therese quá lo lắng đến nỗi cô thụp xuống giường, úp mặt vào chăn ga thút thít khóc.

"Tôi không tiết lộ gì đâu," Karl nói, "nhưng cô cũng không được nói gì hết đấy."

Bây giờ Karl không thể nằm trốn dưới chăn được nữa, cậu nhẹ vuốt ve cánh tay cô, không tìm được điều gì thích hợp có thể nói với cô và chỉ nghĩ rằng đây là một cuộc đời cay đắng. Cuối cùng cô trấn tĩnh lại, ít nhất đủ để xấu hổ vì đã khóc, cô nhìn Karl vẻ biết ơn, thuyết phục cậu ngày mai hãy ngủ lâu và hứa, nếu sắp xếp được, quãng tám giờ sẽ lên đánh thức cậu.

"Cô đánh thức khéo lắm mà," Karl nói.

"Đúng, tôi làm được vài chuyện," cô nói, tay lướt nhẹ lên chăn cậu chào tạm biệt rồi chạy về phòng mình.

Hôm sau Karl đòi được làm việc ngay, dù bà bếp trưởng muốn cho cậu tự do ngày hôm ấy để thăm thú Ramses. Nhưng Karl nói thẳng rằng cho chuyện này sẽ còn nhiều dịp, bây giờ với cậu điều quan trọng nhất là bắt tay vào việc, vì ở châu Âu cậu đã bỏ ngang vô ích một công việc nhắm vào một mục đích khác và nay cậu bắt đầu làm trực thang máy ở một lứa tuổi mà những thanh niên tháo vát, nếu họ cũng bắt đầu bằng công việc này, ít nhất sắp bắt tay vào đảm đương những chức vụ cao hơn. Cậu bắt đầu sự nghiệp bằng việc trực thang máy là hoàn toàn đúng, nhưng việc cậu phải đặc biệt khẩn trương cũng đúng luôn. Trong hoàn cảnh ấy chuyện viếng thăm thành phố đối với cậu hoàn toàn chẳng thú vị gì. Ngay cả một cuộc đi dạo ngắn mà Therese rủ, cậu cũng không nhận lời. Lúc nào trước mắt Karl cũng lởn vởn ý tưởng

rằng nếu không chăm chỉ, cuối cùng cậu có thể sẽ sa đọa như Delamarche và Robinson.

Người thợ may của khách sạn thử đồng phục của đám trực thang máy cho cậu, bề ngoài trông rất oách với các cúc vàng chóe và các dây tua vàng chóe, nhưng khi khoác vào Karl hơi rùng mình, vì áo vét lạnh, cứng và ẩm sì, đặc biệt dưới hai nách, do mồ hôi của những gã trực thang máy đã mặc nó trước cậu. Áo cũng phải nới ra ở ngực cho riêng Karl, vì trong mười bộ có sẵn không bộ nào tạm gọi là vừa. Dù việc khâu sửa này cần thiết và tuy người thợ may quá tỉ mỉ - bộ đồng phục được xưởng may gửi tới đã bị ông trả về lại hai lần - mọi việc vẫn xong xuôi trong chưa đầy năm phút, và Karl đã rời ông thợ như một gã trực thang máy trong chiếc quần bó sát và, bất chấp lời cam kết ngược lại của ông thợ, cái áo vét chật căng, nó không ngớt dụ dỗ cậu tập thở, để thường xuyên xem mình còn hô hấp nổi không.

Rồi Karl trình diện với viên trưởng nhóm phục vụ, mà cậu sẽ ở dưới trướng, một người đàn ông cao ráo, đẹp mã mũi to, hẳn là đã ngoài bốn mươi tuổi. Hắn không có thì giờ, dù chỉ để trò chuyện qua loa, mà chỉ bấm chuông gọi một gã trực thang máy tới, ngẫu nhiên đúng gã Karl đã thấy hôm qua. Trưởng nhóm phục vụ chỉ gọi gã bằng tên thánh, Giacomo, mà mãi sau Karl mới biết, vì cậu không nghe ra được cái tên này trong cách phát âm tiếng Anh. Gã được giao nhiệm vụ chỉ dẫn cho Karl những điều cần thiết trong việc trực thang máy; nhưng gã quá nhút nhát và vội vã, đến nỗi Karl hầu như không biết được mấy, dù về cơ bản cũng chẳng có gì nhiều để chỉ. Chắc chắn

Giacomo bực mình, hẳn là cũng vì Karl mà gã đã phải bỏ việc trực thang máy và bị điều sang giúp đỡ các cô hầu phòng, mà điều này đối với gã là mất thể diện, qua những kinh nghiệm nào đấy mà gã giấu nhẹm. Nhưng Karl thất vọng trước hết vì người trực thang máy chỉ liên quan tới bộ máy của nó qua việc đơn giản nhấn một cái nút làm cho thang máy vận hành, trong khi chỉ các thợ cơ khí của khách sạn mới được sửa chữa cơ cấu truyền động của nó, khiến Giacomo, chẳng hạn thế, dù đã trực thang máy nửa năm vẫn không được tận mắt thấy động cơ đặt dưới hầm lẫn cơ cấu bên trong thang máy, vì nếu được thấy, như chính gã nhấn mạnh, gã sẽ hết sức vui sướng. Nói chung công việc này đơn điệu và mỗi ca trực kéo dài mười hai tiếng, luân phiên đổi giữa ngày và đêm, khiến nó căng thẳng đến nỗi, theo lời Giacomo, hoàn toàn không chịu đựng nổi, nếu ta không thể ngủ đứng từng phút một. Karl không nói gì về chuyện ấy, nhưng cậu hiểu rằng chính vì nghệ thuật này mà Giacomo đã mất việc.

Karl rất hân hoan vì chiếc thang máy mình phụ trách chỉ dùng cho những tầng cao nhất, như thế cậu không liên quan gì tới những khách giàu vô cùng khó tính. Tuy nhiên ở đây cậu không thể học hỏi được nhiều bằng ở chỗ khác và nó chỉ tốt khi mới vào làm thôi.

Mới sau tuần đầu Karl đã thấy mình hoàn toàn có thể hoàn thành nhiệm vụ. Lớp đồng thau trên thang máy của cậu được lau chùi bóng nhất, không chiếc nào trong ba mươi thang máy khác sánh bằng và có lẽ nó còn sáng loáng hơn nữa nếu gã đồng nghiệp cùng phụ trách cái thang máy này chỉ siêng năng xấp xỉ cậu thôi, thay vì cảm

thấy tính chểnh mảng của gã được sự cần mẫn của Karl hỗ trợ. Gã sinh ra ở Mỹ, tên là Renell, một thanh niên tự kiêu, mắt đen, hai má nhẵn nhụi hơi hóp. Gã có một bộ quần áo riêng thanh lịch để diện vào những tối không phải trực, rồi bôi chút nước hoa, hối hả đi vào phố. Thỉnh thoảng gã nhờ Karl trực giúp vào buổi tối, do gã phải đi vì chuyện gia đình và gã chẳng mấy bận tâm rằng sự chưng diện của gã phản bác điều gã nói. Tuy vậy Karl vẫn có thiện cảm với gã và thích thú khi Renell, vào những buổi tối như thế, trước khi đi, đứng lại trước mặt cậu bên chiếc thang máy, trong bộ đồ vía, vừa nói dăm ba lời xin lỗi vừa xỏ găng tay, rồi theo hành lang đi ra. Vả chăng qua việc trực thay này Karl chỉ muốn làm vui lòng gã, mà theo cậu thấy thì đó là chuyện đương nhiên trong thời gian đầu đối với một đồng nghiệp lớn tuổi hơn, nhưng nó sẽ không trở thành một thói quen thường xuyên. Vì tất nhiên việc đi thang máy liên miên này đủ mệt mỏi rồi, nhất là vào buổi tối thì gần như liên tục.

Karl cũng đã nhanh chóng học cách cúi thấp, chào nhanh được đòi hỏi ở đám trực thang máy và cách chụp tiền boa mà người ta tung ra. Nó biến vào trong túi áo gi lê của cậu và không ai có thể nhìn vẻ mặt cậu mà đoán được món tiền boa ấy nhiều hay ít. Cậu mở cửa thang máy cho quý bà với vẻ lịch sự hơn một tí và nhún nhảy chậm rãi vào thang máy sau họ; vì phải chú ý đến váy, mũ và khăn quàng nên quý bà thường bước vào đó lưỡng lự hơn đàn ông. Trong lúc thang máy chạy cậu đứng ngay sát cửa, vì như thế kín đáo nhất, lưng quay về phía khách, tay giữ nắm cửa để đẩy cửa sang bên cạnh ngay khi thang máy

ngừng, chứ không hốt hoảng. Họa hoằn mới có một người khách vỗ vai cậu trong lúc thang máy chạy để được chỉ dẫn gì đấy, cậu liền vội vàng quay lại, như thể đã chờ đợi sẵn câu hỏi này, và dõng dạc trả lời. Tuy có nhiều thang máy, nhưng thường đông người chờ, nhất là sau khi vãn kịch hoặc một số chuyến xe lửa tốc hành nào đấy đến, khiến cậu vừa mới để khách ra ở tầng trên, đã lại phải cho thang máy chạy ào xuống dưới đón khách chờ ở đó. Cậu cũng có thể làm cho thang máy chạy nhanh hơn bằng cách kéo một sợi dây cáp gắn xuyên qua thùng thang máy, tuy nhiên quy định của thang máy cấm làm thế và có lẽ cũng nguy hiểm. Karl cũng không bao giờ làm thế khi đi với khách, nhưng khi đã thả họ ở bên trên và người khác chờ bên dưới, cậu cũng chẳng ngần ngại kéo sợi dây cáp mạnh và nhịp nhàng như một thủy thủ. Vả lại Karl biết rằng những gã trực thang máy khác cũng làm thế cả và cậu không muốn mất hành khách vào tay những gã kia. Đôi ba vị khách ở khá lâu trong khách sạn, chuyện khá thông thường ở đây, thỉnh thoảng lại mỉm cười cho thấy họ nhìn nhận Karl là người trực thang máy của họ, Karl đón nhận sự thân thiện này bằng vẻ mặt nghiêm trang, nhưng sung sướng. Thỉnh thoảng, khi việc vận chuyển thưa đi một chút, cậu cũng có thể nhận những nhiệm vụ nho nhỏ đặc biệt, chẳng hạn lấy giúp một người khách ngại lên phòng mình một món lặt vặt ông ta để quên, cậu liền một mình tót lên trên trong cái thang máy đặc biệt thân thuộc đối với cậu trong giây phút ấy, bước vào căn phòng lạ, nơi phần lớn những vật kỳ lạ cậu chưa từng thấy nằm ngổn ngang hoặc treo trên móc quần áo, cảm thấy mùi đặc trưng của

một thứ xà phòng lạ, một loại nước hoa, nước súc miệng, rồi không hề nấn ná, vội vàng chạy trở xuống với vật đã tìm thấy, dù phần lớn cậu không được khách chỉ dẫn rõ ràng. Cậu thường tiếc rẻ không thể đảm nhận những công việc lớn hơn, vì cho loại việc này khách sạn sẵn có những gã giúp việc hoặc người đưa tin, họ chạy bằng xe đạp, thậm chí xe gắn máy; chỉ vào những dịp thuận lợi Karl mới được đưa tin từ các phòng tới các sảnh ăn hoặc sảnh đặt các máy chơi giải trí.

Khi hết mười hai giờ làm việc - ba ngày bắt đầu vào lúc sáu giờ tối, ba ngày kế tiếp vào lúc sáu giờ sáng - Karl mệt đến nỗi chẳng quan tâm đến ai khác, đi một mạch vào giường. Giường cậu nằm trong phòng ngủ tập thể của đám trực thang máy. Bà bếp trưởng, mà ảnh hưởng có lẽ không thật lớn như cậu tưởng vào buổi tối đầu tiên, đã cố gắng lo liệu cho cậu một phòng nhỏ riêng và có lẽ bà cũng sẽ thành công đấy, nhưng Karl thấy chuyện này khó khăn sao và vì nó mà bà bếp trưởng đã thường phải điện thoại như thế nào với cấp trên của cậu, cái lão trưởng nhóm phục vụ quá sức bận bịu nọ, nên cậu liền thôi và thuyết phục bà bếp trưởng về sự nghiêm túc trong việc từ bỏ của cậu, với lý do không muốn bị những gã khác ganh tị vì một ưu tiên không được tự cậu thật sự tạo ra.

Tất nhiên phòng ngủ này không phải là một nơi yên tĩnh. Vì ở đó mỗi người chia mười hai giờ rảnh theo cách khác nhau cho việc ăn, ngủ, tiêu khiển và kiếm chác thêm, nên trong phòng ngủ luôn hết sức nhốn nháo. Thành thử một số người nằm ngủ và kéo chăn che tai để khỏi nghe gì hết; nếu có ai đó bị đánh thức, gã sẽ giận dữ hét ầm

về tiếng la ó của những người khác, khiến những người còn lại dù dễ ngủ tới đâu cũng không chịu đựng nổi. Hầu như gã nào cũng có ống tẩu, tập sống xa xỉ một chút; Karl cũng đã sắm một cái và nhanh chóng thấy thích. Nhưng vì không được phép hút trong giờ làm việc, nên hậu quả là trong phòng ngủ ai cũng hút, bao lâu chưa nhất thiết phải ngủ. Vì thế giường nào cũng đều ngập ngụa trong đám khói riêng và tất cả trong một màn sương mù chung. Tuy thật ra đa số nói chung tán thành, nhưng không thể thực hiện được chuyện ban đêm chỉ để đèn cháy ở một đầu gian phòng. Nếu đề nghị này được tiến hành thì những kẻ muốn ngủ có thể thản nhiên ngủ trong bóng tối của một nửa phòng ngủ tập thể - đây là một sảnh lớn với bốn mươi giường - trong khi ở phần được chiếu sáng những gã kia có thể chơi đổ xúc xắc hay đánh bài hoặc làm mọi chuyện gì khác cần đến ánh đèn. Nếu ai muốn đi ngủ mà giường mình lại ở trong phần nửa phòng được chiếu sáng, gã có thể nằm ở một trong những giường trống trong phần tối, vì phòng luôn luôn có giường trống và cũng chẳng ai phản đối việc người khác tạm dùng giường của mình theo kiểu ấy. Nhưng chẳng đêm nào việc phân chia này được thi hành. Chẳng hạn không ngừng có chuyện hai gã nào đấy, sau khi đã tận dụng bóng tối để ngủ đôi chút, lại có hứng nằm ở giường chơi bài trên một tấm ván đặt giữa hai gã, dĩ nhiên hai gã ấy sẽ vặn một ngọn đèn điện thích hợp, ánh sáng sẽ chọc vào mắt những người đang ngủ, nếu họ quay về phía đó, khiến họ chồm dậy. Tuy vẫn nằm trăn qua trở lại một chút, nhưng rốt cuộc họ không tìm được việc gì tốt hơn là cũng chơi, dưới một ngọn đèn khác, với

gã hàng xóm cùng bị đánh thức. Và tất nhiên mọi ống tẩu lại phả khói. Tuy nhiên cũng có vài người muốn ngủ bằng mọi giá - Karl thường ở trong số này - và thay vì ngả đầu trên gối, họ lấy gối che hoặc quấn quanh đầu; nhưng ta nằm ngủ thế nào được khi gã bên cạnh thức dậy giữa đêm khuya để vào phố vui chơi một chút trước khi làm việc, khi gã ồn ào lau người, nước văng tung tóe ở bồn rửa gắn ngay đầu giường gã, khi gã không chỉ lịch kịch mà còn giậm mạnh chân để xỏ giày bốt được dễ hơn - hầu hết giày bốt của họ đều quá chật, dù mốt Mỹ - để rồi cuối cùng, vì thấy thiếu chút gì đấy ở bộ quần áo, gã nhấc gối của người đang ngủ lên, song người nằm dưới gối đã bị đánh thức từ lâu rồi, chỉ còn chờ nhảy xổ vào gã. Nhưng bọn này đều là những kẻ ham thể thao, trẻ trung, phần đông cường tráng, không muốn bỏ lỡ một cơ hội nào để tập tành. Và khi nửa đêm đang ngủ ta bật dậy vì bị tiếng ồn ào ầm ĩ đánh thức, ta có thể chắc chắn rằng sẽ tìm thấy hai đô vật trên sàn bên cạnh giường của ta và đứng thẳng trên các giường chung quanh, dưới ánh đèn sáng quắc, là các khán giả lão luyện đang mặc quần áo lót. Có lần, trong một trận đấm bốc ban đêm như thế, Karl đang ngủ thì một trong những đấu thủ đã ngã lên cậu và thứ đầu tiên Karl nhìn thấy khi mở mắt là máu tóe ra từ mũi gã và cậu chưa kịp làm gì thì tấm ga giường cậu đã đẫm máu. Karl thường sử dụng gần trọn mười hai giờ này để cố cho được một giấc ngủ lấy vài tiếng đồng hồ, dù cậu cũng rất bị lôi cuốn tham gia vào các trò tiêu khiển của những người khác; nhưng cậu không ngừng cho rằng mọi người kia đã đi trước mình một đoạn đường trong cuộc đời mà cậu

phải cân bằng qua làm lụng siêng năng và một ít hy sinh. Cho nên tuy Karl rất phụ thuộc vào chuyện ngủ nghê, chủ yếu vì công việc của mình, cậu vẫn không phàn nàn với bà bếp trưởng lẫn Therese về hoàn cảnh trong phòng ngủ, vì một là nói chung bọn thanh niên đều vất vả gánh chịu, không than van gì ghê gớm và hai là nỗi phiền toái trong phòng ngủ là một phần tất yếu của nhiệm vụ trực thang máy mà cậu đã nhận lãnh với lòng biết ơn từ tay bà bếp trưởng.

Mỗi tuần một lần, Karl được nghỉ hai mươi bốn giờ khi đổi ca; cậu dùng một phần thì giờ này để thăm bà bếp trưởng một hoặc hai lần và trò chuyện ngắn ngủi với Therese ở đâu đó, trong một góc phòng, trên một hành lang và rất hiếm khi trong phòng cô; cậu phải căn đúng thì giờ rảnh rỗi ít ỏi của cô. Thỉnh thoảng cậu cũng tháp tùng Therese những khi cô vào phố vì công việc, mà lần nào cũng phải giải quyết vô cùng vội vã. Họ gần như chạy tới trạm tàu điện ngầm gần nhất, Karl cầm túi xách của cô; tàu chạy thoắt cái đã tới nơi, như thể nó được lôi đi mà không gặp sức cản nào; mới đó mà họ đã xuống xe, rồi họ lóc cóc leo bậc thang lên, thay vì đợi thang máy, vì thấy nó quá chậm; những quảng trường lớn - từ đây những con đường tỏa đi như những cánh sao - hiện ra và đưa tới một sự hỗn loạn trong dòng xe cộ thẳng tắp từ mọi hướng; nhưng Karl và Therese bước vội sát bên nhau vào những văn phòng, tiệm giặt ủi, nhà kho và cửa hàng khác nhau, những nơi không dễ đặt hàng hoặc khiếu nại bằng điện thoại, nói chung là những chuyện vặt vãnh. Therese sớm nhận thấy không thể xem thường sự giúp đỡ của Karl

trong chuyện này, ngược lại nó làm cho nhiều việc được hoàn thành nhanh chóng. Không lần nào đi với cậu mà cô phải chờ để được trình bày với các nhà buôn quá bận bịu, như bình thường cô hay bị. Cậu tới quầy, gõ đốt ngón tay lên đó cho đến khi được tiếp, cậu réo qua những bức tường người thứ tiếng Anh vẫn luôn còn hơi cường điệu của mình, dễ nhận ra trong cả trăm giọng nói, cậu không ngần ngại đi tới đối tác, cho dù họ đã kênh kiệu rút tít vào trong những gian hàng sâu nhất. Cậu làm thế không phải vì ngông cuồng, cậu quan tâm đến mọi sự phản kháng chứ, nhưng cậu cảm thấy mình ở một vị trí chắc chắn, nó cho cậu quyền làm như đã làm: khách sạn Occidental là một khách hàng mà người ta không được phép nhạo báng và Therese cần được giúp đỡ, tuy cô có kinh nghiệm trong công việc. "Anh luôn nên đi cùng với tôi," thỉnh thoảng cô vừa cười vừa sung sướng nói, khi họ ra về sau một chuyến đi đặc biệt thành công.

Trong một tháng rưỡi ở Ramses chỉ có ba lần Karl ở trong phòng Therese khá lâu, hơn vài giờ. Tất nhiên nó nhỏ hơn bất cứ phòng nào của bà bếp trưởng; vài đồ đạc trong đó có thể nói là chỉ đặt quanh cửa sổ, nhưng qua kinh nghiệm ở phòng ngủ tập thể Karl hiểu được giá trị của một căn phòng riêng, tương đối yên tĩnh, và tuy cậu không nói thẳng ra, Therese vẫn nhận thấy cậu thích căn phòng của cô xiết bao. Cô không có bí mật nào trước cậu và sau lần thăm hồi đó, vào tối đầu tiên, cô không thể giấu cậu được điều gì nữa. Cô là một đứa con ngoài giá thú, bố cô là đốc công xây dựng và đã xin cho bà mẹ với đứa con từ Pomerania sang theo; song như thể ông cho rằng

thế là đã làm tròn bổn phận của mình hoặc là ông chờ đợi những người nào khác với người đàn bà lam lũ và đứa bé ốm yếu mà ông đã đón ở chỗ tàu cập bến, nên không lâu sau khi mẹ con cô đến ông đã di dân sang Canada mà chẳng nhiều lời giải thích và những kẻ ở lại không nhận được một bức thư nào lẫn tin tức gì của ông, điều này cũng không đến nỗi quá ngạc nhiên, vì họ thất lạc, không tìm nổi, trong những trại tạm cư ở phía Đông New York.

Có lần Therese kể về cái chết của bà mẹ, lúc đó Karl đứng cạnh cô bên cửa sổ và nhìn ra ngoài đường. Cảnh bà mẹ và cô - hồi đó chắc cô chừng năm tuổi - mỗi người ôm một tay nải bước vội qua các đường phố tìm chỗ ngủ như thế nào trong một tối mùa đông. Mới đầu bà còn dắt tay cô - lúc ấy có bão tuyết và không dễ tiến lên phía trước - cho tới lúc tay bà tê dại và bà buông Therese ra, không ngoái nhìn cô, lúc ấy cô phải cố tự bám chặt áo mẹ. Therese thường bị vấp, thậm chí ngã nữa, nhưng bà mẹ như hóa cuồng, không dừng lại. Và bão tuyết trên những đường phố New York dài hun hút, thẳng tắp! Karl chưa trải qua mùa đông nào ở New York. Nếu ta đi ngược gió và nó xoay tròn, ta không thể mở mắt một phút giây nào, vì gió không ngừng hắt tuyết vào mặt ta, ta chạy nhưng chẳng được xa, tuyệt vọng thế nào đấy. Dĩ nhiên một đứa bé có lợi thế hơn người lớn, nó chạy bên dưới làn gió và còn thấy vui vui trong mọi chuyện. Cho nên ngày đó Therese không thể hoàn toàn hiểu mẹ và cô tin chắc nếu tối hôm đó cô xử sự khôn ngoan hơn với mẹ - ngày ấy cô chỉ là một đứa trẻ quá nhỏ - hẳn bà sẽ không phải chịu một cái chết thảm thương như thế. Hôm ấy bà mẹ không có việc

làm đã hai ngày, chẳng còn đồng xu teng nào, lang thang suốt ngày ngoài trời không được một miếng vào bụng và trong các tay nải họ chỉ vác theo những mảnh giẻ vô dụng song không dám quăng đi, có thể vì mê tín. Bà mẹ được hứa hẹn có việc làm vào sáng hôm sau ở một công trường xây dựng, nhưng, như bà đã cố giải thích cho Therese suốt ngày hôm đó, bà sợ không thể tận dụng dịp may này, vì bà cảm thấy mệt lử; buổi sáng bà đã ho ra nhiều máu khiến người qua kẻ lại trên đường hoảng sợ; khao khát duy nhất của bà là được đến chỗ nào ấm và nghỉ ngơi. Và đúng tối hôm ấy lại không thể có được một chỗ nhỏ nhoi nào. Chỗ nào chưa bị quản gia đuổi ra khỏi cổng (ở đó dẫu sao ta cũng có thể tránh bão và nghỉ ngơi một chút), hai mẹ con liền đi vội qua những hành lang chật hẹp giá lạnh, leo lên những tầng cao, đi quanh những sân có mái che, gõ bừa lên các cửa, có lần không dám nói với ai, rồi lại hỏi bất cứ người nào họ gặp và một hoặc hai lần bà mẹ ngồi xổm ở bậc một cầu thang vắng lặng, kéo ghì Therese vào lòng (cô gần như đã cưỡng lại) và áp chặt môi hôn làm cô đau đớn. Sau này khi biết đó là những nụ hôn cuối cùng, cô không hiểu nổi rằng mình (dù có thể mình là một con sâu nhỏ bé) đã có thể mù quáng đến nỗi không nhận thấy điều đó. Ở một số phòng họ đi ngang qua người ta để cửa ngỏ cho không khí ngột ngạt thoát ra và từ làn khói tựa sương mù tràn ngập căn phòng, như do một đám cháy gây ra, chỉ cần hình dáng một người nào đấy đang đứng ở khung cửa bước ra và rồi hoặc qua sự hiện diện lặng lẽ của y hoặc qua một lời nói ngắn ngủi y cho hai mẹ con thấy là không thể vào trú ẩn trong căn phòng đó được. Bây giờ nhìn lại,

Therese thấy rằng bà mẹ chỉ thật sự tìm một chỗ trong những giờ đầu thôi, vì khoảng sau nửa đêm bà không còn hỏi han người nào nữa, tuy hai mẹ con vẫn không ngừng hối hả đi tiếp, trừ những lúc nghỉ ngắn, cho tới rạng đông và tuy trong những ngôi nhà ấy, ở đó cổng vào hay cửa các căn hộ đều không đóng, luôn luôn có sự sống và chỗ nào họ cũng gặp người. Dĩ nhiên, trên thực tế họ không chạy từ chỗ này sang chỗ khác, mà họ chỉ di chuyển với tốc độ tối đa sức lực của họ cho phép, có lẽ thực ra mà nói chỉ ngang với lê bước. Therese cũng không rõ từ nửa đêm tới năm giờ sáng họ đã vào hai mươi ngôi nhà hoặc hai hay chỉ một thôi. Những hành lang của các ngôi nhà này được bố trí theo những đồ án thông minh tận dụng tối đa không gian, nhưng lại không quan tâm đến việc giúp ta định hướng dễ dàng; đã bao lần họ đi qua cũng những hành lang ấy! Therese nhớ mang máng rằng hai mẹ con ra khỏi cổng một ngôi nhà mà họ đã lùng kiếm rất lâu, nhưng cô cũng có cảm tưởng là họ quay ngay lại trên con đường ấy và lại xông vào cũng chính ngôi nhà ấy. Cho đứa bé thì dĩ nhiên đó là một sự đau khổ không hiểu nổi, lúc được mẹ giữ, lúc bám chặt mẹ, bị kéo đi không một lời an ủi và đối với sự khờ dại của nó hồi đó thì tất cả dường như chỉ có một sự giải thích: mẹ nó muốn chạy khỏi nó. Cho nên kể cả khi được mẹ nắm tay, Therese vẫn bám chặt hơn vào áo mẹ bằng tay kia cho bảo đảm, chốc chốc lại gào lên. Cô không muốn bị bỏ lại đây, giữa những con người đang giậm chân leo lên cầu thang phía trước họ, giữa những con người phía sau họ, còn chưa trông thấy, đang tiến tới ở một khúc uốn cầu thang, giữa những con

người cãi nhau trên các hành lang trước một khung cửa và xô đẩy nhau vào trong phòng. Những người say rượu đi quanh quất trong nhà, ư ử hát; bà mẹ cùng Therese may mắn chui lọt qua những đám người này. Đương nhiên vào lúc khuya khoắt như thế, khi người ta không còn quá chú ý và chẳng ai khăng khăng bảo vệ quyền lợi của mình nữa, ít ra hai mẹ con cũng có thể chui vào một trong những phòng ngủ tập thể do những người kinh doanh cho thuê, mà họ đã đi qua vài cái, nhưng Therese không biết điều này, còn bà mẹ không muốn nghỉ ngơi gì nữa. Sáng ra, bắt đầu một ngày đẹp trời mùa đông, hai mẹ con tựa vào một bức tường nhà và có lẽ đã ngủ ở đó một lúc, cũng có thể họ chỉ mở mắt thao láo đăm đăm nhìn quanh. Họ phát hiện Therese đã để mất tay nải của mình và bà mẹ liền đánh Therese để trừng phạt tội chểnh mảng, nhưng Therese không nghe thấy tiếng đánh cũng chẳng cảm thấy gì hết. Rồi họ tiếp tục đi qua những con đường đã trở nên sống động, bà mẹ men theo bờ tường, họ đi qua một chiếc cầu, bà mẹ đưa tay vuốt nhẹ lớp sương muối trên thành cầu, cuối cùng họ đến đúng công trường xây dựng mà bà mẹ được gọi tới vào sáng hôm ấy - ngày đó Therese cam chịu, nay cô không hiểu được. Bà không bảo Therese chờ hay đi khỏi và Therese coi như thế là bà ra lệnh chờ, vì điều này hợp ý muốn của cô nhất. Thế là cô ngồi lên một chồng gạch và nhìn mẹ gỡ nút tay nải, lấy ra một mảnh vải màu, quấn quanh tấm khăn đội đầu mà bà đã mang suốt đêm. Therese quá mệt đến không nghĩ nổi là cần giúp mẹ. Không trình diện tại văn phòng công trường như thường lệ, và cũng chẳng hỏi ai, bà mẹ leo

lên một cầu thang, như thể tự bà biết mình đã được chia phần việc nào. Therese lấy làm ngạc nhiên, vì bình thường những nữ thợ phụ hồ chỉ ở bên dưới lo trộn vôi, chuyền gạch và làm những việc đơn giản khác. Nên cô nghĩ rằng hôm nay bà mẹ muốn làm một việc được trả công khá hơn và ngẩng đầu ngái ngủ mỉm cười với mẹ. Tòa nhà xây chưa cao, vừa mới tàm tạm xong tầng trệt, tuy những thanh giàn giáo cho việc xây dựng tiếp theo đã chĩa lên bầu trời xanh, song tất nhiên chưa được bắc những tấm ván nối. Ở đấy bà mẹ khéo léo đi quanh những thợ nề đang chồng viên gạch này lên viên gạch kia và chẳng hiểu sao họ không hỏi bà lên đó làm gì; bàn tay mềm mại của bà thận trọng bám vào một chòi gỗ được sử dụng như lan can, còn ở bên dưới, Therese sửng sốt ngắm nhìn trong cơn ngái ngủ sự khéo léo này và cô tin rằng còn nhận được ánh mắt vui vẻ của mẹ. Nhưng bây giờ trên lối đi bà mẹ gặp phải một đống gạch nhỏ, dường như tới đó là hết lan can, cả lối đi nữa, nhưng bà không để ý, cứ xông tới đống gạch, sự khéo léo dường như đã rời bỏ bà, bà xô đổ đống gạch, ngã lộn qua đó xuống dưới sâu. Nhiều viên gạch lăn theo bà và cuối cùng, một lúc lâu sau, một tấm ván nặng ở đâu đó tuột ra, rơi ầm xuống bà. Hồi ức cuối cùng của Therese về mẹ cô là bà dang hai chân nằm đó trong chiếc áo kẻ ô mang từ Pomerania, tấm ván thô đè lên, gần như che kín bà, người ta chạy tới từ mọi phía và bên trên tòa nhà đang xây một người đàn ông nào đó giận dữ gọi với gì đấy xuống dưới.

Therese kể xong thì trời đã muộn. Cô đã kể chi tiết, không như thói quen của cô và chính ở những chỗ không

quan trọng, như việc tả những cọc giàn giáo, từng cái chĩa lên trời, cô đã phải tạm dừng, mắt ứa lệ. Giờ đây, sau mười năm[1], cô nhớ như in mọi chuyện nhỏ nhặt xảy ra hồi đó và vì hình ảnh của mẹ cô trên tầng trệt còn chưa xây xong ấy là kỷ niệm cuối cùng về cuộc đời bà và vì cô đã không thể kể đủ rõ ràng cho người bạn trai của mình, nên cô muốn trở lại điều ấy sau khi kết thúc câu chuyện, nhưng cô ngắc ngứ, úp mặt vào hai bàn tay và không nói lời nào nữa.

Nhưng cũng có những quãng thời gian vui vẻ hơn trong phòng của Therese. Ngay lần thăm viếng đầu tiên Karl đã thấy ở đó một quyển sách dạy về giao dịch thương mại bằng thư từ và cậu hỏi mượn. Đồng thời họ thỏa thuận rằng Karl sẽ làm những bài tập trong sách và đưa Therese kiểm tra; cô đã học hết quyển đó rồi, trong chừng mực nó cần cho những công việc lặt vặt của cô. Giờ đây Karl tai nhét bông, nằm suốt những đêm dài trên giường mình trong phòng ngủ tập thể ở tầng dưới, thay đổi đủ mọi thế nằm, đọc quyển sách và ghi chép các bài tập vào một quyển vở bằng chiếc bút máy được bà bếp trưởng tặng thưởng, vì cậu đã lập và viết sạch sẽ một bản liệt kê lớn rất tiện lợi về hàng hóa tồn kho. Cậu đã biến được phần lớn sự quấy rầy của những gã trai kia thành điều lợi ích, bằng cách không ngừng yêu cầu họ cho cậu những chỉ dẫn nho nhỏ bằng tiếng Anh, cho đến khi họ mệt mỏi và để cậu yên. Cậu thường sửng sốt về việc những anh chàng kia hoàn toàn

1. Câu chuyện bi thương này xảy ra khi Therese năm tuổi thì giờ đây, sau mười năm, cô mới mười lăm tuổi, không thể mười tám như cô cho Karl biết ở buổi tối đầu tiên họ trò chuyện với nhau.

hài lòng với hoàn cảnh hiện tại của họ mà không cảm thấy đó chỉ là tạm bợ - quá hai mươi tuổi không được làm người trực thang máy nữa - họ không thấy cần phải quyết định về nghề nghiệp sau này của mình, họ không lấy việc học của Karl làm gương và chẳng chịu đọc gì khác hơn những quyển truyện trinh thám thời thượng, chuyền từ giường này sang giường khác như những tập giấy vụn bẩn thỉu.

Trong những lần gặp gỡ, Therese sửa bài làm của Karl quá sức tỉ mỉ, kết quả là họ bất đồng quan điểm; Karl viện ra ông thầy đáng kính của mình ở New York làm chứng, nhưng Therese chẳng đếm xỉa gì đến ông ta cũng như những ý kiến về ngữ pháp của đám thanh niên trực thang máy. Cô giật cây bút máy từ tay cậu, gạch những chỗ cô tin chắc là sai, nhưng trong những trường hợp hoài nghi như thế Karl lại gạch những chỗ Therese đã gạch vì nó quá tỉ mỉ, cho dù nói chung cậu không biết ai có thẩm quyền hơn Therese trong lĩnh vực này. Đôi khi bà bếp trưởng đến và quyết định của bà luôn thiên về Therese, nhưng điều này chưa chứng minh được gì cả, vì Therese là thư ký của bà mà. Song nói chung đồng thời bà cũng đem lại hòa giải, vì trà sẽ được pha, bánh ngọt được mang ra và Karl phải kể về châu Âu; tuy nhiên cậu hay bị bà bếp trưởng ngắt lời, bà không ngớt hỏi tới hỏi lui và tỏ vẻ ngạc nhiên, qua đó bà khiến cho Karl hiểu rằng trong thời gian tương đối ngắn châu Âu đã có nhiều điều thay đổi tận gốc rễ và hẳn là từ ngày cậu đi cũng đã có nhiều đổi thay và vẫn đang không ngừng thay đổi.

Karl ở Ramses có lẽ được khoảng một tháng thì một tối nọ Renell đi ngang qua bảo rằng một tay tên Delamarche

đã bắt chuyện gã trước khách sạn và gạn hỏi về Karl. Renell không có lý do gì để giấu giếm và đã kể đúng sự thật, rằng Karl là một người trực thang máy, song nhờ có sự bảo trợ của bà bếp trưởng cậu có triển vọng nhận được những công việc khác hoàn toàn. Karl nhận thấy Delamarche đã cư xử với Renell thận trọng như thế nào, thậm chí đã mời gã đi ăn tối hôm đó. "Tớ không liên quan gì nữa với Delamarche," Karl nói, "bạn hãy thận trọng trước hắn!"

"Tớ á?" Renell nói, vươn vai và bước vội đi. Gã là tay thanh nhã nhất trong khách sạn và trong đám trai kia có tin đồn, không biết từ đâu, rằng gã được một quý bà lịch sự ở trong khách sạn đã khá lâu hôn chùn chụt, ít nhất trong thang máy. Những người biết tin đồn này nhất định sẽ rất ham muốn được nhìn thấy quý bà tự tin nọ (nhìn bề ngoài chẳng có gì chứng tỏ bà có hành vi như thế) đi ngang qua với những bước chân điềm tĩnh, nhẹ nhàng, những tấm khăn choàng mềm mại, eo lưng thắt chặt. Bà ở trên tầng một và thang máy của Renell không phải là cái dành cho bà, nhưng tất nhiên khi những thang máy khác tạm thời bận thì không thể cấm những người khách như bà vào một thang máy khác. Cho nên thỉnh thoảng quý bà này đi trong thang máy của Karl và Renell, và quả thật luôn chỉ khi nào Renell trực thang máy. Có thể chỉ ngẫu nhiên thôi, nhưng chẳng ai tin, và khi thang máy chạy đi với hai người họ, cả lũ trực thang máy xôn xao, phải vất vả mới kìm nén được, thậm chí một trong những trưởng nhóm phục vụ đã phải can thiệp. Dẫu sao Renell cũng đã thay đổi, càng trở nên tự tin hơn hẳn, nguyên nhân có thể là quý bà nọ hoặc tin đồn kia; gã phó mặc việc lau chùi

thang máy cho Karl (cậu đã chờ dịp sắp tới để nói rốt ráo với gã về việc này) và hoàn toàn không thấy bóng dáng gã trong phòng ngủ tập thể nữa. Không ai khác rời bỏ hoàn toàn tập thể của những người trực thang máy như thế, vì nói chung họ đoàn kết chặt chẽ với nhau, ít nhất trong những chuyện liên quan đến công việc, và họ có một tổ chức được ban giám đốc khách sạn công nhận.

Karl bình tĩnh suy nghĩ về những chuyện này, nghĩ cả tới Delamarche, ngoài ra cậu vẫn làm việc như bình thường. Gần nửa đêm cậu có một thay đổi nho nhỏ: Therese mang cho cậu một quả táo to và một phong sô cô la (cô thường làm cậu bất ngờ với những món quà nho nhỏ). Họ trò chuyện một chút, không hề phiền hà vì những gián đoạn mà việc trực thang máy của Karl gây ra. Họ cũng nhắc tới Delamarche và Karl nhận thấy thật ra mình đã bị ảnh hưởng từ Therese, khi gần đây cậu cho rằng hắn là một con người nguy hiểm, vì tất nhiên Therese thấy hắn như thế sau khi nghe Karl kể. Song nói chung Karl chỉ coi hắn là một tên vô lại, đã tự để mình thành ra sa đọa qua nỗi bất hạnh nào đấy và ta có thể giao du với hắn được. Therese cực lực phản đối và nói một thôi một hồi đòi Karl hứa sẽ không trò chuyện một lời nào nữa với Delamarche. Thay vì hứa, Karl không ngớt thúc giục cô đi ngủ, vì đã quá nửa đêm lâu rồi, và khi Therese không chịu, cậu dọa sẽ bỏ thang máy, đưa cô về phòng cô. Cuối cùng, khi cô đồng ý đi ngủ, cậu nói: "Sao cô lo lắng không cần thiết vậy, hở Therese? Nếu nhờ thế mà cô ngủ ngon hơn thì tôi sẵn sàng hứa sẽ chỉ nói chuyện với Delamarche nếu không thể tránh được." Rồi cậu chạy liên miên, vì gã trực thang

máy bên cạnh bị điều đi phụ giúp việc gì đấy, nên Karl phải lo luôn cả hai thang máy. Có những vị khách phàn nàn rằng thang máy bị hỗn loạn, một quý ông tháp tùng một quý bà, thậm chí đã chạm nhẹ ba toong vào Karl để hối cậu gấp gáp lên, một lời cảnh báo rất không cần thiết. Giá mà khi thấy thang máy bên cạnh không có người trực, những người khách này đi ngay qua thang máy của Karl, nhưng họ lại không làm thế, mà cứ đi tới thang máy bên cạnh và đứng đó, đặt tay lên nắm cửa, hoặc thậm chí tự vào trong thang máy, một việc mà theo điều khoản khắt khe nhất của điều lệ thì đám trực thang máy phải ngăn ngừa bằng mọi giá. Thành thử Karl cứ phải chạy qua chạy lại rất oải mà không biết đã hoàn thành chu đáo nhiệm vụ của mình chưa. Ngoài ra, lúc gần ba giờ sáng, một phu khuân vác già mà Karl hơi thân muốn cậu phụ giúp việc gì đấy, nhưng cậu không thể làm nổi, vì khách đang đứng trước hai thang máy của cậu. Và trong trường hợp này cậu cũng phải nhanh trí lập tức quyết định sải bước tới nhóm khách nào trước. Cho nên cậu sung sướng khi gã trực thang máy kia xuất hiện trở lại và trách gã vài lời vì đã vắng mặt quá lâu, tuy có lẽ không phải lỗi tại gã. Sau bốn giờ sáng thư thả được một chút, nhưng Karl đã cần nghỉ ngơi lắm rồi. Cậu nặng nề tựa vào lan can bên cạnh thang máy của mình, chậm chạp ăn quả táo, vừa cắn một miếng đã tỏa mùi thơm nức và cậu nhìn xuống một giếng trời, chung quanh là cửa sổ lớn của các kho thực phẩm, sau các khung cửa là những buồng chuối lủng lẳng hiện ra mờ mờ, còn vừa đủ thấy trong bóng tối.

6

Vụ Robinson

Chợt ai đấy vỗ lên vai cậu. Tưởng đó là một người khách, Karl vội vàng đút quả táo vào túi, rồi rảo bước tới thang máy, chưa kịp nhìn người đàn ông.

"Chào cậu Roßmann," nhưng người đó đã lên tiếng, "tớ là Robinson đây mà."

"Nhưng trông anh khác trước quá!" Karl nói và lắc đầu.

"Phải, tớ ăn nên làm ra," Robinson nói và nhìn xuống bộ quần áo của hắn, từng phần thì có thể khá sang trọng, nhưng tập hợp hổ lốn thế này trông lại tồi tàn. Đập vào mắt nhất hẳn là chiếc gi lê trắng với bốn túi nhỏ viền đen mới mặc lần đầu mà Robinson còn ưỡn cả ngực để gây chú ý.

"Anh ăn mặc quần áo thật đắt tiền," Karl nói và thoáng nhớ tới bộ cánh giản dị nhưng đẹp của mình mà hai người bạn tồi tệ của cậu đã bán quách mất rồi; mặc nó thì thậm chí cậu có thể đứng cạnh Renell mà không kém bảnh bao.

"Đúng," Robinson nói, "hầu như ngày nào tớ cũng mua sắm món gì đấy. Cậu thấy cái gi lê thế nào?"

"Đẹp lắm," Karl nói.

"Nhưng không phải túi thật đâu, chỉ trông thế thôi," Robinson nói và nắm tay Karl, muốn chính cậu kiểm tra. Nhưng Karl lùi lại, vì miệng Robinson phả ra mùi rượu mạnh chịu không nổi.

"Anh lại uống nhiều rồi," Karl nói và lại đứng bên lan can.

"Không," Robinson đáp, "đâu có nhiều," và nói thêm, mâu thuẫn với sự hài lòng mới đây của hắn: "Con người ta còn có gì khác trên thế gian."

Một chuyến thang máy chạy khiến cuộc trò chuyện bị cắt ngang và Karl vừa mới quay xuống đã nhận được điện thoại bảo cậu đi kiếm bác sĩ của khách sạn, vì một quý bà trên tầng bảy bị ngất. Trên đường đi Karl thầm hy vọng trong lúc đó Robinson sẽ bỏ đi, vì cậu không muốn ai thấy mình trò chuyện với hắn và (nghĩ tới lời cảnh báo của Therese) cũng không muốn nghe gì hết về Delamarche. Nhưng Robinson vẫn còn đợi trong dáng bộ cứng nhắc của kẻ say mèm, đúng lúc một viên chức cao cấp của khách sạn đi ngang qua trong áo đuôi tôm đen và mũ cao thành, may mắn thay ông ta dường như không chú ý đặc biệt đến Robinson.

"Cậu không muốn đến với chúng tớ một lần sao, hở Roßmann, bây giờ chúng tớ sang trọng lắm," Robinson nói và nhìn Karl dụ dỗ.

"Ai mời tôi, anh hay Delamarche?" Karl hỏi.

"Tớ và Delamarche. Trong chuyện này chúng tớ nhất trí với nhau," Robinson nói.

"Vậy thì tôi nói với anh và yêu cầu anh chuyển y như thế đến Delamarche: sự chia tay của chúng ta, nếu ngày

đó chưa đủ rõ, là dứt khoát. Hai anh đã gây cho tôi nhiều đau khổ hơn bất cứ ai khác. Chẳng lẽ các anh còn định tiếp tục không để tôi yên?"

"Chúng tớ là bạn cậu mà," Robinson nói và mắt hắn rưng rưng những giọt lệ kinh tởm của sự say rượu. "Delamarche nhờ tớ nhắn với cậu rằng hắn muốn đền bù cậu mọi chuyện trước đây. Bây giờ chúng tớ sống chung với Brunelda, một nữ ca sĩ tuyệt vời." Nói rồi hắn còn định gân cổ hát, nếu Karl không kịp thời rít lên: "Anh im ngay; anh không biết anh đang ở đâu à?"

"Roßmann," Robinson nói, chùn lại không dám hát, "tớ là bạn cậu mà, muốn gì cậu cứ nói. Bây giờ cậu có địa vị ngon lành ở đây, cậu có thể cho tớ vay ít tiền được chứ?"

"Anh sẽ lại chỉ đem cúng vào rượu hết thôi," Karl nói, "thậm chí tôi thấy trong túi anh một chai rượu, chắc chắn anh đã uống khi tôi đi khỏi đây, vì lúc đầu anh còn khá tỉnh táo."

"Đó chỉ là tẩm bổ thôi, khi tớ đi có việc," Robinson nói vẻ xin lỗi.

"Tôi nào muốn sửa lưng anh nữa đâu," Karl nói.

"Nhưng mà tiền!" Robinson nói, mắt mở to.

"Hẳn là anh được Delamarche giao nhiệm vụ đem tiền về. Được, tôi cho anh tiền, nhưng chỉ với điều kiện anh lập tức rời khỏi đây và không bao giờ tìm gặp tôi ở đây nữa. Nếu muốn thông báo gì cho tôi, anh cứ viết thư gửi tôi. Karl Roßmann, trực thang máy, khách sạn Occidental, địa chỉ thế là đủ rồi. Nhưng tôi nhắc lại, anh không được đến đây thăm tôi nữa. Ở đây tôi làm việc, không có thì giờ

cho thăm viếng. Vậy anh có muốn nhận tiền với điều kiện này không?" Karl hỏi rồi thọc tay vào túi áo gi lê, vì cậu quyết định hy sinh số tiền boa tối nay.

Robinson chỉ gật đầu và nặng nề thở. Karl hiểu sai cử chỉ đó và hỏi lại lần nữa: "Có hay không?"

Bấy giờ Robinson mới ngoắc cậu lại và, rõ ràng sắp nôn ọe đến nơi, hắn thì thầm: "Roßmann, tớ khó ở quá."

"Bố khỉ," Karl bật kêu lên và bằng hai tay kéo hắn tới lan can.

Và Robinson nôn thốc nôn tháo xuống bên dưới. Những lúc bớt nôn nao, hắn yếu ớt quơ tay bừa về phía Karl. Rồi hắn nói: "Cậu thật là một người tốt," hoặc "hết ngay thôi mà," nhưng còn lâu mới hết, hoặc: "Bọn chó chết, chúng nó cho tớ uống quỷ quái gì ở đó không biết!" Không thể ở bên hắn được nữa vì bồn chồn và kinh tởm, Karl bắt đầu đi tới đi lui. Ở đây, trong cái xó xỉnh cạnh thang máy này Robinson có thể náu mình một chút, nhưng sẽ ra sao, nếu ai đó (một trong những người khách giàu có, nóng nảy) phát hiện ra hắn, chỉ chờ một nhân viên khách sạn đi tới để phàn nàn, hắn ta sẽ nổi giận, trút hận thù lên toàn khách sạn, hoặc giả nếu một trong những thám tử của khách sạn (họ thường xuyên thay đổi, không ai biết họ ngoài ban giám đốc và bất kỳ người nào cũng đều có thể là họ) đi qua với ánh mắt soi mói, mặc dù cũng có thể chỉ vì y cận thị thôi. Còn dưới kia, chỉ cần người nào đó vào kho thực phẩm, vì nhà hàng hoạt động suốt đêm, phát hiện sự kinh tởm trong giếng trời và gọi điện hỏi Karl rằng lạy Chúa trên đó xảy ra chuyện gì vậy. Lúc ấy Karl có thể chối không quen biết Robinson được chăng?

Và nếu cậu chối, chẳng lẽ Robinson do ngu xuẩn và tuyệt vọng lại không lôi Karl ra làm chứng, thay vì xin lỗi? Và chẳng lẽ Karl sẽ không bị sa thải lập tức, vì chuyện chưa từng có đã xảy ra, đó là một gã trực thang máy, cấp thấp nhất và không cần thiết nhất trong hệ thống cấp bậc mênh mông của nhân viên khách sạn, đã thông qua người bạn làm nhơ bẩn khách sạn, để khách hoảng sợ và bỏ đi hết? Lẽ nào người ta tiếp tục dung dưỡng một gã trực thang máy có loại bạn bè như thế, hơn nữa lại còn để bạn tới thăm trong giờ làm việc? Chẳng lẽ chính một gã trực thang máy như thế này lại không phải là bợm nhậu hoặc thậm chí tồi tệ hơn, vì còn sự phỏng đoán nào sáng tỏ hơn là cậu đã lấy thực phẩm trong kho cho chúng bạn ăn nhậu thừa mứa đến mức chúng làm những chuyện, như Robinson đã làm, ở bất kỳ chỗ nào đấy cũng của cái khách sạn được giữ gìn quá ư sạch sẽ này? Và tại sao một gã như thế ấy lại chỉ giới hạn vào việc lấy trộm thực phẩm, khi mà cơ hội để ăn cắp quả là không kể xiết, do tính chểnh mảng nổi tiếng của các khách trọ, khắp nơi tủ áo quần để toang hoác, đồ quý giá bày bừa bãi trên bàn, tráp đựng tiền mở, chìa khóa bạ đâu quẳng đấy không chút đắn đo? Đang ngẫm nghĩ Karl thấy đằng xa những người khách từ một quán rượu dưới hầm đi lên, ở đó một buổi trình diễn tạp kỹ vừa chấm dứt. Karl đến đứng bên thang máy của mình, hoàn toàn không dám quay qua Robinson, vì e sợ điều cậu có thể phải nhìn thấy. Cậu hơi yên tâm khi không nghe thấy tiếng động nào từ chỗ đó, dù chỉ một tiếng thở dài. Tuy cậu phục vụ khách, cùng họ chạy lên chạy xuống, nhưng cậu không che giấu hết nổi sự lơ đãng của mình và mỗi lần thang

máy chạy xuống cậu lại chuẩn bị tinh thần bắt gặp ở dưới đó một sự bất ngờ khó xử.

Cuối cùng Karl lại có được thì giờ để chăm sóc Robinson; hắn đang ngồi thu mình thật nhỏ trong xó, áp mặt lên đầu gối. Hắn đã đẩy cái mũ tròn, cứng lên quá trán.

"Bây giờ anh đi đi," Karl nói khẽ nhưng quả quyết. "Tiền đây. Nếu anh mau mau, tôi còn có thể chỉ cho anh lối đi ngắn nhất."

"Tớ không đi nổi khỏi đây," Robinson nói và lau trán với một chiếc khăn tay bé tí, "tớ sẽ chết ở đây. Cậu không hình dung nổi tớ khó ở thế nào đâu. Delamarche dẫn tớ vào khắp các quán sang, nhưng tớ không chịu nổi thứ rượu rởm này, ngày nào tớ cũng bảo Delamarche như thế."

"Anh không thể ở lại đây được," Karl nói, "anh hãy nghĩ xem anh đang ở đâu. Nếu người ta tìm thấy anh ở đây, anh sẽ bị trừng phạt, còn tôi mất việc. Anh muốn thế sao?"

"Tớ không đi nổi khỏi đây," Robinson nói, "thà tớ nhảy xuống dưới kia," và hắn chỉ vào giếng trời qua những song lan can. "Ngồi đây thế này tớ còn có thể chịu được, nhưng không đứng lên nổi, tớ đã thử rồi, lúc cậu đi khỏi."

"Vậy tôi gọi xe và anh đi vào nhà thương," Karl nói và lắc lắc chân Robinson, hắn có thể rơi vào trạng thái suy sụp hoàn toàn bất cứ lúc nào. Nhưng vừa mới nghe từ "nhà thương" Robinson đã lớn tiếng khóc òa, hai tay dang về phía Karl xin rủ lòng thương, như thể từ này gợi lại với hắn những hình ảnh đáng sợ.

"Im," Karl nói, vỗ nhẹ vào tay hắn để hắn buông tay xuống, rồi chạy tới gã đồng nghiệp mà cậu đã trực thay hồi tối, yêu cầu gã giúp cậu cũng việc ấy một lúc ngắn, rồi vội vã quay lại với Robinson vẫn còn đang thút thít, hết sức kéo hắn lên và thì thầm bảo hắn: "Robinson, nếu anh muốn tôi chăm sóc anh, thì bây giờ anh hãy gắng sức lên, đi thẳng người một quãng ngắn. Tôi dẫn anh vào giường tôi, anh có thể tha hồ nằm ở đó cho đến khi khỏe lại. Anh sẽ ngạc nhiên thấy mình hồi phục nhanh thế nào. Nhưng bây giờ anh hãy cư xử biết điều một chút, vì khắp nơi trên các hành lang đều có người và giường tôi cũng ở trong một phòng ngủ tập thể. Chỉ cần người ta chú ý đến anh một chút thôi là tôi không thể giúp gì anh được nữa. Và anh phải mở mắt ra, tôi không thể dẫn anh đi quanh như một người ốm sắp chết được."

"Tớ sẽ làm mọi điều cậu cho là cần," Robinson nói, "nhưng một mình cậu không dẫn tớ nổi đâu. Cậu không thể gọi thêm Renell sao?"

"Renell không có đây," Karl nói.

"Ừ nhỉ," Robinson nói, "Renell đang ở chỗ Delamarche. Hai tay ấy đã cử tớ tới gặp cậu đấy. Tớ lẫn lộn hết rồi."

Karl lợi dụng cuộc độc thoại này và những cuộc độc thoại khó hiểu nữa của Robinson để đẩy hắn tới trước và may mắn cùng hắn tới được một ngã rẽ, từ đây một hành lang tối hơn dẫn đến phòng ngủ của đám trực thang máy. Đúng lúc ấy một gã từ trong đó phóng ào ra và chạy qua mặt họ. Nói thêm là cho đến lúc ấy họ có gặp người này người nọ nhưng không nguy hiểm; giữa bốn và năm giờ

sáng là thời gian yên tĩnh nhất và Karl biết rõ rằng nếu bây giờ không lôi Robinson đi được, thì đừng nghĩ đến việc này nữa vào lúc hửng sáng và lúc người ta bắt đầu đi lại trong ngày.

Ở cuối phòng ngủ đang diễn ra một trận ẩu đả hoặc một trò sinh hoạt gì khác, ta nghe tiếng vỗ tay nhịp nhàng, tiếng giậm chân khích động và tiếng cổ vũ kiểu thể thao. Ở nửa phòng ngủ bên phía cửa ra vào ta thấy chỉ có loe ngoe vài gã tỉnh bơ trên giường, phần lớn nằm ngửa, đăm đăm nhìn vào không khí, trong khi đây đó một gã (vẫn đóng bộ hoặc đã thay đồ đi nằm) nhảy ra khỏi giường để xem các trò ở đầu phòng kia tới đâu rồi. Thế nên Karl đưa Robinson, lúc này hắn đã hơi quen với chuyện đi đứng, vào giường Renell mà hầu như không bị chú ý, vì nó rất gần cửa và may mắn thay không bị ai chiếm, trong khi trên giường cậu, như cậu thấy từ xa, một gã lạ mặt mà cậu không hề biết, đang ngủ ngon lành. Vừa cảm thấy chiếc giường dưới lưng, Robinson đã thiếp đi lập tức, một chân còn thò lủng lẳng ngoài giường. Karl kéo chăn che kín mặt hắn và tin rằng ít nhất không phải lo lắng gì trong thời gian sắp tới, vì chắc chắn Robinson sẽ không thức dậy trước sáu giờ sáng và tới lúc đó cậu lại có mặt ở đây và rồi, lúc ấy có thể sẽ thêm Renell, tìm được cách đưa Robinson đi khỏi. Việc kiểm tra phòng ngủ bởi một cơ quan khá cao nào đấy chỉ xảy ra trong những trường hợp bất thường; trước đây nhiều năm đám trực thang máy đã đòi được khách sạn bãi bỏ việc kiểm tra này, hồi đó nói chung là phổ biến, thành ra về mặt ấy cũng không có gì phải sợ.

Khi quay trở lại, Karl thấy cả hai thang máy của cậu lẫn của gã bên cạnh đều vừa mới chạy lên trên. Cậu bồn chồn chờ xem việc này được làm sáng tỏ như thế nào. Thang máy của cậu xuống trước, từ trong đó bước ra chính gã hồi nãy vừa chạy qua mặt cậu nơi hành lang.

"Ơ, hồi nãy mày ở đâu vậy, Roßmann?" gã hỏi. "Sao mày lại bỏ đi? Sao mày không báo trước?"

"Nhưng tao có bảo nó trực thay tao một lúc mà," Karl trả lời và chỉ vào gã trực thang máy bên cạnh vừa xuống tới. "Tao cũng đã trực thay nó suốt hai tiếng đồng hồ trong khoảng thời gian khách sử dụng thang máy nhiều nhất."

"Hay lắm," gã kia nói, "nhưng thế không đủ. Chẳng lẽ mày không biết rằng kể cả vắng mặt một loáng thôi trong lúc trực cũng phải báo cho văn phòng trưởng nhóm phục vụ à? Mày có điện thoại để dùng vào việc này mà. Tao rất muốn trực thay mày, nhưng mày biết đấy, việc này đâu phải dễ. Vừa mới đây các khách của chuyến tàu tốc hành bốn giờ rưỡi đứng đầy trước hai thang máy. Tao đâu thể cho thang máy của mày chạy trước và bắt khách của tao chờ, thế nên tao mới chạy thang máy của tao lên trước!"

"Rồi sao?" Karl căng thẳng hỏi, vì hai gã đều im lặng.

"Rồi," gã trực thang máy bên cạnh nói, "đúng lúc ấy ông trưởng nhóm phục vụ đi qua, thấy khách đứng trước thang máy của mày mà không có người phục vụ, ông ta giận điên lên, hỏi tao mày ở đâu, vì tao chạy ngay lại; tao bảo không biết, vì mày đâu có nói với tao mày đi đâu, ông ta mới gọi điện ngay tới phòng ngủ, bảo một thằng khác đến lập tức."

"Tao đã gặp mày trong hành lang đấy," gã thay Karl nói. Karl gật đầu.

"Đương nhiên tao nói ngay với ông ta rằng mày có yêu cầu tao trực thay," gã trực thang máy kia quả quyết, "nhưng mày tưởng ông ta chịu nghe những lời xin lỗi như vậy à? Hẳn là mày chưa biết ông ta đấy thôi. Và bọn tao phải nhắn mày đến văn phòng lập tức. Thành ra đừng lần khân nữa mà chạy tới đó ngay đi. Có thể ông ta sẽ tha cho mày, thật sự mày chỉ vắng có hai phút thôi. Cứ việc viện cớ mày đã yêu cầu tao trực thay. Còn việc mày đã trực thay tao thì tốt hơn đừng kể, tao khuyên đấy, tao chẳng bị sao cả vì tao được cho phép, nhưng sẽ không tốt nếu mày nói về chuyện ấy và lại còn lẫn lộn vào vụ này, mà nó chẳng liên quan gì."

"Đây là lần đầu tiên tao rời vị trí," Karl nói.

"Bao giờ chả thế, chỉ có điều người ta không tin thôi," gã nói rồi chạy về thang máy của mình, vì khách đang đi tới.

Gã trực thay Karl khoảng mười bốn tuổi; gã nói, rõ ràng thương hại Karl: "Đã có nhiều vụ xảy ra rồi mà người ta tha cho những chuyện như vậy. Thường thì kẻ phạm lỗi bị chuyển sang công việc khác. Theo tao biết thì mới chỉ có một đứa bị đuổi vì một chuyện như thế này. Mày phải nghĩ ra cách xin lỗi nào nghe thuận tai. Đừng bao giờ bảo rằng mày đột nhiên khó ở, ông ta sẽ cười nhạo mày cho mà xem. Sẽ dễ nghe hơn nhiều, nếu mày bảo có người khách nào đấy nhờ mày đưa tin gấp tới một người khách khác và mày không còn nhớ người khách đầu là ai, còn người thứ hai mày không tìm thấy."

"Ừ," Karl nói, "sẽ không tệ lắm đâu," nhưng qua những gì được nghe, cậu không tin vào một kết thúc tốt đẹp nữa. Và ngay cả nếu sự thiếu trách nhiệm này được bỏ qua, thì trong phòng ngủ tập thể vẫn còn Robinson đang nằm như một tội lỗi sống của cậu và vì lão trưởng nhóm phục vụ tính hay cáu giận, nên có khả năng rất lớn là lão sẽ không hài lòng với một cuộc điều tra hời hợt và cuối cùng Robinson sẽ bị phát hiện. Tuy không có chuyện dứt khoát cấm dẫn người lạ vào phòng ngủ tập thể, song đấy chỉ là vì người ta không thể cấm đoán những điều kỳ quái.

Khi Karl bước vào văn phòng của lão trưởng nhóm phục vụ thì lão đang ngồi bên tách cà phê sáng, uống một hớp rồi lại nhìn vào một bảng danh mục rõ ràng đã được trưởng bảo vệ, cũng đang có mặt, đem đến cho lão. Trưởng bảo vệ là một người đàn ông to lớn, bộ đồng phục tô điểm quá ư lộng lẫy của y với những dây chuyền to như lòi tói và những dải dây vàng chóe quấn lòng thòng trên hai vai, xuống tận cánh tay khiến vai y càng bè bè thêm. Bộ ria đen bóng, hai đầu nhọn hoắt kéo dài giống như ria của những người Hungary, không động đậy kể cả khi đầu y quay ngoắt thật nhanh. Ngoài ra, do sức nặng của bộ quần áo, người đàn ông này nói chung chỉ có thể cử động khó khăn và không thể đứng cách nào khác hơn là xoạc hai chân, chống nạnh để phân bố trọng lượng cho đúng.

Karl thoải mái và nhanh nhẹn bước vào, như cậu đã tập thành thói quen trong khách sạn, vì sự chậm rãi và thận trọng ở người khác được xem là lịch sự thì ở đám trực thang máy bị người ta coi là lười biếng. Ngoài ra người ta cũng không được thấy ở cậu sự nhận lỗi ngay khi bước

vào. Lão trưởng nhóm phục vụ tuy có thoáng nhìn ra cái cửa mở, nhưng lập tức quay lại với ly cà phê cùng việc đọc của lão, không quan tâm tiếp tục đến Karl. Nhưng viên trưởng bảo vệ có lẽ cảm thấy bị quấy rầy vì sự hiện diện của Karl (chắc y có tin tức hay yêu cầu bí mật nào đấy cần trình bày với trưởng nhóm phục vụ), dẫu sao chốc chốc y lại bực bội, ngoẹo đầu ngay đơ nhìn về phía Karl, để rồi, rõ ràng tương ứng với ý đồ của y, khi chạm ánh mắt Karl, y lại quay sang lão kia. Còn Karl cho rằng một khi mình đã vào đây rồi, nếu bây giờ không được lệnh của lão trưởng nhóm phục vụ mà lại rời khỏi văn phòng ngay e sẽ tạo hệ quả xấu. Còn lão vẫn vừa tiếp tục nghiên cứu bảng danh mục, vừa ăn một miếng bánh ngọt mà lão thỉnh thoảng lại giũ đường, song vẫn không ngừng đọc. Có lần một tờ trong bảng danh mục rơi xuống sàn, viên trưởng bảo vệ không thử nhặt lên, y biết mình sẽ không làm nổi, vả cũng chẳng cần thiết, vì Karl đã bước tới nhặt và trao tờ giấy đó cho lão trưởng nhóm phục vụ, lão quơ tay cầm lấy, như thể nó tự bay từ dưới sàn lên. Việc phục vụ rất nhỏ nhoi này chẳng ích lợi gì, vì viên trưởng bảo vệ vẫn không ngừng nhìn cậu với ánh mắt tức tối.

Tuy vậy Karl vẫn điềm tĩnh hơn trước. Cậu có thể coi đó là một dấu hiệu tốt, vì vụ việc của cậu dường như không mấy quan trọng đối với lão trưởng nhóm phục vụ. Điều này rốt cuộc cũng hiểu được thôi. Dĩ nhiên một gã trực thang máy chẳng là cái thớ gì cả và vì thế không dám tự chuyên, nhưng chính vì chẳng là cái thớ gì, gã cũng không thể làm điều gì xuẩn ngốc ghê gớm. Dẫu sao chính lão trưởng nhóm phục vụ thời thanh niên cũng từng là một

gã trực thang máy - điều này vẫn còn là niềm tự hào của thế hệ trực thang máy hiện giờ - lão là người đầu tiên đã tổ chức đám trực thang máy và chắc chắn lão cũng đã có lần rời bỏ vị trí trái phép, tất nhiên giờ đây không ai có thể buộc lão nhớ lại chuyện ấy và người ta cũng không được quên rằng chính vì lão từng là một gã trực thang máy, nên lão coi nhiệm vụ của mình là duy trì kỷ luật trong đám này qua sự nghiêm khắc đôi khi tàn nhẫn. Nhưng bây giờ Karl còn đặt thêm hy vọng vào thời gian trôi. Đồng hồ văn phòng đã chỉ sáu giờ kém mười lăm phút, Renell có thể quay về bất cứ lúc nào, chưa biết chừng gã đã có mặt ở đây rồi, vì gã hẳn phải nhận thấy rằng Robinson chưa về; vả chăng Delamarche và Renell không thể dừng lại xa khách sạn Occidental được, bây giờ Karl sực nhớ ra, nếu không thì làm sao Robinson đã có thể tìm được đường tới đây trong tình trạng thảm hại của hắn. Nếu bây giờ Renell gặp Robinson trên giường gã, nhất định phải thế, thì mọi chuyện êm đẹp. Vì Renell là kẻ thực tiễn, nhất là khi liên quan đến quyền lợi của gã, hẳn là gã đã lập tức đưa Robinson ra khỏi khách sạn bằng cách nào đó rồi; việc này có khi càng dễ dàng hơn, vì trong lúc đó Robinson đã khỏe lại đôi chút, ngoài ra có lẽ Delamarche chờ trước khách sạn để đón hắn. Một khi Robinson được đem đi rồi, Karl có thể điềm tĩnh hơn nhiều trong việc đối đầu với lão trưởng nhóm phục vụ và lần này có thể cậu sẽ thoát, tuy bị khiển trách nặng nề. Rồi cậu sẽ bàn bạc với Therese xem có nên nói sự thật với bà bếp trưởng không - về phần mình cậu thấy chẳng có gì phải e ngại - và nếu nói được, vụ việc sẽ được giải quyết dứt khoát mà không thiệt hại gì ghê gớm.

Những ngẫm nghĩ này vừa mới làm Karl yên tâm một chút và cậu bắt đầu kín đáo đếm nhanh lại số tiền boa thu được hồi tối, vì theo cậu dường như là rất nhiều, thì lão trưởng nhóm phục vụ đặt bảng danh mục lên bàn, nói: "Anh vui lòng đợi một lát, Feodor," rồi uyển chuyển bật dậy và lớn tiếng nạt nộ Karl đến nỗi cậu khiếp đảm, tạm thời chỉ biết nhìn sững vào cái hốc miệng đen ngòm, to tướng.

"Mày đã rời bỏ vị trí trái phép. Mày biết thế nghĩa là gì không? Thế nghĩa là bị sa thải. Tao không muốn nghe xin lỗi gì hết, hãy giữ lấy những lời nói quanh dối trá của mày, với tao thì sự kiện mày không có mặt ở đó là quá đủ. Chỉ cần tao dung túng và bỏ qua một lần, sắp tới cả bốn mươi gã trực thang máy sẽ bỏ đi trong giờ làm việc và tao sẽ phải một mình cõng năm nghìn người khách lên bằng cầu thang."

Karl lặng thinh. Viên trưởng bảo vệ lại gần, kéo chiếc áo vét hơi nhăn nhúm của Karl xuống một ít, hiển nhiên nhằm làm cho lão trưởng nhóm phục vụ đặc biệt chú ý đến tí chút lôi thôi này trên áo quần Karl.

"Có phải lúc đó mày đột nhiên bị khó ở không?" lão trưởng nhóm phục vụ xảo quyệt hỏi.

Karl nhìn hắn thăm dò và trả lời: "Không."

"Nghĩa là mày không hề bị khó ở?" lão trưởng nhóm phục vụ càng hét to hơn. "Thế thì hẳn mày đã tìm được điều bịa đặt tuyệt vời nào đấy. Mày có lý do bào chữa nào? Nói ra."

"Cháu không biết là phải gọi điện xin phép," Karl nói.

"Thú vị thật," lão trưởng nhóm phục vụ vừa nói

vừa túm cổ áo vét Karl, gần như nâng bổng cậu đến trước bản điều lệ về công tác thang máy ghim trên tường. Viên trưởng bảo vệ cũng lót tót theo tới bên tường. "Đây, đọc đi!" lão trưởng nhóm phục vụ nói và chỉ vào một điều khoản. Karl tưởng chỉ cần đọc cho mình thôi. "To lên!" nhưng lão trưởng nhóm phục vụ ra lệnh.

Thay vì đọc to, Karl nói, hy vọng trấn an được lão trưởng nhóm phục vụ hơn: "Cháu biết điều khoản này, cháu cũng có nhận được điều lệ công tác và đã đọc kỹ. Nhưng cháu lại quên chính cái điều quy định mà cháu không bao giờ cần tới. Cháu trực thang máy đã hai tháng và chưa bao giờ bỏ vị trí."

"Chà, giờ thì mày sẽ bỏ thôi," lão trưởng nhóm phục vụ nói, đi tới bàn, cầm lại bảng danh mục, như thể muốn tiếp tục đọc, nhưng lại quăng xuống bàn, như đó là mảnh giấy lộn vô dụng và đi tới đi lui trong phòng, trán và hai má đỏ gay. "Vì một thằng nhóc như thế này mà ta cần phải làm! Những khích động như thế ở ca đêm!" lão thốt ra mấy lần. "Anh có biết ai muốn lên trên, đúng lúc thằng này bỏ thang máy đi không?" lão quay qua viên trưởng bảo vệ. Và lão nêu ra một cái tên, khiến viên trưởng bảo vệ (chắc chắn y biết hết mọi khách trọ và có thể đánh giá họ) rùng mình, đến nỗi y vụt nhìn về phía Karl, như thể chỉ sự hiện hữu của cậu thôi cũng đủ để xác nhận việc người khách mang cái tên nọ đã phải hoài công chờ lâu bên một chiếc thang máy mà kẻ trực nó đã bỏ đi.

"Khiếp quá!" viên trưởng bảo vệ nói và chậm chạp lắc đầu về hướng Karl trong sự lo âu vô bờ bến, còn cậu

buồn bã nhìn y và nghĩ rằng bây giờ mình cũng sẽ phải đền tội cho sự tối dạ của người đàn ông này.

"Với lại tao cũng đã biết mày quá mà," viên trưởng bảo vệ nói và chĩa ngón tay trỏ nung núc, to, cứng nhắc. "Mày là thằng duy nhất không bao giờ chịu chào tao. Mày tưởng mày là gì mới được chứ? Ai đi qua phòng bảo vệ cũng phải chào tao. Với những bảo vệ khác mày có thể cư xử như mày muốn, nhưng tao đòi hỏi mày phải chào tao. Tuy thỉnh thoảng tao làm như không để ý, nhưng mày có thể hoàn toàn yên trí rằng tao biết rất rõ ai chào tao, ai không, đồ láo xược!" Và y quay khỏi Karl, ngẩng cao đầu đi tới bên lão trưởng nhóm phục vụ; nhưng thay vì có ý kiến về vụ việc của viên trưởng bảo vệ, lão lại ăn cho xong bữa điểm tâm và đọc lướt tờ báo sáng mà một người giúp việc vừa mới đem vào phòng.

"Thưa ông trưởng bảo vệ," Karl nói, muốn ít nhất giải tỏa mối bất hòa với viên trưởng bảo vệ trong lúc lão trưởng nhóm phục vụ không chú ý, vì cậu hiểu rằng có thể sự trách móc của viên trưởng bảo vệ không phương hại gì đến mình, nhưng sự thù địch của y thì có. "Cháu hoàn toàn chắc chắn có chào ông. Cháu ở Mỹ chưa lâu và đến từ châu Âu, ai cũng biết ở đó người ta chào nhiều hơn cần thiết. Đương nhiên cháu vẫn chưa thể hoàn toàn từ bỏ thói quen này; mới hai tháng trước ở New York, nơi cháu tình cờ giao thiệp trong giới thượng lưu, gặp dịp nào người ta cũng khuyên cháu bỏ sự lễ phép quá đáng ấy đi. Thế mà nhè chính ông cháu lại không chào ư? Mỗi ngày cháu đều chào ông vài lần. Nhưng tất nhiên không phải mỗi lần gặp, vì ngày ngày cháu đi qua chỗ ông cả trăm lượt."

"Mày phải chào tao mỗi lần, mỗi lần, không có ngoại lệ; trong suốt thời gian nói với tao mày phải cầm kêpi trong tay, mày phải gọi tao bằng 'trưởng bảo vệ' chứ không phải 'ông' suông. Mỗi lần đều phải đủ những điều ấy, mỗi lần."

"Mỗi lần?" Karl khẽ lặp lại và thắc mắc, bây giờ cậu nhớ lại suốt thời gian ở đây đã luôn luôn bị viên trưởng bảo vệ này nhìn nghiêm khắc và đầy trách móc như thế nào, ngay từ buổi sáng đầu tiên; lúc ấy cậu chưa thật quen với vị trí phục vụ của mình, đã hơi quá táo bạo, không vòng vo mà dứt khoát gặng hỏi viên trưởng bảo vệ này rằng có hai người đàn ông có thể đã hỏi về cậu và để lại một bức hình cho cậu không.

"Bây giờ thì mày biết cách cư xử như thế dẫn tới đâu," viên trưởng bảo vệ nói, y đã quay lại gần sát Karl, và chỉ vào lão trưởng nhóm phục vụ vẫn đang đọc báo, như thể lão là đại diện cho sự báo thù của y. "Ở công việc sắp tới của mày, mày sẽ hiểu phải chào viên trưởng bảo vệ, dù có thể sẽ chỉ là trong một hắc điếm."

Karl nhận thấy thật ra mình đã mất chỗ làm này, vì lão trưởng nhóm phục vụ đã nói ra rồi, viên trưởng bảo vệ chỉ lặp lại như một sự kiện đã xong xuôi và hẳn là việc sa thải một gã trực thang máy không cần có sự chuẩn y từ phía ban giám đốc khách sạn. Tất nhiên chuyện này xảy ra nhanh hơn cậu tưởng, vì dẫu sao cậu cũng đã phục vụ hai tháng, làm hết sức mình và nhất định khá hơn một số gã khác. Nhưng chính vào giây phút quan trọng nhất, những điều này hẳn là không được đếm xỉa tới ở nơi nào trên thế giới, dù châu Âu hay Mỹ, mà nó được quyết định

như lời phán quyết bật ra từ miệng người ta trong cơn thịnh nộ đầu tiên. Có lẽ bây giờ cậu lập tức từ biệt, nhanh chóng sắp xếp rương và lặng lẽ ra đi là hay nhất; bà bếp trưởng và Therese chắc còn ngủ, có thể cậu viết thư hơn là gặp riêng để từ biệt, như thế ít ra tránh cho họ khỏi thất vọng và buồn rầu về cách hành xử của cậu. Còn nếu cậu ở lại thêm dù chỉ một ngày thôi, đương nhiên cậu cần ngủ một ít, thì sẽ chẳng có gì khác chờ đợi cậu hơn là chuyện của cậu phình ra thành một vụ tai tiếng, trách móc từ mọi phía, cậu không chịu nổi cảnh tượng Therese đầm đìa nước mắt và có thể cả bà bếp trưởng và biết đâu còn bị trừng phạt nữa. Mặt khác cậu bối rối vì đối mặt ở đây với hai kẻ thù và mỗi lời mình nói ra nếu không bị lão này thì cũng bị lão kia moi móc và diễn giải thành điều xấu. Vì thế cậu lặng thinh và tạm thời tận hưởng sự yên tĩnh đang ngự trị trong phòng, vì lão trưởng nhóm phục vụ vẫn còn đọc báo, và viên trưởng bảo vệ sắp xếp theo số trang bảng danh mục của y đang nằm rải rác trên bàn và gặp không ít khó khăn vì y cận thị rành rành.

Cuối cùng lão trưởng nhóm phục vụ vừa đặt tờ báo xuống vừa ngáp, liếc nhìn Karl để biết chắc cậu vẫn còn đây và quay chuông[1] điện thoại bàn. Lão nhiều lần "A lô!" nhưng không nghe trả lời. "Không ai trả lời!" lão nói với trưởng bảo vệ. Theo Karl thấy thì lão này quan sát việc gọi điện thoại với sự quan tâm đặc biệt và nói: "Đã sáu giờ kém mười lăm. Chắc chắn bà ấy dậy rồi chứ. Ông

1. Phải chăng tiếng Đức ở Praha (thời Kafka) gọi *"quay số"* điện thoại là *"quay chuông"*?

cứ rung chuông to nữa vào." Đúng lúc ấy điện thoại reo dù lão trưởng nhóm phục vụ chưa tiếp tục quay chuông. "Trưởng nhóm phục vụ Isbary đây," lão nói. "Chào bà bếp trưởng. Tôi không đánh thức bà chứ? Tôi rất tiếc. Vâng, vâng, sáu giờ kém mười lăm rồi. Nhưng tôi thành thật rất tiếc đã làm bà hoảng sợ. Bà nên tắt điện thoại khi ngủ. Không, không, thật đấy, tôi không đáng được tha lỗi, nhất là vụ này không đáng kể, vì nó mà tôi muốn thưa chuyện với bà. Dĩ nhiên tôi rảnh, vâng ạ, tôi sẽ giữ máy, nếu bà thấy cần."

"Bà ấy hẳn đã phải mặc nguyên áo ngủ chạy tới điện thoại," lão trưởng nhóm phục vụ mỉm cười nói với trưởng bảo vệ nãy giờ lom khom nhìn chiếc máy điện thoại với nét mặt căng thẳng. "Đúng là tôi đã đánh thức bà ấy, bình thường bà ấy được một con bé đánh thức; nó đánh máy chữ cho bà ấy, nhưng hôm nay hẳn là nó quên, một ngoại lệ. Tôi rất tiếc đã làm bà ấy hoảng sợ, bà ấy vốn luôn dễ bị căng thẳng mà."

"Sao bà ấy không nói tiếp?"

"Bà ấy chạy qua xem con bé kia có chuyện gì," lão trưởng nhóm phục vụ đáp, ống nghe đã áp vào tai, vì máy lại reo. "Cô bé sẽ trở lại thôi mà," lão tiếp tục nói vào điện thoại. "Bà đừng gặp chuyện gì cũng hốt hoảng thế chứ. Quả thật bà cần nghỉ ngơi cho đàng hoàng. Vâng, tôi có một yêu cầu nho nhỏ. Ở đây có một gã trực thang máy tên là" - hắn quay qua Karl ra ý hỏi; vì cậu chú ý kỹ, nên đã nói ngay tên mình - "tên là Karl Roßmann. Nếu tôi nhớ không nhầm thì bà có quan tâm đôi chút đến gã; tiếc thay gã trả ơn lòng tử tế của bà thật tệ bạc, gã đã rời bỏ vị trí

trái phép, gây cho tôi rất nhiều phiền muộn, bây giờ chưa lường hết được, vì vậy tôi vừa mới sa thải gã. Tôi mong bà không lấy thế làm bi thảm. Bà bảo sao ạ? Sa thải, vâng, sa thải. Nhưng tôi đã thưa với bà rằng gã rời bỏ vị trí. Không, thưa bà bếp trưởng quý mến, quả thật tôi không thể nhân nhượng bà được. Chuyện này liên quan đến uy quyền của tôi, hậu quả của nó rất lớn, một gã như thế có thể làm hư hỏng nguyên đám trực thang máy của tôi. Ta phải theo dõi ghê gớm chính bọn trực thang máy này. Không, không, trong vụ này tôi không thể làm vui lòng bà được, dù tôi luôn rất quan tâm đến điều ấy. Và nếu tôi tha thứ cho gã bất chấp tất cả thì cũng chẳng nhằm mục đích gì khác hơn là giữ cho mình giận căm gan, tím ruột; gã không thể ở lại đây, vì bà, vâng, vì bà, bà bếp trưởng ạ. Bà thông cảm với gã, song gã hoàn toàn không xứng đáng, và vì tôi không những chỉ biết gã, mà còn quen biết bà nữa, nên tôi hiểu rằng việc này hẳn sẽ gây cho bà những thất vọng não nề nhất mà tôi muốn tránh cho bà bằng mọi giá. Tôi nói hoàn toàn thẳng thắn, dù gã bướng bỉnh này đang đứng trước mặt tôi vài bước. Gã sẽ bị sa thải; không, không, thưa bà bếp trưởng, gã sẽ bị đuổi thẳng cánh; không, không, gã sẽ không được thuyên chuyển qua công việc nào khác, hoàn toàn không dùng được gã. Hơn nữa gã còn bị nhiều phàn nàn khác. Ông trưởng bảo vệ chẳng hạn, vâng, sao ạ, Feodor, vâng, Feodor phàn nàn về tính vô lễ và xấc xược của gã này. Sao ạ, thế chưa đủ ạ? Vâng, thưa bà bếp trưởng quý mến, vì thằng lỏi này mà bà phủ nhận tính cách của mình. Không, bà không được thúc ép tôi như thế."

Lúc ấy viên trưởng bảo vệ cúi xuống, thì thầm gì đấy vào tai lão trưởng nhóm phục vụ. Thoạt tiên lão trưởng nhóm phục vụ sửng sốt nhìn y và rồi nói vào máy điện thoại, liến thoắng đến nỗi mới đầu Karl hiểu không thật rõ và nhón chân xích gần lại hai bước.

"Thưa bà bếp trưởng quý mến," hắn nói, "thành thật mà nói, tôi không ngờ rằng bà nhận xét người kém thế. Tôi vừa biết được đôi điều về gã thiên thần của bà; nó sẽ làm thay đổi hoàn toàn quan điểm của bà về gã, và rất tiếc chính tôi lại phải cho bà biết. Gã trai trang nhã này, mà bà gọi là mẫu mực của sự lịch thiệp, chẳng đêm nào rảnh mà không mò vào phố, mãi sáng mới về. Vâng, vâng, thưa bà bếp trưởng, điều này được chứng minh qua nhân chứng, những nhân chứng không thể ngờ vực, vâng. Bà có thể cho tôi biết gã lấy đâu ra tiền cho những trò tiêu khiển này không? Làm sao gã chú tâm vào công việc? Chẳng lẽ bà còn muốn tôi kể với bà gã đã làm chuyện gì trong phố? Tôi muốn dứt khỏi gã này thật nhanh. Còn bà, xin hãy coi đây là lời nhắc nhở rằng ta nên thận trọng xiết bao với bọn lạc loài chạy tới đây."

"Nhưng, thưa ông trưởng nhóm phục vụ," bấy giờ Karl kêu lên, thật sự nhẹ nhõm qua điều ngộ nhận to lớn này, nó dường như xảy ra tại đây và có thể đưa đến việc mọi chuyện trở nên tốt đẹp nhanh chóng không ngờ, "chắc chắn có sự nhầm lẫn. Cháu tin rằng ông trưởng bảo vệ vừa nói với ông tối nào cháu cũng bỏ đi. Nhưng điều này hoàn toàn không đúng, ngược lại tối nào cháu cũng ở trong phòng ngủ, tất cả các anh khác có thể xác nhận. Nếu cháu không ngủ, cháu học trao đổi thư từ về thương

mại, nhưng cháu không hề ra khỏi phòng ngủ một tối nào. Điều này thật dễ chứng minh. Hẳn ông trưởng bảo vệ nhầm lẫn cháu với ai khác và bây giờ cháu cũng hiểu tại sao ông ấy nghĩ rằng cháu không chào ông ấy."

"Mày có câm mồm ngay không," trưởng bảo vệ quát lớn, nắm đấm vung qua vung lại, trong khi nếu là người khác, họ chỉ động đậy một ngón tay. "Tao mà nhầm lẫn mày với ai khác! Hừ, nếu tao nhầm lẫn người thì tao không thể là trưởng bảo vệ nữa. Ông nghe đấy, ông Isbary, phải, nếu tôi nhầm lẫn người thì tôi không thể là trưởng bảo vệ nữa. Trong ba mươi năm công tác tao chưa một lần nhầm lẫn, điều mà hàng trăm ông trưởng nhóm phục vụ ở đây trong suốt thời gian này có thể xác nhận, thế mà ở mày, thằng lỏi khốn kiếp, tao lại bắt đầu nhầm lẫn. Ở mày, với bộ mặt nhẵn nhụi, đáng chú ý của mày. Nó có gì để nhầm lẫn chứ! Tối nào mày cũng có thể lén lút chạy vào trong phố và chỉ cần qua bản mặt mày là tao xác nhận được mày là một thằng vô lại hết sức tồi tệ."

"Thôi, Feodor!" lão trưởng nhóm phục vụ nói, cuộc điện đàm của lão với bà bếp trưởng dường như thình lình bị đứt. "Vụ này đơn giản thôi mà. Cái chính không phải là những cuộc giải trí đêm của nó. Có thể trước khi rời khỏi đây nó còn muốn gây ra một cuộc điều tra quy mô nào đấy về chuyện chơi đêm của nó. Tôi có thể hình dung ngay được rằng việc này sẽ làm nó khoái trá. Biết đâu ta sẽ phải gọi cả bốn mươi gã trực thang máy ra để lấy khẩu cung như nhân chứng, dĩ nhiên cả bọn sẽ nhầm lẫn nó với ai khác; dần dà sẽ phải kéo hết thảy nhân viên ra làm chứng, đương nhiên lúc đó khách sạn sẽ phải

đình chỉ hoạt động một thời gian ngắn và cuối cùng khi nó vẫn bị tống cổ thì ít nhất nó cũng đã có được sự thích thú. Cho nên tốt hơn chúng ta không nên làm thế. Bà bếp trưởng, người đàn bà nhân hậu này, đã bị nó lừa rồi, thế là đủ. Tao không muốn nghe gì thêm nữa; mày bị đuổi ngay tại chỗ vì không làm tròn công việc. Đây, tao đưa mày một phiếu thanh toán mang đến quầy thu ngân, mày sẽ được trả lương cho đến hôm nay. Ngoài ra, tao nói riêng để mày biết, với cung cách cư xử của mày thì đây đúng là một món quà, mà tao làm chỉ vì quan tâm đến bà bếp trưởng."

Một cuộc điện thoại đã khiến lão trưởng nhóm phục vụ không ký ngay được phiếu thanh toán. "Hôm nay tôi đến khổ vì đám trực thang máy!" lão mới nghe được vài lời đã kêu toáng. "Thật là vô liêm sỉ!" lát sau lão lại kêu lên. Rồi lão quay qua viên trưởng bảo vệ và nói: "Feodor, anh vui lòng giữ thằng lỏi này một lúc, chúng ta sẽ còn phải hàn huyên với nó." Rồi lão ra lệnh vào điện thoại: "Lên đây lập tức."

Lúc này ít ra viên trưởng bảo vệ có thể xả cơn giận, điều mà y đã không làm được qua lời ăn tiếng nói. Y giữ chặt cánh tay Karl, nhưng không phải bằng cách nắm điềm tĩnh, cái đó cậu có thể chịu đựng được, mà thỉnh thoảng y lại nới lỏng, rồi từ từ siết chặt hơn, chặt nữa, với sức mạnh thể lực ghê gớm của y thì điều này dường như không dứt, khiến mắt Karl tối sầm lại. Nhưng y không chỉ giữ Karl, mà như thể y còn được lệnh đồng thời kéo cậu dài ra, nên đôi lúc y lại nhấc cậu lên cao và vừa lắc vừa không ngớt nửa nói nửa hỏi lão trưởng nhóm phục vụ:

"Miễn là bây giờ tôi không nhầm lẫn nó, miễn là bây giờ tôi không nhầm lẫn nó."

Thật là một sự giải thoát cho Karl, khi gã trưởng đám trực thang máy, một tay Beß nào đấy, béo ị, luôn thở phì phò, bước vào, lôi kéo chút ít sự chăm chú của lão trưởng bảo vệ. Karl kiệt sức đến nỗi hầu như đã không chào Therese, khi thấy cô lẻn vào sau lưng gã, nhợt nhạt như xác chết, áo xống xốc xếch, mái tóc gài cao, lỏng lẻo, khiến cậu sửng sốt. Trong nháy mắt cô đã tới bên cậu và thì thào: "Bà bếp trưởng biết chưa?"

"Ông trưởng nhóm phục vụ đã gọi điện cho bà," Karl đáp.

"Thế thì ổn rồi, thế thì ổn rồi," cô nói nhanh, đôi mắt linh lợi.

"Không đâu," Karl nói. "Cô đâu biết họ có chuyện gì chống lại tôi. Tôi phải cút khỏi đây, bà bếp trưởng cũng đã vững tin như thế. Cô đừng ở lại đây, lên trên kia đi, rồi tôi sẽ tới từ biệt cô."

"Nhưng mà Roßmann, anh nghĩ gì thế, anh chắc chắn sẽ ở lại đây với chúng tôi, bao lâu anh muốn. Ông trưởng nhóm phục vụ sẽ làm mọi điều bà bếp trưởng muốn, ông ta yêu bà mà, tôi mới biết đây. Thành ra cứ yên tâm."

"Therese ơi, bây giờ xin cô hãy đi đi. Tôi không thể tự biện hộ tốt được, khi cô ở đây. Nhưng tôi phải biện hộ tới nơi tới chốn, vì những điều dối trá được đưa ra chống lại tôi. Tôi chú ý kỹ và biện hộ tốt chừng nào, sự hy vọng ở lại của tôi nhiều chừng ấy. Cho nên, Therese..." Rủi thay, đột nhiên bị đau nhói, cậu không nén được khe khẽ nói thêm: "Giá mà lão trưởng bảo vệ này buông tôi ra! Tôi

hoàn toàn không biết lão là kẻ thù của tôi. Nhưng lão cứ không ngừng bóp và kéo tôi!"

"Sao mình lại nói thế!" cậu liền nghĩ, "không người phụ nữ nào lại có thể thản nhiên nghe được."

Và quả thật Therese (mà cậu không cản nổi bằng bàn tay không bị nắm của mình) đã quay qua lão trưởng bảo vệ: "Thưa ông trưởng bảo vệ, ông vui lòng buông ngay Roßmann, ông làm anh ấy đau. Bà bếp trưởng sẽ đích thân đến đây ngay và ta sẽ thấy anh ấy hoàn toàn bị oan ức. Ông buông anh ấy ra; ông hành hạ anh ấy thì vui thú gì mới được chứ!" Và cô thậm chí còn chụp lấy tay y.

"Mệnh lệnh, cô bé ạ, mệnh lệnh," lão trưởng bảo vệ nói và dùng bàn tay rảnh thân mật kéo Therese lại với y, trong khi y ra sức bóp Karl bằng tay kia, như thể y không những chỉ muốn làm cậu đau đớn, mà còn có một mục đích đặc biệt với cánh tay y đang nắm giữ này, song mãi vẫn chưa đạt được. Phải mất một lúc Therese mới vùng khỏi vòng tay của lão trưởng bảo vệ và cô vừa định lên tiếng bênh vực Karl với lão trưởng nhóm phục vụ, lão vẫn đang nghe Beß kể lể rất dông dài, thì bà bếp trưởng lẹ làng bước vào.

"Đội ơn Chúa!" Therese thốt lên và trong một khoảnh khắc trong căn phòng người ta không nghe thấy gì khác hơn những tiếng kêu lớn này. Lão trưởng nhóm phục vụ đứng bật dậy và đẩy Beß qua một bên.

"Bà đích thân đến ư, thưa bà bếp trưởng? Vì chuyện nhỏ mọn này? Sau khi chúng ta trò chuyện qua điện thoại, tôi có thể đoán được rằng bà sẽ đến, nhưng thật ra tôi

không tin. Trong khi đó thì vụ của kẻ được bà bảo trợ không ngừng tệ hại thêm. Tôi e rằng quả thật tôi sẽ không sa thải nó, mà phải cho giam nó lại cơ. Mời bà tự nghe." Và hắn vẫy Beß tới.

"Tôi muốn trước hết có đôi lời với Roßmann," bà bếp trưởng nói và ngồi xuống cái ghế mà lão trưởng nhóm phục vụ đem lại mời bà. "Karl, cháu vui lòng lại gần đây," rồi bà nói. Karl vâng lời hay đúng hơn cậu bị lão trưởng bảo vệ lôi tới gần. "Ông buông nó ra," bà bếp trưởng bực bội nói, "nó có phải quân cướp của giết người đâu!" Lão trưởng bảo vệ buông cậu ra thật, nhưng trước đó còn bóp thêm một lần nữa, mạnh đến nỗi chính y đã trào nước mắt vì gắng sức.

"Karl," bà bếp trưởng nói, hai tay điềm tĩnh đặt lên lòng và nghiêng đầu nhìn Karl - chẳng giống một cuộc hỏi cung tí nào - "trước hết cô muốn nói với cháu rằng cô vẫn hoàn toàn tin tưởng ở cháu. Cả ông trưởng nhóm phục vụ cũng là người công tâm, cô bảo đảm điều đó. Cô và ông ấy nói chung rất muốn giữ cháu ở đây" - nói đến đây bà liếc nhanh qua lão trưởng nhóm phục vụ, như muốn yêu cầu lão đừng ngắt lời bà. Lão không ngắt lời. "Vậy cháu hãy quên những gì cho tới bây giờ người ta có thể đã nói với cháu tại đây. Nhất là những gì ông trưởng bảo vệ có thể đã nói với cháu, cháu đừng coi nó quá nghiêm trọng. Tuy ông ấy là một người dễ bị khích động, ở công việc của ông ấy thì điều này đâu có gì lạ, nhưng ông ấy cũng có vợ con và biết rằng không được giày vò không cần thiết một thanh niên phải một thân một mình bươn chải, vì thế giới này đã gây đủ lo lắng cho nó rồi."

Trong phòng yên lặng như tờ. Trưởng bảo vệ nhìn trưởng nhóm phục vụ ra ý đòi lão giải thích, còn lão này nhìn bà bếp trưởng và lắc đầu. Gã trực thang máy Beß nhăn nhở cười vô nghĩa sau lưng trưởng nhóm phục vụ. Therese thổn thức vì vui mừng và đau khổ, nuốt nước mắt cố để không ai nghe thấy.

Còn Karl không nhìn bà bếp trưởng, chắc chắn bà muốn cậu nhìn bà, mà ngó xuống đất, dù đó chỉ có thể bị coi là dấu hiệu xấu. Đau đớn nhói ra tứ phía trên cánh tay cậu, áo sơ mi dính bết vào những vết bóp và quả thật cậu muốn cởi vét để kiểm tra xem tay mình thế nào. Những gì bà bếp trưởng nói dĩ nhiên là rất tử tế, nhưng bất hạnh thay dường như chính thái độ của bà bếp trưởng đã biểu lộ rằng cậu không đáng được đối xử tử tế, rằng trong hai tháng qua cậu đã hưởng tình thương của bà bếp trưởng một cách không xứng đáng, phải, cậu không đáng được hưởng gì khác hơn là rơi vào tay lão trưởng bảo vệ.

"Cô nói thế," bà bếp trưởng nói tiếp, "để cháu yên tâm trả lời; cô không nói có lẽ cháu cũng trả lời thôi, vì cô nghĩ rằng cô biết tính cháu."

"Trong khi chờ đợi tôi xin phép đi gọi bác sĩ, vì từ nãy đến giờ người đàn ông ấy có thể đã chảy máu đến chết," đột nhiên gã trực thang máy Beß xen vào, rất lễ phép, nhưng rất không đúng lúc.

"Đi đi," trưởng nhóm phục vụ nói với Beß, gã chạy đi liền. Rồi lão nói với bà bếp trưởng: "Chuyện là thế này: ông trưởng bảo vệ giữ gã này ở đây không phải để đùa vui. Dưới kia, đám trực thang máy phát hiện trong phòng ngủ một tay đàn ông lạ hoắc, say khướt nằm trên

một cái giường, trùm kín chăn cẩn thận. Dĩ nhiên họ đánh thức hắn và muốn tống hắn ra. Nhưng tay đàn ông này cự nự om sòm, không ngớt la hét rằng phòng ngủ là của Karl Roßmann, hắn là khách của gã, gã đã đem hắn vào đó và sẽ trừng trị bất cứ ai dám động đến hắn. Ngoài ra hắn cũng phải chờ Karl Roßmann, vì gã hứa đưa hắn tiền và chỉ chạy đi lấy thôi. Bà bếp trưởng ạ, bà vui lòng chú ý: hứa đưa hắn tiền và chạy đi lấy. Mày cũng chú ý đấy, Roßmann," trưởng nhóm phục vụ tiện thể bảo Karl, lúc ấy đang quay qua Therese; cô đăm đăm nhìn trưởng nhóm phục vụ như bị thôi miên và không ngừng đưa tay lên hoặc để gạt những sợi tóc lòa xòa trên trán hoặc cử động chỉ để cử động. "Nhưng mà có thể tao khiến mày nhớ lại những cam kết nào đó. Vì tay đàn ông dưới kia còn bảo rằng sau khi mày quay trở lại, hai đứa bay sẽ làm một chuyến thăm viếng một nữ ca sĩ nào đấy vào ban đêm mà tên mụ ta không ai hiểu được, vì tay đàn ông đó chỉ có thể phát âm cái tên ấy trong tiếng hát."

Tới đây trưởng nhóm phục vụ ngừng ngang, vì bà bếp trưởng, mặt rõ ràng tái nhợt, đứng lên khỏi chiếc ghế mà bà vừa đẩy lui một chút.

"Tôi tránh cho bà những chuyện còn lại," trưởng nhóm phục vụ nói.

"Không, không," bà bếp trưởng nói và nắm tay lão, "ông cứ kể tiếp đi, tôi muốn nghe hết, cho nên tôi mới đến đây."

Trưởng bảo vệ bước tới, vỗ ngực bồm bộp, tỏ ra rằng y đã thấu rõ mọi chuyện ngay từ đầu, liền được trưởng

nhóm phục vụ trấn an đồng thời đuổi về chỗ với lời lẽ: "Đúng, anh hoàn toàn đúng, Feodor ạ!"

"Cũng không còn gì nhiều để kể," trưởng nhóm phục vụ nói. "Thanh niên vốn dĩ thế mà, nên thoạt tiên chúng cười nhạo tay đàn ông, rồi cãi nhau với hắn và hắn bị đo ván, vì ở đó luôn có những gã đánh bốc giỏi; và tôi hoàn toàn không dám hỏi hắn bị chảy máu bao nhiêu chỗ và ở những chỗ nào, vì đám thanh niên này là những tay đánh bốc đáng sợ và một kẻ say rượu tất nhiên đâu gây khó khăn gì được cho chúng."

"Ra thế," bà bếp trưởng nói, vịn lưng ghế và nhìn vào chỗ bà vừa rời khỏi. "Roßmann, cháu hãy nói đi, một lời cũng được!" bà nói. Therese bỏ chỗ đang đứng nãy giờ, chạy tới và khoác tay bà bếp trưởng, một cử chỉ mà Karl chưa từng thấy ở cô. Trưởng nhóm phục vụ đứng sát sau bà bếp trưởng và chậm rãi vuốt phẳng cái cổ áo nhỏ, giản dị viền đăng ten, hơi bị lật ngược của bà bếp trưởng. Đứng cạnh Karl, trưởng bảo vệ nói: "Thế nào?" nhưng thật ra y chỉ muốn qua đó che đậy một cú thúc vào lưng Karl.

"Đúng là cháu đã đưa người đàn ông đó vào phòng ngủ," Karl nói thiếu tự tin hơn mức cậu muốn, do cú thúc.

"Chúng tao không muốn biết nhiều hơn," trưởng bảo vệ nói thay mọi người. Bà bếp trưởng lặng lẽ quay qua trưởng nhóm phục vụ, rồi qua Therese.

"Cháu không thể làm khác được," Karl nói tiếp. "Người đàn ông đó là bạn cháu trước kia, hắn đến đây để thăm cháu sau hai tháng không gặp nhau, nhưng hắn say đến nỗi không thể đi khỏi một mình."

Trưởng nhóm phục vụ khẽ nói bâng quơ: "Nghĩa là hắn tới thăm, sau đó say khướt đến mức không thể đi khỏi." Bà bếp trưởng hơi ngoái lại thì thầm gì đấy với trưởng nhóm phục vụ, dường như hắn phản bác bằng một nụ cười rõ ràng không ăn nhập gì tới vụ này. Therese - Karl chỉ nhìn về phía cô - úp mặt vào bà bếp trưởng trong vẻ hoàn toàn bất lực và không muốn nhìn gì nữa. Người duy nhất hoàn toàn hài lòng với lời giải thích của Karl là trưởng bảo vệ, y mấy lần nói đi nói lại: "Hoàn toàn đúng, ta phải giúp đỡ bạn nhậu của ta chứ" và y tìm cách khắc ghi, bằng ánh mắt cùng những cử chỉ của bàn tay, lời giải thích này vào tâm trí mỗi người hiện diện.

"Nghĩa là cháu có lỗi," Karl nói và ngừng một lúc ngắn, như chờ một lời lẽ thân mật của các quan tòa, nó có thể cho cậu can đảm tiếp tục bào chữa, nhưng không thấy nó đâu, "cháu chỉ có lỗi ở chỗ đã đưa người đàn ông này - hắn tên là Robinson, một người Ireland - vào phòng ngủ. Mọi điều khác hắn nói là vì say và không đúng."

"Nghĩa là mày không hứa cho hắn tiền?" trưởng nhóm phục vụ hỏi.

"Có," Karl nói và ân hận đã quên mất chuyện này, do không cân nhắc hoặc lơ đãng nên trong một số biểu đạt cậu đã cho rằng mình vô tội. "Cháu có hứa cho hắn tiền, vì hắn đã xin cháu. Nhưng cháu không muốn đi lấy, mà chỉ cho hắn số tiền boa cháu được hồi tối thôi." Và để chứng minh cậu móc tiền từ túi, cho thấy vài đồng kẽm nhỏ trên lòng bàn tay.

"Mày càng lúc càng lạc đề," trưởng nhóm phục vụ nói. "Nếu cần tin mày, người ta cứ luôn phải quên điều

mày nói trước đó. Thoạt tiên mày bảo mày đã đưa người đàn ông - cái tên Robinson tao cũng không tin mày, từ khi có Ireland, không người dân nào của đất nước này có tên họ như thế - nghĩa là thoạt tiên mày chỉ đưa hắn vào phòng ngủ thôi, chỉ riêng việc này thôi là mày đã có thể phấn khởi bay ra rồi, nhưng mới đầu mày không hứa cho hắn tiền, rồi khi người ta bất thần hỏi, mày lại có hứa cho hắn tiền. Nhưng ở đây chúng tao không chơi trò hỏi đáp, mà muốn nghe lời biện bạch của mày. Mới đầu mày không muốn đi lấy tiền, mà cho hắn số tiền boa hôm qua, nhưng rồi hóa ra mày vẫn còn số tiền boa này, nghĩa là rõ ràng mày vẫn muốn đi lấy tiền khác nữa, sự vắng mặt lâu của mày chứng tỏ điều ấy. Nếu mày muốn lấy tiền từ cái rương của mày để cho hắn, thì cũng đâu phải chuyện lạ lùng; nhưng mày ra sức chối, chuyện ấy tất nhiên mới lạ lùng, cũng như mày không ngớt giấu giếm rằng người đàn ông này chỉ say khi được mày chuốc rượu ở khách sạn, không mảy may nghi ngờ gì được điều này, vì chính mày đã thừa nhận rằng hắn đến đây một mình, nhưng không đi khỏi nổi một mình và chính hắn đã la lối cùng khắp trong phòng ngủ rằng hắn là khách của mày. Thế thì bây giờ chỉ còn hai điều chưa rõ mà mày có thể trả lời, nếu mày muốn làm đơn giản vấn đề, nhưng cuối cùng chúng tao cũng có thể xác định được mà không cần đến sự hỗ trợ của mày: một là mày làm cách nào vào được các phòng trữ thực phẩm và hai là làm cách nào mày gom góp được món tiền để tặng ấy?"

"Không thể biện hộ, nếu họ không có thiện chí," Karl tự nhủ và không trả lời trưởng nhóm phục vụ nữa, dù có

lẽ điều này đã khiến Therese rất đau khổ. Cậu biết mọi điều mình có thể nói ra sẽ bị bóp méo thành khác hẳn với ý mình nghĩ, nên chỉ còn biết phó mặc cho họ phán quyết, dù tốt hay xấu.

"Nó không trả lời," bà bếp trưởng nói.

"Đó là sự khôn ngoan nhất mà nó có thể làm được," trưởng nhóm phục vụ nói.

"Nó sẽ còn bịa ra gì nữa đấy," trưởng bảo vệ nói, thận trọng vuốt râu với bàn tay hung bạo hồi nãy.

"Im," bà bếp trưởng bảo Therese đang bắt đầu thút thít bên cạnh bà, "cháu thấy đấy, nó không trả lời, làm sao cô có thể làm gì cho nó được? Rốt cuộc cô đã sai lầm trước ông trưởng nhóm phục vụ. Therese, hãy cho cô biết theo ý cháu thì cô đã sơ sót không làm điều gì đó cho nó chăng?" Làm sao Therese biết được và phỏng ích lợi gì khi bà bếp trưởng có thể sẽ mất nhiều uy tín trước hai lão này qua câu hỏi và lời yêu cầu bà công khai đặt ra cho cô gái?

"Thưa bà bếp trưởng," Karl nói, cố gượng một lần nữa, song chỉ để tránh cho Therese khỏi phải trả lời, chứ không vì mục đích nào khác, "cháu không nghĩ rằng đã làm gì đó khiến bà ô danh và sau cuộc điều tra kỹ lưỡng hẳn là ai khác cũng sẽ thấy như thế."

"Ai khác," trưởng bảo vệ nói và chỉ vào trưởng nhóm phục vụ, "nó ám chỉ ông đấy, ông Isbary ạ."

"Thưa bà bếp trưởng," lão này nói, "sáu rưỡi, hết giờ rồi. Tôi nghĩ rằng tốt nhất bà hãy cho tôi nói lời kết thúc trong vụ việc đã được thảo luận quá ư kiên nhẫn này."

Thằng nhóc Giacomo bước vào, định tới bên Karl,

nhưng hốt hoảng trước sự im lặng đè nặng trong phòng, nên lại thôi và chờ.

Sau những lời lẽ cuối cùng của Karl, bà bếp trưởng không rời ánh mắt khỏi cậu và cũng không có gì cho thấy bà có nghe sự lưu ý của trưởng nhóm phục vụ. Mắt bà hướng hết về phía Karl, đôi mắt to, xanh da trời, nhưng hơi đục vì tuổi tác và nhiều vất vả. Cách bà đứng đó, khẽ đung đưa chiếc ghế trước mặt khiến ta hoàn toàn có thể chờ đợi rằng giây phút sau bà sẽ nói: "Karl à, cô ngẫm nghĩ thấy rằng vụ này chưa thật sáng tỏ và, như cháu nói đúng, cần một cuộc điều tra kỹ lưỡng. Và bây giờ chúng ta muốn thực hiện cuộc điều tra, dù người ta đồng ý hay không, vì phải có sự công minh."

Nhưng thay vì thế, sau một lúc ngừng ngắn mà không ai dám cắt ngang - ngoại trừ cái đồng hồ điểm chuông xác nhận lời lão trưởng nhóm phục vụ là đã sáu giờ rưỡi và cùng lúc với nó, như ai cũng biết, mọi đồng hồ trong khách sạn, tiếng chuông vang trong tai và trong niềm linh cảm như sự giật mình diễn ra hai lần[1] của một sự nóng lòng lớn và độc nhất - bà bếp trưởng nói: "Không, Karl, không, không! Chúng ta không muốn tự thuyết phục bằng điều ấy. Những chuyện chính đáng có diện mạo đặc biệt, còn chuyện của cháu, cô phải thú nhận, lại không có. Cô được phép nói thế và cũng phải nói thế; cô phải thú nhận như vậy, vì cô chính là kẻ đã đến đây với định kiến

1. Hễ nửa giờ (chẳng hạn sáu giờ rưỡi như ở đây) chuông đồng hồ quả lắc đánh "kính" rồi "koong" (*hai lần*) và mỗi lần như thế người kể chuyện (Karl Roßmann), cũng có thể cả bà bếp trưởng và Therese, giật thót người, nóng lòng chờ quyết định của lão trưởng nhóm phục vụ.

tốt nhất về cháu. Cháu thấy đấy, cả Therese cũng im lặng luôn." (Nhưng Therese đâu có im lặng, cô khóc.)

Bà bếp trưởng ngập ngừng trong một quyết định đột ngột ập lên bà và nói: "Karl, cháu lại đây" và khi cậu đến với bà - lập tức trưởng nhóm phục vụ và trưởng bảo vệ tụm lại bàn bạc sôi nổi sau lưng cậu - bà ôm cậu bằng tay trái, đi với cậu và Therese, cô nhu nhược theo sau, vào sâu trong phòng, bà vừa cùng hai người đi đi lại lại vừa nói: "Có thể đấy, Karl ạ, và cháu dường như tin vào điều ấy, nếu không thì cô hoàn toàn không hiểu được cháu, rằng một cuộc điều tra sẽ xác nhận cháu đúng trong một số chi tiết cá biệt. Tại sao không nhỉ? Có lẽ cháu đã chào ông trưởng bảo vệ thật. Thậm chí cô còn tin chắc nữa cơ, cô cũng biết cô phải nghĩ gì về ông trưởng bảo vệ mà, cháu thấy đấy, giờ đây cô trò chuyện thẳng thắn với cháu. Nhưng những biện minh nhỏ nhoi như thế này hoàn toàn chẳng giúp gì được cháu. Ông trưởng nhóm phục vụ, trong nhiều năm qua cô biết trân trọng khả năng đánh giá con người của ông ta và ông ta là con người đáng tin cậy nhất mà cô biết, đã tuyên bố rõ tội trạng của cháu và theo cô thấy thì không phản bác được. Có lẽ cháu chỉ hành động nông nổi thôi, nhưng cũng có thể cháu không phải là người như cô đã nhận xét. Tuy vậy," bà ngừng một chút và nhanh chóng ngoái nhìn hai lão kia, "cô vẫn chưa thể từ bỏ được ý nghĩ rằng về cơ bản cháu là một thanh niên đứng đắn."

"Bà bếp trưởng! Bà bếp trưởng!" trưởng nhóm phục vụ thúc giục khi gặp ánh mắt bà.

"Chúng tôi xong ngay thôi," bà bếp trưởng đáp và nói nhanh hơn với Karl: "Nghe này, Karl, theo như cô xem

xét vụ việc thì cô còn mừng rằng ông trưởng nhóm phục vụ không muốn mở cuộc điều tra; bởi nếu ông ta muốn điều tra, cô sẽ phải ngăn cản vì lợi ích của cháu. Không ai nên biết cháu đã lấy gì khoản đãi người đàn ông ấy và như thế nào, hơn nữa hắn không phải là một trong các bạn đồng hành cũ của cháu, cháu chỉ giả vờ thế thôi, vì với bọn đó cháu đã cãi cọ dữ dội khi chia tay, thành ra bây giờ cháu đâu thể thết đãi một kẻ trong đám ấy. Vậy đó chỉ có thể là một người quen mà cháu đã nhẹ dạ kết giao vào buổi tối tại một quán rượu nào đấy trong phố. Sao cháu lại có thể giấu cô hết thảy chuyện này, hở Karl? Nếu cháu chịu không nổi trong phòng ngủ và vì lý do vô hại này mà cháu bắt đầu lang thang chơi đêm, sao cháu không hé một lời, cháu biết rằng cô muốn kiếm cho cháu một phòng riêng và mãi khi cháu yêu cầu cô mới thôi tìm mà. Giờ đây theo cô thấy thì có lẽ cháu thích phòng ngủ tập thể hơn, vì cháu cảm thấy ở đó ít ràng buộc hơn. Cháu đã đưa tiền của cháu cho cô giữ trong két của cô, mỗi tuần cháu đưa tiền boa cho cô; thế thì lạy Chúa, cháu lấy đâu ra tiền cho các cuộc giải trí và bây giờ cháu muốn lấy tiền từ đâu cho bạn cháu? Dĩ nhiên đó toàn là những điều mà ít nhất bây giờ cô hoàn toàn không được nói bóng gió với ông trưởng nhóm phục vụ, bằng không có lẽ không tránh khỏi một cuộc điều tra. Thành ra cháu nhất định phải rời khỏi khách sạn và nhanh nhất có thể. Hãy đến thẳng nhà trọ Brenner - cháu đã cùng Therese tới đó nhiều lần rồi - với giới thiệu này họ sẽ cho cháu ở miễn phí" - và bà bếp trưởng viết vài dòng lên tấm danh thiếp, với cây bút chì vàng chóe lôi ra từ áo cánh, nhưng không ngừng nói - "cô

sẽ gửi cái rương của cháu theo ngay. Therese, cháu chạy lên chỗ để áo quần của đám trực thang máy và xếp rương cho nó!" (Nhưng Therese chưa chịu nhúc nhích, mà - vì cô đã chịu đựng mọi sầu khổ - cũng muốn cùng chứng kiến vụ việc của Karl chuyển thành tốt hơn, nhờ lòng hào hiệp của bà bếp trưởng.)

Ai đấy mở hé cửa, nhưng không xuất hiện mà đóng ngay lại. Hẳn liên quan tới Giacomo, vì gã bước ra và nói: "Roßmann, tớ có chuyện này nhắn bồ."

"Chờ chút," bà bếp trưởng nói và nhét tấm danh thiếp vào túi áo Karl đang cúi đầu lắng nghe, "tiền của cháu cô tạm giữ, cháu biết cháu có thể ký thác nó cho cô. Hôm nay hãy ở nhà và suy nghĩ về chuyện của mình, mai - bữa nay cô không rảnh, với lại cô ở đây cũng quá lâu rồi - cô sẽ đến chỗ Brenner và chúng ta sẽ xem thử còn có thể tiếp tục làm gì cho cháu. Cô sẽ không bỏ cháu đâu, cháu nên biết điều này ngay từ hôm nay. Về tương lai của cháu cháu không cần lo, mà nên lo hơn về thời gian vừa mới rồi." Nói xong bà vỗ nhẹ lên vai Karl và đi tới bên lão trưởng nhóm phục vụ. Karl ngẩng đầu nhìn theo người phụ nữ cao lớn, đẫy đà đang rời xa cậu bằng những bước điềm tĩnh và tư thế thoải mái.

"Anh không mừng," Therese nói, cô ở lại bên cậu, "rằng mọi chuyện thành ra tốt đẹp vậy sao?"

"Có chứ," Karl nói và mỉm cười với cô, nhưng không biết tại sao lại phải mừng về việc người ta tống cậu đi như một tên trộm. Ánh mắt Therese rạng ngời niềm vui thuần túy, như thể việc Karl phạm lỗi hay không, bị kết tội đúng hay oan ức, đối với cô không quan trọng, miễn

là người ta để cho cậu kịp thoát, dù trong nhục nhã hay trong danh dự. Và Therese đang có thái độ như thế, trong khi với những chuyện riêng của mình thì cô lại quá kỹ càng, suy nghĩ và tìm hiểu cả tuần lễ về một lời lẽ không thật rõ ràng của bà bếp trưởng. Karl hỏi với chủ ý: "Cô xếp rương ngay cho tôi và gửi đi chứ?" Dù không muốn, cậu cũng phải lắc đầu vì sửng sốt, Therese thấu hiểu câu hỏi thật nhanh và tin chắc rằng trong rương có những thứ phải giữ bí mật trước mọi người, nên cô cưỡng lại không nhìn Karl, cũng không bắt tay cậu, mà chỉ thì thầm: "Tất nhiên, Karl, ngay thôi, tôi sẽ xếp rương cho anh ngay thôi." Và cô chạy đi liền.

Lúc này Giacomo không chịu trì hoãn nữa và bức xúc vì đã chờ lâu, gã kêu to: "Roßmann, người đàn ông đó đang lăn lộn dưới kia trong hành lang và không chịu để ai đưa đi. Bọn họ định cho đưa hắn vào nhà thương, nhưng hắn cự lại và bảo rằng bồ sẽ không bao giờ chịu để hắn vào nhà thương. Hắn bảo cần gọi xe đưa hắn về nhà, bồ sẽ trả tiền xe. Bồ chịu không?"

"Tay đó tin tưởng ở mày," trưởng nhóm phục vụ nói.

Karl nhún vai rồi xỉa tiền vào tay Giacomo. "Tớ không có hơn," cậu nói.

"Tớ cũng cần hỏi bồ có muốn đi cùng với hắn không," Giacomo hỏi, rung tiếng loẻng xoẻng.

"Nó không đi cùng đâu," bà bếp trưởng bảo.

"Vậy thì Roßmann," trưởng nhóm phục vụ nói nhanh, không chờ đến lúc Giacomo đi ra ngoài, "mày bị sa thải ngay tại chỗ."

Trưởng bảo vệ gật đầu mấy lần, như thể đó là

những lời lẽ của chính y mà trưởng nhóm phục vụ chỉ nói theo thôi.

"Tao không thể nói toáng ra những lý do sa thải mày, vì nếu nói ra thì tao sẽ phải cho giam mày lại."

Trưởng bảo vệ nhìn qua bà bếp trưởng, ánh mắt y rõ ràng nghiêm khắc, vì hẳn là y nhận thấy bà là nguyên nhân của sự đối xử khoan hồng quá mức này.

"Bây giờ mày hãy tới gặp Beß, thay đồ rồi trao lại Beß bộ chế phục của mày và lập tức rời khỏi khách sạn, lập tức."

Bà bếp trưởng nhắm mắt lại, bà muốn qua đó trấn an Karl. Trong lúc cúi đầu từ biệt, cậu thoáng thấy trưởng nhóm phục vụ lén nắm và ve vuốt bàn tay bà bếp trưởng. Trưởng bảo vệ bước huỳnh huỵch kèm Karl ra tới cửa, y giữ cửa mở chứ không cho cậu khép lại để có thể hét theo: "Mười lăm giây nữa tao muốn thấy mày đi ngang qua chỗ tao ở cửa chính! Nhớ đấy!"

Karl cố hối hả hết sức chỉ để tránh bị phiền nhiễu ở cửa chính, nhưng mọi chuyện diễn ra chậm chạp hơn cậu muốn nhiều. Mới đầu cậu không tìm được Beß ngay, lúc này vào giờ ăn sáng, tất cả đầy người, rồi hóa ra một gã đã mượn chiếc quần cũ của Karl và Karl phải tìm trên giá quần áo ở hầu hết mọi giường mới thấy cái quần ấy, nên hẳn phải đến năm phút sau Karl mới tới cửa chính. Ngay phía trước cậu có một quý bà đi giữa bốn quý ông. Bọn họ đi tới một chiếc ô tô kềnh càng đang chờ, cửa xe được gã người hầu mở sẵn và giữ bằng một tay, còn cánh tay trái gã duỗi ngang thẳng đơ sang bên cạnh, trông hết sức trịnh trọng. Nhưng Karl hoài công hy vọng đi sau những quý

ông bà lịch sự này ra ngoài mà không bị chú ý, vì cậu đã bị trưởng bảo vệ vừa túm tay kéo lại qua giữa hai quý ông vừa rối rít xin lỗi họ.

"Thế mà mười lăm giây à," y nói và ngó nghiêng Karl như quan sát một chiếc đồng hồ chạy sai giờ. "Tới đây đã," y nói rồi dẫn cậu vào căn phòng thường trực rộng lớn mà từ lâu Karl từng ao ước được thăm thú một lần, nhưng giờ đây, bị trưởng bảo vệ đẩy, cậu bước vào đó mà lòng nghi ngại. Khi Karl quay ra và thử đẩy lão trưởng bảo vệ để thoát thân, thì cậu đã ở ngay cửa phòng đó rồi. "Không, không, vào trong này chứ," trưởng bảo vệ nói và xoay Karl lại.

"Cháu bị sa thải rồi mà," Karl nói, ý rằng không ai trong khách sạn có quyền ra lệnh gì cho mình nữa.

"Tao còn giữ mày thì mày chưa bị sa thải," trưởng bảo vệ nói, tất nhiên thế cũng đúng.

Cuối cùng Karl cũng không thấy có lý do gì để cần chống cự lại lão trưởng bảo vệ. Nói chung còn chuyện gì có thể xảy đến với cậu nữa? Ngoài ra các bức tường của phòng thường trực toàn bằng những tấm kính khổng lồ, nhìn qua đó ta thấy rõ dòng người đi lại ngược chiều nhau trong tiền sảnh, như thể ta đang ở giữa họ vậy. Phải, dường như trong toàn phòng thường trực không có một xó xỉnh nào để ta có thể lẩn trốn trước mắt mọi người. Dù ngoài kia người ta có vẻ vội vã thế nào, vì họ tìm lối đi với cánh tay dang ra, với đầu cúi, với đôi mắt quan sát, với những hành lý giơ cao, nhưng hầu như không ai quên ngó vào phòng thường trực, vì sau các tấm kính luôn treo những thông báo và tin tức, quan trọng cho khách cũng

như cho nhân viên khách sạn. Nhưng ngoài ra phòng thường trực còn có sự giao lưu trực tiếp với tiền sảnh, vì hai phó bảo vệ ngồi ở hai khung cửa sổ to, loại cửa kéo, không ngừng cho thông tin về những vấn đề hết sức khác biệt. Họ bận tối tăm mặt mũi và Karl những muốn khẳng định rằng trưởng bảo vệ, như cậu biết con người y, đã trốn tránh những công việc này trong sự nghiệp của y. Hai nhà cung cấp thông tin này - nhìn từ ngoài ta không thể hình dung đúng được - luôn luôn có ở khung cửa sổ trước mặt họ ít nhất mười khuôn mặt dò hỏi. Giữa mười người hỏi này, họ liên tục thay đổi, thường là một sự lộn xộn về ngôn ngữ, như thể mỗi người đại diện cho một nước khác. Luôn có một số người hỏi cùng lúc, ngoài ra luôn luôn có những người trò chuyện loạn xạ với nhau. Phần lớn họ muốn nhận gì đấy từ phòng thường trực hoặc đưa vào đó gì đấy, cho nên ta luôn thấy những bàn tay sốt ruột vung vẩy ló ra khỏi đám người đang chen lấn. Có lần một người khao khát một tờ nhật báo nào đấy, đột nhiên nó mở ra từ trên cao và che lấp mọi gương mặt mất một lúc. Hai phó bảo vệ phải chịu đựng được hết thảy những chuyện này. Chỉ nói năng bình thường thôi là không đủ cho công việc của họ, họ phải huyên thuyên, nhất là người đàn ông u sầu với bộ râu quai nón đen, ông ta cho thông tin không mảy may gián đoạn. Ông ta vừa không ngó xuống mặt bàn, nơi ông ta liên tục thực hiện những lời chỉ dẫn, cũng không nhìn vào mặt người hỏi này hay người hỏi nọ, mà chỉ đăm đăm nhìn thẳng ra trước, chắc để tiết kiệm và gom sức lực. Ngoài ra hàm râu cũng khiến cho lời nói của ông ta hơi thiếu rõ ràng và trong khoảng thời gian ngắn

ngủi Karl đứng lại bên ông ta, cậu hiểu được rất ít những gì ông ta nói, tuy có thể chính vì đó là những ngôn ngữ lạ ông ta phải dùng, dù nghe như tiếng Anh. Ngoài ra người ta băn khoăn vì một thông tin được cho ra tiếp theo ngay một thông tin khác và lẫn lộn vào đấy, đến nỗi người hỏi thường tiếp tục lắng nghe với gương mặt căng thẳng, vì tưởng ông ta vẫn đang còn giải đáp thắc mắc của mình, để rồi mãi một lúc sau mới vỡ lẽ rằng trường hợp của mình đã được giải quyết. Người ta cũng phải làm quen với việc viên phó bảo vệ không bao giờ yêu cầu nhắc lại câu hỏi, dù nó được đặt ra nói chung hiểu được, chỉ hơi thiếu rõ ràng thôi, lúc đó một cái lắc đầu hầu như khó nhận ra của ông ta cho thấy ông ta không có ý định trả lời câu hỏi này và nhiệm vụ của người đặt câu hỏi là nhận ra sai sót của mình và trình bày câu hỏi chính xác hơn. Đặc biệt vì thế mà một số người phải đứng rất lâu trước quầy. Mỗi phó bảo vệ được cấp một tùy phái hỗ trợ, gã này ba chân bốn cẳng chạy đi khuân từ một kệ sách và nhiều tủ khác nhau mọi thứ viên phó bảo vệ cần vào đúng lúc ấy. Trong khách sạn, đó là những công việc có thù lao cao nhất, tuy cũng nhọc nhằn nhất, dành cho bọn thật trẻ; trong một nghĩa nào đó chúng còn hẩm hiu hơn các phó bảo vệ, vì họ chỉ phải ngẫm nghĩ và nói thôi, trong khi đám trai trẻ này phải vừa ngẫm nghĩ vừa chạy. Nếu chúng lỡ mang đến không đúng thứ phó bảo vệ cần, dĩ nhiên trong lúc vội vàng phó bảo vệ không thể ngừng lại giải thích dài dòng cho chúng, ngược lại ông ta thình lình gạt phăng xuống đất những gì được chúng đặt lên bàn. Rất thú vị là việc đổi ca của các phó bảo vệ, diễn ra không lâu sau

khi Karl vào đó. Việc đổi ca này đương nhiên phải diễn ra thường xuyên, ít nhất vào ban ngày, vì hẳn là hầu như không phó bảo vệ nào có thể chịu đựng lâu hơn một giờ sau quầy. Tới giờ đổi ca một tiếng chuông vang lên, hai phó bảo vệ đến lượt trực sẽ cùng tiến ra từ một cửa bên, mỗi người có tùy phái theo sau. Tạm thời họ đứng nhàn nhã bên quầy, quan sát những người bên ngoài một lúc, để xác định tình trạng của sự giải đáp câu hỏi vào lúc ấy. Khi thấy thời điểm thích hợp để can thiệp vào, họ sẽ vỗ vai viên phó bảo vệ được thay thế, ông này, tuy cho đến lúc ấy không quan tâm gì hết đến những chuyện xảy ra sau lưng mình, lập tức hiểu và nhường chỗ. Mọi việc diễn ra nhanh đến nỗi nó thường khiến những người đứng ngoài bị ngạc nhiên và gần như lùi lại vì hốt hoảng trước bộ mặt mới đột ngột xuất hiện trước họ. Hai người đàn ông vừa được thay thế vươn người rồi xối nước lên những cái đầu nóng hừng hực của họ trên hai bồn rửa để sẵn. Nhưng hai gã tùy phái được thay thế chưa được vươn vai duỗi chân, mà còn phải lo nhặt nhạnh những vật bị ném xuống đất trong giờ chúng trực, đặt lại đúng chỗ.

Karl ghi nhận mọi chuyện này trong vài khoảnh khắc với sự chú tâm căng thẳng nhất và cậu, hơi nhức đầu, lặng lẽ bước theo lão trưởng bảo vệ đang tiếp tục dẫn cậu đi. Rõ ràng lão trưởng bảo vệ cũng để ý thấy kiểu cung cấp thông tin này đã gây ấn tượng lớn nơi Karl, nên y đột nhiên kéo mạnh tay Karl và nói: "Mày thấy chưa, ở đây người ta làm việc như thế đấy." Tất nhiên Karl không chây lười trong khách sạn này, nhưng cậu không tưởng tượng nổi có một công việc như vậy và gần như quên

bằng rằng trưởng bảo vệ là kẻ thù hung bạo của mình, cậu ngước nhìn y và lặng lẽ gật đầu thán phục. Nhưng trưởng bảo vệ dường như lại thấy đó là sự đánh giá quá cao các phó bảo vệ và vô lễ đối với cá nhân y, y hét toáng lên như thể coi Karl là đồ ngu, không ngại người ta có thể nghe thấy: "Dĩ nhiên cái này đây là công việc ngu nhất trong toàn khách sạn; nếu mày lắng nghe một giờ đồng hồ, mày sẽ biết hầu hết câu hỏi được đặt ra và phần còn lại mày không cần trả lời. Nếu mày không hỗn láo và mất dạy, không dối trá, trác táng, rượu chè và ăn cắp, có thể tao cho mày đứng ở một cửa sổ thế này, vì cho công việc này tao chỉ cần toàn những cái đầu đần độn."

Karl hoàn toàn bỏ ngoài tai lời chửi rủa liên quan đến mình, vì cậu quá phẫn nộ việc các phó bảo vệ làm việc chân chất và vất vả, thay vì được khen ngợi lại bị chế giễu, hơn nữa lại do một kẻ mà nếu y dám ngồi một lần ở một quầy ấy, chắc chắn sau vài phút y sẽ phải cuốn gói dưới tiếng cười ầm ĩ của những người đặt câu hỏi.

"Ông buông cháu ra," Karl nói, sự tò mò của cậu về phòng thường trực đã được thỏa mãn vượt mức, "cháu không muốn dính líu gì với ông nữa."

"Điều đó không đủ để mày thoát," trưởng bảo vệ nói, ấn hai cánh tay Karl, khiến cậu hoàn toàn không cựa quậy nổi, và gần như lôi cậu tới đầu kia của phòng thường trực. Những người ngoài kia không thấy hành động bạo lực của lão trưởng bảo vệ ư? Hoặc nếu thấy, họ hiểu việc ấy như thế nào mà chẳng ai dừng lại, chẳng ai gõ lên tấm kính, ít nhất là thế, để cho lão trưởng bảo vệ thấy y bị chú ý và không được cư xử với Karl như y muốn?

Nhưng Karl sớm từ bỏ mọi hy vọng nhận được giúp đỡ từ tiền sảnh, vì lão trưởng bảo vệ đã kéo một sợi dây và trong nháy mắt những tấm màn cửa màu đen đã che kín những tấm kính của nửa phòng thường trực. Trong phần này của phòng thường trực cũng có người đấy chứ, nhưng mọi người đều bận rộn và không để tai để mắt đến mọi chuyện không liên quan đến công việc của họ. Ngoài ra họ hoàn toàn phụ thuộc vào lão trưởng bảo vệ và thay vì giúp Karl, có lẽ họ sẵn sàng giúp che đậy mọi việc mà trưởng bảo vệ có thể nghĩ ra. Ở đó chẳng hạn có sáu phó bảo vệ bên sáu máy điện thoại. Họ được bố trí, như ta nhận thấy ngay, sao cho luôn chỉ một người nhận cuộc điện đàm, trong khi láng giềng của ông ta truyền đạt bằng điện thoại những mệnh lệnh theo ghi chép mà ông kia nhận được. Đây là những máy điện thoại đời mới nhất, không cần phòng điện thoại, vì tiếng chuông reo không to hơn tiếng chiêm chiếp, ta có thể thì thầm vào máy mà lời lẽ vẫn đến đích như tiếng sấm rền, nhờ những khuếch đại đặc biệt bằng điện. Cho nên ta hầu như không nghe thấy ba người nói ở điện thoại của họ và có thể ngỡ rằng họ vừa quan sát một diễn tiến nào đấy trong ống nói vừa lẩm bẩm, trong khi ba người kia, như choáng váng bởi tiếng ồn ào (mà chung quanh không thể nghe thấy) thâm nhập vào họ, chúi đầu viết trên giấy, vì đó là nhiệm vụ của họ. Ở đây ba người nói này cũng đều có tùy phái phụ giúp; ba gã ấy không làm gì khác hơn là luân phiên nghển cổ chăm chú lắng nghe sếp của chúng, rồi hối hả, như thể chúng bị ong đốt, tìm những số điện thoại trong những quyển sách khổng lồ màu vàng - tiếng lật giấy sột soạt to hơn hẳn

tiếng chuông điện thoại reo. Karl quả thật không thể cầm lòng, đã theo dõi kỹ càng mọi chuyện, tuy lão trưởng bảo vệ đã ngồi xuống và giữ cậu như thể ghì chặt. "Nhiệm vụ của tao là," trưởng bảo vệ vừa nói vừa lắc Karl, như chỉ muốn ít nhất khiến cho cậu quay mặt về phía y, "nhân danh ban giám đốc khách sạn ít nhất bổ khuyết đôi chút những gì mà ông trưởng nhóm phục vụ đã bỏ sót dù vì lý do gì đi nữa. Ở đây người này luôn hỗ trợ người kia như thế đấy. Nếu không thì một khách sạn to như thế này khó lòng chạy nổi. Có thể mày muốn nói rằng tao không phải cấp trên trực tiếp của mày; nhưng việc tao đảm đương cái vụ mà nếu tao không làm thì sẽ bị bỏ rơi này càng chứng tỏ tao hết lòng vì công việc. Vả lại trong nghĩa nào đấy, là trưởng bảo vệ, tao trông coi tất cả, vì mọi cửa rả khách sạn nằm dưới quyền kiểm soát của tao, tức là cửa chính này, ba cửa giữa và mười cửa bên, không kể vô số cửa con và những lối ra không có cửa. Đương nhiên mọi nhóm phục vụ được kể đến này phải tuyệt đối tuân lệnh tao. Mặt khác, trước vinh dự lớn lao này đương nhiên tao có trách nhiệm với ban giám đốc khách sạn là không để cho ai được đi ra, dù chỉ khả nghi chút đỉnh. Mà theo tao thấy, vì tao thích thế, mày thậm chí rất đáng nghi." Lão thích thú giơ hai tay lên cao rồi thả rơi mạnh xuống khiến chúng đập chát vào nhau đau điếng. "Mày có thể," lão nói thêm và lấy làm hết sức khoái trá, "đi ra bằng một lối khác mà không ai biết, vì dĩ nhiên mày quá hèn mọn, chẳng đáng để tao phải ra những chỉ thị đặc biệt về mày. Nhưng vì bây giờ mày ở đây rồi, tao muốn giải trí với mày. Với lại tao cũng đã tin chắc rằng mày giữ cái hẹn mình sẽ gặp

nhau ở cửa chính, vì quy luật là bọn láo xược và cứng đầu sẽ chừa thói hư, tật xấu của chúng ở nơi chúng bị thiệt hại. Chắc chắn mày sẽ còn thường có thể nhận thấy điều này ở chính bản thân mày."

"Ông chớ nghĩ," Karl nói và hít cái mùi mốc meo khác thường toát ra từ lão trưởng bảo vệ mà mãi bây giờ cậu mới nhận thấy, ở đây, sau khi đã đứng sát y lâu đến thế, "ông chớ nghĩ," cậu nói, "rằng cháu bị ông khống chế hoàn toàn, cháu có thể hét lên mà."

"Còn tao có thể bịt miệng mày," trưởng bảo vệ nói vừa thản nhiên vừa nhanh, hẳn là y đã dự định sẽ thực hiện trong trường hợp cần thiết. "Và nếu vì thế mà người ta vào trong này, phải chăng mày thật sự nghĩ rằng sẽ có ai đó cho rằng mày đúng, còn tao, trưởng bảo vệ, sai? Hẳn là mày thấy niềm hy vọng của mày thật vô nghĩa. Mày có biết khi mày còn mang bộ đồng phục trực thang máy thì quả thật trông mày còn đáng nể một chút, nhưng mà trong bộ com lê này, nó chỉ có thể ở châu Âu thôi!" Và y giật nhiều chỗ khác nhau trên bộ com lê, tuy trước đây năm tháng nó gần như mới, nay tất nhiên đã sờn, nhăn nhúm, nhất là vấy bẩn, chủ yếu do sự cẩu thả của đám trực thang máy; mỗi ngày theo điều lệnh chung chúng phải giữ sàn phòng ngủ nhẵn nhụi và sạch bụi, nhưng vì lười biếng chúng không lau chùi thật sự, mà chỉ phun dầu vớ vẩn nào đấy lên sàn, qua đó đồng thời làm vấy bẩn tồi tệ mọi áo quần để trên giá. Ta tha hồ cất áo quần chỗ nào ta muốn, nhưng luôn có một gã nào đấy không sẵn áo quần, song lại tìm ra dễ dàng áo quần của người khác giấu và mượn mặc tạm. Và biết đâu chính gã này hôm ấy phải

lau chùi phòng ngủ và thế là gã không chỉ làm quần áo vấy bẩn dầu, mà còn xối nó ướt nhẹp từ trên xuống dưới. Chỉ riêng Renell giấu áo quần đắt tiền của gã ở một chỗ bí mật nào đó, không bị ai lôi ra mượn; vả lại có lẽ chẳng ai mượn áo quần người khác vì độc ác hay keo kiệt, mà chỉ vì vội vàng và tắc trách. Nhưng ngay trên áo Renell cũng có một vệt dầu tròn, đo đỏ ở giữa lưng mà ở trong phố một người sành sỏi có thể nhận ra qua vết dầu ấy rằng ngay cả chàng trai thanh lịch này cũng là một gã trực thang máy. Nhớ lại những chuyện này, Karl tự nhủ rằng là người trực thang máy cậu cũng đã chịu đủ mùi tân khổ và tất cả đều công cốc, vì công việc trực thang máy này không phải là một nấc đầu tiên cho những cương vị khá hơn như mình đã hy vọng, ngược lại giờ đây cậu còn bị nhấn xuống sâu hơn nữa, thậm chí gần đụng nhà tù. Hơn nữa giờ đây cậu còn bị lão trưởng bảo vệ túm chặt, hẳn là lão đang ngẫm nghĩ xem còn có thể bêu riếu Karl thêm như thế nào. Quên bẵng rằng lão trưởng bảo vệ hoàn toàn không phải là hạng người chịu để thuyết phục, Karl vừa vỗ trán nhiều lần với bàn tay đang không bị giữ vừa kêu lên: "Và nếu đúng là cháu không chào ông đi nữa, sao một người lớn lại có thể trở nên thèm khát trả thù chỉ vì thiếu một lời chào!"

"Tao không thèm khát trả thù," lão trưởng bảo vệ nói, "tao chỉ muốn khám túi mày thôi. Tuy tao tin chắc sẽ không tìm thấy gì hết, vì hẳn là mày cẩn thận và đã để cho bạn mày khuân dần hết rồi, mỗi ngày một ít. Nhưng mày vẫn cứ bị khám." Nói rồi y thọc tay vào một trong những túi áo vét của Karl, mạnh đến nỗi các đường chỉ hai bên túi bung ra. "Đây không có gì," y nói và nhặt ra những thứ

trong túi ấy, một tấm lịch quảng cáo của khách sạn, một tờ giấy ghi bài tập cho việc giao dịch bằng thư từ trong thương mại, vài cúc áo cúc quần, tấm danh thiếp của bà bếp trưởng, một giũa móng tay mà một người khách đã ném cho khi cậu đóng va li giúp ông ta, một gương bỏ túi cũ Renell đã tặng để cám ơn cho khoảng mười lần cậu trực thay gã và vài thứ lặt vặt khác. "Thế là đây không có gì," trưởng bảo vệ lặp lại và ném tất xuống dưới gầm ghế dài, như thể tài sản của Karl, nếu không phải đồ ăn cắp, đương nhiên bị tống xuống dưới gầm ghế.

"Nhưng bây giờ thế là đủ rồi," Karl tự nhủ - mặt cậu hẳn là phải đỏ gay - và khi lão trưởng bảo vệ, bất cẩn vì thèm khát, thọc tay khoắng trong túi thứ hai của Karl, cậu vuột khỏi hai ống tay áo bằng một cái giật mạnh thình lình, và trong cú nhảy đầu tiên chưa điềm tĩnh, xô một phó bảo vệ khá mạnh vào máy điện thoại của ông ta, cậu chạy xuyên qua bầu không khí ngột ngạt ra cửa, chậm hơn dự tính, nhưng may mắn thoát được ra ngoài, trước khi lão trưởng bảo vệ có thể đứng lên được trong chiếc măng tô nặng chịch của lão. Cách tổ chức của đám bảo vệ hẳn là không được mẫu mực lắm, tuy có tiếng chuông rung ở vài ba phía, nhưng chỉ Chúa mới biết vì mục đích gì; đông đảo nhân viên khách sạn đi lộn xộn ở lối ra khiến cậu gần như nghĩ rằng họ muốn chặn cửa một cách kín đáo, vì cậu không thể nhận thấy ở sự đi tới đi lui này mục đích gì khác; dẫu sao Karl đã nhanh chóng thoát ra ngoài, nhưng còn phải đi dọc vỉa hè khách sạn; cậu không thể đi xuống đường, vì một đoàn ô tô đang nối nhau nhích qua trước cửa chính. Để đến được với các quý ông, quý bà

nhanh chóng hết mức, chúng gần như là đâm vào nhau, chiếc trước bị chiếc sau xô tới.

Thỉnh thoảng có những khách bộ hành, vì quá vội xuống đường, đã len qua giữa những chiếc ô tô nọ, như thể đó là một lối đi chính thức, họ không cần biết trong xe chỉ có tài xế và đám người hầu hoặc cả những con người rất mực thượng lưu nữa. Karl thấy làm như thế là quá đáng và người ta hẳn phải rành rẽ đường đi nước bước ở đó mới dám liều lĩnh vậy; còn cậu nếu làm thế sẽ có thể dễ dàng bị một chiếc ô tô húc ngã (vì những người ngồi trong xe lấy làm bực mình), gây ra một vụ tai tiếng và cậu không sợ gì hơn là bị coi như một nhân viên khách sạn bỏ trốn vì bị tình nghi, chỉ mặc độc chiếc sơ mi chứ không có áo vét. Dẫu sao đoàn xe đâu thể nối đuôi nhau mãi thế này được và bao lâu cậu còn đi cạnh khách sạn thì càng ít bị nghi nhất. Quả thật cuối cùng Karl tới một chỗ, ở đó tuy đoàn xe vẫn không dứt, song ngoặt ra đường và trở nên thưa hơn. Đúng lúc cậu định lẩn vào dòng người và xe cộ trên đường, ở đó còn nhiều kẻ đang đi lại tự do dù họ trông khả nghi hơn cậu, chợt cậu nghe gần đấy có ai gọi tên mình. Karl quay lại và thấy hai gã trực thang máy rất quen đang cố hết sức kéo một cái cáng từ một khung cửa nhỏ và thấp, trông như lối vào của một hầm mộ, trên đó, như cậu nhận ra, đích thị Robinson đang nằm, đầu, mặt và hai cánh tay băng bó đủ kiểu. Thật là khó chịu khi thấy hắn đưa cánh tay lên mắt, dùng miếng gạc lau những giọt lệ ứa vì đau đớn hay vì những khổ sở nào khác hoặc cũng có thể vì vui mừng gặp lại Karl.

"Roßmann," hắn gọi đầy trách móc, "sao cậu lại để tớ chờ lâu thế? Tớ đã mất một tiếng đồng hồ chống cự để khỏi bị chở đi, trước khi cậu đến. Bọn này" - nói đến đây hắn húc một gã trực thang máy một cái, như thể việc bị băng bó sẽ che chở hắn khỏi bị đánh - "đúng là quỷ sứ. Chậc, Roßmann ơi, chuyến viếng thăm cậu đã khiến tớ phải chịu hậu quả xấu."

"Họ đã làm gì anh thế?" Karl nói và tiến gần lại cáng.

"Cậu còn hỏi nữa à," Robinson thở dài, "nhìn này, xem tớ trông thế nào. Hãy nhớ rằng rất có thể tớ đã bị đánh thành tàn tật suốt đời. Tớ đau khủng khiếp từ đây tới tận đây" - và thoạt tiên hắn chỉ vào đầu rồi vào những ngón chân - "tớ ước gì cậu trông thấy tớ đổ máu mũi. Áo gi lê của tớ đầy máu, tớ đã quẳng lại đó, quần rách bươm, bây giờ tớ chỉ mặc quần lót" - hắn nâng chăn lên một tí và mời Karl nhìn vào dưới chăn. "Tớ sẽ trở thành cái gì đây! Tớ sẽ phải nằm ít nhất vài tháng và tớ muốn nói ngay với cậu điều này, rằng ngoài cậu ra tớ không có ai có thể săn sóc tớ, Delamarche thì quá thiếu kiên nhẫn. Roßmann, Roßmannchen[1]!" Karl hơi lùi lại và Robinson vươn tay nắm tay cậu, vuốt ve để lấy lòng.

"Tại sao tớ lại phải đến thăm cậu chứ!" hắn nói đi nói lại nhiều lần, để Karl khỏi quên trách nhiệm liên đới mà cậu phải gánh chịu về sự bất hạnh của hắn. Karl lập tức nhận ra rằng sự than van của Robinson không phải do những vết thương, mà do sự chán nản ghê gớm hắn đang gặp phải, do hắn mới vừa thiếp đi trong cơn say

---

1. Trong tiếng Đức, hậu tố "*chen*" (nhỏ bé) dùng với tên người diễn tả sự trìu mến.

mèm đã bị dựng cổ dậy và sửng sốt vì bị đấm hộc máu và không thể định hướng được nữa trong thế giới hồi tỉnh của hắn. Những miếng băng không ra hình thù gì làm từ những tấm giẻ cũ, mà đám trực thang máy đã quấn cho hắn rõ ràng để làm trò đùa, cho thấy ngay các vết thương chẳng có gì trầm trọng. Ngay cả hai gã trực thang máy khiêng hai đầu cáng thỉnh thoảng cũng phì cười. Nhưng đây không phải là nơi để làm cho Robinson hiểu được, vì khách qua đường hối hả đi ào ào, chứ không quan tâm gì đến nhóm người bên chiếc cáng, họ thường nhảy qua Robinson với sự hào hứng thật sự của vận động viên thể dục; người tài xế - được trả bằng tiền của Karl - gọi: "Tiến tới đi, tiến tới đi!" Hai gã trực thang máy hết sức nâng cáng lên, Robinson nắm tay Karl và nói nịnh: "Đi với tớ, đi mà." Há không phải ở trong đám rước mà cậu đang có mặt này, trong bóng tối của chiếc ô tô này là Karl được an toàn nhất hay sao? Thế là cậu ngồi xuống cạnh Robinson, hắn tựa đầu vào cậu. Những gã trực thang máy ở lại nồng nhiệt bắt tay cậu, đồng nghiệp cũ của chúng, qua cửa sổ chiếc xe hai chỗ và nó quay thật gắt ra đường, như sắp gây ra tai nạn đến nơi, nhưng dòng xe cộ nườm nượp bình thản đón nhận chiếc ô tô phóng băng băng ấy.

7[1]

Hẳn là chiếc ô tô đã dừng trên một con đường xa lắc xa lơ ở ngoại thành, vì chung quanh đó hoàn toàn im ắng, trẻ con ngồi xổm và chơi trên vỉa hè. Một người đàn ông vác đống quần áo cũ trên hai vai vừa gọi với lên cửa sổ các ngôi nhà vừa quan sát. Vì trong người mệt mỏi, Karl cảm thấy không thoải mái khi bước từ ô tô xuống mặt đường nhựa ấm và rực rỡ nắng ban mai.

"Anh ở đây thật à?" cậu hỏi chõ vào trong xe.

Robinson, đã ngủ hiền lành trong suốt chuyến đi, làu bàu xác nhận nghe không rõ và dường như chờ được Karl khiêng ra.

"Vậy là tôi chẳng có gì để làm ở đây nữa. Ở lại bình an nhé," Karl nói và định đi xuống phía dưới con đường dốc thoai thoải.

"Ơ kìa Karl, cậu nghĩ gì thế?" Robinson kêu và vì quá lo lắng nên đã đứng lên khá thẳng trong xe, chỉ hai đầu gối còn hơi run.

---

1. Chương này (và các chương sau) không được Kafka đánh số, cũng không có tên (Max Brod đặt cho chương này tên "Một cuộc lánh nạn"). Người dịch đánh số để bạn đọc dễ theo dõi.

"Tôi phải đi thôi," Karl nói, khi thấy Robinson đã nhanh chóng hồi phục.

"Chỉ mặc sơ mi trần à?" gã này hỏi.

"Tôi sẽ sắm được áo vét thôi," Karl đáp, lạc quan gật đầu với Robinson, giơ tay chào và lẽ ra đã bỏ đi thật, nếu tay tài xế không gọi: "Thưa cậu, xin hãy gượm một tí!" Hóa ra chẳng may viên tài xế lại đòi trả thêm, vì thời gian chờ trước khách sạn chưa tính.

"Ờ thì," Robinson kêu lên từ trong xe, xác nhận đòi hỏi này là chính đáng, "tớ đã phải chờ cậu thật lâu ở đó mà. Cậu nên cho hắn thêm chút ít."

"Vâng, đúng vậy," tay tài xế nói.

"Chà, nếu tôi còn được chút gì," Karl nói và thọc tay vào các túi quần, dù biết rằng vô ích.

"Tôi chỉ có thể níu cậu thôi," tay tài xế nói và đứng giạng chân, " tôi đâu thể đòi hỏi gì từ người đàn ông bệnh hoạn kia."

Trước cổng, một gã mũi lở lói đang tiến lại cách vài bước và lắng nghe. Đúng lúc ấy một viên cảnh sát đi tuần qua đó đã dừng lại cúi nhìn con người chỉ mặc độc chiếc sơ mi. Robinson, cũng trông thấy viên cảnh sát, đã ngu xuẩn gọi ông ta từ cửa sổ bên kia: "Không có chuyện gì hết, không có chuyện gì hết!" làm như ta có thể xua đuổi cảnh sát như đuổi ruồi. Đám trẻ con theo dõi viên cảnh sát, thấy ông ta dừng lại nên cũng chú ý đến Karl cùng tay tài xế và lon ton chạy tới. Một bà già đứng ở cổng đối diện đăm đăm nhìn qua.

"Roßmann!" chợt nghe một giọng gọi từ trên cao. Đó là Delamarche, y gọi từ ban công tầng trên cùng. Trông

y không thật rõ trước khung trời xanh trắng nhờ nhờ, hình như y mặc áo khoác trong nhà dài và đang quan sát đường phố với cái ống nhòm dùng để xem kịch. Cạnh y là một chiếc dù đỏ đã căng ra, dường như dưới dù có một người đàn bà đang ngồi. "Chào!" y ráng gào hết sức để Karl hiểu, "Robinson cũng có đó chứ?"

"Có," Karl đáp, được hỗ trợ mạnh mẽ bằng tiếng "có" thứ hai, to hơn nhiều của Robinson từ trong xe.

"Chào!" y lại gọi, "tao xuống liền!"

Robinson thò đầu ra khỏi xe.

"Thế mới là đàn ông," hắn nói và lời ca ngợi Delamarche này nhắm tới Karl, tay tài xế, viên cảnh sát và người nào muốn nghe. Giờ đây ở ban công trên kia, mà Karl vẫn còn nhìn do lơ đãng tuy Delamarche đã đi khỏi, một người đàn bà phục phịch trong áo đầm đỏ không eo nhô lên từ dưới chiếc dù, cầm lấy ống nhòm từ lan can, ngó qua ống nhòm xuống những người ở bên dưới đang từ từ quay mặt đi. Ngóng chờ Delamarche, Karl nhìn vào cổng và vào cái sân mà một hàng phu khuân vác đang băng qua hầu như không dứt, người nào cũng vác trên vai một hòm nhỏ, song dường như rất nặng. Tay tài xế quay về xe, lấy giẻ lau đèn xe để tận dụng thời gian. Robinson sờ mó chân tay[1], hắn có vẻ ngạc nhiên, vì dù hết sức chú ý hắn cũng chỉ cảm thấy hơi đau và bắt đầu gượng nhẹ, mặt cúi gằm, tháo một trong những tấm băng dày ở chân. Viên cảnh sát cầm cây dùi cui đen ngang trước ngực và lặng lẽ

1. Bản của Jost Schillemeit: "*Gliedmaßen*" (tứ chi) - bản của Max Brod in nhầm là "*Gliedschmerzen*" (chứng đau nhức chân tay).

chờ, với sự nhẫn nại lớn lao mà các cảnh sát phải có, dù họ đang làm công tác bình thường hay đang rình rập. Gã có cái mũi lở lói ngồi duỗi chân trên một bệ đá ở cổng. Bằng những bước ngắn, lũ trẻ con từ từ xích lại gần Karl, vì tuy cậu không chú ý đến chúng, nhưng với độc chiếc áo sơ mi xanh trên người thì cậu dường như là nhân vật quan trọng nhất trong tất cả.

Dựa vào quãng thời gian trôi qua cho tới khi Delamarche đến nơi ta có thể ước tính chiều cao của tòa nhà này. Mà Delamarche thậm chí đã chạy xuống rất vội, chiếc áo khoác chỉ thắt qua loa. "Tụi bay đây rồi!" y reo lên, vui mừng lẫn nghiêm khắc. Y bước những bước dài khiến bộ quần áo lót màu mè luôn lộ ra trong một khoảnh khắc. Karl không thật hiểu tại sao Delamarche lại ăn mặc thoải mái như thế đi lại trong thành phố này, trong tòa nhà thuê tập thể khổng lồ này, trên con đường thênh thang này, như thể đi lại trong biệt thự riêng của y. Giống như Robinson, Delamarche cũng đã thay đổi nhiều. Khuôn mặt đen đủi, cạo nhẵn nhụi, quá ư nhẵn nhụi, gân guốc nom có vẻ tự đắc và gây ấn tượng đáng nể. Đôi mắt sáng quắc giờ đây luôn hơi nhíu lại có vẻ ngạc nhiên. Chiếc áo khoác tím của y tuy cũ, ố bẩn và quá rộng, nhưng ở phía trên món y phục xấu xí này căng phồng một cái ca vát màu sẫm to tướng, bằng lụa.

"Sao?" y hỏi chung mọi người.

Viên cảnh sát tiến lại gần hơn chút nữa và tựa lên thân chiếc xe.

Karl giải thích ngắn: "Robinson hơi kiệt sức, nhưng nếu anh ta cố gắng, anh ta có thể lên cầu thang được; bác

tài đây muốn được trả thêm, ngoài khoản tiền tôi đã trả. Bây giờ tôi đi đây. Chào."

"Mày không đi," Delamarche nói.

"Tao cũng đã bảo nó thế rồi," từ trong xe Robinson lên tiếng.

"Tôi cứ đi," Karl nói và bước vài bước. Nhưng Delamarche đã theo ngay và dùng sức mạnh đẩy cậu trở lại.

"Tao bảo mày ở lại!" y kêu lên.

"Nhưng anh để tôi đi chứ," Karl nói và sẵn sàng, nếu cần, dùng nắm đấm giành tự do, dù triển vọng thành công trước một kẻ như Delamarche ít đến đâu. Nhưng còn viên cảnh sát đứng đó, còn tay tài xế, đây đó những toán thợ đi qua con đường bình thường hẳn là yên tĩnh; chẳng lẽ họ để yên cho Delamarche gây điều sai trái với cậu? Cậu không muốn chỉ có mình cậu với y trong một căn phòng, nhưng ở đây? Giờ đây Delamarche bình thản trả tiền cho tay tài xế, gã khom lưng liên hồi, đút món tiền lớn mà gã không đáng được hưởng vào túi và để tỏ lòng cám ơn gã bèn tới bên Robinson và dường như bảo hắn làm thế nào để được khiêng ra tốt nhất. Karl thấy mình không bị chú ý, có thể Delamarche dễ dàng chấp nhận một sự ra đi thầm lặng hơn; đương nhiên nếu tránh được cãi cọ là tốt nhất, và thế là Karl tỉnh bơ bước xuống lòng đường để đi khỏi càng nhanh càng tốt. Đám trẻ con ùa tới Delamarche để mách việc Karl bỏ trốn, nhưng y không phải đích thân ra tay, vì viên cảnh sát đã chìa dùi cui nói: "Đứng lại!"

"Mày tên gì?" ông ta hỏi, kẹp dùi cui dưới nách và chậm chạp lôi ra một quyển sổ tay. Bây giờ là lần đầu tiên

Karl ngắm nghía ông ta kỹ hơn, một người đàn ông cường tráng, nhưng tóc đã gần bạc trắng.

"Karl Roßmann," cậu nói.

"Roßmann," viên cảnh sát lặp lại, hiển nhiên chỉ vì ông ta là một người điềm đạm và kỹ lưỡng, nhưng Karl, thật ra đây là lần đầu tiên cậu phải tiếp xúc với nhà chức trách Mỹ, lại thấy trong sự lặp lại này một sự ngờ vực nào đấy. Và quả thật chuyện của Karl không thể có triển vọng tốt đẹp, vì chính Robinson, nãy giờ vốn quan tâm quá nhiều đến những âu lo riêng của hắn, đã từ trong xe lặng lẽ làm những điệu bộ sinh động bằng tay yêu cầu Delamarche vui lòng giúp đỡ Karl. Nhưng Delamarche lắc đầu quầy quậy khước từ, chỉ nhìn chứ không can thiệp, tay thọc vào những cái túi áo khoác to quá khổ. Gã thanh niên ngồi trên bệ đá ở cổng giải thích toàn bộ sự việc, từ đầu, cho một người đàn bà mới từ cổng bước ra. Đám trẻ con đứng thành nửa vòng tròn sau lưng Karl và im lặng ngước nhìn viên cảnh sát.

"Cho xem giấy tờ của mày," viên cảnh sát nói. Hẳn đó chỉ là một câu hỏi lấy lệ, vì khi không có áo vét thì cậu cũng không thể có nhiều giấy tờ tùy thân bên người được. Cho nên Karl lặng thinh, tốt hơn nên để trả lời thật chi tiết câu hỏi tiếp theo và bằng cách ấy cố ỉm đi chuyện thiếu giấy tờ.

Nhưng câu hỏi tiếp theo là: "Tức là mày không có thẻ căn cước?"

Và Karl phải trả lời: "Tôi không có ở đây."

"Thế thì tai hại," viên cảnh sát nói, trầm ngâm nhìn quanh và gõ hai ngón tay lên bìa quyển. "Mày có công ăn

việc làm nào không?" cuối cùng viên cảnh sát hỏi.

"Tôi từng là trực thang máy," Karl nói.

"Mày từng là trực thang máy, tức là không còn nữa, thế bây giờ mày sống bằng gì?"

"Bây giờ tôi sẽ tìm một công việc mới."

"Nghĩa là mày bị sa thải à?"

"Vâng, trước đây một giờ."

"Thình lình?"

"Vâng," Karl nói và giơ tay như để xin lỗi. Cậu không thể kể hết cả câu chuyện ở đây, và cho dù có thể đi nữa thì dường như chống đỡ một sự bất công đang đe dọa bằng cách kể lể một sự bất công mình đã phải chịu đựng là việc hoàn toàn không hy vọng. Và nếu cậu đã không bảo vệ được quyền lợi của mình nơi bà bếp trưởng nhân hậu và viên trưởng nhóm phục vụ thông hiểu, thì chắc chắn cậu đừng chờ đợi điều này nơi những con người trên đường phố ở đây.

"Và mày bị đuổi không có áo vét thế này?" viên cảnh sát hỏi.

"À vâng," Karl nói; hóa ra cả ở Mỹ cung cách của nhà cầm quyền cũng là thích hỏi về những điều họ đã trông thấy rành rành. (Bố cậu đã bực mình biết bao về những câu hỏi dài, dai nhách, gây khó chịu của các cơ quan công quyền trong việc xin hộ chiếu!) Karl hết sức muốn bỏ chạy, trốn đâu đó và không phải chăm chú nghe câu hỏi nào nữa. Bây giờ viên cảnh sát lại nêu ra chính câu hỏi ấy, câu hỏi mà Karl sợ nhất và vì sự dự đoán bất an này mà có lẽ nãy giờ cậu đã xử sự thiếu thận trọng hơn bình thường.

"Mày đã làm ở khách sạn nào?"

Cậu cúi đầu, không đáp, cậu kiên quyết không trả lời câu hỏi này. Không được để xảy ra chuyện cậu bị một viên cảnh sát áp tải về lại khách sạn Occidental, rồi các cuộc hỏi cung sẽ diễn ra ở đó, bạn bè và kẻ thù của cậu sẽ được triệu tới; bà bếp trưởng sẽ mất nốt chút ý nghĩ tốt, nhưng đã trở nên lung lay của bà về Karl, vì thấy cậu trở về (mà bà cứ ngỡ cậu đang ở nhà trọ Brenner), bị một viên cảnh sát bắt giữ, trong sơ mi trần, không có tấm danh thiếp của bà, trong khi lão trưởng nhóm phục vụ có lẽ chỉ gật đầu tỏ ra thấu hiểu hoàn toàn, còn lão trưởng bảo vệ ngược lại sẽ nói rằng cuối cùng bàn tay của Chúa Trời đã tìm ra tên vô lại.

"Nó làm ở khách sạn Occidental," Delamarche nói và đến bên cạnh viên cảnh sát.

"Không phải," Karl kêu lên và giậm chân, "không đúng!"

Delamarche dẩu môi nhạo báng nhìn cậu, như thể y còn có thể tiết lộ những chuyện khác hẳn nữa. Sự khích động bất ngờ của Karl khiến đám trẻ rất xôn xao, chúng kéo qua phía Delamarche, để từ đó nhìn Karl rõ hơn. Robinson đã thò hết đầu ra khỏi xe và hoàn toàn điềm tĩnh trước sự căng thẳng, cử chỉ duy nhất của hắn là thỉnh thoảng chớp mắt. Gã thanh niên ngồi ở cổng vỗ tay vì thích thú, người đàn bà đứng cạnh dùng khuỷu tay huých để gã bình tĩnh. Đúng lúc ấy các phu khuân vác được nghỉ ăn sáng, họ xuất hiện với những ly to cà phê đen và khuấy với bánh mì baguette. Một số ngồi xuống lề vỉa hè, húp cà phê xì xụp.

"Hẳn là ông quen biết gã này?" viên cảnh sát hỏi Delamarche.

"Nhiều hơn là tôi muốn," y nói. "Dạo đó tôi làm ơn nhiều cho gã, nhưng gã đền đáp rất tồi tệ, như ông dễ dàng thấy sau cuộc hỏi cung rất ngắn ngủi của chính ông với gã."

"Đúng," viên cảnh sát nói, "gã có vẻ là một tên ngoan cố."

"Gã thế đấy," Delamarche, "nhưng đó chưa phải tính xấu nhất của gã."

"Vậy à?" viên cảnh sát nói.

"Vâng," Delamarche nói, y đang có trớn và vừa nói vừa rung áo khoác với đôi bàn tay trong túi áo, "đây là một tên vô lại có hạng. Tôi và anh bạn trong chiếc xe đó, chúng tôi tình cờ gặp gã lúc gã bần cùng, hồi đó gã đâu biết ất giáp gì về những hoàn cảnh ở Mỹ, mới chân ướt chân ráo từ châu Âu tới mà, ở bên đó người ta cũng chẳng dùng được gã; thế là chúng tôi kéo gã theo, cho sống với chúng tôi, giảng giải mọi chuyện, định kiếm cho gã việc làm; chúng tôi nghĩ còn biến được gã thành một con người hữu dụng, bất chấp mọi biểu hiện ngược lại; chợt gã chuồn mất trong đêm, biến đi tỉnh bơ và dưới những tình huống mà tốt hơn tôi muốn giữ kín. Có phải vậy không?" cuối cùng Delamarche giật áo Karl, hỏi.

"Lũ nhóc lùi ra!" viên cảnh sát kêu lên, vì chúng đã tiến lên quá sát khiến Delamarche suýt vấp phải một đứa. Trong lúc đó các phu khuân vác, cho tới lúc ấy không quan tâm mấy đến cuộc thẩm vấn, trở nên chăm chú và tụ lại thành vòng người kín mít sau lưng Karl, khiến bây

giờ cậu không lùi được dù chỉ một bước, hơn nữa hai tai cậu không ngớt bị những giọng nói lộn xộn của các phu khuân vác chọc vào, họ la ó hơn là nói một thứ tiếng Anh hoàn toàn không hiểu được, có lẽ trộn lẫn với những từ của người Slave.

"Cám ơn ông đã cho thông tin," viên cảnh sát nói và đứng nghiêm chào Delamarche. "Dẫu sao tôi cũng sẽ dẫn gã theo và trao lại cho khách sạn Occidental."

Nhưng Delamarche nói: "Tôi xin yêu cầu ông tạm thời trao gã cho tôi, tôi có ít việc cần làm sáng tỏ với gã. Tôi hứa sau đó sẽ đích thân dẫn gã trở lại khách sạn."

"Tôi không làm thế được," viên cảnh sát nói.

Delamarche nói: "Đây là danh thiếp của tôi" và trao tấm thiếp cho ông ta.

Viên cảnh sát nhìn tấm thiếp với vẻ kính trọng, nhưng nhã nhặn mỉm cười: "Không, ông năn nỉ chỉ hoài công thôi."

Dù cho đến giờ Karl hết sức cảnh giác trước Delamarche, lúc này cậu thấy ở y sự giải cứu duy nhất. Tuy việc y thỉnh cầu viên cảnh sát giao cậu cho y là đáng nghi, nhưng dẫu sao cũng dễ thuyết phục Delamarche đừng dẫn cậu về lại khách sạn hơn viên cảnh sát. Và ngay cả nếu Karl bị Delamarche dẫn trở lại khách sạn thì cũng ít tệ hại hơn là dưới sự áp tải của viên cảnh sát. Nhưng trước mắt tất nhiên Karl không được để lộ ra rằng cậu quả thật muốn đi với Delamarche, kẻo sẽ hỏng hết. Và cậu thấp thỏm nhìn bàn tay viên cảnh sát, nó có thể giơ lên bất cứ lúc nào để túm cậu.

"Nhưng ít nhất tôi muốn được biết tại sao gã đột

nhiên bị sa thải," cuối cùng viên cảnh sát nói, trong khi Delamarche cau có nhìn sang bên và bóp nát tấm danh thiếp giữa hai đầu ngón tay.

"Nhưng gã đâu có bị sa thải!" Robinson kêu lên khiến mọi người ngạc nhiên và hắn chống lên tài xế để thò đầu ra khỏi xe xa hết mức. "Ngược lại, gã có ở đó một công việc tốt. Gã là đàn anh trong phòng ngủ tập thể và muốn đưa ai vào đó cũng được. Chỉ phải cái gã bận kinh khủng và khi ta muốn gì ở gã, ta phải chờ lâu. Gã luôn ở chỗ trưởng nhóm phục vụ, ở chỗ bà bếp trưởng và là người thân tín. Hoàn toàn không có chuyện gã bị sa thải. Tôi không biết sao gã lại nói thế. Gã bị sa thải thế nào mới được chứ? Tôi bị thương nặng trong khách sạn và thế là gã được giao nhiệm vụ đưa tôi về tới nhà, và vì đúng lúc ấy gã không khoác áo vét, nên gã đi theo không áo vét. Tôi đâu thể chờ tới lúc gã lấy áo vét."

"Thế đấy," Delamarche dang rộng hai tay nói, giọng điệu như trách viên cảnh sát thiếu khả năng nhận xét con người và hai từ Delamarche vừa nói ra này dường như đem sự sáng tỏ không thể phản bác vào lời khai mơ hồ của Robinson.

"Nhưng có thật không đấy?" viên cảnh sát hỏi, hơi xìu đi. "Và nếu thật, tại sao gã lại bảo là bị sa thải?"

"Mày nên trả lời đi," Delamarche nói.

Karl nhìn viên cảnh sát, ông ta cần thiết lập trật tự ở đây giữa những con người xa lạ chỉ nghĩ đến mình và nỗi âu lo chung của ông ta lan chút ít sang Karl. Cậu không muốn dối trá và giữ hai bàn tay đan chặt sau lưng.

Một viên cai xuất hiện ở cổng, vỗ tay ra hiệu cho các phu khuân vác trở lại với công việc. Họ đổ cặn cà phê và ngừng bặt nói, thất thểu đi vào nhà.

"Thế này thì sẽ không kết thúc được," viên cảnh sát nói và định túm cánh tay Karl. Karl bất giác lùi thêm một ít, cảm thấy khoảng trống mà những phu khuân vác kéo nhau đi đã mở ra, cậu xoay người và phóng vài bước dài rồi bắt đầu bỏ chạy. Lũ trẻ đồng loạt ré lên và dang những cánh tay nhỏ xíu chạy theo vài ba bước.

"Bắt nó!" viên cảnh sát gọi xuống con đường dài thoai thoải, gần như vắng hoe và vừa đều đặn bật ra lời kêu gọi này vừa chạy nhẹ nhàng theo Karl, cho thấy ông ta dồi dào sức lực và luyện tập nhiều. May cho Karl là cuộc đuổi bắt này diễn ra trong một khu lao động. Thợ thuyền ở đây không ăn cánh với nhà chức trách. Karl chạy ngay giữa lòng đường, vì ở đó cậu ít gặp trở ngại nhất, thỉnh thoảng cậu thấy những công nhân dừng bước trên vỉa hè và thản nhiên quan sát cậu, trong khi viên cảnh sát kêu to với họ "Bắt nó!" và trong lúc chạy, ông ta khôn ngoan bám lấy vỉa hè bằng phẳng, không ngừng chĩa dùi cui về phía Karl. Karl ít và gần như mất hết hy vọng, khi viên cảnh sát - vì họ chạy gần tới những đường ngang, ở đó chắc chắn có cảnh sát đi tuần - huýt còi khiến điếc cả tai. Lợi thế duy nhất của Karl là quần áo cậu nhẹ, cậu bay, hay đúng hơn cậu lao xuống con đường càng lúc càng dốc hơn, chỉ phải nỗi lơ đãng vì buồn ngủ nên cậu thường nhảy quá cao, phí thì giờ vô ích. Ngoài ra viên cảnh sát luôn luôn có đích trước mắt, không phải ngẫm nghĩ gì, còn ngược lại với Karl chạy chỉ là chuyện phụ, cậu phải

ngẫm nghĩ, lựa chọn trong những khả năng khác nhau, luôn phải đưa ra quyết định mới. Kế hoạch hơi bế tắc của cậu là tạm thời tránh những đường ngang, vì không biết ở đó có gì, nhỡ đâu cậu lại chạy thẳng vào một trạm gác; bao lâu còn được, cậu muốn bám con đường dễ quan sát hơn nhiều này, mãi dưới kia nó mới bị chắn bởi một chiếc cầu, vừa mới qua sông cầu đã chìm trong làn sương khói loáng ánh mặt trời. Quyết định xong, cậu vừa định dồn sức phóng nhanh hơn để vượt thật gấp con đường ngang đầu tiên, chợt cậu thấy không xa lắm phía trước một viên cảnh sát đang nép vào bức tường sẫm của một ngôi nhà nằm trong bóng râm, rình, sẵn sàng chờ đúng lúc nhảy xổ vào Karl. Bây giờ chẳng còn trông mong vào sự cứu giúp nào hơn là con đường ngang, và khi nghe gọi tên mình từ con đường đó - mới đầu cậu ngỡ mình nhầm, vì từ nãy giờ hai tai cậu cứ nghe vo vo - Karl không chần chừ nữa và, để các viên cảnh sát bị bất ngờ, xoay trên một bàn chân, ngoặt thẳng góc vào con đường đó.

Cậu mới chạy được hai bước - cậu đã quên bẵng vừa có ai gọi tên mình - thì viên cảnh sát thứ hai cũng huýt còi, cậu nhận thấy y còn rất sung sức và xa xa trên con đường này khách bộ hành dường như đi lại nhanh hơn - chợt một bàn tay từ một khung cửa nhỏ túm lấy Karl kèm mấy lời "Lặng im!" và lôi cậu vào một hành lang tối tăm. Đó là Delamarche, thở dốc, hai má nóng bừng, tóc bết thành lọn quanh đầu. Y chỉ mặc sơ mi và quần lót, còn áo khoác kẹp tay. Y đóng và cài then cửa ngay, đó thật ra không phải cửa chính, mà chỉ là một cửa phụ kín đáo.

"Chờ một lát," y nói, rồi đứng thẳng đầu tựa vào

tường và thở hổn hển. Karl gần như nằm trong vòng tay Delamarche và nửa tỉnh nửa mê áp mặt lên ngực y.

“Mấy cha kia đang chạy,” Delamarche nói và chĩa ngón tay vào cửa, vẻ lắng nghe. Quả thật lúc đó hai viên cảnh sát chạy qua, tiếng chân vang trên con đường vắng, nghe như thép đập lên đá.

“Mày kiệt sức thật rồi,” Delamarche bảo Karl, cậu vẫn còn đang khó nhọc thở, không thốt nổi một lời. Delamarche thận trọng đặt cậu xuống nền nhà, quỳ bên cậu, vuốt trán cậu nhiều lần và quan sát cậu.

“Bây giờ ổn rồi,” Karl nói và khó nhọc đứng dậy.

“Vậy ta đi,” Delamarche nói, y đã mặc lại áo khoác, và đẩy Karl tới trước, cậu vẫn cúi đầu vì yếu sức. Thỉnh thoảng y lại lúc lắc Karl để làm cậu tỉnh táo hơn.

"Mày tưởng mày mệt à?” y nói. “Ngoài kia đường trống mày có thể phóng như ngựa vía được, chứ ở đây tao phải len lỏi qua những hành lang và những cái sân chết tiệt. May mà tao cũng là một vận động viên về môn chạy.” Y hãnh diện vung tay vỗ lưng Karl. “Thỉnh thoảng chạy thi như thế này với cảnh sát là một cuộc tập luyện tốt.”

“Khi bắt đầu chạy tôi đã mệt rồi,” Karl nói.

"Đừng chống chế khi chạy dở," Delamarche nói. "Không có tao thì họ đã tóm mày lâu rồi."

"Tôi cũng nghĩ thế," Karl nói. “Tôi nợ anh nhiều.”

"Chắc chắn," Delamarche nói.

Họ đi qua một hành lang dài và hẹp, lát đá sẫm màu và nhẵn. Thỉnh thoảng cậu lại thấy một cầu thang ở bên phải hay bên trái hoặc được nhìn vào một hành lang khác lớn hơn. Hầu như không thấy người lớn, chỉ

có trẻ con chơi trên những cầu thang vắng. Một bé gái đứng khóc ở lan can, mặt nhẫy nước mắt. Vừa thoáng thấy Delamarche, nó đã chạy lên cầu thang, miệng há hốc đớp không khí và mãi khi lên cao rồi nó mới bình tĩnh, sau khi đã nhiều lần quay lại nhìn để chắc chắn không ai theo hoặc định theo nó.

"Mới hồi nãy tao chạy, xô nó ngã chỏng gọng," Delamarche cười và giơ nắm đấm dọa con bé, khiến nó khóc thét tiếp tục chạy lên cao nữa.

Cả những sân họ đi qua cũng gần như hoàn toàn vắng vẻ. Đây đó một tùy phái đẩy một chiếc xe cút kít hai bánh, một người đàn bà bơm nước vào xô, một người phát thư đủng đỉnh bước qua sân, một ông già ria bạc ngồi vắt chân trước một khung cửa kính và phì phèo ống tẩu, trước một cửa hàng vận tải những thùng hàng được dỡ xuống, những con ngựa chẳng có việc gì làm thờ ơ ngọ nguậy đầu, một người đàn ông mặc áo choàng lao động cầm tờ giấy giám sát toàn bộ công việc; trong một văn phòng cửa sổ để ngỏ và một nhân viên ngồi ở bàn giấy đã quay khỏi bàn và trầm ngâm nhìn ra ngoài, đúng chỗ Karl và Delamarche đang đi qua.

"Ta không thể mong muốn có được một chốn yên tĩnh hơn," Delamarche nói. "Vào buổi tối thì rất ồn ào trong vài giờ, nhưng ban ngày ở đây thì thật mẫu mực."

Karl gật đầu, theo cậu thấy thì quá yên tĩnh.

"Tao không thể ở đâu khác được," Delamarche nói, "vì Brunelda tuyệt đối không chịu nổi tiếng ồn. Mày biết Brunelda không? Ơ, rồi mày sẽ thấy nàng. Dẫu sao tao khuyên mày hãy cố hết sức mà yên lặng."

Khi họ tới cầu thang dẫn lên căn hộ của Delamarche thì chiếc ô tô đã chạy đi rồi và gã thanh niên mũi lở lói báo rằng gã đã đỡ Robinson lên lầu và chẳng hề tỏ ra ngạc nhiên về việc Karl lại xuất hiện. Delamarche chỉ gật đầu với gã như thể gã là kẻ giúp việc của y và gã hoàn thành nhiệm vụ là chuyện đương nhiên. Delamarche kéo Karl cùng lên cầu thang, cậu hơi lưỡng lự và nhìn con đường ngập nắng.

"Mình lên tới trên ngay thôi," Delamarche đã nói vài lần trong lúc leo thang, song lời dự báo của y không chịu thành sự thật, cứ hết cầu thang này lại tiếp đến một cầu thang mới, mà sự đổi hướng của nó thật khó nhận ra. Có lần Karl đã đứng lại, không hẳn vì mệt mỏi, mà vì bất lực trước chiều cao của các cầu thang này. "Căn hộ ở rất cao mà," Delamarche nói khi họ tiếp tục đi, "nhưng cũng có điểm lợi của nó. Tao hiếm khi đi ra ngoài, cả ngày khoác áo choàng, tụi tao thoải mái lắm. Dĩ nhiên cao thế này thì chẳng ma nào lên thăm."

"Lấy đâu ra khách khứa chứ?" Karl nghĩ thầm.

Cuối cùng Robinson hiện ra ở một chiếu nghỉ trước khung cửa đóng của một căn hộ, giờ đây họ đã lên tới nơi; song cầu thang vẫn chưa hết, mà còn lên tiếp trong cảnh tranh tối tranh sáng, không có gì cho thấy nó sắp chấm dứt.

"Biết ngay mà," Robinson nói khẽ, như thể hắn vẫn còn bị đau. "Delamarche đưa nó về! Roßmann, cậu sẽ ra sao nếu không có Delamarche!" Robinson đứng đó trong bộ quần áo lót và chỉ lo quấn quanh người, được đến đâu hay đến đấy, tấm chăn nhỏ mà ai đó ở khách sạn

Occidental đã đưa cho hắn. Không rõ tại sao hắn không vào trong căn hộ mà lại đứng đây làm trò cười cho người qua lại.

"Nàng ngủ à?" Delamarche hỏi.

"Tao nghĩ là không," Robinson nói, "nhưng tao muốn chờ mày về hơn."

"Trước hết mình phải xem nàng có ngủ không," Delamarche nói và cúi xuống lỗ khóa. Sau khi nhìn qua thật lâu với đủ kiểu quay đầu, y đứng dậy và nói: "Tao thấy nàng không rõ vì tấm rèm đã hạ xuống. Nàng ngồi trên trường kỷ, nhưng có thể nàng đang ngủ."

"Cô ấy ốm à?" Karl hỏi, vì Delamarche đứng đó như thể đang bối rối cần lời khuyên.

Nhưng y hỏi lại giọng gay gắt: "Sao lại ốm?"

"Nó không biết nàng mà," Robinson nói, xin lỗi hộ Karl.

Cách đó vài ba cửa có hai người đàn bà bước ra hành lang, họ chùi tay vào tạp dề, nhìn Delamarche với Robinson và dường như trò chuyện về hai gã này. Từ một khung cửa một cô gái còn rất trẻ, tóc vàng óng, nhảy ra và áp sát giữa hai người đàn bà bằng cách khoác tay họ.

"Đây là mấy con mụ đáng ghét," Delamarche nói khẽ, song dường như chỉ vì quan tâm đến Brunelda đang ngủ, "sắp tới tao sẽ tố cáo chúng với cảnh sát và sẽ được yên vài năm. Đừng nhìn chúng," y rít lên với Karl, cậu thấy nhìn những người đàn bà này chẳng có gì sai quấy, một khi phải đứng ngoài hành lang chờ Brunelda thức dậy. Và cậu bực bội lắc đầu, như thể không chấp nhận lời cảnh cáo của Delamarche và, để tỏ rõ điều này hơn nữa,

định đi tới với họ, nhưng Robinson đã níu tay áo cậu lại, nói: "Roßmann, hãy thận trọng!" còn Delamarche, đã sẵn cáu vì Karl, lại bị tiếng phì cười lớn của cô gái làm cho điên tiết, đến nỗi đã lấy đà, vung tay vung chân, xông tới mấy người đàn bà, khiến mỗi người biến vào khung cửa của mình như thể bị gió thổi bay mất.

"Tao thường phải dọn dẹp các hành lang như thế đấy," Delamarche nói, khi chậm bước quay lại; chợt y nhớ tới sự phản kháng của Karl và nói:

"Nhưng tao chờ đợi ở mày một thái độ khác hẳn, kẻo mày sẽ có kinh nghiệm xấu với tao đấy."

Chợt một giọng nói cất lên dịu dàng, mệt mỏi:

"Delamarche?"

"Ừ," Delamarche đáp và vui vẻ nhìn cánh cửa, "bọn anh vào được không?"

"Được chứ," giọng kia nói và Delamarche chậm rãi mở cửa, sau khi còn lướt ánh mắt vào hai kẻ đang chờ sau lưng y.

Họ bước vào trong bóng tối hoàn toàn. Tấm rèm, mà ánh sáng lọt qua rất ít, nơi cửa ra ban công - ở đây không có một cửa sổ nào - buông xuống tới tận sàn, ngoài ra bàn ghế chật cứng và quần áo treo khắp nơi đã góp phần lớn vào việc làm tối phòng. Không khí ngột ngạt và ta gần như chỉ ngửi thấy bụi đóng ở các xó xỉnh mà hiển nhiên chẳng bàn tay nào thò vào được. Điều đầu tiên Karl nhận thấy khi bước vào là ba chiếc tủ dựng gần sát nhau. Nằm trên trường kỷ là người đàn bà hồi nãy đã từ ban công nhìn xuống. Cái áo đầm đỏ của cô nàng hơi xộc xệch bên dưới và lòng thòng thành một vạt to tới tận sàn nhà, ta

thấy chân cô nàng lộ tới gần đầu gối, mang tất len trắng dày, nhưng không có giày.

"Nóng quá, Delamarche ạ," cô nàng nói, quay mặt khỏi tường, thờ ơ chìa bàn tay lơ lửng về phía Delamarche, y nắm lấy và hôn. Karl chỉ ngắm nhìn cái cằm hai ngấn của cô nàng, nó cũng rung rinh theo khi cô nàng quay đầu.

"Anh có nên bảo nó kéo rèm lên không?" Delamarche hỏi.

"Đừng," cô nàng nói, mắt nhắm như tuyệt vọng, "sẽ càng tệ hơn thôi."

Karl đi tới cuối trường kỷ để nhìn người đàn bà rõ hơn, cậu ngạc nhiên về sự than van của cô nàng, vì nào có nóng gì ghê gớm đâu.

"Chờ tí, anh sẽ làm cho em dễ chịu hơn một chút," Delamarche nói vẻ rụt rè, mở vài cúc áo ở cổ cô nàng, banh áo ra, hở cổ và phần ngực trên, để lộ một đường viền đăng ten mỏng, vàng nhạt của chiếc áo trong.

"Ai đây," đột nhiên cô nàng nói và chỉ ngón tay vào Karl, "sao gã lại chòng chọc nhìn em thế?"

"Mày bắt đầu tỏ ra hữu dụng đi," Delamarche nói và vừa đẩy Karl qua một bên vừa trấn an người đàn bà: "Gã là thằng nhóc anh đem về để phục vụ em."

"Nhưng em không muốn ai cả!" cô nàng kêu lên. "Sao anh lại đem người lạ về nhà?"

"Nhưng từ hồi nào tới giờ em muốn có người phục vụ mà," Delamarche nói và quỳ xuống, vì cái trường kỷ tuy rộng nhưng chẳng còn chỗ nào trống bên cạnh Brunelda.

"Chậc, Delamarche," cô nàng nói, "anh không hiểu em, anh không hiểu em."

"Thế thì anh không hiểu em thật," Delamarche nói và ôm mặt cô nàng trong hai bàn tay. "Nhưng đã sao đâu, nếu em không muốn thì gã cút lập tức."

"Một khi gã đã tới đây rồi, thì gã nên ở lại," cô nàng bảo và Karl (luôn láng máng nghĩ tới những cầu thang dài vô tận mà có thể cậu sẽ phải lập tức leo xuống trở lại, bước qua Robinson đang nằm ngủ yên lành trên tấm chăn của hắn) vì mệt mỏi nên cậu biết ơn những lời lẽ có thể hoàn toàn chẳng tử tế gì này đến nỗi đã nói: "Dẫu sao tôi cũng cám ơn bà đã cho tôi nán lại đây một lúc. Hẳn là tôi không ngủ đã hai mươi bốn giờ rồi, lại còn phải làm đủ việc và gặp nhiều chuyện khích động khác nhau. Tôi mệt khủng khiếp. Tôi không biết rõ mình đang ở đâu nữa. Nếu tôi được ngủ vài ba tiếng, bà có thể thẳng tay đuổi tôi và tôi sẽ vui lòng đi," bất chấp những cái phất tay tức tối của Delamarche.

"Mày hoàn toàn có thể ở lại đây," cô nàng bảo và châm biếm nói thêm: "Chúng tao có thừa chỗ, như mày thấy đấy."

"Mày phải cút thôi," Delamarche nói, "chúng tao không cần mày."

"Không, nó ở lại," cô nàng nói, lần này nghiêm trang trở lại. Và như để thực hiện ý muốn này của cô nàng, Delamarche bảo Karl: "Vậy thì mày cứ nằm đại chỗ nào đó."

"Nó có thể nằm trên những tấm màn cửa, nhưng phải cởi giày bốt ra, để khỏi làm rách gì hết."

Delamarche chỉ cho Karl chỗ theo ý cô nàng. Giữa các cửa và ba tủ là những tấm màn cửa đủ loại quẳng

thành đống to. Nếu xếp ngay ngắn lại tất cả, những tấm nặng để dưới cùng, những tấm nhẹ hơn lên trên và sau rốt rút ra đủ thứ ván cùng khoen gỗ nhét trong đống đó, sẽ thành một chỗ ngả lưng tạm được, còn như thế này chỉ là một khối bùng nhùng dễ trượt; tuy vậy Karl vẫn nằm xuống tức thì, vì cậu quá mệt không chờ sắp xếp công phu rồi mới ngủ, với lại cậu cũng phải lưu ý đến chủ nhà, đâu thể bày vẽ nhiều được.

Đang thiu thiu ngủ chợt nghe một tiếng hét lớn, Karl nhổm dậy thấy Brunelda ngồi thẳng trên trường kỷ, hai cánh tay dang rộng ôm choàng Delamarche đang quỳ trước cô nàng. Khó xử trước cảnh tượng ấy, Karl ngả lưng trở lại, chìm trong những tấm rèm để tiếp tục giấc ngủ. Cậu thấy rõ không thể chịu đựng nổi ở đây hai ngày, cho nên trước mắt càng cần ngủ thật đẫy giấc, để rồi có thể quyết định nhanh chóng và bình thản với đầu óc hoàn toàn tỉnh táo.

Nhưng Brunelda đã trông thấy đôi mắt Karl thô lố vì mệt, chúng từng làm cô nàng khiếp đảm một lần rồi, cô nàng liền gọi: "Delamarche, em không chịu nổi nóng bức, cứ như bị thiêu, em phải cởi đồ, em phải tắm, anh hãy tống hai gã này ra khỏi phòng, tống đi đâu tùy anh, ra hành lang, ra ban công, miễn em không thấy chúng nữa! Mình ở trong căn hộ của chính mình mà cứ không ngớt bị quấy rầy. Giá mà chỉ có em với anh, Delamarche! Chúa ơi, chúng vẫn còn ở đây! Trước mặt một quý nương mà tay Robinson mặt dày mặc đồ lót như thế kia kìa! Còn thằng nhãi lạ mặt này vừa mới phút trước điên cuồng nhìn em, giờ đã lại nằm xuống để lừa bịp em! Chúng phải xéo ngay

thôi, Delamarche, chúng là gánh nặng đối với em, chúng đè trên ngực em, nếu em chết bây giờ là tại chúng đấy."

"Chúng ra ngay ấy mà, em cứ cởi đồ đi," Delamarche nói rồi tới chỗ Robinson, đặt một chân lên ngực lay hắn. Đồng thời y gọi Karl: "Roßmann, dậy! Hai đứa bay phải ra ngoài ban công! Bay liệu hồn, nếu chưa được gọi mà đã vào! Bây giờ nhanh nhẹn lên, Robinson" - y vừa nói vừa lay Robinson mạnh hơn - "còn mày, Roßmann, chú ý, đừng để tao phải qua đánh thức đấy," y vỗ mạnh tay hai lần.

"Lâu quá thể!" Brunelda kêu trên trường kỷ, cô nàng ngồi giạng chân hết cỡ để có thêm chỗ cho tấm thân quá mức phì nộn của mình; phải vô cùng vất vả, thở hổn hển và sau nhiều lần nghỉ cô nàng mới cúi xuống đủ thấp để nắm đôi tất ở đầu trên và tuột xuống một chút, chứ không tuột hết nổi, việc này Delamarche phải làm giúp và cô nàng sốt ruột chờ y.

Đờ đẫn vì mệt mỏi, Karl bò từ đống màn cửa xuống và chậm chạp đi tới cửa ra ban công, thờ ơ kéo theo một miếng rèm quấn ở chân. Cậu lơ đãng đến mức khi đi qua đã nói với Brunelda: "Chúc ngủ ngon," rồi lững thững đi ngang Delamarche - y kéo màn cửa ban công một tí - ra ngoài. Ngay sau Karl là Robinson, hẳn là ngái ngủ không kém, vì hắn ư ử bâng quơ: "Người ta không ngừng đối xử thô bạo với mình! Nếu Brunelda không đi cùng, mình đếch ra ban công." Quả quyết thế nhưng hắn vẫn ra chứ không phản đối, và lập tức nằm xuống nền đá, vì Karl đã gục xuống chiếc ghế tựa rồi.

Khi Karl thức dậy thì đã tối, bầu trời đã đầy sao, trăng trồi lên phía sau những ngôi nhà cao bên kia đường.

Mãi một lúc, sau vài lần nhìn quanh vào khu vực xa lạ, thở hít vài lần trong bầu không khí mát lạnh làm tỉnh người, Karl mới biết mình đang ở đâu. Cậu đã khinh suất biết bao, đã bỏ qua mọi lời khuyên nhủ của bà bếp trưởng, mọi cảnh báo của Therese, mọi nỗi lo sợ của bản thân và giờ đây thản nhiên ngồi trên ban công của Delamarche, thậm chí đã ngủ suốt nửa ngày ở đây, như thể sau tấm màn cửa không phải là Delamarche, kẻ thù lớn của cậu. Gã đại lãn Robinson trở mình trên sàn và kéo chân Karl, dường như hắn đã đánh thức Karl cũng bằng cách ấy, vì hắn bảo: "Cậu ngủ mới ghê, Roßmann ạ! Đúng là tuổi trẻ vô tư. Cậu còn muốn ngủ bao lâu nữa? Lẽ ra tớ để cậu ngủ nữa đấy, nhưng một là nằm trên sàn chán ngắt, hai là tớ đói lắm. Nhờ cậu đứng lên một tí, tớ có cất dưới đó, trong cái ghế ấy, vài thứ để ăn, tớ muốn lấy nó ra. Cậu cũng sẽ được đôi chút."

Karl đứng dậy nhìn trong lúc Robinson không đứng lên mà trườn bụng tới và duỗi hai tay lôi từ dưới ghế một cái đĩa mạ bạc, loại dùng để đựng danh thiếp. Trên đĩa có một nửa khúc dồi đen thui, vài điếu thuốc lá còm, một hộp cá mòi đã mở nhưng còn khá đầy, dầu tràn ra ngoài và một ít kẹo, phần lớn bị ép bẹp gí thành một cục tròn. Rồi một tảng lớn bánh mì xuất hiện và một lọ như lọ nước hoa, nhưng dường như đựng thứ gì khác nước hoa, vì Robinson tỏ ra đặc biệt toại nguyện về nó và búng ngón tay với Karl.

"Cậu thấy chưa, Roßmann," Robinson nói trong lúc ngốn hết con cá mòi này đến con khác, thỉnh thoảng chùi dầu trên hai bàn tay vào một tấm chăn len, dường

như Brunelda đã bỏ quên ở ban công. "Cậu thấy chưa, Roßmann, mình phải trữ đồ ăn như thế, nếu không muốn chết đói. Cậu ạ, tớ hoàn toàn bị tống ra rìa. Khi ta liên miên bị đối xử như chó, cuối cùng ta nghĩ ta là chó thật. Thật may có cậu ở đây, Roßmann ạ, ít nhất tớ có thể trò chuyện với người nào đó. Trong nhà chẳng ai trò chuyện với tớ. Chúng mình bị ghét bỏ. Tại Brunelda cả. Dĩ nhiên nàng là một người đàn bà tuyệt vời. Này" - hắn ngoắc Karl cúi xuống gần để thì thầm với cậu - "có lần tớ thấy nàng khỏa thân. Ô!" Và trong sự hồi tưởng tới niềm hạnh phúc ấy hắn bắt đầu bóp và đập lên chân Karl, khiến cậu kêu lên: "Robinson, anh đúng là điên" và chụp hai bàn tay hắn đẩy lùi lại.

"Cậu đúng là còn con nít, Roßmann ạ," Robinson nói, lôi dưới áo một con dao găm hắn đeo ở một sợi dây quanh cổ, rút khỏi vỏ và xắt khúc dồi cứng. "Cậu còn phải học nhiều. Gặp được tụi tớ là đúng nguồn đấy. Ngồi xuống đi. Cậu không muốn ăn chút gì sao? Có thể cậu sẽ thèm khi nhìn tớ ăn. Cậu cũng không muốn uống à? Cậu hoàn toàn chẳng muốn gì cả. Cậu cũng không hay nói. Nhưng ai ở ngoài ban công với tớ cũng được, miễn là có người. Chẳng là vì tớ rất thường phải ở ngoài ban công. Brunelda thích thế. Chỉ cần nàng chợt nghĩ ra gì đó, lúc thì nàng lạnh, lúc nàng nóng, lúc nàng muốn ngủ, lúc nàng muốn chải đầu, lúc nàng muốn cởi coóc xê, lúc lại muốn mặc và những lúc ấy tớ luôn bị đuổi ra ban công.

"Thỉnh thoảng nàng thật sự làm điều nàng nói, nhưng phần lớn nàng chỉ nằm trên trường kỷ giống như hồi nãy và không nhúc nhích. Trước kia tớ thường kéo

rèm ra một tí và ngó qua, nhưng từ khi Delamarche quất tớ mấy roi vào mặt - tớ biết rõ rằng y không muốn, mà chỉ làm theo lời Brunelda yêu cầu - trong một lần như thế, cậu thấy những vết roi chứ, tớ không dám nhòm qua nữa. Và thế là tớ nằm ngoài ban công đây và chẳng có thú vui nào khác ngoài ăn. Hôm kia, khi tớ nằm cô đơn quá đỗi trong buổi tối, lúc đó tớ còn bộ quần áo bảnh, rất tiếc đã bị mất ở khách sạn của cậu - bọn chó, chúng lột quần áo đắt tiền khỏi thân thể tớ! - khi tớ nằm cô đơn quá đỗi và nhìn qua lan can xuống dưới, tớ thấy mọi chuyện hết sức buồn rầu và bắt đầu gào khóc. Lúc ấy ngẫu nhiên, tớ không nhận ra ngay, Brunelda ra ngoài này với tớ trong cái áo đầm đỏ - nó hợp với nàng nhất - nhìn tớ một lúc và cuối cùng nói: 'Robinson, sao anh khóc?' Rồi nàng nâng áo đầm, lấy cạp viền lau mắt cho tớ. Ai biết được nàng sẽ còn làm gì nữa, nếu Delamarche không gọi nàng và nàng không phải lập tức quay vào phòng. Dĩ nhiên tớ nghĩ, bây giờ đến lượt mình và đã hỏi qua tấm rèm rằng tớ được phép vào không. Theo cậu thì Brunelda đã trả lời sao nào? 'Không!' nàng nói và 'Anh nghĩ vớ vẩn gì thế?' nàng bảo."

"Thế sao anh ở lại đây, khi người ta cư xử với anh như vậy?" Karl hỏi.

"Xin lỗi cậu chứ, Roßmann ạ, cậu hỏi không được thông minh lắm," Robinson đáp. "Cậu cũng sẽ ở lại đây thôi, cho dù người ta cư xử với cậu còn tệ hơn nữa. Vả chăng người ta đối đãi tớ không tệ lắm."

"Không," Karl nói, "tôi chắc chắn sẽ bỏ đi và có lẽ ngay trong tối hôm nay. Tôi không ở lại với các người."

"Cậu dự tính tối nay bỏ đi như thế nào, ví dụ?"

Robinson hỏi, hắn đã moi ruột bánh mì và thận trọng chấm vào dầu của hộp cá mòi. "Cậu định bỏ đi như thế nào, khi ngay cả vào phòng cậu cũng không được phép?"

"Tại sao mình lại không được phép vào chứ?"

"Chừng nào chưa rung chuông, mình không được phép vào," Robinson nói, miệng há hốc để ngốn chỗ bánh mì đẫm dầu, trong khi một bàn tay hắn hứng dầu nhỏ xuống, để rồi thỉnh thoảng nhúng phần bánh mì còn lại vào lòng bàn tay trũng được dùng làm chỗ chứa dầu. "Ở đây tất cả đã trở nên khe khắt hơn. Mới đầu chỉ là một tấm màn cửa mỏng, tuy không nhìn xuyên qua được, nhưng vào buổi tối ta vẫn nhận ra những cái bóng. Thế nên Brunelda không hài lòng và tớ đã phải sửa một trong những áo khoác dùng đóng kịch của nàng thành rèm và treo ở đây thay cho tấm màn cửa cũ. Bây giờ hoàn toàn không trông thấy gì nữa. Ngày trước tớ luôn được phép hỏi xem đã được vào chưa, và tùy hoàn cảnh mà người ta trả lời được hoặc không; nhưng rồi có lẽ tớ đã quá lợi dụng và hỏi quá thường xuyên, khiến Brunelda không chịu đựng nổi - nàng tuy to béo nhưng thể chất rất yếu, thường bị nhức đầu và chân hầu như luôn bị thống phong - nên họ đã quyết định tớ không được phép hỏi nữa, mà họ sẽ nhấn chuông ở bàn khi tớ có thể vào. Chuông réo to đến nỗi đang ngủ tớ cũng phải thức dậy - có lần tớ có một con mèo để giải trí; khiếp đảm trước tiếng chuông nó đã bỏ chạy và không trở về nữa; thế là hôm nay chưa rung chuông, vì nếu chuông rung, tớ không chỉ được phép, mà còn phải vào - và một khi lâu thế này mà không rung chuông thì có thể sẽ còn rất lâu nữa."

"Ừ," Karl nói, "nhưng điều gì họ quy định cho anh không nhất thiết cũng áp dụng cho tôi. Vả chăng điều đại loại như thế chỉ áp dụng cho người nào chịu chấp nhận nó thôi."

"Nhưng tại sao nó lại không áp dụng cả cho cậu nữa chứ?" Robinson kêu lên. "Đương nhiên nó cũng có hiệu lực đối với cậu. Cứ bình tĩnh chờ ở đây với tớ, tới khi chuông rung. Rồi cậu có thể thử xem có bỏ đi được không."

"Sao anh lại không bỏ đi khỏi đây nhỉ? Chỉ vì Delamarche là bạn anh, hay đúng hơn, từng là bạn anh ư? Thế mà là sống à? Chẳng lẽ ở Butterford, nơi mới đầu các anh định đến, không tốt hơn sao? Hoặc thậm chí ở California, nơi anh có bạn bè?"

"Chà," Robinson nói, "đâu ai thấy trước được." Và trước khi tiếp tục kể, hắn còn nói: "Chúc sức khỏe cậu, Roßmann thân mến" và tợp một ngụm lớn từ chai nước hoa. "Hồi đó, khi cậu trắng trợn bỏ rơi bọn tớ, hoàn cảnh bọn tớ rất khó khăn. Mấy ngày đầu bọn tớ đâu tìm ra việc, vả lại Delamarche đâu muốn làm việc, nếu y muốn thì y tìm được thôi, mà luôn chỉ sai tớ đi và tớ không được may mắn. Y chỉ đi lang thang thế thôi, nhưng khi sắp tối rồi thì y mang về một ví tiền của phụ nữ. Ví rất đẹp, bằng ngọc trai, bây giờ y tặng Brunelda rồi, nhưng hầu như chẳng có gì trong đó. Rồi y bảo mình nên đi ăn xin ở các căn hộ, dĩ nhiên khi ấy có thể kiếm chác nhiều thứ dùng được; thế là bọn tớ đi ăn xin và để dễ coi hơn, tớ đã hát trước cửa các căn hộ. Và vì Delamarche luôn gặp may, bọn tớ vừa mới đứng trước căn hộ thứ hai, một căn hộ rất giàu ở tầng trệt

và tớ đang hát vớ vẩn ở cửa cho chị bếp và anh bồi, thì bà chủ căn hộ ấy, chính là Brunelda đấy, leo lên bậc thềm. Có lẽ nàng thắt áo quá chặt, nên không leo lên nổi vài ba bậc. Nhưng nàng trông xinh đẹp nhường nào, Roßmann ơi! Nàng mặc áo đầm trắng từ đầu đến chân, cầm chiếc dù đỏ. Tớ chỉ muốn cắn nàng. Tớ chỉ muốn nuốt nàng. Chúa ơi, Chúa ơi, nàng đẹp làm sao! Một phụ nữ như thế đấy! Không, cậu hãy cho tớ biết, làm sao trên đời lại có được một phụ nữ như thế? Tất nhiên chị bếp và anh bồi chạy ngay tới và gần như khiêng nàng lên thềm. Bọn tớ đứng bên phải và bên trái khung cửa và đứng nghiêm chào, ở đây người ta làm như thế đấy. Nàng dừng lại một chút, vì vẫn chưa lấy lại đủ hơi thở, và tớ không biết chuyện đã xảy ra thế nào, lúc đó tớ đói đến mụ cả người và ở khoảng cách gần thấy nàng còn đẹp hơn và cực kỳ to béo và nhờ một coóc xê đặc biệt, rồi tớ có thể chỉ cậu thấy nó trong tủ, nàng trông chắc lẳn; nói gọn, tớ có sờ mông nàng một tí, nhưng chỉ phớt thôi, cậu biết chứ, chỉ chạm nhẹ thôi. Dĩ nhiên người ta không cho phép một gã ăn xin sờ một quý bà. Đó gần như không phải là một sự động chạm, nhưng cuối cùng vẫn đích thị là một sự động chạm. Ai biết được sẽ xảy ra tệ hơn thế nào, nếu Delamarche không lập tức cho tớ một bạt tai thật lực, khiến tớ tức khắc cần hai tay để xoa má."

"Các người lắm trò thật!" Karl nói, bị câu chuyện cuốn hút, và ngồi xuống sàn. "Brunelda thế đấy à?"

"Ừ," Robinson nói, "Brunelda thế đấy."

"Có lần anh từng bảo cô nàng là ca sĩ, phải không?" Karl hỏi.

"Cố nhiên nàng là ca sĩ và một ca sĩ lớn," Robinson đáp, lăn trên lưỡi một khối kẹo to, thỉnh thoảng lại lấy ngón tay ấn trở vào một mẩu bị đẩy ra. "Nhưng dĩ nhiên hồi đó bọn tớ nào có biết, bọn tớ chỉ thấy đó là một quý bà giàu có và rất sang trọng. Nàng làm như chẳng có chuyện gì xảy ra và có thể nàng cũng không cảm thấy gì hết, vì quả thật tớ chỉ chạm nhẹ nàng bằng mấy đầu ngón tay thôi. Nhưng nàng không ngớt ngó Delamarche và y nhìn lại - trúng đích ngay - vào mắt nàng. Nàng liền bảo y: 'Vào trong này một lát' và cây dù chỉ vào trong căn hộ, ám chỉ rằng Delamarche hãy đi trước. Rồi hai người đi vào và gia nhân đóng cửa lại sau lưng họ. Họ bỏ quên tớ bên ngoài và tớ nghĩ sẽ không kéo dài quá lâu đâu, tớ mới ngồi xuống thềm chờ Delamarche. Nhưng thay vì Delamarche, gã bồi đi ra, bưng cho tớ một liễn xúp. 'Một sự quan tâm của Delamarche,' tớ tự nhủ. Trong lúc tớ ăn, gã bồi đứng lại với tớ một lúc và kể cho tớ vài điều về Brunelda và lúc đó tớ thấy cuộc viếng thăm ở nhà Brunelda có thể có ý nghĩa thế nào với bọn tớ. Vì Brunelda đã ly hôn, có nhiều của cải và hoàn toàn độc lập! Chồng cũ của nàng, một nhà sản xuất ca cao, tuy vẫn còn luôn yêu nàng, nhưng nàng không muốn nghe chút gì về hắn nữa. Hắn rất hay tới căn hộ, luôn luôn ăn mặc rất lịch sự, như dự đám cưới - đúng từng chữ một, chính tớ biết hắn mà - nhưng dù được đút cho nhiều tiền, gã bồi không dám hỏi Brunelda có chịu tiếp hắn không, vì gã đã hỏi vài lần rồi, lần nào cũng đều bị Brunelda ném vào mặt cái gì nàng vớ được lúc ấy. Một lần thậm chí với cái túi chườm nóng to và đầy của nàng, khiến gã gãy một răng cửa. Đấy, Roßmann, cậu thấy đấy!"

"Từ đâu anh biết người chồng?" Karl hỏi.

"Thỉnh thoảng hắn cũng lên nhà mà," Robinson nói.

"Lên nhà?" Karl sửng sốt vỗ nhẹ tay xuống sàn.

"Cậu cứ việc ngạc nhiên," Robinson nói tiếp, "chính hồi đó tớ cũng sửng sốt khi nghe gã bồi kể. Cậu nghĩ xem, khi Brunelda vắng nhà, anh chồng bảo gã bồi dẫn vào phòng nàng và hắn luôn luôn lấy một món vặt làm kỷ niệm và luôn luôn để lại món gì đấy rất đắt tiền và sang trọng cho Brunelda và nghiêm cấm gã bồi cho nàng biết của ai. Nhưng một lần - như gã bồi nói và tớ tin - hắn đem tới một món bằng sứ gần như vô giá, hẳn Brunelda đã nhận ra thế nào đấy, nàng lập tức ném xuống sàn, đạp lên, nhổ lên và còn làm vài trò nữa khiến gã bồi hầu như không đem nó ra nổi vì kinh tởm."

"Anh chồng đã làm gì cô nàng chứ?" Karl hỏi.

"Thật ra tớ không biết," Robinson nói. "Nhưng tớ tin rằng chẳng có gì khác thường, ít nhất chính hắn không biết. Tớ thỉnh thoảng có trò chuyện với hắn về chuyện này. Ngày ngày hắn chờ tớ ở góc đường đó, nếu tớ tới, tớ phải kể hắn biết những chuyện mới; nếu tớ không tới được, hắn chờ nửa giờ rồi bỏ đi. Đối với tớ, đó là việc kiếm chác thêm tốt, vì hắn trả rất hậu hĩnh cho những tin tức này, nhưng từ khi Delamarche biết được, tớ phải nộp hết cho y, nên tớ hiếm khi đi tới đó nữa."

"Nhưng anh chồng muốn gì?" Karl hỏi. "Hắn muốn gì chứ? Hắn biết cô nàng không muốn hắn nữa mà."

"Chà," Robinson thở dài, châm một điếu thuốc và vừa nhả khói vừa huơ tay xua khói lên cao. Rồi hắn dường như đã quyết định khác nên nói: "Liên quan gì đến tớ? Tớ

chỉ biết hắn sẵn sàng trả nhiều tiền, nếu được nằm trên ban công này như bọn mình."

Karl đứng lên, tựa lan can và nhìn xuống đường. Trăng đã tỏ, nhưng ánh sáng của nó chưa xuống tới tận đường. Con đường ban ngày vắng vẻ là thế, nhất là trước các cửa nhà, giờ đây đông nghịt người, tất cả đều chuyển động chậm chạp, vụng về, sơ mi trần của những người đàn ông, áo đầm màu nhạt của những người đàn bà nổi lên yếu ớt trong bóng tối, chẳng ai đội mũ. Nhiều ban công xung quanh có người, các gia đình ngồi dưới ánh sáng của một ngọn đèn điện, quanh một chiếc bàn con hay trên một dãy ghế hoặc ít nhất từ trong phòng thò đầu ra, tùy theo ban công lớn nhỏ. Những người đàn ông ngồi giạng háng, bàn chân thọc vào giữa các chấn song lan can, đọc những tờ báo dài gần chấm đất, hoặc chơi bài, có vẻ lặng lẽ, nhưng quật mạnh quân bài lên bàn, những người đàn bà trong lòng chất đầy những thứ để may vá, chỉ thỉnh thoảng mới liếc nhanh môi trường xung quanh hoặc đường phố. Một người đàn bà tóc vàng, yếu ớt ở ban công bên cạnh vừa liên tục ngáp vừa đảo mắt và luôn che miệng với một món y phục bà đang vá; ngay trên những ban công nhỏ nhất bọn trẻ con cũng biết cách đuổi bắt nhau, khiến các bậc cha mẹ cảm thấy rất phiền hà. Trong nhiều căn phòng có máy quay đĩa chạy, hoặc ca sĩ hát hoặc dàn nhạc chơi, người ta không quan tâm đặc biệt đến âm nhạc, nên chỉ thỉnh thoảng khi một ông bố ra hiệu thì ai đó mới vội vã vào phòng, thay đĩa khác. Ở một số cửa sổ ta thấy những đôi tình nhân hoàn toàn bất động, ở cửa sổ đối diện Karl có một cặp đứng thẳng,

người đàn ông trẻ quàng tay quanh cô gái và mân mó ngực cô.

“Anh quen biết ai trong số những người bên cạnh không?” Karl hỏi Robinson, lúc ấy cũng đã đứng lên, và vì ớn lạnh nên ngoài tấm chăn của hắn, hắn còn quấn thêm cả tấm chăn của Brunelda.

“Hầu như tớ không quen ai, đó chính là điều tệ hại ở vị trí của tớ,” Robinson nói và kéo Karl lại gần để có thể thì thầm vào tai cậu, “bằng không thì hiện giờ tớ chẳng có gì để phàn nàn. Vì Delamarche mà Brunelda đã bán mọi thứ nàng có và dọn vào căn hộ ở ngoại ô này với tất cả tài sản của nàng, để có thể hoàn toàn chăm sóc y và cũng để không bị ai quấy rầy, đó cũng là ý muốn của Delamarche.”

“Và cô nàng đã sa thải các người giúp việc?” Karl hỏi.

“Đúng y boong,” Robinson nói. “Ở đây biết nhét đám người làm vào chỗ nào chứ? Bọn người làm này đều là những quý ông rất khó tính cả. Một lần, ở nhà Brunelda, Delamarche đã đuổi một gã như thế ra khỏi phòng, chỉ bằng bạt tai thôi, cái này đến cái khác, cho tới khi gã ra ngoài. Dĩ nhiên những tay giúp việc kia đoàn kết với gã, làm ầm ĩ trước cửa, Delamarche mới bước ra (hồi đó tớ không phải người làm, mà là bạn của gia đình, nhưng tớ vẫn đứng về phía những người làm) và hỏi: ‘Tụi bay muốn gì?’ Gã người làm lớn tuổi nhất, một gã Isidor nào đấy, mới nói: ‘Ông chẳng có quyền gì để nói với chúng tôi, phu nhân mới là chủ của chúng tôi.’ Như cậu có lẽ đã nhận thấy, chúng kính trọng Brunelda. Nhưng Brunelda đã chạy lại với Delamarche, không ngó ngàng gì đến họ, hồi đó nàng chưa quá nặng nề như bây giờ,

ôm y trước mọi người, hôn y và gọi y là 'anh Delamarche vô vàn yêu quý'. Và 'anh hãy tống cổ lũ khỉ này đi', cuối cùng nàng nói. Lũ khỉ - nàng gọi những người làm như thế đấy; cậu thử hình dung bộ mặt họ lúc đó mà xem. Rồi Brunelda kéo tay Delamarche lại ví tiền nàng đeo ở thắt lưng, Delamarche móc ví và bắt đầu trả tiền công cho đám người làm; Brunelda chỉ tham gia vào việc trả tiền công qua việc đứng đó với cái ví tiền để mở ở thắt lưng. Delamarche phải luôn tay móc ví, vì y phân phát tiền mà không đếm, cũng chẳng kiểm tra những đòi hỏi của họ. Cuối cùng y nói: 'Vì tụi bay không muốn nói với tao, tao thay mặt Brunelda chỉ nói với tụi bay thế này: cuốn gói ngay lập tức.' Thế là họ bị sa thải, rồi có vài vụ kiện tụng, thậm chí một lần Delamarche phải ra tòa, song chuyện này tớ không rõ lắm. Nhưng ngay sau khi đám người làm bỏ đi, Delamarche bảo Brunelda: 'Bây giờ em không có người hầu nào nữa à?' Nàng mới nói: 'Nhưng có Robinson đó.' Delamarche liền vỗ vai tớ và nói: 'Được thôi, mày sẽ là người hầu của chúng tao.' Rồi Brunelda vỗ má tớ. Roßmann ạ, nếu có dịp cậu cũng hãy để nàng vỗ má một lần. Cậu sẽ ngạc nhiên, sao mà thích thế."

"Tức là anh đã trở thành người hầu của Delamarche?" Karl hỏi tóm gọn.

Nghe thấy sự thương xót trong câu hỏi, Robinson đáp: "Tớ là người hầu, nhưng chỉ ít người biết thôi. Cậu thấy đấy, chính cậu cũng không biết, dù cậu đã ở một lúc với chúng tớ rồi. Cậu đã thấy tớ ăn mặc thế nào vào tối hôm ở khách sạn của cậu. Tớ mặc loại hảo hạng nhất trong những thứ thanh lịch. Người hầu đi ra ngoài mà

diện thế à? Chỉ phải nỗi tớ không được phép đi ra ngoài thường xuyên, tớ luôn phải có mặt khi cần, chính vì trong nhà luôn có việc gì đấy để làm mà. Một người là quá ít cho bao nhiêu công việc. Như có lẽ cậu đã nhận thấy, chúng tớ để ngổn ngang quá nhiều đồ đạc trong phòng; những gì khi dọn nhà không bán được, chúng tớ mang theo. Tất nhiên ta có thể cho đi, nhưng Brunelda chẳng chịu cho gì hết. Cậu tưởng tượng xem khuân những thứ này lên cầu thang là một công việc như thế nào."

"Robinson, anh đã khuân hết lên đấy à?" Karl hỏi.

"Còn ai khác nữa?" Robinson nói. "Còn một gã được thuê khuân phụ, một thằng lười thối thây, phần lớn tớ phải làm một mình. Brunelda đứng dưới xe, trên này Delamarche chỉ đạo để đồ đạc chỗ nào, còn tớ liên tục chạy lên chạy xuống. Mất hai ngày, quá dài, đúng không? Nhưng cậu hoàn toàn không biết trong phòng này có bao nhiêu thứ, các tủ đều đầy, sau các tủ chất đống tới trần. Nếu thuê vài người để chuyên chở thì xong nhanh thôi, nhưng Brunelda không chịu tin tưởng ai khác ngoài tớ. Cảm động lắm, nhưng hồi đó tớ đã hủy hoại sức khỏe của mình suốt đời, mà ngoài sức khỏe ra tớ còn gì khác đâu? Tớ chỉ cần gắng sức một tí thôi là sẽ đau nhói ở đây, ở đây và ở đây. Chẳng lẽ cậu cho rằng mấy thằng trong khách sạn, cái lũ nhái bén ấy - chúng là gì khác chứ? - có thể thắng được tớ, nếu tớ khỏe à? Nhưng dù tớ đau ốm gì, tớ cũng không hé một lời với Delamarche và Brunelda; tớ sẽ làm việc, chừng nào còn làm được, và khi không được nữa, tớ sẽ nằm dài ra rồi chết, và rồi mãi lúc ấy, quá muộn, họ sẽ thấy rằng tớ bị bệnh, tuy vậy vẫn không ngừng tiếp

tục làm việc và làm việc đến chết để phục vụ họ. Chậc, Roßmann ơi..." cuối cùng hắn nói và thấm nước mắt vào cánh tay áo Karl. Lát sau hắn nói: "Cậu mặc phong phanh sơ mi thế này mà không lạnh à?"

"Đừng khóc, Robinson," Karl nói, "anh khóc không ngừng. Tôi không tin rằng anh bệnh hoạn đến thế. Trông anh hoàn toàn mạnh khỏe, nhưng vì anh nằm mãi trên ban công nên anh đã nghĩ ra đủ thứ chuyện. Có thể thỉnh thoảng ngực anh bị đau nhói, tôi cũng vậy, ai cũng bị. Nếu ai nấy đều khóc vì mỗi chuyện vặt như anh, thì mọi người trên các ban công cũng đều phải khóc."

"Tớ biết rõ hơn chứ," Robinson nói và lấy góc chăn chùi mắt. "Anh chàng sinh viên ở bên bà chủ nhà sát cạnh, bà cũng nấu nướng cho bọn tớ, mới đây anh ta đã nói với tớ, khi tớ mang trả các đĩa ăn, dao nĩa: 'Anh Robinson, không phải anh bị ốm à?' Tớ bị cấm trò chuyện với mọi người, nên chỉ đặt đĩa cùng dao nĩa xuống rồi muốn bỏ đi. Anh ta mới đi lại bên tớ và nói: 'Nghe này, cha nội, anh đừng làm quá mức, anh đang ốm đấy.' 'Được rồi, thế tôi phải làm gì nào?' tớ hỏi. 'Đó là chuyện của anh,' anh ta nói và quay đi. Những người khác ngồi ở bàn cả cười; bọn tớ có kẻ thù khắp nơi, và tớ đã bỏ đi quách."

"Nghĩa là những người coi anh là khờ khạo thì anh tin, còn những người nghĩ tốt cho anh thì anh không tin."

"Nhưng tớ phải biết trong người tớ như thế nào chứ," Robinson phát cáu, nhưng rồi lại bật khóc.

"Đích thị là anh không biết anh thiếu cái gì, anh nên tìm một công việc đàng hoàng nào đó thay vì ở đây làm người hầu của Delamarche. Vì qua những điều anh kể và

những gì chính tôi đã thấy, tôi có thể nhận định được rằng đây không phải là công việc mà là một sự nô lệ. Không ai có thể chịu đựng được điều này, cái đó tôi tin anh. Nhưng anh lại nghĩ rằng vì là bạn của Delamarche, anh không được phép rời bỏ y. Điều đó sai; nếu y không thấy anh đang sống một cuộc sống khốn khổ như thế nào, anh không còn mảy may nghĩa vụ nào đối với y nữa."

"Roßmann, nghĩa là cậu thật sự tin rằng tớ sẽ hồi phục, nếu tớ bỏ việc phục dịch ở đây à?"

"Chắc chắn," Karl nói.

"Chắc không?" Robinson hỏi lần nữa.

"Hoàn toàn chắc chắn," Karl mỉm cười nói.

"Thế thì tớ có thể bắt đầu bình phục ngay," Robinson nói và nhìn Karl.

"Sao vậy được?" Karl hỏi.

"À, tại vì cậu sẽ đảm nhiệm công việc của tớ ở đây," Robinson đáp.

"Ai bảo anh thế chứ?" Karl hỏi.

"Đây là một phương án cũ mèm. Nó đã được bàn bạc từ mấy ngày nay rồi. Bắt đầu với việc Brunelda chửi bới tớ, vì tớ không giữ căn hộ đủ sạch sẽ. Dĩ nhiên tớ đã hứa sẽ làm mọi chuyện đâu vào đấy. Nhưng rất khó. Chẳng hạn trong tình cảnh của tớ tớ không thể bò khắp nơi để lau bụi; ngay ở giữa phòng ta đã không thể cục cựa rồi, nói gì đến giữa những bàn ghế và những đồ dự trữ? Và nếu muốn lau chùi tất cả thật kỹ lưỡng, ta phải xê dịch luôn cả bàn ghế, và chẳng lẽ một mình tớ làm? Ngoài ra mọi chuyện phải diễn ra thật khẽ, vì không được làm phiền Brunelda, mà nàng hầu như không rời khỏi phòng. Tức

là tuy tớ có hứa sẽ dọn sạch sẽ tất cả, nhưng tớ thật sự đã không dọn sạch. Khi Brunelda nhận thấy thế, nàng bảo Delamarche rằng không thể tiếp tục như vậy được và họ phải có thêm một người phụ. 'Delamarche,' nàng nói, 'em không muốn rằng anh sẽ có lần trách em không làm tốt việc nhà. Bản thân em không thể gắng sức, anh thấy điều đó mà, và một mình Robinson thì không đủ; mới đầu hắn thật mạnh khỏe, sục sạo khắp nơi, nhưng giờ đây hắn mệt liên tục và thường ngồi ì một xó. Nhưng một căn phòng quá nhiều đồ đạc như phòng chúng ta không thể tự giữ trật tự được.' Thế là Delamarche liền ngẫm nghĩ xem có thể làm được gì, vì dĩ nhiên họ không thể nhận vào nhà này bất cứ ai, kể cả để thử, vì người ta chú ý đến bọn tớ từ mọi phía. Nhưng vì tớ là bạn thân của cậu và tớ được nghe từ Renell rằng ở khách sạn cậu phải quần quật thế nào, tớ mới đề nghị cậu. Delamarche lập tức đồng ý, dù hồi đó cậu cư xử rất xấc láo với y và dĩ nhiên tớ rất vui, rằng đã có thể giúp ích cậu đến thế. Có thể nói công việc này rất thích hợp với cậu, cậu trẻ, khỏe và khéo léo, trong khi tớ chẳng đáng kể gì nữa. Có điều tớ phải cho cậu biết rằng cậu chưa thật sự được nhận đâu; nếu cậu không làm cho Brunelda hài lòng, bọn tớ không thể dùng cậu. Vậy cậu hãy gắng lên để làm nàng hài lòng, mọi chuyện khác đã có tớ lo."

"Thế anh sẽ làm gì, khi tôi thành người hầu ở đây?" Karl hỏi; cậu cảm thấy thật thoải mái, nỗi hốt hoảng đầu tiên, mà những thông báo của Robinson gây ra cho cậu, đã qua rồi. Thế nghĩa là Delamarche không có những ý định tồi tệ hơn với cậu, khi cho cậu làm người hầu - nếu y có những ý định xấu xa hơn, gã Robinson bép xép chắc

chắn đã tiết lộ - nhưng nếu đúng như thế thì Karl dám từ biệt ngay trong tối nay. Người ta không thể ép uổng ai nhận việc. Và mặc dù hồi nãy Karl lo lắng không biết sau khi bị đuổi khỏi khách sạn, để khỏi đói, cậu có nhanh chóng tìm được một công việc thích hợp và có thể không đến nỗi nào chăng, thì nay so với công việc được sắp sẵn cho cậu ở đây, mà cậu chán ghét, cậu thấy mọi công việc khác cũng đều đủ tốt và cậu thà cùng quẫn vì thất nghiệp hơn là nhận công việc này. Nhưng cậu không thử làm cho Robinson hiểu được điều đó, nhất là hiện giờ mọi nhận định của Robinson đều hoàn toàn bị ảnh hưởng bởi niềm hy vọng được Karl vác cho gánh nặng.

"Trước hết tớ sẽ giải thích cho cậu tất cả và chỉ cậu các thứ dự trữ," Robinson vừa nói, tay vừa làm những động tác thoải mái - hắn chống khuỷu tay lên lan can - "Cậu có học thức và chắc chắn viết chữ đẹp, vậy cậu có thể làm ngay một danh mục mọi thứ chúng ta có. Brunelda ước ao cái đó từ lâu rồi. Nếu sáng mai trời đẹp, chúng ta sẽ yêu cầu Brunelda ra ngồi ở ban công, trong khi đó chúng ta sẽ có thể điềm tĩnh làm việc trong phòng mà không quấy rầy nàng. Cậu phải đặc biệt chú ý điều ấy. Chớ có làm phiền Brunelda. Nàng nghe thấy tất, có lẽ là ca sĩ nên tai nàng rất thính. Chẳng hạn cậu lăn cái thùng rượu đằng sau cái tủ thì sẽ gây ồn, vì nó nặng và có nhiều thứ khác nằm ngổn ngang ở đó, khiến ta không thể lăn nó một lần được. Còn Brunelda lúc ấy chẳng hạn nằm trên trường kỷ và bắt ruồi, chúng đặc biệt làm phiền nàng. Cậu liền nghĩ rằng nàng không để ý đến cậu và tiếp tục lăn thùng rượu. Nàng vẫn luôn nằm bình thản. Nhưng vào lúc cậu

hoàn toàn không ngờ và cậu ít làm ồn nhất, đột nhiên nàng ngồi bật dậy, hai tay đập lên trường kỷ, khiến ta không trông thấy gì vì bụi mù - từ khi bọn tớ ở đây, tớ chưa đập bụi trường kỷ lần nào; tớ không thể, vì nàng cứ luôn nằm trên đó - và bắt đầu la hét khủng khiếp, cứ như đàn ông, gào thét hàng giờ luôn. Hàng xóm đã cấm nàng không được hát, nhưng không ai cấm được nàng la hét, nàng phải la hét, vả chăng bây giờ chuyện này hiếm khi xảy ra, tớ với Delamarche đã trở nên rất thận trọng. Mà la hét thế cũng rất có hại cho nàng. Có lần nàng đã bất tỉnh - lúc ấy Delamarche vừa mới đi khỏi - tớ phải gọi tay sinh viên bên cạnh, hắn đã xịt lên nàng một thứ chất lỏng từ cái lọ to, giúp nàng hồi tỉnh, nhưng mùi của chất lỏng này chịu không nổi, ngay cả bây giờ nếu gí mũi vào trường kỷ, ta vẫn ngửi thấy. Tay sinh viên ấy chắc chắn là kẻ thù của chúng ta, như cả lũ ở đây, cậu cũng phải thận trọng trước bọn chúng và đừng giao du với ai."

"Nhưng mà anh Robinson này," Karl nói, "đây là một công việc khó khăn. Anh đã giới thiệu cho tôi một công việc hay quá là hay."

"Cậu chớ lo," Robinson nói và nhắm mắt lắc đầu để đẩy lui mọi lo lắng khả dĩ của Karl. "Công việc này cũng có ưu điểm mà không công việc nào khác có được cho cậu. Cậu liên tục được ở gần một quý bà như Brunelda, thỉnh thoảng cậu được ngủ chung phòng với nàng, nó đem lại nhiều thứ khoan khoái như cậu có thể tưởng tượng ra. Cậu sẽ được trả công hậu hĩ; tiền đầy ra đó, nhưng vì tớ là bạn của Delamarche nên chẳng được gì sất; chỉ khi nào tớ đi ra ngoài, Brunelda mới giúi cho tớ chút ít, nhưng

cậu đương nhiên sẽ được trả như mọi người hầu khác. Mà cậu cũng đâu khác gì người hầu. Điều quan trọng nhất đối với cậu là tớ sẽ giúp cho công việc của cậu được dễ dàng hơn. Trước nhất đương nhiên tớ sẽ không làm gì hết, để tớ hồi sức, nhưng chỉ cần tớ hồi phục chút ít thôi là cậu có thể trông mong được ở tớ. Tớ chỉ giữ cho tớ việc phục vụ Brunelda, tức là việc làm tóc và mặc quần áo, bao lâu Delamarche không làm. Cậu chỉ phải lo dọn dẹp phòng, mua sắm và những công việc nhà tương đối khó khăn hơn."

"Không, Robinson ạ," Karl nói, "những việc đó không cám dỗ được tôi."

"Đừng làm điều ngu xuẩn, Roßmann," Robinson kề sát mặt Karl nói, "đừng để lỡ cơ hội tốt đẹp này. Cậu tìm đâu ngay được chỗ làm chứ? Ai quen biết cậu? Cậu quen biết ai? Bọn tớ, hai thằng đàn ông lõi đời và nhiều kinh nghiệm, đã chạy đôn chạy đáo hàng tuần lễ mà không tìm ra việc. Không dễ đâu, thậm chí còn khó đến tuyệt vọng luôn ấy chứ."

Karl gật đầu và ngạc nhiên sao Robinson có thể ăn nói khôn ngoan thế. Tuy nhiên những lời khuyên này không có tác dụng đối với cậu, cậu không thể ở lại đây; trong thành phố lớn hẳn là cậu sẽ tìm được cho mình một chỗ đứng nhỏ nhoi; cậu biết rằng suốt đêm mọi quán ăn đều đông nghịt, cần người phục vụ thực khách, trong việc này cậu đã có kinh nghiệm thực tế. Cậu sẽ thích nghi nhanh chóng và kín đáo trong một hàng quán nào đấy. Một quán ăn nhỏ vừa được mở bên dưới ngôi nhà đối diện, tiếng nhạc xập xình vọng ra huyên náo. Cửa chính chỉ giăng

một tấm màn lớn màu vàng, thỉnh thoảng lại phần phật bung ra đường khi có gió lùa. Nếu không thì về đêm con đường trở nên yên tĩnh hơn nhiều. Phần lớn các ban công đều tối tăm, chỉ đây đó xa xa mới có một ánh đèn lẻ loi, nhưng cậu mới vừa nhìn nó một lúc thì những người ở đó đã đứng lên và trong khi họ chen nhau đi vào nhà thì người cuối cùng trên ban công, một người đàn ông, cầm lấy đèn và tắt, sau khi liếc nhìn xuống đường.

"Bắt đầu đêm rồi đấy," Karl thầm nghĩ, "nếu còn nán lại đây lâu nữa, mình sẽ trở thành người của bọn họ mất." Cậu quay người để kéo tấm rèm cửa.

"Cậu muốn gì?" Robinson hỏi và đứng giữa Karl với tấm rèm.

"Tôi muốn đi khỏi," Karl nói. "Để tôi đi! Để tôi đi!"

"Cậu không định quấy rầy họ chứ," Robinson kêu lên, "cậu giở chứng gì thế!" Và hắn quàng tay quanh cổ Karl, bám vào cậu với tất cả sức nặng của hắn, quặp hai chân vào hai chân Karl và trong nháy mắt lôi cậu xuống sàn. Song Karl đã học được từ đám trực thang máy vài ngón vật, cậu liền thụi vào dưới cằm Robinson, song nhẹ hều và đầy nương tay. Nhưng hắn lẹ làng thúc đầu gối vào bụng Karl chẳng chút nhân nhượng, song lại đưa hai tay ôm cằm, kêu ầm ĩ, khiến một người đàn ông bên ban công hàng xóm đập tay lia lịa bảo "Im!" Karl nằm yên thêm một lúc để qua cơn đau do cú thúc của Robinson gây ra. Cậu chỉ quay mặt về phía tấm rèm đang thản nhiên treo nặng trĩu trước căn phòng rõ ràng là tối. Dường như trong phòng không còn ai, có lẽ Delamarche và Brunelda đã đi ra ngoài và Karl đã có được tự do hoàn toàn. Robinson

quả thật đã cư xử như một con chó giữ nhà, song cuối cùng cậu đã rũ khỏi hắn.

Lúc ấy có tiếng trống và kèn trumpet vang lên từng hồi nơi phía xa trên đường. Những tiếng kêu gọi đơn lẻ của nhiều người nhanh chóng hợp thành một tiếng la hét chung. Karl quay đầu và nhìn thấy mọi ban công nhộn nhịp trở lại. Cậu chậm chạp đứng lên, không đứng thẳng nổi mà phải nặng nề tì vào lan can. Dưới kia, trên lề đường, những chàng trai đi đều với những bước dài, cánh tay duỗi thẳng, tay giơ cao mũ cát két, mặt ngoái lại. Lòng đường vẫn còn trống. Một số người đu đưa những chiếc đèn lồng phủ khói vàng nhạt treo trên những thanh gỗ dài. Đúng lúc những người gõ trống và những người thổi trumpet bước thành hàng ngang xuất hiện trước ánh đèn và Karl đang sửng sốt về sự đông đảo của họ, thì nghe sau lưng có tiếng nói, cậu quay lại thấy Delamarche nâng tấm rèm nặng và rồi từ trong phòng tối Brunelda bước ra trong áo đầm đỏ, vai choàng khăn diềm đăng ten, một cái mũ màu sẫm chụp trên mái tóc hẳn là chưa chải, mà chỉ bới cao, đây đó ló ra những đuôi tóc lưa thưa. Tay cô nàng cầm một chiếc quạt nhỏ mở xòe, nhưng không phe phẩy mà áp sát vào người.

Karl xê dịch theo lan can qua một bên, nhường chỗ cho hai người. Chắc chắn sẽ không ai cưỡng ép cậu ở lại đây, và dù cho Delamarche định làm thế, Brunelda cũng sẽ lập tức thả cậu thể theo yêu cầu của cậu. Cô nàng không ưa nổi cậu, đôi mắt cậu làm cô nàng sợ mà. Nhưng khi cậu bước một bước tới cửa, cô nàng vẫn nhận thấy và nói: "Đi đâu vậy, nhỏ?"

Karl khựng lại trước ánh mắt nghiêm khắc của Delamarche, và Brunelda kéo cậu lại với cô nàng: "Mày không muốn xem cuộc diễu hành dưới kia sao chứ?" cô nàng nói và đẩy cậu tới lan can. "Mày biết họ diễu hành về chuyện gì không?" Karl nghe tiếng cô nàng hỏi phía sau và bất giác làm một động tác hòng thoát khỏi cú nắm của cô nàng, nhưng không thành công. Cậu rầu rĩ nhìn xuống đường, như thể nguyên nhân nỗi buồn của cậu nằm ở đó.

Mới đầu Delamarche đứng khoanh tay sau lưng Brunelda, rồi y chạy vào phòng đem ra cho Brunelda cái ống nhòm xem kịch. Dưới kia, sau những nhạc công là đến phần chính của đoàn diễu hành xuất hiện. Ngồi trên đôi vai của một người đàn ông to như hộ pháp là một quý ông mà nhìn từ trên cao này ta không trông thấy gì khác hơn là cái đầu hói hơi lấp loáng và phía trên đó ông ta không ngừng giơ chiếc mũ cao thành vẫy chào. Chung quanh ông ta rõ ràng có gắn những tấm biển gỗ; từ ban công nhìn xuống thấy chúng toàn màu trắng, được bố trí sao cho như thể chúng tựa vào ông ta từ mọi phía và ông ta vươn lên từ chính giữa những tấm biển này. Vì tất cả đều đi nên bức tường áp phích này không ngừng tách ra rồi không ngừng tái xáp lại. Ở vòng ngoài nữa quanh quý ông này là các ủng hộ viên của ông ta, họ chiếm hết bề ngang con đường, tuy, nếu có thể ước định được trong bóng tối, bề dài của đám này không đáng kể; họ vỗ tay và dường như tuyên cáo trong một lời ca trang trọng tên của quý ông này, một cái tên rất ngắn, nhưng không hiểu được. Một số người khéo léo đứng tản trong đám đông,

mang theo đèn ô tô[1] cực sáng, chậm rãi rê đèn lên xuống vào nhà cửa hai bên đường. Ở độ cao chỗ Karl đứng ánh đèn không làm phiền gì nữa, nhưng ở những ban công thấp hơn ta thấy có những người bị ánh đèn quét phải, vội vàng đưa tay lên che mắt.

Thể theo yêu cầu của Brunelda, Delamarche hỏi những người ở ban công hàng xóm cuộc diễu hành này có ý nghĩa gì. Karl hơi tò mò rằng người ta có trả lời y không và trả lời như thế nào. Và quả thật Delamarche đã phải hỏi những ba lần, lúc ấy y cúi qua lan can thật là nguy hiểm, mà đều không được trả lời; khi Brunelda khẽ giậm chân bực tức về hàng xóm, Karl cảm thấy hai đầu gối cô nàng cạ vào cậu. Cuối cùng cũng có được một câu trả lời vớ vẩn, nhưng đồng thời trên cái ban công chen chúc người ấy ai nấy đều ồ lên cười. Delamarche liền hét toáng gì đấy xuống dưới, to đến nỗi nếu lúc ấy trên cả con đường không ầm ĩ tiếng ồn, mọi người chung quanh hẳn sẽ phải kinh ngạc vểnh tai nghe. Dẫu sao tiếng hét của y cũng đã khiến cho tiếng cười miễn cưỡng nhanh chóng ngưng bặt.

"Ngày mai quận chúng ta sẽ bầu một thẩm phán và người họ kiệu dưới kia là một ứng cử viên," Delamarche nói, hoàn toàn bình thản quay lại với Brunelda. "Chịu!" y kêu lên và âu yếm vỗ lưng cô nàng. "Chúng ta chẳng còn biết trên thế giới xảy ra chuyện gì nữa!"

"Delamarche," Brunelda nói, quay trở lại với thái độ của hàng xóm, "em muốn dời chỗ ở biết mấy, nếu không quá vất vả! Nhưng tiếc thay em không đủ sức." Rồi cô

1. Dường như vào đầu thế kỷ 20 đèn ô tô là loại thắp bằng khí đốt nên gỡ ra được!

nàng thở dài thườn thượt, bồn chồn và lơ đãng mân mê sơ mi của Karl; còn cậu không ngớt hết sức kín đáo cố đẩy đôi bàn tay nhỏ, béo nung núc này ra; cũng chẳng khó khăn gì, vì Brunelda không nghĩ đến cậu mà bận tâm với những suy nghĩ khác hẳn.

Nhưng Karl cũng nhanh chóng quên Brunelda và chịu đựng cánh tay cô nàng đè nặng trên đôi vai mình, vì những diễn tiến trên đường phố quá thu hút sự chú ý của cậu. Do quyết định của một nhóm nhỏ những người đàn ông đang khoa chân múa tay (họ đi đều bước ngay phía trước ứng cử viên và cuộc trao đổi ý kiến của họ hẳn phải có tầm quan trọng đặc biệt, vì từ mọi phía ta thấy những khuôn mặt nghiêng về phía họ chăm chú lắng nghe), đoàn diễu hành bất ngờ dừng lại trước quán ăn. Một trong những người đàn ông có thẩm quyền này giơ tay ra hiệu cho cả đám đông lẫn ứng cử viên. Đám đông liền im bặt và ứng cử viên (ông ta nhiều lần cố đứng lên vai người công kênh mình, song lần nào cũng ngã ngồi trở xuống) có một bài phát biểu ngắn, ông ta vừa nói vừa huơ nhanh như chớp chiếc mũ thành cao. Ta thấy rất rõ, vì trong lúc ông ta phát biểu, mọi ánh đèn ô tô đều chĩa vào ông ta, khiến ông ta ở ngay giữa một ngôi sao sáng.

Giờ đây ta nhận thấy được toàn con đường quan tâm thế nào đến sự kiện này. Trên những ban công có người thuộc đảng của ứng cử viên nọ thì họ cùng ca hát tên ông ta và thò hẳn tay ra ngoài lan can vỗ như máy. Ở những ban công khác, chúng thậm chí nhiều hơn, người ta lớn tiếng hát đối lại, song không đồng nhất, vì họ là cảm tình viên của những ứng cử viên khác nhau. Ngoài

ra, mọi kẻ thù của ứng cử viên dưới kia còn liên kết làm một màn huýt gió chung, thậm chí những máy quay đĩa cũng lại được cho chạy khắp nơi. Lẻ tẻ giữa một vài ban công đã diễn ra những cuộc tranh cãi về chính trị, càng về khuya càng khích động. Phần lớn họ đã mặc đồ ngủ và chỉ khoác thêm áo choàng, các bà quấn những tấm khăn to màu sẫm, những đứa nhỏ không ai coi giữ leo lên gờ các ban công nom thật đáng sợ và càng lúc chúng càng túa ra nhiều thêm từ những căn phòng tối, mà lúc còn trong đó chúng đã ngủ rồi. Thỉnh thoảng một vài vật, không rõ là gì, bị những người đặc biệt hăng máu ném về phía đối thủ, đôi khi trúng đích, nhưng phần lớn rơi xuống đường và thường gây nên tiếng kêu phẫn nộ. Khi những người lãnh đạo thấy quá ồn ào, đám trống kèn liền được lệnh vào cuộc và những âm thanh inh ỏi được thực hiện hết mức và không muốn dứt này đè bẹp mọi tiếng nói cười lên tới tận những mái nhà. Và rồi, hoàn toàn đột ngột - ta hầu như không tin nổi - trống kèn im bặt và cái đám đông trên đường phố, rõ ràng đã được tập luyện cho việc này, rống lên bài đảng ca của họ vào sự tĩnh lặng vừa khởi sự được giây lát (trong ánh đèn ô tô ta thấy ai nấy há hốc miệng) cho đến khi đối thủ của họ hoàn hồn, hét to gấp mười lần hồi nãy từ mọi ban công và cửa sổ, khiến phe bên dưới, sau chiến thắng ngắn ngủi, đã phải hoàn toàn câm lặng, ít nhất là đối với độ cao ở trên này.

"Mày thích không, nhỏ?" Brunelda vừa hỏi vừa ngọ nguậy sát sau lưng Karl, để cố nhìn bao quát tất cả với cái ống nhòm. Karl chỉ gật đầu trả lời. Ngoài ra cậu nhận thấy Robinson hăm hở thông báo với Delamarche nhiều điều,

hẳn là về thái độ của Karl, nhưng dường như Delamarche không coi những chuyện đó là quan trọng, vì y liên tục tìm cách đẩy Robinson qua bên bằng tay trái, còn tay phải ôm Brunelda.

"Mày không muốn ngó qua ống nhòm sao?" Brunelda vừa hỏi vừa gõ ngực Karl để cho thấy rằng cô nàng đang nói với cậu.

"Tôi nhìn đủ rõ mà," Karl nói.

"Cứ thử đi," cô nàng nói, "mày sẽ thấy rõ hơn."

"Mắt tôi tinh," Karl nói, "tôi thấy hết mà."

Khi cô nàng đưa ống nhòm lại gần mắt Karl, cậu không cho thế là tử tế, mà là quấy rầy, và quả thật bây giờ cô nàng chẳng nói gì khác hơn là một từ "mày!" du dương nhưng đe dọa. Và thế là ống nhòm được đưa lên mắt Karl và cậu không trông thấy gì thật.

"Tôi chẳng thấy gì hết," cậu nói và muốn đẩy ống nhòm ra, nhưng cô nàng cầm chắc nó, còn cậu không thể lùi cái đầu đang lọt thỏm trên ngực cô nàng, hoặc lách sang bên.

"Bây giờ thì mày nhìn được rồi," cô nàng nói và vặn núm điều chỉnh ở ống nhòm.

"Không, tôi vẫn chẳng thấy gì hết," Karl nói và thấy rằng vô tình mình đã thật sự đỡ gánh nặng cho Robinson, vì tính khí không chịu nổi của Brunelda giờ đây trút lên cậu.

"Thế lúc nào mày mới chịu thấy hở?" cô nàng nói - cả khuôn mặt Karl nằm trong hơi thở nặng nề của cô nàng - và tiếp tục chỉnh núm. "Bây giờ thấy chưa?" cô nàng hỏi.

"Không, không, không!" Karl kêu lên, tuy bây giờ

cậu quả thật đã có thể phân biệt được tất cả, tuy rất không rõ. Nhưng đúng lúc ấy Brunelda có chuyện gì đấy với Delamarche, cô nàng chỉ giữ lỏng ống nhòm trước mặt Karl và cậu có thể nhìn bên dưới ống nhòm xuống đường mà không làm cô nàng chú ý. Sau đó cô nàng giữ ống nhòm cho mình, chứ không ép uổng Karl nữa.

Ở quán ăn phía dưới kia một gã phục vụ bước ra, từ ngưỡng cửa gã vội vã chạy tới chạy lui nhận đơn đặt hàng của những người lãnh đạo. Ta thấy gã nghển cổ để nhìn bao quát bên trong quán và gọi thật nhiều hầu bàn tới. Trong lúc họ rõ ràng đang chuẩn bị cho một cuộc uống miễn phí thả cửa, ứng cử viên vẫn phát biểu không ngừng. Cứ sau vài câu, gã công kênh ông ta, cái gã hộ pháp chỉ phục vụ riêng ông ta, lại xoay người một chút để lời phát biểu đến được với mọi nơi trong đám đông. Ứng cử viên phần lớn ngồi trong tư thế co rúm và bằng những động tác giật cục của bàn tay rảnh rỗi lẫn của chiếc mũ thành cao trong bàn tay kia, ông cố tạo cho lời lẽ của mình sự khẩn thiết tột cùng. Nhưng thỉnh thoảng, gần như cách quãng đều đặn, chợt nghĩ ra, ông dang hai tay đứng dậy, ông không nói với một nhóm nữa, mà với toàn thể mọi người, ông nói với cư dân của mọi nhà tới tận những tầng cao nhất và cũng hoàn toàn rõ là ngay ở những tầng dưới cùng không ai có thể nghe được ông; đúng thế, và nếu được thì cũng chẳng ai muốn nghe ông nói, vì ở mỗi cửa sổ và mỗi ban công đều có sẵn ít nhất một diễn giả đang la ó.

Trong lúc đó vài gã bồi bàn khiêng từ quán ra một tấm ván to cỡ bàn bida, trên để những chiếc ly đầy tỏa sáng. Những người lãnh đạo tổ chức một màn phân

phát, dưới dạng một cuộc tuần hành qua trước cửa quán. Nhưng dù những ly trên tấm ván không ngừng được rót đầy thêm, vẫn không đủ cho đám đông, và hai đội rót nước phải lòn qua bên phải và bên trái tấm ván để tiếp tục phục vụ đoàn người. Dĩ nhiên ứng cử viên đã ngừng phát biểu và dùng lúc nghỉ để lấy lại sức. Gã công kênh từ từ kiệu ông ta đi đi lại lại bên ngoài đám đông và ánh đèn sáng quắc, chỉ có vài ủng hộ viên thân tín nhất đi theo và ngước lên trò chuyện cùng ông.

"Coi thằng nhỏ kìa," Brunelda nói, "nó mê xem đến quên nó đang ở đâu." Và Brunelda làm Karl kinh ngạc khi dùng cả hai tay xoay mặt cậu về phía cô nàng và nhìn vào mắt cậu. Nhưng chỉ được một khoảnh khắc thôi, vì Karl đã lập tức hất tay cô nàng và bực mình về việc người ta không để cậu yên một lúc nào, đồng thời cậu khao khát xuống dưới đường xem mọi chuyện từ khoảng cách gần, cậu cố hết sức thoát ra khỏi sự kìm kẹp của Brunelda và nói:

"Bà làm ơn để cho tôi đi."

"Mày sẽ ở lại đây với bọn tao," Delamarche nói, không ngước mắt khỏi con đường và chỉ giơ một bàn tay để cản Karl bỏ đi.

"Thôi mà," Brunelda nói và đẩy tay Delamarche, "nó ở lại rồi mà."

Và cô nàng ấn Karl mạnh hơn vào lan can; để thoát ra khỏi, cậu sẽ phải vật nhau với cô nàng. Và dù thoát khỏi cô nàng, cậu đạt được gì? Delamarche đứng bên trái cậu, Robinson chặn bên phải, cậu đúng là đang bị giam giữ.

"Cậu nên mừng đã không bị tống cổ đi," Robinson nói và vỗ khẽ Karl với bàn tay hắn rút ra dưới cánh tay Brunelda.

"Tống cổ à?" Delamarche nói. "Người ta không tống cổ một thằng ăn cắp bỏ trốn, mà giao nó cho cảnh sát. Và có thể chuyện này sẽ xảy ra ngay sớm mai, nếu nó không chịu yên."

Từ giây phút ấy trở đi Karl không còn hứng thú gì nữa xem cảnh tượng dưới kia. Vì vướng Brunelda nên cậu không đứng thẳng lên được, mà buộc phải cúi người một chút qua lan can. Lòng đầy sầu muộn, cậu lơ đãng nhìn xuống đám đông bên dưới, họ đang tiến thành từng nhóm khoảng hai mươi người tới trước cửa quán, cầm lấy ly, quay người và huơ những chiếc ly về phía ứng cử viên lúc này đang bận bịu chuyện riêng, hô câu chào của đảng, uống cạn và đặt ly xuống - chắc chắn tiếng đặt này vang động nhưng ở trên cao không nghe thấy được - để nhường chỗ cho một nhóm khác đang ồn ào vì sốt ruột. Được các người lãnh đạo đặt hàng, ban nhạc - nãy giờ chơi trong quán - đã kéo ra đường; những cái kèn to tướng của họ sáng lóa trong đám đông màu đen, nhưng tiếng nhạc của họ gần như chìm nghỉm trong tiếng ồn ào. Phố xá, ít nhất bên phía quán ăn, đã đầy người hơn. Từ phía trên, từ hướng Karl đi ô tô đến hồi sáng, người ta đổ xuống, từ phía dưới, từ hướng cầu, người ta chạy lên và ngay cả cư dân trong các ngôi nhà cũng không cưỡng nổi sự lôi cuốn được tự mình tham gia vào chuyện này; trên các ban công và ở các cửa sổ hầu như chỉ còn toàn phụ nữ và trẻ con, trong khi dưới kia đàn ông chen ra từ các cổng nhà. Giờ

đây âm nhạc và sự khoản đãi đã hoàn thành nhiệm vụ của chúng, người ta tề tựu đã đủ đông, một người lãnh đạo có hai đèn ô tô đi kèm phẩy tay cho ban nhạc ngừng chơi, huýt một tiếng còi lanh lảnh và ta thấy gã công kênh, hơi bị lạc đường, hối hả kiệu ứng cử viên tới qua một lối đi được các ủng hộ viên rẽ ra cho họ.

Vừa tới cửa quán, ứng cử viên bắt đầu bài diễn văn mới của mình trong ánh sáng của những đèn ô tô giờ đây quây thành vòng tròn khít quanh ông. Nhưng lúc này mọi chuyện khó khăn hơn hồi nãy nhiều, gã công kênh không còn chỗ nào để cục cựa, sự chen lấn quá lớn. Những ủng hộ viên thân tín nhất, hồi nãy đã dùng đủ cách để làm tăng tác dụng bài diễn văn của ứng cử viên, bây giờ phải vất vả mới trụ được gần ông, khoảng hai mươi người gắng hết sức bám sát gã công kênh. Nhưng ngay cả người đàn ông lực lưỡng này cũng không thể muốn bước đâu thì bước, gã không có hy vọng gây được ảnh hưởng lên đám đông bằng cách quay người, tiến tới hay lùi lại. Đám đông ập đến không kế hoạch, người này áp lên người kia, chẳng ai đứng thẳng được nữa, phe đối lập dường như tăng lên rất nhiều qua đám quần chúng mới này; gã công kênh đã trụ được một lúc lâu ở bên cửa quán, nhưng giờ đây gã dường như buông xuôi, hết bị đẩy lên phía trên lại xuống phía dưới con đường; ứng cử viên vẫn nói không ngừng, nhưng không thật rõ ông đang trình bày cương lĩnh của mình hay kêu cứu; nếu không nhầm thì cũng đã xuất hiện một hay nhiều ứng cử viên đối lập, vì đây đó ta thấy trong ánh sáng đột nhiên bừng lên một người đàn ông được đám đông nâng cao,

mặt nhợt nhạt, hai bàn tay nắm chặt diễn thuyết trước nhiều tiếng chào mừng.

"Có chuyện gì thế nhỉ?" Karl hỏi và hoang mang đến căng thẳng quay qua những kẻ canh giữ cậu.

"Thằng nhỏ mới khích động làm sao!" Brunelda nói với Delamarche và nắm cằm Karl để kéo đầu cậu về phía mình. Nhưng Karl không chịu và vùng vằng thật mạnh (những diễn biến trên đường phố khiến cậu gần như táo bạo) khiến Brunelda không những chỉ buông lơi cậu, mà còn lùi lại và thả cậu hoàn toàn.

"Mày xem đủ rồi đấy," cô nàng nói, rõ ràng tức giận về thái độ của Karl, "đi vào phòng, dọn giường và chuẩn bị mọi thứ cho tao ngủ."

Cô nàng chĩa tay về phía căn phòng. Đó chính là hướng mà Karl đã muốn theo từ mấy giờ qua, cậu không cãi một lời. Lúc đó ta nghe từ dưới đường vọng lên nhiều tiếng thủy tinh vỡ tan tành. Không dằn nổi, Karl nhảy vội tới lan can để còn được một lần nữa nhìn xuống dưới kia trong chốc lát. Phe đối lập đã làm một hành động kiên quyết, và có lẽ mang tính quyết định, những đèn ô tô ánh sáng mạnh của các ủng hộ viên, ít nhất đã điều khiển được những diễn biến chính trước toàn thể công chúng và qua đó giữ cho mọi việc được trật tự chút ít, đã đồng loạt bị đập nát hết cả, giờ đây ứng cử viên và gã công kênh chỉ còn một nguồn sáng đèn đường chung không đảm bảo, cứ thỉnh lình tỏa ra khiến cho tối vẫn hoàn tối. Và ta cũng không thể nói phỏng chừng ứng cử viên đang ở chỗ nào và bóng tối dường như càng tối thêm bởi một bài hát vừa mới ngân lên, đồng nhất, có

nhiều người tham gia đang tiến lại gần từ phía dưới, từ hướng cây cầu.

"Tao chẳng đã bảo mày bây giờ phải làm gì ư?" Brunelda nói. "Nhanh lên. Tao mệt rồi," cô nàng nói thêm và vươn hai tay lên cao, khiến bộ ngực càng gồ hơn bình thường. Delamarche, vẫn còn ôm eo cô nàng, kéo cô nàng vào một góc ban công. Robinson lẽo đẽo theo để đẩy qua bên chỗ ăn thừa của hắn vẫn còn nằm đó.

Karl phải tận dụng cơ hội thuận lợi này, bây giờ không phải là lúc nhìn xuống dưới kia; vẫn còn đủ những diễn tiến trên đường phố để cậu xem khi xuống dưới đó, chắc chắn còn nhiều hơn là xem từ trên này. Cậu vội vàng nhảy hai bước qua căn phòng chiếu đèn màu hồng hồng, nhưng cửa khóa và chìa đã bị rút. Bây giờ phải tìm nó, nhưng ai có thể tìm thấy một chìa khóa trong sự bừa bộn này, nhất là trong khoảng thời gian ngắn, quý giá mà Karl còn có được! Lẽ ra giờ này cậu đã ở trên cầu thang, lẽ ra cậu đã chạy và phải chạy rồi. Và bây giờ cậu tìm chìa khóa! Tìm trong mọi ngăn kéo tiếp cận được, lục lọi trên bàn giữa ngổn ngang những đĩa ăn, dao nĩa, khăn ăn và một món đồ thêu nào đấy còn dở dang; cậu bị một chiếc ghế bành lôi cuốn, trên để một đống quần áo cũ rối tung, chìa khóa có thể nằm trong đó, nhưng không tìm thấy và cuối cùng cậu gieo người lên chiếc trường kỷ quả thật có mùi rất khó ngửi, để mò tìm trong mọi góc và nếp gấp. Rồi cậu bỏ cuộc và đứng sững ngay giữa phòng. Chắc chắn Brunelda đã buộc chìa khóa vào dây thắt lưng cô nàng, Karl tự nhủ, ở đó treo nhiều thứ lắm mà, mọi tìm kiếm của cậu đều công toi.

Và Karl chụp bừa hai con dao, thọc vào giữa hai cánh cửa, một ở trên, một ở dưới, hầu có được hai điểm để bẩy nằm xa nhau. Cậu vừa mới bẩy, các lưỡi dao dĩ nhiên đã gãy làm đôi. Cậu không mong gì khác hơn, vì hai khúc dao cụt, mà bây giờ cậu có thể thọc vào sâu hơn, sẽ càng khó gãy hơn. Bây giờ cậu vừa hết sức bẩy, hai tay dang rộng, hai chân ghì xa nhau, rên rỉ, vừa chăm chú nhìn vào cánh cửa. Nó sẽ không thể chịu được lâu, cậu vui mừng nhận thấy điều ấy qua sự long ra nghe thấy rõ ràng của chốt khóa, nó long càng chậm càng tốt, ổ khóa không được bật ra, kẻo người ở ngoài ban công chú ý, mà phải long rất từ từ và Karl bẩy hết sức thận trọng để nó long ra, đôi mắt càng lúc càng gần sát ổ khóa hơn.

"Coi kìa," cậu nghe tiếng Delamarche. Cả ba người đang đứng trong phòng, tấm màn cửa đã kéo kín sau lưng họ, Karl hẳn đã không nghe thấy họ vào, thấy thế hai tay cậu buông thõng khỏi dao. Nhưng cậu không có thì giờ để nói một lời giải thích hay xin lỗi nào, vì trong cơn giận dữ quá đáng lúc ấy Delamarche đã phóng tới Karl - sợi thắt lưng chiếc áo khoác của y vạch một hình lớn trong không trung. Karl kịp tránh cú tấn công này vào giây phút cuối, lẽ ra cậu có thể rút dao ra khỏi cửa để dùng tự vệ, nhưng cậu đã không làm, ngược lại cậu cúi xuống và phóng bật lên, chụp cổ áo rộng của cái áo ngủ của Delamarche, hất nó lên, rồi kéo nó lên nữa - chiếc áo choàng quá rộng đối với Delamarche - và lúc này cậu may mắn túm được đầu Delamarche; y quá bất ngờ, mới đầu hai bàn tay y vung loạn xạ, mãi một lúc sau hai nắm tay mới đấm lên lưng Karl, nhưng chưa được hết sức; để bảo vệ mặt mình, cậu

nhào vào ngực Delamarche. Karl chịu đựng những cú đấm, tuy cũng oằn người vì đau đớn và dù chúng càng lúc càng mạnh hơn, nhưng làm sao cậu không chịu đựng được chứ, khi cậu thấy thắng lợi trước mắt rồi. Hai bàn tay ôm đầu Delamarche, hai ngón tay cái sát trên đôi mắt y, cậu kéo y vào đống đồ đạc cực kỳ hỗn độn, ngoài ra lại còn thử dùng ngón chân quấn sợi thắt lưng của chiếc áo choàng quanh hai bàn chân Delamarche để làm y ngã bằng cách ấy.

Nhưng vì cậu phải để tâm hết vào Delamarche, nhất là cậu cảm thấy sự kháng cự của y cứ tăng dần và kẻ thù trì ngược lại cậu với tấm thân càng lúc càng gân guốc hơn, cậu thật sự đã quên bẵng không chỉ có một mình cậu với Delamarche. Chỉ lát sau thôi Karl đã được nhắc nhở tới điều này, vì đột nhiên cậu khuỵu xuống, hai chân bị Robinson, hắn lăn xuống sàn sau lưng cậu, *hét lớn kéo xoạc ra. Karl thở dài buông Delamarche,* y lùi lại một bước. Brunelda đứng giạng chân ở giữa phòng, khom hai đầu gối, to béo hết cỡ, mắt long lanh theo dõi các diễn biến. Như thể đã thật sự tham gia vào trận đấu, cô nàng thở sâu, nheo mắt ngắm và hai nắm tay từ từ tống tới trước. Delamarche gập cổ áo choàng xuống, ánh mắt y hết bị che chắn và tất nhiên bây giờ không còn trận đấu nào nữa, mà chỉ có trừng phạt thôi. Y túm ngực áo Karl, gần như nhấc bổng cậu lên và lẳng (y khinh bỉ không thèm nhìn cậu) vào một cái tủ cách đó vài bước, mạnh đến mức thoạt tiên Karl tưởng đâu những đau nhói trên lưng và đầu (vì va vào tủ) do bàn tay Delamarche gây ra.

"Đồ vô lại!" cậu còn nghe Delamarche kêu lớn trong bóng tối hiện ra trước ánh mắt run rẩy của mình. Và trong trạng thái kiệt lực (mà cậu gục xuống trước cái tủ) hai tiếng "chờ đấy!" vẫn còn vang yếu ớt trong tai cậu. Khi tỉnh lại, chung quanh cậu tối om, hẳn vẫn còn giữa khuya, từ ban công một ánh trăng yếu ớt luồn dưới màn cửa vào trong phòng. Ta nghe tiếng thở êm ả của ba người đang ngủ, tiếng thở lớn hơn hẳn là của Brunelda, cô nàng phì phò khi ngủ như thỉnh thoảng vẫn xảy ra trong lúc nói; nhưng không dễ xác định mỗi người đang nằm hướng nào, vì cả căn phòng đầy tiếng thở xạc xào của họ. Mãi sau khi đã thăm dò chung quanh một chút, Karl mới nghĩ tới mình và cậu hết sức hoảng sợ, vì tuy cảm thấy đau đớn đến quằn quại, cậu vẫn không nghĩ rằng mình đã có thể bị thương nặng đến tóe máu. Nhưng bây giờ cậu thấy đầu, cả khuôn mặt, cổ bị đè nặng, bên dưới áo sơ mi ngực cậu ướt như là máu. Cậu phải ra chỗ ánh sáng, để xác định rõ tình trạng của mình; có thể người ta đã đánh cậu thành phế nhân, để rồi Delamarche sẽ hân hoan sa thải cậu, lúc ấy cậu biết làm gì, lúc ấy quả thật chẳng còn triển vọng gì nữa cho cậu. Cậu sực nghĩ tới gã có cái mũi lở lói ở lối vào cổng và cậu úp mặt vào hai tay một lúc lâu.

Bất giác cậu quay về phía cửa và lần mò bò tới đó. Nhưng mấy đầu ngón tay cậu nhanh chóng nhận ra một chiếc giày ống, rồi một cái chân. Đó là Robinson, ngoài ra đâu còn ai khác ngủ mang giày ống? Người ta đã ra lệnh cho hắn nằm chắn ngang trước cửa để ngăn cản Karl bỏ trốn. Nhưng chẳng lẽ người ta không biết Karl bị thương sao? Tạm thời cậu không muốn bỏ trốn mà chỉ muốn tới

chỗ ánh sáng. Không thể bằng lối cửa thì cậu phải ra ban công vậy.

Karl thấy chiếc bàn ăn rõ ràng đang ở một chỗ khác hẳn hồi tối, chiếc trường kỷ (mà dĩ nhiên cậu hết sức thận trọng bò lại gần) lạ lùng sao lại trống trơ, ngược lại cậu đụng phải ở giữa phòng những áo quần, chăn đệm, màn cửa và thảm bị ép chặt và chất thành đống. Mới đầu cậu nghĩ đó chỉ là một chồng nhỏ giống cái chồng mình thấy hồi tối trên trường kỷ và chắc là nó lăn xuống đất, nhưng khi tiếp tục bò, cậu sửng sốt thấy ở đó còn cả lô cả lốc những thứ ấy mà có lẽ ban đêm người ta mới lôi ra từ các tủ, ban ngày lại tống vào đó. Cậu bò quanh đống ấy và qua thận trọng mò mẫm nhanh chóng biết chắc rằng tất cả những cái đó tạo nên một kiểu giường mà Delamarche và Brunelda nằm tuốt bên trên.

Bây giờ thì cậu biết bọn họ ngủ chỗ nào rồi và cậu vội vàng lẻn ra ban công. Bên ngoài tấm màn cửa là một thế giới khác hẳn, ở đó cậu nhanh nhẹn đứng lên, đi lại vài lần trên ban công trong bầu không khí ban đêm mát mẻ, dưới ánh trăng tròn. Cậu nhìn xuống con đường hoàn toàn im ắng, từ trong quán vẫn vọng ra tiếng nhạc, nhưng nhỏ thôi; trước cửa quán một người đàn ông đang quét vỉa hè, trên con phố mà hồi tối giữa sự huyên náo ầm ĩ ta không phân biệt nổi tiếng la hét của một ứng cử viên với nghìn giọng nói khác thì giờ đây ta nghe rõ tiếng cây chổi quẹt lên lề đường.

Tiếng xê dịch của cái bàn bên ban công hàng xóm khiến Karl chú ý rằng ở đó có người đang ngồi học. Đó là một thanh niên có bộ râu nhọn và nhỏ mà anh chàng không

ngớt vê trong lúc đọc, môi mấp máy theo thật nhanh. Anh chàng ngồi ở chiếc bàn con để đầy sách, quay mặt về phía Karl, được cái đèn (anh chàng đã gỡ khỏi tường, đem kẹp giữa hai quyển sách lớn) chiếu vào sáng quắc.

"Chào anh," Karl nói, ngỡ người thanh niên đã nhìn về phía cậu.

Nhưng hẳn là cậu nhầm, vì người thanh niên dường như hoàn toàn không nhận thấy sự có mặt của Karl; anh chàng đưa tay lên che mắt cho đỡ chói và xem ai đã đột nhiên chào mình, và vì vẫn chưa nhìn thấy gì, anh chàng nâng cao đèn để chiếu sáng đôi chút sang ban công hàng xóm.

"Chào cậu," rồi anh chàng cũng đã lên tiếng, đoạn đăm đăm nhìn một lúc qua bên này và hỏi thêm: "Có chuyện gì không?"

"Tôi làm phiền anh không?" Karl hỏi.

"Tất nhiên, tất nhiên," người thanh niên nói và đặt đèn vào chỗ cũ.

Với những lời lẽ này đương nhiên mọi sự bắt chuyện đều bị khước từ, tuy vậy Karl vẫn không rời khỏi góc ban công, nơi cậu gần anh chàng nhất. Cậu lặng lẽ nhìn cách người thanh niên đọc sách, lật trang, thỉnh thoảng lại tra cứu gì đấy trong một quyển sách khác mà anh chàng luôn cầm lấy nhanh như chớp, và thường ghi chép vào một quyển vở, những lúc ấy anh chàng luôn đột nhiên chúi mặt vào đó.

Phải chăng người thanh niên này là sinh viên? Trông hoàn toàn như thể anh chàng đang học. Karl cũng đã từng ngồi - chuyện lâu rồi - không khác như thế này mấy tại bàn của bố mẹ ở nhà và làm bài tập, trong khi bố đọc báo

hoặc ghi sổ sách hoặc giải quyết chuyện thư tín cho một hội đoàn, còn mẹ lo chuyện vá khâu và kéo kim chỉ khỏi tấm vải. Để khỏi làm phiền bố, Karl chỉ để quyển vở và bút mực lên bàn, còn các quyển sách cần thiết cậu xếp trên ghế ở hai bên chỗ mình ngồi. Ở đấy im ắng biết bao! Người lạ hiếm khi vào trong căn phòng ấy làm sao! Ngay từ bé Karl đã luôn thích nhìn mẹ khóa cửa căn hộ khi trời tối. Bà đâu ngờ giờ đây Karl đã tới mức dùng dao cố thử nạy cửa nhà lạ.

Và hết thảy chuyện học hành của cậu nhằm mục đích gì? Cậu đã quên sạch mọi thứ; nếu mục đích của cậu là tiếp tục việc học ở đây thì cậu sẽ rất khó khăn. Cậu nhớ lại hồi ở nhà có lần bị ốm suốt một tháng trường và hồi đó cậu đã vất vả thế nào để sau đó nối lại việc học hành bị gián đoạn! Và đã lâu rồi cậu không đọc quyển sách nào ngoài quyển dạy về giao dịch thư tín trong thương mại bằng tiếng Anh.

"Này cậu," đột nhiên Karl nghe người thanh niên nói với mình, "cậu không thể đứng đâu khác à? Cậu nhìn đăm đăm qua đây làm phiền tôi ghê gớm. Vào lúc hai giờ khuya người ta có quyền đòi hỏi được làm việc trên ban công mà không bị quấy rầy chứ. Cậu muốn gì ở tôi chăng?"

"Anh học à?" Karl hỏi.

"Đúng, đúng," người thanh niên nói và dùng khoảnh khắc bị gián đoạn này để sắp xếp lại các quyển sách của mình.

"Vậy tôi không muốn quấy rầy anh," Karl nói, "tôi quay vào phòng ngay đây. Chúc ngủ ngon."

Người thanh niên không buồn trả lời, sau khi đã giải quyết xong sự quấy rầy này anh chàng đột nhiên quyết định quay lại với việc học và khó nhọc tì trán lên bàn tay phải.

Tới trước tấm màn cửa Karl liền sực nhớ đúng ra mình ra ngoài này để làm gì và cậu hoàn toàn chưa biết mình bị thương ra sao. Cái gì đè nặng trên đầu mình thế? Cậu sờ lên đầu và sửng sốt, ở đó không có vết thương tóe máu nào như cậu đã sợ trong bóng tối của căn phòng, mà chỉ là một tấm băng còn ẩm, tựa như chiếc khăn đóng. Căn cứ trên những viền đăng ten còn sót lại đây đó mà kết luận thì nó bị xé từ một tấm áo cũ của Brunelda và Robinson đã quấn cẩu thả quanh đầu Karl. Có điều hắn quên vắt ráo khăn, nên trong lúc Karl bất tỉnh bao nhiêu là nước đã rỉ xuống mặt và dưới áo cậu, khiến cậu sợ hết vía.

"Cậu vẫn còn đó à?" người thanh niên hỏi và nhìn qua đây.

"Bây giờ tôi đi thật sự đấy," Karl nói, "hồi nãy tôi chỉ muốn ra ngoài này kiểm tra vớ vẩn thôi, vì trong phòng tối mò."

"Cậu là ai vậy?" người thanh niên hỏi, đặt bút máy vào quyển sách mở trước mặt và tiến lại bên lan can. "Cậu tên gì? Làm sao cậu đến với những người này? Cậu ở đây lâu chưa? Cậu muốn nhìn gì thế? Cậu vặn đèn bên đó lên để tôi có thể thấy cậu."

Karl làm theo, nhưng trước khi trả lời cậu còn kéo màn cửa kín hơn để người trong phòng không thể nhận thấy gì. "Xin lỗi anh," rồi cậu nói giọng thì thầm, "vì tôi nói quá nhỏ. Nếu mấy người trong kia nghe được, tôi sẽ lại bị lôi thôi to."

"Lại bị à?" người thanh niên hỏi.

"Vâng," Karl nói, "mới hồi tối tôi đã cãi cọ kịch liệt với họ. Lúc đó hẳn là tôi đã bị bươu đầu khiếp lắm." Và cậu sờ nắn phía sau đầu.

"Cãi nhau về chuyện gì thế?" người thanh niên hỏi và nói thêm, vì Karl chưa trả lời ngay: "Cậu có thể thổ lộ với tôi mọi chuyện kình chống những con người này trong lòng cậu. Bởi vì tôi ghét cả ba người, nhất là bà chủ của cậu. Tôi sẽ rất ngạc nhiên, nếu họ chưa kích cậu chống tôi. Tôi là Josef Mendel, sinh viên."

"Có," Karl nói, "người ta đã kể với tôi về anh, nhưng không có gì tệ cả. Anh đã có lần chữa chạy cho bà Brunelda, phải không?"

"Đúng thế," chàng sinh viên cười nói. "Cái trường kỷ vẫn còn mùi ấy à?"

"Còn chứ," Karl nói.

"Thế thì tôi rất khoái," chàng sinh viên nói và đưa tay vuốt tóc. "Và tại sao họ lại làm cho cậu bươu đầu?"

"Cãi nhau ấy mà," Karl vừa nói vừa ngẫm nghĩ nên kể thế nào với chàng sinh viên. Nhưng rồi cậu bỏ ngang và nói: "Tôi không quấy rầy anh chứ?"

"Một là," chàng sinh viên nói, "cậu đã quấy rầy tôi rồi và rất tiếc tôi dễ căng thẳng thần kinh đến nỗi cần một lúc lâu mới trấn tĩnh lại được. Từ lúc cậu đi lại trên ban công, tôi học không vào. Hai là tôi luôn nghỉ ngắn vào lúc ba giờ. Thành ra cậu cứ việc kể đi. Tôi cũng quan tâm mà."

"Chuyện đơn giản lắm," Karl nói. "Delamarche muốn tôi thành người giúp việc cho y. Nhưng tôi không chịu. Tôi chỉ muốn nhất là đi khỏi ngay hồi tối. Y khóa

cửa lại không để cho tôi đi, tôi muốn nạy cửa, thế là xảy ra đánh nhau. Tôi thật không may còn ở lại đây."

"Cậu có chỗ làm khác à?" chàng sinh viên hỏi.

"Không," Karl nói, "nhưng tôi không quan tâm tới điều đó, miễn là tôi đi khỏi đây."

"Cậu nghe này," chàng sinh viên nói, "cậu không quan tâm tới điều đó à?" Và cả hai im lặng một lúc. "Tại sao cậu không muốn ở lại với những người này?" rồi chàng sinh viên hỏi.

"Delamarche là một kẻ xấu xa," Karl nói, "tôi biết y từ trước cơ. Có lần tôi đã cuốc bộ một ngày ròng với y và mừng khi không còn bên cạnh y nữa. Thế mà bây giờ tôi lại trở thành đầy tớ của y sao?"

"Nếu mọi người giúp việc đều kén chọn chủ như cậu!" chàng sinh viên nói và dường như mỉm cười. "Cậu xem này, ban ngày tôi là người bán hàng, người bán hàng cấp thấp nhất, là tùy phái thì đúng hơn, trong cửa hàng tổng hợp của Montly. Tay Montly này dứt khoát là một tên đê tiện, nhưng tôi mặc kệ, tôi chỉ tức là bị trả lương quá tồi. Cậu hãy lấy tôi làm ví dụ."

"Sao cơ?" Karl nói, "ban ngày anh bán hàng và ban đêm anh học à?"

"Phải," chàng sinh viên nói, "không thể khác được. Tôi đã thử mọi cách rồi, nhưng lối sống này vẫn là tốt nhất. Mấy năm trước tôi chỉ học thôi, cả ngày lẫn đêm, cậu biết không, chỉ có điều tôi suýt chết đói, hồi đó tôi đã sống trong một căn nhà cũ tồi tàn bẩn thỉu và không dám đến giảng đường trong bộ cánh của mình. Nhưng chuyện ấy đã qua rồi."

"Nhưng anh ngủ lúc nào?" Karl hỏi và kinh ngạc nhìn chàng sinh viên.

"À, ngủ!" chàng sinh viên nói. "Tôi sẽ ngủ, khi nào học xong. Trong khi chờ đợi tôi uống cà phê đen." Và anh chàng quay lại, kéo dưới bàn học ra một chai to, rót cà phê đen vào một ly con và dốc vào miệng, giống người ta vội vàng uống thuốc, để ít cảm thấy vị của nó nhất.

"Lợi hại lắm, cà phê đen ấy mà," chàng sinh viên nói. "Tiếc là cậu đứng xa quá nên tôi không thể đưa qua cho cậu một ít."

"Tôi thấy cà phê đen không ngon," Karl nói.

"Tôi cũng thế," chàng sinh viên cười nói. "Nhưng không có nó tôi biết làm sao. Không có cà phê đen thì Montly sẽ không giữ tôi lấy một giây. Tôi luôn nói tới Montly, tuy rằng đương nhiên hắn không biết có tôi ở trên đời. Tôi không biết chắc sẽ cư xử thế nào trong cửa hàng, nếu tôi không luôn luôn để sẵn trong bàn ở đó một chai lớn như chai này, vì tôi chưa hề dám ngừng uống cà phê; nhưng cậu cứ tin đi, nếu ngừng uống thì chẳng mấy chốc tôi sẽ nằm quay sau bàn và ngủ khò. Rất tiếc ở đó người ta đoán ra được điều này và họ gọi tôi là 'Cà phê đen', một trò đùa ngu ngốc và chắc chắn đã làm hại tôi trong việc thăng tiến."

"Thế bao giờ anh sẽ học xong?" Karl hỏi.

"Không nhanh được," chàng sinh viên cúi đầu nói. Anh chàng rời lan can và ngồi lại vào bàn, hai khuỷu tay chống lên quyển sách để mở, hai bàn tay lùa trong tóc, rồi nói: "Có thể còn kéo dài một tới hai năm."

"Tôi cũng muốn học," Karl nói, như thể tình trạng

này cho cậu quyền có được một sự tin cậy lớn hơn là chàng sinh viên (giờ đây đã im bặt) đã chứng tỏ với cậu.

"Thế đấy," chàng sinh viên nói, không rõ anh chàng đã đọc sách trở lại hay chỉ lơ đãng nhìn vào đó, "cậu nên mừng rằng đã bỏ việc học hành. Bản thân tôi học đã nhiều năm thật ra chỉ vì kiên quyết, chứ không thỏa mãn mấy và tiền đồ còn ít hơn nữa. Tôi muốn tiền đồ gì chứ? Nước Mỹ đầy rẫy bọn tiến sĩ lừa đảo."

"Hồi trước tôi muốn trở thành kỹ sư," Karl hối hả nói vọng qua với chàng sinh viên, dường như anh chàng đã hoàn toàn không chú ý nghe nữa.

"Và bây giờ cậu phải làm đầy tớ cho những người đó," chàng sinh viên nói và thoáng ngước nhìn lên, "dĩ nhiên điều này khiến cậu đau lòng."

Kết luận này của chàng sinh viên tất nhiên là một sự hiểu nhầm, nhưng biết đâu Karl có thể lợi dụng điều đó ở anh chàng. Cho nên cậu hỏi: "Tôi có thể xin được một chỗ trong Cửa hàng Tổng hợp không?"

Câu hỏi này lôi chàng sinh viên hoàn toàn ra khỏi quyển sách của mình; anh chàng tuyệt nhiên không nghĩ tới chuyện giúp Karl xin việc. "Cậu thử đi," anh chàng nói, "hay cậu đừng thử thì tốt hơn. Việc tôi có chỗ làm ở Montly là thành công lớn nhất từ trước đến nay trong đời tôi. Nếu tôi phải chọn lựa giữa việc học và việc làm, đương nhiên tôi sẽ chọn việc làm. Mọi nỗ lực của tôi chỉ nhằm vào việc không để xảy ra việc phải chọn lựa như thế."

"Xin được việc ở đó khó thế," Karl nói với mình nhiều hơn là với anh chàng.

"Chậc, cậu tưởng gì chứ," chàng sinh viên nói, "ở đây trở thành thẩm phán quận dễ hơn thành người gác cửa ở Montly."

Karl im lặng. Chàng sinh viên này (anh chàng giàu kinh nghiệm hơn cậu nhiều và ghét Delamarche vì những lý do nào đó mà Karl chưa biết, ngược lại anh chàng chắc chắn không mong muốn điều gì tệ hại cho Karl) không có được một lời khuyến khích Karl rời bỏ Delamarche. Đó là anh chàng còn chưa biết gì về sự nguy hiểm đang đe dọa Karl từ phía cảnh sát mà chỉ Delamarche mới tạm che chở được cậu.

"Hồi tối cậu đã xem cuộc biểu tình dưới này, đúng không? Nếu không rõ hoàn cảnh, người ta có thể cho rằng ứng cử viên đó, ông ta tên là Lobter, sẽ có triển vọng nào đấy hoặc ít nhất cũng được chú ý, phải không?"

"Tôi chẳng hiểu gì về chính trị," Karl nói.

"Đó là một sai lầm," chàng sinh viên nói. "Nhưng ngoài cái đó ra cậu vẫn có mắt và tai mà. Ông ta chắc chắc có bạn bè và kẻ thù, cậu không thể không thấy điều này. Và cậu nên nhớ, theo quan niệm của tôi thì ông ta không mảy may có triển vọng được bầu. Tôi ngẫu nhiên biết được mọi chuyện về ông ta; bên nhà chúng tôi có một người biết ông ta. Ông ta không phải bất tài, xét quan điểm và quá khứ chính trị thì chính ông ta làm thẩm phán cho quận này là thích hợp. Nhưng không ai nghĩ ông ta sẽ được bầu, ông ta sẽ thất cử thảm hại như một người có thể bị rớt đài, ông ta sẽ nướng cho cuộc vận động tranh cử vài ba đô la của mình, tất cả sẽ chỉ thế thôi."

Karl và anh chàng im lặng nhìn nhau một lúc. Chàng sinh viên mỉm cười gật đầu và ấn một bàn tay lên đôi mắt mệt mỏi.

"Anh chưa đi ngủ sao?" rồi cậu hỏi.

"Tôi còn phải học nữa chứ. Cậu xem, tôi còn bao nhiêu đây để học qua." Và chàng sinh viên lật nhanh một nửa quyển sách để Karl hiểu sơ qua về công việc còn đang chờ đợi anh chàng.

"Vậy chúc ngủ ngon," Karl nói và cúi chào.

"Lúc nào đó cậu qua bên này với chúng tôi," chàng sinh viên nói, anh chàng đã ngồi vào bàn trở lại, "dĩ nhiên chỉ khi nào cậu có hứng. Bên này cậu sẽ luôn gặp nhiều người. Từ chín đến mười giờ tối tôi cũng rảnh để tiếp cậu."

"Nghĩa là anh khuyên tôi ở lại với Delamarche?" Karl hỏi.

"Dứt khoát," chàng sinh viên nói và lại chúi đầu vào mấy quyển sách. Dường như không phải anh chàng nói những lời này; nó còn âm vang trong tai Karl, như được nói bằng một giọng trầm hơn giọng chàng sinh viên. Cậu chậm chạp đi tới màn cửa, nhìn chàng sinh viên một lần nữa (giờ đây anh chàng ngồi bất động trong ánh đèn sáng, chung quanh là bóng tối dày đặc) và lách vào trong phòng. Hơi thở hợp lại của ba người đang ngủ chào đón cậu. Cậu lần theo tường tìm trường kỷ và khi đã tìm thấy, cậu thanh thản nằm duỗi dài lên, như thể đó là chỗ nằm quen thuộc của mình. Vì chàng sinh viên (anh chàng biết rõ Delamarche và hoàn cảnh ở đây, ngoài ra là người có học) khuyên cậu ở lại đây, tạm thời cậu không băn khoăn gì. Cậu không có mục đích cao như chàng sinh viên, ai

biết được nếu ở lại bên nhà cậu học hành có đến nơi đến chốn không, và nếu ở nhà cậu không học nổi thì không ai có thể đòi hỏi cậu học nổi ở đất nước lạ này. Nhưng nếu cậu tạm nhận làm đầy tớ cho Delamarche và từ sự an toàn này chờ cơ hội thuận lợi, thì niềm hy vọng tìm được công việc chắc chắn sẽ lớn hơn, một công việc mà cậu có thể làm được gì đấy và công sức của mình được nhìn nhận. Dường như trên con phố này có nhiều văn phòng hạng vừa và hạng thấp, có thể khi cần tuyển người họ không quá chọn lựa. Nếu cần, cậu muốn làm người gác cửa hàng, nhưng không loại trừ việc cậu cũng có thể được nhận vào công việc văn phòng thuần túy và sau đó thành viên chức văn phòng ngồi bàn giấy và ngó ra ngoài cửa sổ mà chẳng lo lắng gì, giống như viên chức nọ sáng nay cậu thấy khi băng qua các sân. Khi nhắm mắt lại, cậu yên tâm nhớ rằng mình còn trẻ và chắc chắn sẽ có lần được Delamarche trả tự do; cái gia đình này trông không có vẻ sẽ tồn tại vĩnh viễn. Nhưng nếu Karl có được một việc làm trong văn phòng, cậu sẽ không làm gì hơn là chăm lo công việc của mình, chứ không phân tán sức lực như chàng sinh viên kia. Nếu cần, cậu sẽ ở luôn buổi tối trong văn phòng, điều mà mới đầu đằng nào người ta cũng đòi hỏi ở một người ít kinh nghiệm về thương mại như cậu. Cậu sẽ chỉ nghĩ đến quyền lợi của công ty mình phục vụ và sẽ cáng đáng mọi chuyện, kể cả những công việc mà các nhân viên văn phòng khác khước từ vì không xứng đáng với họ. Những dự định tốt đẹp len vào trong đầu cậu, như thể ông chủ tương lai của cậu đang đứng trước trường kỷ và đọc chúng từ gương mặt cậu. Karl thiếp đi trong những ý nghĩ ấy và

chỉ lúc ban đầu mơ mơ màng màng cậu mới bị quấy rầy bởi một tiếng thở dài ồ ồ của Brunelda, khi cô nàng lăn qua lăn lại trên chỗ nằm, dường như bị những giấc mơ nặng nề hành hạ.

8[1]

"Dậy! Dậy!" Robinson gọi, khi Karl mới vừa mở mắt. Tấm màn cửa chưa kéo ra, nhưng dựa theo ánh nắng lọt đều vào qua những khe hở ta cũng nhận thấy lúc ấy vào quãng giờ nào của buổi sáng. Robinson hấp tấp chạy tới chạy lui với ánh mắt lo lắng, lúc cầm khăn, lúc bưng chậu tắm, lúc lại xách những áo với quần và lần nào chạy qua chỗ Karl nằm, hắn đều luôn gật đầu cổ động viên cậu dậy và bằng cách nâng cao thứ hắn đang cầm trên tay, tỏ ý rằng hôm nay hắn nai lưng lần cuối cùng làm cho Karl, vì dĩ nhiên sáng đầu tiên cậu chưa thể hiểu gì về những chi tiết của việc phục dịch.

Nhưng Karl sớm nhận ra Robinson phục vụ ai. Trong một căn buồng (mà đến giờ Karl chưa thấy) ngăn cách với phần còn lại của căn phòng bởi hai cái tủ, đang diễn ra một màn tắm táp quy mô. Ta thấy đầu Brunelda, cái cổ trần - mái tóc vắt lên mặt cô nàng - và phần gáy nhô khỏi hai cái tủ và thỉnh thoảng bàn tay Delamarche giơ cao, cầm miếng bọt biển bắn nước tung tóe được dùng để

1. Trong ấn bản của Max Brod là "Chương chưa hoàn chỉnh (fragment) 1".

kì cọ Brunelda. Ta nghe Delamarche ra lệnh ngắn gọn cho Robinson, hắn không được đưa những vật nọ qua lối vào - giờ đây đã bị chặn lại - của căn buồng, mà phải qua một khe nhỏ giữa một chiếc tủ và tấm bình phong, ngoài ra khi đưa hắn phải vươn cao tay và quay mặt đi.

"Khăn! Khăn!" Delamarche gọi. Robinson đang cúi tìm gì đấy dưới gầm bàn, giật mình kéo vội đầu ra vì nhiệm vụ mới này, đã lại nghe: "Nước đâu, mẹ kiếp!" và gương mặt giận dữ của Delamarche vươn cao phía trên tủ. Theo Karl hiểu thì mọi thứ bình thường cần cho việc tắm và mặc người ta chỉ mang tới luôn một lần, ở đây bị đòi hỏi nhiều lần và phải mang đến theo đủ kiểu thứ tự. Trên một lò điện nhỏ luôn sẵn một chậu nước để hâm nóng và Robinson liên tục bưng gánh nặng này giữa đôi chân chàng hảng tới buồng tắm. Hắn có quá nhiều việc phải làm nên thật dễ hiểu nếu không phải lúc nào hắn cũng làm đúng theo mệnh lệnh, có lần lại bị đòi khăn tắm, hắn quơ bừa một chiếc sơ mi từ chỗ họ nằm ở giữa phòng, cuộn thành một nùi to và ném qua những cái tủ.

Nhưng ngay cả Delamarche cũng vất vả, vì chính y cũng không làm Brunelda hài lòng nổi, và có lẽ chỉ vì vậy y mới cáu với Robinson đến thế - lúc cáu thì y chẳng buồn đếm xỉa đến Karl.

"Ái!" cô nàng hét lên khiến ngay cả Karl, bình thường dửng dưng, cũng giật thót người. "Anh làm em đau thế! Anh đi đi! Em thà tự tắm hơn là đau đớn thế này! Bây giờ em lại không nhấc tay lên nổi. Anh ấn em đau muốn chết. Lưng em hẳn là đầy những vết bầm. Dĩ nhiên, anh đâu chịu nói cho em biết. Khoan, em sẽ bảo Robinson hoặc

thằng nhỏ của chúng ta ngó lưng em. Không, em không làm vậy đâu, nhưng anh hãy nhẹ tay hơn chút đi. Nhẹ nhẹ thôi, Delamarche, dù sáng nào em cũng lặp đi lặp lại, anh chẳng bao giờ nhẹ tay cả - Robinson!" đột nhiên cô nàng gọi và huơ một chiếc quần lót viền đăng ten bên trên đầu. "Lại giúp tôi với, coi này, tôi khổ đến thế nào, tra tấn thế này mà anh ấy gọi là tắm, Delamarche ấy! Robinson, Robinson, anh đâu rồi, anh cũng nhẫn tâm sao?"

Karl lặng lẽ dùng ngón tay ra hiệu cho Robinson, rằng hắn nên vào đi, nhưng Robinson cúi mặt đắn đo, lắc đầu, hắn biết rõ hơn. "Cậu tưởng gì chứ?" Robinson cúi nói vào tai Karl. "Không phải thế đâu. Tớ chỉ vào đó một lần và không bao giờ nữa. Lần đó họ túm lấy tớ, nhấn vào bồn tắm, khiến tớ suýt chết đuối. Và nhiều ngày liền Brunelda trách tớ vô liêm sỉ, nàng không ngớt nói: 'Đã lâu rồi anh không vào chỗ tôi tắm' hoặc 'Bao giờ anh mới lại chịu chường mặt trong buồng tắm đây?' Chỉ sau khi tớ mấy lần quỳ xuống xin tha, nàng mới thôi. Tớ sẽ không bao giờ quên."

Và trong khi Robinson kể, Brunelda không ngớt gọi: "Robinson! Robinson! Tay Robinson này đâu rồi?"

Tuy không ai đến giúp cô nàng và cũng chẳng được trả lời - Robinson đã ngồi xuống bên Karl và cả hai im lặng nhìn về phía những chiếc tủ, thỉnh thoảng lại thấy đầu Brunelda hoặc Delamarche ló phía trên - nhưng Brunelda vẫn không ngừng lớn tiếng trách móc Delamarche. "Nhưng mà Delamarche!" cô nàng kêu. "Bây giờ em lại hoàn toàn không cảm thấy rằng anh đang tắm cho em. Anh để miếng bọt biển đâu rồi? Mạnh tay lên chứ! Giá mà em cúi người được, giá mà em cử động được, em sẽ chỉ

anh thấy người ta tắm thế nào. Đâu rồi thời con gái của em, khi sáng sáng em bơi trên sông Colorado ở điền trang của bố mẹ em, thời mà em linh hoạt nhất trong đám bạn gái. Còn bây giờ! Bao giờ anh mới học được cách tắm cho em, hở Delamarche? Anh huơ miếng bọt biển, anh gồng lên mà em chẳng cảm thấy gì hết. Khi em bảo anh đừng chà đến trầy da em, thì em đâu có nghĩ là sẽ đứng trơ đây để bị cảm lạnh. Hễ bị cảm là em sẽ nhảy ra khỏi bồn, cứ thế chạy đi, kệ trên người có mặc gì không!"

Nhưng cô nàng không thực hiện lời đe dọa này - thật ra dù muốn cô nàng cũng không đủ khả năng - Delamarche dường như sợ cô nàng bị cảm, đã túm lấy cô nàng nhấn vào bồn, vì nghe tiếng nước bì bõm thật lực.

"Chuyện này thì anh giỏi, Delamarche ạ," Brunelda nói khẽ hơn một chút. "Mơn trớn, không ngừng mơn trớn, mỗi khi anh làm gì sai." Rồi một lúc im lặng. "Bây giờ y hôn nàng," Robinson nói và nhướng mày.

"Bây giờ tới việc gì?" Karl hỏi. Vì đã quyết định ở lại đây, cậu muốn làm tròn nhiệm vụ ngay. Vì Robinson không đáp, cậu để hắn một mình trên trường kỷ và bắt đầu lật chỗ nằm vẫn còn bị ép chặt dưới sức nặng của những người ngủ trên đó suốt đêm dài, để xếp lại ngay ngắn từng thứ một của cái đống này, một công việc hắn đã nhiều tuần không làm.

"Anh xem xem, Delamarche," Brunelda nói, "em tin rằng bọn chúng đang dỡ tung giường của chúng mình. Chuyện gì mình cũng phải nghĩ, chẳng bao giờ được yên. Anh phải nghiêm khắc hơn với hai tay đó, bằng không chúng sẽ làm như chúng muốn."

"Chắc chắn đó là thằng oắt con với sự hăng hái chết tiệt của nó!" Delamarche kêu lên và có lẽ định lao ra khỏi buồng tắm, Karl đã quẳng hết mọi thứ trên tay, nhưng thật may Brunelda đã nói: "Đừng đi, Delamarche, đừng đi. Chậc, nước nóng làm sao, nó làm em mệt quá. Ở lại đây với em, Delamarche." Mãi lúc ấy Karl mới để ý thấy hơi nước bốc lên ngùn ngụt sau những cái tủ.

Robinson hốt hoảng đặt một tay lên má, như thể Karl đã gây ra chuyện gì tệ hại. "Để mọi thứ đúng y như cũ!" tiếng Delamarche vang lên. "Chẳng lẽ tụi bay không biết rằng sau khi tắm Brunelda luôn luôn nằm nghỉ một tiếng đồng hồ sao? Làm ăn tầm bậy! Chờ đấy, tao sẽ cho bay biết tay! Robinson, chắc mày lại mơ nữa rồi! Mày, một mình mày phải chịu trách nhiệm với tao về mọi chuyện xảy ra. Mày phải kiềm chế thằng nhỏ, ở đây không có chuyện quản lý việc nhà theo ý nó. Khi tao muốn tụi bay làm, tụi bay chẳng chịu làm cho; nhưng khi không có việc gì làm, tụi bay lại chăm chỉ. Hãy rúc vào đâu đó, chờ đến khi tao cần đến tụi bay!"

Nhưng mọi chuyện bị lãng quên tức khắc, vì Brunelda thều thào, hết sức mệt mỏi, như thể cô nàng bị ngập trong nước nóng: "Nước hoa! Mang nước hoa!"

"Nước hoa!" Delamarche hét. "Đi tìm!"

Ừ, nhưng nước hoa ở đâu? Karl nhìn Robinson. Robinson ngó Karl. Karl nhận thấy ở đây cậu phái nắm hết mọi chuyện trong tay, Robinson chẳng biết nước hoa để chỗ nào. Cậu liền nằm xoài xuống sàn, không ngớt quơ hai tay dưới trường kỷ, nhưng không moi ra được gì khác hơn là những vốc bụi và tóc rối của đàn bà. Trước

hết Karl chạy vội tới bồn rửa ngay bên cửa, nhưng trong các ngăn kéo chỉ thấy những quyển truyện cũ bằng tiếng Anh, những tạp chí và những ghi chú, đầy đến nỗi không đẩy vào được sau khi đã kéo ra.

"Nước hoa," trong lúc đó Brunelda thở dài, "sao lâu thế! Biết hôm nay tôi có được nước hoa không đây!"

Vì Brunelda sốt ruột, nên đương nhiên Karl không thể tìm kỹ ở bất cứ chỗ nào, cậu phải dựa vào ấn tượng hời hợt đầu tiên. Trong tủ dưới bồn rửa không thấy chai lọ nào, trên bồn rửa chỉ có những lọ con cũ đựng thuốc và cao, mọi thứ khác đã đem vào buồng tắm. Có thể lọ nước hoa ở trong ngăn kéo bàn ăn. Trên đường tới bàn ăn Karl - chỉ nghĩ tới lọ nước hoa, không gì khác - đụng mạnh phải Robinson (cuối cùng hắn thôi tìm dưới trường kỷ và mang máng đoán ra chỗ để lọ nước hoa, đã nhắm mắt nhắm mũi chạy ngược chiều Karl). Người ta nghe rõ tiếng cụng đầu, Karl đứng chẳng nói chẳng rằng, còn Robinson tuy không ngừng chạy, nhưng luôn cường điệu kêu to để cảm thấy bớt đau.

"Chúng không lo tìm nước hoa mà lại đánh nhau," Brunelda nói. "Em sẽ ốm mất vì kiểu quản lý nhà cửa này, Delamarche ạ, và chắc chắn sẽ chết trong cánh tay anh. Em phải có nước hoa," cô nàng kêu lên, rồi gượng đứng dậy, "em nhất định phải có! Em sẽ không ra khỏi bồn tắm, nếu không ai mang nước hoa đến cho em, dù phải ở lại đây đến tối." Và cô nàng đập tay xuống bồn, tiếng nước bắn tung tóe.

Nhưng trong ngăn kéo bàn ăn cũng không thấy lọ nước hoa, tuy trong đó chỉ toàn những thứ điểm trang của

Brunelda, như những cái cọ cũ dùng nhồi phấn, hũ trang điểm tí hon, bàn chải tóc, những lọn tóc và nhiều món lặt vặt sổ lông hoặc bết lại, nhưng không thấy nước hoa. Cả Robinson (hắn vẫn còn kêu la) lần lượt mở và lục lọi khoảng một trăm cái hộp chồng chất trong một góc phòng (một nửa các món trong đó, phần lớn là kim chỉ và thư từ, đổ tung ra sàn và nằm lại đấy) cũng không tìm thấy, như thỉnh thoảng hắn lắc đầu hoặc nhún vai ra hiệu với Karl.

Bấy giờ Delamarche mặc quần lót từ buồng tắm nhảy ra, trong lúc ta nghe tiếng Brunelda khóc nấc. Karl và Robinson ngừng tay ngó Delamarche ướt như chuột lột, từ mặt và tóc tai nước cũng nhỏ ròng ròng, y kêu lên: "Bây giờ bay làm ơn bắt đầu tìm đi!" "Chỗ này!" y ra lệnh trước tiên cho Karl và rồi "Chỗ đó!" cho Robinson.

Karl nghiêm chỉnh tìm, lại còn kiểm tra cả ở những chỗ đã được giao cho Robinson, hắn hăng hái liếc nhìn Delamarche hơn là tìm, còn Delamarche giậm chân tới lui trong phòng và chắc chắn chỉ muốn dần nhừ tử cả Karl lẫn Robinson.

"Delamarche!" Brunelda gọi. "Ít nhất hãy vào đây lau khô cho em! Hai gã kia không tìm thấy nước hoa đâu mà chỉ làm đảo lộn mọi thứ thôi. Chúng phải ngưng tìm ngay. Lập tức! Buông hết mọi thứ! Không được động tới gì nữa! Chúng muốn biến căn hộ thành chuồng súc vật chắc. Hãy cho chúng biết tay, Delamarche, nếu chúng không dừng! Nhưng chúng vẫn còn tìm kìa, một cái hộp vừa mới rơi. Chúng không được nâng gì lên nữa, cứ để mọi thứ đấy và xéo khỏi phòng! Cài chốt cửa lại sau lưng chúng rồi vào với em. Em đã nằm quá lâu trong nước, chân em lạnh ngắt rồi."

"Ngay thôi, Brunelda, ngay thôi!" Delamarche đáp và hấp tấp đi với Karl và Robinson ra cửa. Nhưng trước khi để họ đi, y giao cho họ nhiệm vụ đi lấy đồ ăn sáng và nếu được thì vay mượn ai đó một lọ nước hoa hảo hạng cho Brunelda.

"Chỗ của mấy người thật bừa bộn và bẩn thỉu," Karl nói ngoài hành lang, "ngay khi mang đồ điểm tâm về, mình phải bắt tay vào việc xếp dọn."

"Giá như tớ không quá ốm đau!" Robinson nói. "Và xem cái lối đối xử kìa!"

Chắc chắn Robinson cảm thấy buồn phiền về việc Brunelda đã coi hắn, kẻ từng phục vụ cô nàng nhiều tháng trường, và Karl, mới gia nhập hôm qua, như cùng một giuộc. Nhưng hắn không được đối xử tốt hơn và Karl bảo: "Anh trấn tĩnh lại chút đi." Để hắn khỏi hoàn toàn tuyệt vọng, cậu nói thêm: "Chỉ là việc ngàn năm một thuở thôi mà. Tôi sẽ dọn cho anh một chỗ nằm phía sau các tủ và khi mọi việc tạm ngăn nắp rồi anh có thể nằm ở đó cả ngày, không phải mó tay vào chuyện gì nữa và sẽ chóng khỏi thôi."

"Bây giờ chính cậu thấy tình trạng sức khỏe của tớ như thế nào rồi," Robinson nói và quay mặt đi để được một mình cùng với nỗi đau khổ của hắn. "Nhưng họ có chịu để yên cho tớ nằm không?"

"Nếu anh muốn, tôi sẽ nói chuyện này với Delamarche và Brunelda."

"Biết Brunelda có lưu tâm không chứ?" Robinson kêu lên và dùng nắm tay đẩy một cái cửa mà họ vừa trờ tới, không báo trước cho Karl.

Họ bước vào trong một gian bếp, từ cái lò (dường như cần phải sửa) bốc lên những cụm khói đen. Trước cửa lò, một trong những người đàn bà hôm qua Karl thấy trên hành lang đang quỳ và với hai bàn tay trần đẩy những súc than to vào đám lửa mà bà ta ngó nghiêng theo khắp mọi hướng. Bà ta vừa làm vừa thở dài trong tư thế quỳ rất không thoải mái cho một người già cả.

"Tất nhiên rồi, lại còn thêm trò quấy rầy này nữa chứ," bà ta nói khi thấy Robinson, rồi nặng nhọc đứng dậy, tay chống lên thùng than và khép cửa lò bằng cách quấn tạp dề quanh cái nắm cửa. "Bây giờ, bốn giờ chiều" - Karl sửng sốt nhìn đồng hồ bếp - "mấy người vẫn cần ăn sáng à? Cái bọn!"

"Ngồi đi," rồi bà ta nói, "chờ tới khi tôi có thì giờ cho mấy người."

Robinson kéo Karl ngồi xuống băng ghế con ở gần cửa và thì thầm với cậu: "Bọn mình phải nghe lời mụ. Chẳng là vì bọn mình phụ thuộc vào mụ mà. Bọn mình thuê phòng của mụ và dĩ nhiên mụ có thể hủy hợp đồng bất cứ lúc nào. Nhưng bọn mình đâu thể nào đổi nhà, làm sao bọn mình khuân mọi đồ lề đi được lần nữa, nhất là Brunelda lại không chuyên chở nổi."

"Ở hành lang này không có phòng nào khác à?" Karl hỏi.

"Chẳng ai chứa chấp bọn mình," Robinson đáp. "Không ai trong cả tòa nhà này chứa chấp bọn mình."

Họ ngồi yên lặng trên ghế băng và chờ. Người đàn bà không ngớt chạy tới chạy lui giữa hai cái bàn, một chậu giặt và cái bếp lò. Qua những lời lẽ bà thốt ra họ được biết

con gái bà đang khó ở, vì thế mình bà phải quán xuyến mọi việc phục vụ và lo chuyện ăn uống cho ba mươi người thuê nhà. Đã thế cái lò còn bị hư, món ăn không chịu chín, món xúp đặc nấu trong hai cái xoong khổng lồ, dù bà đã bao lần thử bằng cái môi và để nó chảy từ trên cao xuống, món xúp vẫn không đạt, hẳn là tại lửa yếu, nên bà đã gần như ngồi thụp xuống trước cửa lò, dùng que cời lung tung trong đống than nóng đỏ. Khói tỏa đầy bếp khiến bà bị ho, thỉnh thoảng rũ rượi đến nỗi bà phải vịn một chiếc ghế và không làm gì khác hơn là ho nhiều phút dài. Bà thường bảo rằng hôm nay bà sẽ không cung cấp đồ ăn sáng, vì bà không có cả thì giờ lẫn hứng thú. Vì Karl với Robinson một mặt được lệnh đi lấy đồ điểm tâm, mặt khác không có cách nào để ép buộc bà, nên họ không đáp, mà chỉ ngồi im như trước.

Chung quanh, trên các ghế và ghế gác chân, trên và dưới các bàn, thậm chí dồn trong một góc sàn bếp, vẫn còn những đĩa chén, dao nĩa ăn sáng chưa rửa của khách thuê nhà. Ở đó có những bình con có thể còn chút cà phê hoặc sữa, trên một số đĩa còn sót chút bơ, từ một hộp thiếc lớn bị đổ lăn ra những chiếc bánh quy. Từ tất cả những thứ này có thể gom thành một bữa điểm tâm, mà nếu Brunelda không biết xuất xứ, cô nàng sẽ không thể chê bai mảy may. Khi Karl đang ngẫm nghĩ điều này và liếc mắt nhìn đồng hồ thấy họ đã chờ ở đây nửa giờ rồi và có thể Brunelda đang nổi trận lôi đình và kích Delamarche chống lại bọn đầy tớ, người đàn bà gọi giữa một cơn ho (trong lúc đó Karl đăm đăm nhìn bà ta): "Các người có thể cứ ngồi đây, nhưng sẽ không có đồ ăn

sáng đâu. Ngược lại, trong hai giờ nữa các người sẽ có bữa ăn tối."

"Nào, Robinson," Karl nói, "mình sẽ tự làm đồ điểm tâm vậy."

"Bằng cách nào?" người đàn bà nghiêng đầu hỏi.

"Xin bà hãy biết điều," Karl nói, "tại sao bà không chịu đưa đồ ăn sáng cho chúng tôi chứ? Chúng tôi chờ đã nửa giờ, thế đủ lâu rồi. Chúng tôi trả tiền bà mọi thứ mà và chắc chắn chúng tôi trả khá hơn mọi người khác. Chúng tôi ăn sáng muộn thế này đúng là làm phiền bà, nhưng chúng tôi thuê phòng của bà, chúng tôi có thói quen ăn sáng muộn và vì thế bà cũng phải linh động đôi chút cho chúng tôi chứ. Dĩ nhiên hôm nay vì con gái bà ốm nên bà đặc biệt vất vả, nhưng chính vì thế chúng tôi sẵn sàng gom góp từ những thứ còn thừa này thành bữa điểm tâm, nếu không thể làm khác được vì bà không cho chúng tôi món mới."

Nhưng người đàn bà không chịu vui vẻ thảo luận với ai hết, theo bà ta thấy thì đồ thừa của bữa điểm tâm chung vẫn còn là quá tốt cho bọn thuê nhà này; nhưng mặt khác sự quấy rầy của hai gã đầy tớ đã khiến bà chán tới tận cổ, nên bà chụp một cái khay ấn vào bụng Robinson; sau một lúc nhăn nhó hắn mới hiểu rằng phải cầm khay để đựng món ăn mà bà ta sẽ chọn. Rồi bà ta hết sức hối hả chất lên khay một mớ đồ, nhưng chúng trông như một đống chén đĩa ăn bẩn thỉu, chứ không như một bữa điểm tâm vừa được bày biện. Ngay trong lúc người đàn bà đẩy họ ra và họ khom lưng (như thể sợ bị chửi rủa hoặc bị đấm) hối hả đi tới cửa, Karl đã đỡ chiếc khay từ

hai tay Robinson, vì theo cậu thấy Robinson cầm không đủ chắc chắn.

Sau khi đã đủ xa khỏi cửa bà chủ nhà, Karl ngồi xuống sàn trên hành lang để trước hết lau sạch cái khay, gom lại những món đi chung với nhau, nghĩa là đổ chung sữa lại, cạo những mẩu bơ thừa vào một cái đĩa, rồi xóa đi mọi dấu vết của sự đã dùng, nghĩa là lau sạch dao và thìa, cắt ngay ngắn những miếng bánh mì đã bị cắn, khiến tất cả nom tươm tất hơn. Robinson cho việc làm này là thừa, bảo đã thường có những bữa điểm tâm trông còn tệ hơn nhiều, nhưng Karl không nghe hắn và còn thấy mừng vì Robinson không muốn tham gia vào với những ngón tay bẩn thỉu của hắn. Để hắn khỏi phá bĩnh, Karl đưa ngay cho hắn, tất nhiên chỉ một lần thôi như cậu bảo hắn, ít bánh quy và lớp cặn dày của một bình con đã đựng sô cô la.

Khi họ tới trước căn hộ và Robinson tỉnh bơ đặt tay lên nắm đấm cửa, Karl giữ hắn lại, vì không chắc họ được phép vào.

"Được mà," Robinson bảo, "bây giờ y chỉ làm tóc cho nàng thôi."

Và quả thật trong căn phòng vẫn chưa thông gió và còn chăng màn cửa ấy Brunelda đang ngồi giạng chân hết cỡ trên ghế bành, còn Delamarche đứng sau lưng cô nàng, mặt cúi thấp chải mái tóc có lẽ rối bời của cô nàng. Brunelda lại mặc chiếc áo đầm buộc hờ, nhưng lần này màu hồng nhạt, có lẽ hơi ngắn hơn chiếc hôm qua, lộ ra ít nhất tới gần đầu gối đôi tất đan thô màu trắng. Sốt ruột vì việc chải tóc kéo dài quá lâu, Brunelda đẩy cái lưỡi dày và đỏ tới lui giữa đôi môi, thỉnh thoảng cô nàng còn kêu lên:

"Ơ hay, Delamarche!" và giật đầu ra khỏi y, Delamarche giơ cao lược thản nhiên chờ cho đến khi cô nàng ngả đầu trở lại.

"Đi như thế là quá lâu," cô nàng nói với cả hai người, song riêng với Karl cô nàng bảo: "Mày phải nhanh nhẹn hơn một tí, nếu muốn được người ta hài lòng. Mày không được noi gương thằng Robinson lười biếng và tham ăn. Hẳn là trong lúc đó bay đã ăn sáng đâu đó rồi; tao bảo cho bay biết, lần tới tao không tha đâu."

Thật quá oan uổng và Robinson cũng lắc đầu và mấp máy môi, tất nhiên không thành tiếng, tuy nhiên Karl nhận thấy rằng chỉ có thể tác động vào cặp này khi chỉ cho họ thấy công việc rành rành. Vì thế cậu lôi ra từ một góc phòng một chiếc bàn con thấp kiểu Nhật Bản, phủ khăn và bày biện lên đó những món vừa mang về. Ai đã trông thấy món điểm tâm này từ đâu mà ra, thì nói chung có thể hài lòng, còn nếu ngược lại, như Karl tự nhủ, có một số điểm đáng phàn nàn.

May mắn thay Brunelda đang đói. Cô nàng hài lòng gật đầu với Karl trong lúc cậu chuẩn bị mọi thứ và cậu thường bị cô nàng cản trở, vì chưa xong mà cô nàng đã đưa bàn tay mềm, mập mạp (biết đâu chừng nó đè bẹp ngay mọi thứ) nhón một miếng nào đấy cho mình. "Nó làm giỏi," cô nàng vừa nhai tóp tép vừa nói và kéo Delamarche (y gài lược vào mái tóc cô nàng để lát nữa chải tiếp) ngồi xuống một cái ghế bên cạnh. Delamarche cũng tỏ vẻ thân thiện khi nhìn thấy món ăn, cả hai đói ngấu, bàn tay họ hối hả ngang dọc trên chiếc bàn con. Karl nhận thấy để làm cho họ hài lòng, chỉ cần mang thật

nhiều đồ ăn về và cậu nhớ đã để lại trên sàn bếp lắm thứ còn ăn được, cậu nói: "Lần đầu tôi không biết phải sắp xếp các món ăn như thế nào, lần sau tôi sẽ làm tốt hơn." Nhưng trong lúc đang nói cậu sực nhớ mình nói với ai, cậu đã quá bị lôi cuốn bởi việc này. Brunelda hài lòng gật đầu với Delamarche và đưa Karl một nắm đầy bánh quy để tưởng thưởng.

Các chương chưa hoàn chỉnh

1

Chuyến đi ra ngoài của Brunelda[1]

Một sáng kia Karl đẩy chiếc xe có Brunelda đang ngồi ra khỏi cổng nhà. Lúc đó không còn quá sớm như cậu đã hy vọng. Họ đã thỏa thuận sẽ thực hiện chuyến đi ra ngoài ngay trong đêm, để khỏi gây chú ý trên đường phố, điều không thể tránh khỏi vào ban ngày, cho dù Brunelda muốn khiêm tốn che đậy mình bằng một tấm khăn lớn màu xám. Nhưng việc chuyển xe xuống cầu thang đã kéo dài quá lâu, dù được chàng sinh viên sẵn lòng giúp một tay; qua chuyện này mới thấy anh chàng yếu hơn Karl nhiều. Brunelda tỏ ra rất dũng cảm, cô nàng không hề thở dài và bằng mọi cách cố làm cho những người khiêng cô nàng được dễ dàng trong công việc. Nhưng họ không thể nào làm khác hơn là cứ sau năm bậc thang lại phải đặt cô nàng xuống, để chính họ và cô nàng có đủ thì giờ nghỉ ngơi cần thiết. Đó là một buổi sáng mát mẻ, trên các hành lang gió lạnh thổi như thể dưới hầm, nhưng Karl và chàng sinh viên mồ hôi đầm đìa và trong lúc nghỉ mỗi

1. Trong ấn bản của Max Brod là "Chương chưa hoàn chỉnh".

người đã phải cầm lấy một chéo khăn mà Brunelda thân mật đưa cho họ để lau khô mặt. Cho nên mãi hai giờ sau họ mới xuống tới bên dưới, nơi chiếc xe lăn đã đậu sẵn từ tối hôm trước. Việc nâng Brunelda lên xe mất công một chút nữa, nhưng rồi có thể coi là mọi chuyện thành công, vì việc đẩy xe không khó nhờ nó có những chiếc bánh cao, chỉ còn lo ngại chiếc xe sẽ bị long thành từng mảnh dưới sức nặng của Brunelda. Tất nhiên phải chấp nhận nguy cơ này, ta không thể kéo theo một xe dự phòng mà chàng sinh viên đã nửa đùa nửa thật sẵn sàng cung ứng và xung phong đẩy nó. Bây giờ đến lúc tạm biệt chàng sinh viên, cuộc chia tay còn rất thắm thiết nữa cơ. Dường như Brunelda và chàng sinh viên đã quên hết mọi bất hòa giữa họ với nhau, thậm chí anh chàng còn xin lỗi ngày trước đã sai quấy xúc phạm Brunelda khi cô nàng bị ốm, nhưng Brunelda bảo cô nàng quên những chuyện đó từ lâu rồi và đã được đền bù nhiều hơn thế. Cuối cùng cô nàng yêu cầu chàng sinh viên vui lòng nhận một đô la, mà cô nàng vất vả tìm trong nhiều lớp áo, để làm kỷ niệm. Brunelda nổi tiếng keo kiệt nên món quà này rất là ý nghĩa, chàng sinh viên quả thật cũng rất vui trước hành động ấy và đã tung bổng đồng tiền lên trời. Nhưng rồi anh chàng phải mò tìm đồng tiền trên nền đất và Karl đã phải giúp, cuối cùng cậu tìm thấy nó dưới chiếc xe của Brunelda. Cuộc chia tay giữa chàng sinh viên và Karl dĩ nhiên đơn giản hơn nhiều, họ chỉ bắt tay và đoan chắc sẽ gặp lại nhau lần nữa và lúc đó ít nhất một trong hai người - chàng sinh viên bảo đó là Karl, Karl bảo đó là chàng sinh viên - sẽ đạt được gì đấy nổi danh, điều mà đến nay rất tiếc họ chưa làm

được. Rồi Karl mạnh dạn nắm cần xe đẩy ra ngoài cổng. Chàng sinh viên nhìn theo mãi bao lâu còn thấy họ và vẫy vẫy khăn. Karl thường ngoái lại gật đầu chào, Brunelda cũng rất muốn quay người lại, nhưng đối với cô nàng thì những cử động như thế quá vất vả. Để cô nàng được tạm biệt lần chót, tới cuối đường Karl quay ngược xe lại khiến Brunelda cũng có thể trông thấy chàng sinh viên, nhân cơ hội ấy anh chàng vẫy khăn rối rít.

Nhưng rồi Karl bảo bây giờ họ không được dừng lại nữa, đường còn xa và họ đã khởi hành muộn hơn dự kiến nhiều. Quả thật thỉnh thoảng đã thấy những chiếc xe tải và, tuy còn rất lẻ tẻ, những người trên đường đi làm. Karl thật tình chỉ nói thế thôi chứ chẳng nghĩ gì thêm nữa, nhưng vì tính Brunelda nhạy cảm nên đã hiểu khác và che kín mít người với tấm khăn xám của cô nàng. Karl không ngăn cản; tuy chiếc xe đẩy phủ tấm khăn xám rất gây chú ý, nhưng vẫn ít gây chú ý hơn hẳn nếu Brunelda không được che đậy. Cậu đẩy xe hết sức thận trọng; trước khi rẽ ở một góc đường, cậu quan sát con đường đó; nếu thấy cần, cậu thậm chí còn để xe ở đó, một mình đi tới vài bước thăm dò; nếu dự đoán có thể gặp gì đấy không hay, cậu sẽ chờ cho đến khi tránh được nó hoặc thậm chí chọn một con đường khác. Ngay cả lúc ấy, vì đã nghiên cứu kỹ trước mọi lối đi khả dĩ, cậu không bao giờ gặp nguy cơ phải đi đường vòng quá xa. Tất nhiên vẫn xuất hiện những trở ngại đáng lo, nhưng cụ thể thì không lường trước được. Chẳng hạn trên một con đường hơi dốc lên, quan sát xa được và đáng mừng là nó vắng hoe - một lợi thế mà Karl đặc biệt vội vã cố tận dụng - thình lình một

viên cảnh sát bước ra từ góc tối của một cổng nhà và hỏi Karl chở gì trong cái xe đậy điệm cẩn thận thế. Dù nghiêm khắc nhìn Karl bao nhiêu, ông ta vẫn phải mỉm cười khi hé lật tấm khăn và thoáng thấy gương mặt nóng bừng, sợ sệt của Brunelda.

"Ơ?" ông ta nói. "Tôi cứ tưởng cậu chở trong xe mười bao khoai tây, hóa ra một người đàn bà duy nhất à? Mấy người đi đâu đây? Mấy người là ai?"

Brunelda không dám ngó viên cảnh sát, mà luôn chỉ nhìn Karl, rõ ràng hoài nghi rằng chính cậu cũng không thể cứu nổi cô nàng. Nhưng Karl đã có đủ kinh nghiệm với cảnh sát rồi, cậu thấy chuyện này chẳng nguy hiểm lắm.

"Cô đưa trình bức thư đã nhận được đi."

"À phải," Brunelda nói và bắt đầu tìm một cách tuyệt vọng, khiến cô nàng có vẻ đáng nghi thật sự.

"Cô ấy sẽ không tìm thấy bức thư đó đâu," viên cảnh sát nói rõ ràng châm biếm.

"Có chứ," Karl bình tĩnh nói, "cô ấy chắc chắn có mà, cô ấy chỉ để quên đâu đó thôi."

Rồi cậu bắt đầu tự tay tìm và quả thật lôi nó ra từ sau lưng Brunelda. Viên cảnh sát chỉ nhìn lướt qua. "Hóa ra là vậy," ông ta mỉm cười nói. "Cô này mà lại là loại gái ấy sao? Còn cậu, cậu bé, cậu lo việc đưa mối và chuyên chở à? Cậu thật sự không biết tìm công việc nào đàng hoàng hơn ư?"

Karl chỉ nhún vai, lại vẫn cái thói chõ mũi quen thuộc của bọn cảnh sát vào chuyện người khác.

"Chúc đi may mắn," viên cảnh sát nói, khi không nhận được câu trả lời. Lời lẽ của viên cảnh sát có vẻ hàm

chứa sự khinh bỉ, vì thế Karl cũng không chào mà tiếp tục đẩy xe đi; bị cảnh sát khinh bỉ còn hơn bị họ chú ý.

Không lâu sau đó cậu có một cuộc gặp gỡ có thể còn khó chịu hơn. Số là một người đàn ông theo làm quen với cậu, hắn đẩy một chiếc xe với những bình sữa to và hết sức muốn biết Karl chở gì dưới tấm vải xám. Không có khả năng hắn đi cùng đường như Karl, nhưng dù cậu thình lình ngoặt thế nào hắn vẫn luôn ở bên cạnh.

Mới đầu hắn hài lòng với những câu nói chẳng hạn như "Cậu hẳn phải chở đồ nặng đây!" hoặc "Cậu chất đồ không khéo, sẽ rơi ra mất!" Nhưng sau đó hắn hỏi thẳng: "Cậu chở gì dưới tấm vải thế hử?"

Karl nói: "Việc gì đến anh?" Nhưng vì như thế lại càng làm hắn tò mò hơn, nên cuối cùng Karl nói: "Táo đấy."

"Nhiều táo thế!" người đàn ông ngạc nhiên nói và không ngừng lặp đi lặp lại. "Thu hoạch của cả một vụ," hắn nói tiếp.

"Thì đấy," Karl nói.

Nhưng hoặc vì không tin lời Karl, hoặc muốn chọc tức cậu, hắn còn quá quắt hơn, bắt đầu - tất cả diễn ra trong lúc đi - vươn tay nắm tấm vải như để đùa, cuối cùng còn dám kéo nó nữa. Brunelda phải khổ sở nhường nào! Vì quan tâm đến cô nàng nên Karl không muốn cãi cọ với hắn và đẩy xe vào cái cổng mở gần đấy nhất, như thể đó là đích của mình.

"Nhà tôi đây rồi," cậu nói, "cám ơn đã đi cùng."

Người đàn ông đứng sững trước cổng, nhìn theo Karl đang thản nhiên chuẩn bị đi ngang cái sân đầu tiên, nếu cần. Người đàn ông không thể hoài nghi nữa, nhưng để

thỏa mãn ác tâm một lần cuối, hắn để xe của mình đứng đó, rón rén chạy theo Karl và giật mạnh tấm khăn, khiến suýt làm lộ mặt Brunelda.

"Cho táo của cậu được thoáng khí," hắn nói rồi chạy trở ra.

Karl cũng đành chịu, vì nó dứt khoát giải thoát cậu khỏi người đàn ông. Rồi cậu đẩy xe vào một góc sân, nơi có để vài cái thùng to trống không; nhờ chúng che chắn, cậu muốn thò đầu vào dưới tấm vải nói đôi lời trấn an Brunelda. Nhưng Karl đã phải thuyết phục lâu, vì cô nàng giàn giụa nước mắt, hết sức nghiêm chỉnh năn nỉ cậu ở lại đây nguyên ngày, sau đống thùng này, và đợi đêm đến hãy tiếp tục đi. Có lẽ một mình cậu sẽ không thuyết phục nổi Brunelda rằng ý nghĩ ấy sai lầm nhường nào, nhưng khi ai đó ở đầu kia đống thùng ném một thùng trống xuống đất, tiếng ồn vang dội trong sân vắng, khiến cô nàng hốt hoảng đến nỗi không dám nói thêm lời nào, kéo khăn che kín và có lẽ vô cùng sung sướng khi Karl không chần chừ bắt đầu lập tức đẩy xe đi.

Đường phố lúc này càng lúc càng tấp nập hơn, nhưng sự chú ý mà chiếc xe gây ra không quá lớn như Karl đã lo ngại. Có thể sẽ là hoàn toàn khôn ngoan hơn, nếu chọn một thời gian khác để đi. Nếu cần một chuyến như thế này nữa, Karl dám thử đánh xe đi vào lúc giữa trưa. Không bị nhũng nhiễu nhiều hơn nữa, cuối cùng cậu rẽ vào con đường nhỏ tối tăm, nơi đặt Doanh nghiệp số 25[1]. Viên quản lý mắt hiếng đứng trước cửa với đồng hồ trong tay.

---

1. Tên một nhà chứa.

"Mày luôn không đúng giờ thế à?" hắn hỏi.

"Gặp nhiều cản trở khác nhau," Karl nói.

"Chuyện cản trở ai mà không biết," viên quản lý nói. "Nhưng điều đó không áp dụng trong nhà này. Nhớ đấy!"

Những lời lẽ như thế này Karl chẳng buồn nghe nữa, ai cũng lợi dụng quyền hành của mình và mắng chửi người dưới. Nghe quen rồi thì nó chẳng khác tiếng tích tắc đều đặn của đồng hồ. Nhưng khi đẩy xe vào hành lang thì điều làm cậu giật mình chính là sự bẩn thỉu tràn ngập nơi đây mà tất nhiên cậu đã chờ đợi. Nhìn kỹ hơn thì đó không phải là sự bẩn thỉu có thể hiểu được. Sàn đá hành lang được quét gần như sạch bong, những tấm tranh trên các bức tường không cũ, những cây cọ giả chỉ hơi dính bụi, thế mà mọi thứ nhơn nhớt và đáng tởm, như thể chúng bị mọi người sử dụng sai và không sự sạch sẽ nào đền bù nổi. Đi tới đâu Karl cũng đều thích ngẫm nghĩ có thể cải thiện được gì ở đó và cậu sẽ thích thú biết bao được lập tức bắt tay vào, bất kể công việc đó có thể sẽ kéo dài triền miên. Nhưng ở đây cậu không biết phải làm gì. Cậu từ từ gỡ tấm vải khỏi Brunelda.

"Chào mừng cô," viên quản lý điệu bộ nói, rõ ràng Brunelda đã tạo ấn tượng tốt nơi hắn. Vừa thấy thế, cô nàng đã biết phải tận dụng ngay, như Karl hài lòng nhận thấy. Mọi lo sợ của những giờ vừa qua biến mất. Cô nàng[1]

---

1. Kafka bỏ dở chương này ở đây.

2[1]

Karl thấy ở một góc đường tấm biển quảng cáo mang hàng chữ:

"Hôm nay, từ sáu giờ sáng đến nửa đêm, tại trường đua ở Clayton sẽ thu nhận nhân viên cho hí viện ở Oklahama[2]! Đại hí viện Oklahama mời gọi các bạn! Chỉ mời gọi hôm nay, chỉ một lần thôi! Ai bỏ lỡ cơ hội lần này, sẽ bỏ lỡ mãi mãi! Ai nghĩ đến tương lai của mình, hãy đến với chúng tôi! Mọi người đều được hoan nghênh! Ai muốn trở thành nghệ sĩ, hãy đăng ký! Hí viện chúng tôi cần mọi người, người nào có vị trí người nấy! Ai đến với chúng tôi, chúng tôi chúc mừng ngay tại đây! Nhưng

---

1. Trong ấn bản của Max Brod là chương 8, tên là "Hí viện Oklahoma".

2. Oklahama: lẽ ra phải là *Oklahoma* (như Max Brod đã sửa lại trong ấn bản của mình); nhưng theo nhiều nhà nghiên cứu thì Kafka không hề đến Mỹ, nên khi sáng tác *Nước Mỹ Kẻ mất tích* ông đã sử dụng một số tư liệu (phóng sự, tranh ảnh) về đất nước này, trong đó có quyển của Arthur Holitscher (xuất bản năm 1912) mà một tấm hình mang tên "Idyll aus *Oklahama*" (Cảnh thanh bình nơi thôn dã ở Oklahama) - do Nhà xuất bản in nhầm - chụp cảnh một thanh niên da đen bị treo cổ ở một cái cây, đứng chung quanh là những người Mỹ da trắng thờ ơ. Cũng theo một số nhà nghiên cứu thì việc Kafka *cố ý* dùng tên sai *Oklahama* này cũng như dưới đây cho Karl xưng tên là *Negro* (Mọi Đen) có thể đã khiến độc giả đương thời liên tưởng tới hình ảnh người Mỹ da đen bị treo cổ - cho thấy trong một khía cạnh nào đó tác giả không coi nước Mỹ là "thiên đường" như phần lớn dư luận thời bấy giờ.

gấp gáp lên, vì các bạn chỉ được cho vào tới nửa đêm! Đúng mười hai giờ tất cả sẽ đóng cửa và không mở nữa! Ai không tin chúng tôi, người ấy đáng bị nguyền rủa! Hãy tới Clayton!"

Tuy nhiều người đứng trước biển quảng cáo, nhưng có vẻ không mấy ai tán thưởng. Có quá nhiều biển quảng cáo kiểu này, nên không ai tin biển quảng cáo nữa. Bình thường biển quảng cáo vốn đã khó tin, biển quảng cáo này lại còn khó tin hơn. Nhất là nó phạm một sai sót lớn: không có một chữ cỏn con nào về tiền công. Nếu vấn đề này chỉ đáng đề cập chút ít thôi, chắc chắn biển quảng cáo đã nêu ra, chứ không quên cái điều lôi cuốn nhất ấy. Không ai muốn trở thành nghệ sĩ, nhưng ai cũng muốn được trả công cho việc mình làm.

Nhưng biển quảng cáo có một sức quyến rũ lớn đối với Karl. "Mọi người đều được hoan nghênh," nó viết. Mọi người, nghĩa là cả Karl. Mọi việc cậu từng làm cho tới nay đã bị lãng quên, sẽ không ai bới ra để trách móc cậu. Cậu có quyền xin việc làm, không phải một công việc xấu hổ, ngược lại còn được công khai mời mọc! Và người ta cũng công khai hứa sẽ nhận cả cậu nữa. Cậu không đòi hỏi gì ghê gớm hơn, cậu muốn cuối cùng tìm được bước khởi đầu cho một sự nghiệp đàng hoàng, có thể bước khởi đầu ấy thể hiện ở đây. Mặc cho những lời lẽ đao to búa lớn trên biển quảng cáo là dối trá, mặc cho đại hí viện ở Oklahama là một gánh xiếc rong nhỏ, nó muốn thu nhận người, với cậu thế là đủ. Karl không đọc lại biển quảng cáo, nhưng lần nữa tìm câu: "Mọi người đều được hoan nghênh".

Mới đầu cậu định đi bộ tới Clayton, nhưng đó sẽ là một chuyến đi vất vả kéo dài ba tiếng đồng hồ và nếu

đi bằng cách ấy có thể cậu chỉ kịp đến để được cho biết rằng họ đã tuyển đủ người cho mọi công việc sẵn có. Tuy nhiên theo biển quảng cáo thì số người được thu nhận là không giới hạn, nhưng mọi quảng cáo tìm người loại này đều viết như thế cả. Karl thấy rằng hoặc mình phải khước từ công việc này hoặc phải đến đó bằng xe. Cậu đếm đi đếm lại tiền, không đi xe thì đủ sống tám ngày, cậu đẩy tới đẩy lui những đồng tiền kẽm nhỏ trên lòng bàn tay. Quan sát Karl, một quý ông vỗ vai cậu và nói: "Chúc đi Clayton may mắn." Karl gật đầu chẳng nói chẳng rằng và tiếp tục tính toán. Nhưng cậu nhanh chóng quyết định, chia ra số tiền cần thiết cho chuyến đi và chạy tới trạm xe điện ngầm.

Vừa xuống xe ở Clayton, cậu đã nghe thấy ngay âm thanh ầm ĩ của nhiều kèn trumpet. Ồn ào hỗn tạp, vì chúng không được hòa âm mà chỉ thổi bừa. Nhưng Karl không thấy thế làm phiền, ngược lại nó khẳng định với cậu rằng hí viện Oklahama là một doanh nghiệp lớn. Nhưng khi bước ra khỏi trạm xe điện và quan sát toàn bộ khu vực trước mặt, cậu thấy mọi thứ còn lớn hơn mình có thể tưởng tượng và cậu không hiểu nổi làm sao một doanh nghiệp lại có thể phung phí đến thế chỉ nhằm mục đích tuyển nhân viên. Một khán đài dài và thấp được dựng trước lối vào trường đua, trên đó có cả trăm phụ nữ hóa trang thành thiên thần trong những tấm vải trắng với những đôi cánh lớn trên lưng, thổi những kèn trumpet dài, màu vàng kim sáng loáng. Nhưng họ không đứng trực tiếp trên khán đài, mà mỗi người trên một cái bệ không trông thấy được, vì những tấm khăn dài bay

phấp phới của y phục thiên thần phủ kín hoàn toàn. Vì những bệ này rất cao, hẳn là tới hai mét, nên hình dáng những người đàn bà trông thật khổng lồ, chỉ hiềm những cái đầu của họ nhỏ làm giảm ấn tượng về độ lớn, mái tóc của họ cũng quá ngắn và buông xõa gần như khôi hài xuống giữa và hai bên những cái cánh to. Để tránh đơn điệu, người ta đã dùng những bệ cao rất khác nhau; có những phụ nữ thật thấp, không lớn hơn người thật mấy, song bên cạnh lại có những người đàn bà khác lắc lư tuốt trên cao, khiến ta nghĩ chỉ cần gió thổi nhẹ cũng đủ nguy hiểm cho họ. Và giờ đây mọi người phụ nữ này đều đang thổi kèn.

Không có bao nhiêu thính giả. Khoảng mười anh chàng, nhỏ thó so với những hình dáng to lớn kia, đi đi lại lại trước khán đài và ngước nhìn lên những người đàn bà. Họ chỉ cho nhau người phụ nữ này, người phụ nữ nọ, nhưng dường như không có ý định vào trong để được thu nhận. Ngoài ra chỉ thấy một người đàn ông đứng tuổi duy nhất, đứng hơi xa xa. Ông ta dẫn theo cả bà vợ và một đứa con nằm trong xe đẩy. Người vợ một tay giữ chiếc xe, tay kia tì trên vai ông chồng. Tuy họ trầm trồ màn hoạt cảnh, nhưng ta vẫn thấy là họ thất vọng. Hẳn là họ cũng chờ đợi tìm được một cơ hội làm việc, nhưng trò thổi trumpet này khiến họ hoang mang.

Karl cũng ở trong cùng hoàn cảnh. Cậu lại gần người đàn ông, nghe thổi kèn một lúc rồi hỏi: "Đây đúng là nơi thu nhận của hí viện Oklahama chứ nhỉ?"

"Tôi cũng nghĩ thế," người đàn ông nói, "nhưng chúng tôi chờ ở đây đã một giờ rồi mà chẳng nghe gì khác

hơn là trumpet. Không thấy đâu một biển quảng cáo, không thấy đâu một người loan báo, không thấy đâu một người có thể cho biết thông tin."

Karl nói: "Có lẽ họ chờ đến khi người ta đến đông hơn. Quả thật còn quá ít ở đây."

"Có thể," người đàn ông nói và rồi họ lại im lặng. Vả chăng cũng khó trò chuyện trong tiếng trumpet ầm ĩ. Nhưng rồi người đàn bà thì thầm gì đấy với chồng, ông ta gật đầu và bà liền gọi Karl: "Cậu có thể đi qua đường đua hỏi xem chỗ thu nhận ở đâu được không?"

"Được," Karl nói, "nhưng thế thì tôi sẽ phải đi băng khán đài, xuyên qua các thiên thần."

"Khó khăn lắm sao?" người đàn bà hỏi.

Theo bà ta thì đường đi không khó đối với Karl, nhưng bà ta lại không muốn bảo chồng đi.

"Được rồi," Karl nói, "tôi đi cho."

"Cậu tử tế quá," người đàn bà nói và bà ta cùng ông chồng bắt tay Karl.

Mấy anh chàng kia cùng chạy tới gần để xem Karl leo lên khán đài như thế nào.

Cứ như thể những người đàn bà thổi kèn to hơn để chào mừng người đầu tiên tìm việc. Nhưng hễ Karl vừa đi qua bệ nào là người đàn bà đứng trên bệ ấy liền nhả kèn ra và cúi qua bên nhìn theo lối cậu đi. Karl thấy ở đầu kia khán đài một người đàn ông sốt ruột đi tới đi lui, rõ ràng ông ta chỉ chờ có người tới để cung cấp mọi thông tin mà ta muốn có. Karl đã định đi tới chỗ ông ta, chợt nghe trên đầu tiếng người gọi tên mình.

"Karl!" một thiên thần gọi.

Karl nhìn lên và bật cười trước điều ngạc nhiên thích thú. Đó là Fanny[1].

"Fanny!" cậu kêu lên và giơ tay chào.

"Lại đây!" Fanny gọi. "Anh không định chạy khỏi chỗ tôi đấy chứ!" Và cô lật tấm khăn, để lộ ra cái bệ và một cầu thang nhỏ dẫn lên trên."

"Tôi được phép lên không?" Karl hỏi.

"Ai cấm được chúng ta bắt tay nhau!" Fanny kêu lên và giận dữ nhìn quanh xem có kẻ nào mang lệnh cấm tới. Nhưng Karl đã chạy lên cầu thang.

"Từ từ thôi!" Fanny kêu. "Kẻo cái bệ và hai chúng ta đổ ụp mất!" Nhưng không có chuyện gì xảy ra và Karl sung sướng lên tới bậc trên cùng. "Anh xem," Fanny nói khi họ chào nhau xong, "anh xem tôi đã có được công việc gì."

"Hay lắm," Karl nói và nhìn quanh. Mọi phụ nữ gần đó đều đã trông thấy Karl và cười khúc khích. "Cô gần như là cao nhất đấy," Karl nói rồi duỗi bàn tay để ước lượng độ cao của những người kia.

"Tôi trông thấy anh ngay khi anh từ trạm xe ra," Fanny nói, "nhưng tiếc thay tôi ở hàng cuối cùng này, anh không thấy tôi mà tôi cũng không thể gọi. Tuy tôi đã thổi hết sức to, nhưng anh không nhận ra."

"Các người đều thổi xoàng cả," Karl nói, "cho tôi thổi một lần coi."

"Được thôi," Fanny nói và đưa kèn cho cậu, "nhưng đừng làm hỏng ban nhạc, kẻo người ta sa thải tôi đấy."

---

1. Nhân vật Fanny này không có trong các chương trước!

Karl bắt đầu thổi; cậu cứ tưởng đó là một kèn trumpet được chế thô sơ, chỉ dùng vào việc gây huyên náo, nhưng bây giờ mới hóa ra đó là một nhạc cụ gần như có thể diễn tả được mọi sắc thái. Nếu mọi kèn này đều có cùng chất lượng thì người ta đã lạm dụng chúng quá mức. Karl phồng ngực thổi, không để bị tiếng ồn ào của những chiếc kèn khác quấy rầy, một bài hát có lần cậu nghe đâu đó trong một quán rượu. Cậu mừng gặp lại một cô bạn cũ và ở đây, được ưu đãi hơn mọi người, được thổi kèn trumpet và có thể không lâu nữa nhận được một việc làm tốt. Nhiều phụ nữ ngừng thổi và lắng nghe; lúc cậu đột ngột ngừng, chưa tới một nửa số kèn được sử dụng, chỉ dần dần tiếng ồn ào mới lại hoàn toàn như trước.

"Anh đúng là một nghệ sĩ," Fanny nói, khi Karl trả lại kèn. "Hãy xin làm người thổi trumpet đi."

"Đàn ông cũng được thu nhận à?" Karl hỏi.

"Được," Fanny nói, "chúng tôi thổi hai giờ liền. Rồi chúng tôi được những người đàn ông ăn mặc như quỷ sứ thay thế. Một nửa thổi kèn, một nửa đánh trống. Rất hay, toàn thể trang bị tốn kém lắm đấy. Quần áo của chúng tôi không đẹp sao? Và những cái cánh nữa?" Cô ngó xuống mình.

"Cô tin rằng cả tôi cũng sẽ được một chỗ à?" Karl hỏi.

"Chắc chắn," Fanny nói, "đây là hí viện lớn nhất thế giới mà. Thật hay là chúng mình lại ở cùng chỗ với nhau! Song còn tùy anh nhận được công việc gì. Cũng có thể chúng mình hoàn toàn không gặp nhau, dù cả hai ta cùng là nhân viên ở đây."

"Nó thật lớn thế sao?" Karl hỏi.

"Nó là hí viện lớn nhất thế giới," Fanny lặp lại, "tất nhiên chính tôi chưa thấy, nhưng nhiều cô đồng nghiệp từng ở Oklahama bảo rằng nó gần như bất tận."

"Nhưng chỉ ít người muốn đăng ký," Karl nói và chỉ xuống mấy anh chàng nọ và cái gia đình bé nhỏ.

"Đúng thế," Fanny nói. "Nhưng nên nhớ rằng chúng tôi thu nhận người ở mọi thành phố, rằng đội tuyển mộ của chúng tôi không dừng bước và còn nhiều đội như thế nữa."

"Thế hí viện chưa khai trương sao?" Karl hỏi.

"Rồi chứ," Fanny nói, "đó là một hí viện cũ, nhưng không ngừng được mở rộng."

"Tôi ngạc nhiên," Karl nói, "rằng không có nhiều người hơn chen chúc xin việc."

"Phải," Fanny nói, "lạ thật đấy."

"Có thể," Karl nói, "trò xa hoa với thiên thần và quỷ sứ này khiến người ta sợ thay vì bị thu hút."

"Làm sao anh có thể nghĩ ra được điều ấy!" Fanny nói. "Nhưng có lẽ như thế thật. Anh hãy nói với người lãnh đạo của chúng tôi, có thể anh giúp được ông ta."

"Ông ta ở đâu?" Karl hỏi.

"Ở đường đua," Fanny nói, "trên khán đài của trọng tài."

"Cả điều này cũng khiến tôi ngạc nhiên," Karl nói, "tại sao việc thu nhận lại diễn ra trên đường đua?"

"Đúng," Fanny nói, "đâu đâu chúng tôi cũng đều tiến hành việc chuẩn bị lớn nhất cho đám đông lớn nhất. Trên đường đua có nhiều chỗ mà. Và ở những nơi bình thường người ta nhận cá độ, chúng tôi dựng lên những

văn phòng thu nhận. Nghe nói có hai trăm văn phòng khác nhau."

"Nhưng mà," Karl kêu lên, "hí viện Oklahama có thu nhập lớn đến thế để duy trì đội ngũ tuyển mộ đông vậy à?"

"Việc gì chúng mình phải bận tâm tới chuyện ấy nhỉ?" Fanny nói. "Nhưng đi đi thôi, Karl ơi, kẻo anh lỡ dịp, tôi cũng phải thổi kèn trở lại. Dẫu sao anh hãy thử xin một chỗ trong nhóm tụi này và tới báo ngay cho tôi biết. Đừng quên rằng tôi rất sốt ruột chờ tin đấy."

Cô bắt tay cậu, nhắc nhở cậu cẩn thận khi leo xuống rồi đưa trumpet lên môi trở lại, nhưng chưa thổi ngay, mà chờ đến khi thấy Karl xuống đất an toàn. Karl kéo những tấm khăn che cầu thang lại như hồi nãy. Fanny gật đầu cám ơn và Karl vừa ngẫm nghĩ đủ kiểu về điều mới được nghe Fanny nói, vừa đi về phía người đàn ông (ông ta đã thấy Karl đứng trên cao bên Fanny) đang tiến lại gần cái bệ để gặp cậu.

"Cậu muốn gia nhập đoàn chúng tôi à?" người đàn ông hỏi. "Tôi là trưởng nhân sự của đoàn này và chào mừng cậu." Ông ta luôn hơi cúi đầu như thể vì lịch sự, nhún nhảy dù vẫn đứng yên tại chỗ và mân mê sợi dây của chiếc đồng hồ bỏ túi.

"Cám ơn ông," Karl nói, "tôi đã đọc biển quảng cáo của quý doanh nghiệp và đăng ký như được yêu cầu."

"Chí phải," người đàn ông tán thành, "rất tiếc không phải ở đây ai cũng xử sự đúng đắn như vậy."

Karl nghĩ bây giờ mình có thể lưu ý người đàn ông rằng có lẽ miếng mồi nhử của đội tuyển mộ thất bại chính

vì sự tuyệt vời của nó. Nhưng cậu không nói, vì người đàn ông này không phải là trưởng đoàn, hơn nữa chưa được nhận mà đã đưa ra những đề nghị cải tiến là không ổn. Nên cậu chỉ nói: "Ngoài kia có một người nữa đang chờ, ông ấy cũng muốn đăng ký và đã nhờ tôi đi trước xem sao. Bây giờ tôi được phép gọi ông ấy vào chứ?"

"Đương nhiên," người đàn ông nói, "càng nhiều người tới càng tốt."

"Ông ấy dẫn theo bà vợ và đứa con nhỏ trong xe đẩy. Vợ con ông ấy cũng vào luôn chứ?"

"Tất nhiên," người đàn ông nói và dường như mỉm cười về sự hoài nghi của Karl. "Chúng tôi có thể cần tất cả mà."

"Tôi quay lại ngay," Karl nói và chạy ngược tới bên lề khán đài. Cậu vẫy đôi vợ chồng, bảo rằng mọi người được phép vào. Cậu giúp nâng chiếc xe chở đứa bé lên khán đài, rồi họ cùng đi. Thấy thế, những anh chàng kia liền bàn bạc với nhau; họ chần chừ đến giây phút cuối, hai tay thọc túi quần, rồi lề mề leo lên khán đài, cuối cùng đi theo Karl và gia đình kia. Ngay lúc ấy những hành khách mới từ trạm xe điện ngầm bước ra, trông thấy khán đài cùng các thiên thần, liền giơ tay sửng sốt. Dẫu sao giờ đây việc đăng ký đã có vẻ nhộn nhịp hơn. Karl rất mừng đã đến sớm, có lẽ cậu là người đầu tiên; cặp vợ chồng rụt rè hỏi đủ điều rằng không biết người ta có đòi hỏi gì ghê gớm chăng. Karl bảo cậu chưa biết gì cụ thể, nhưng thật sự có cảm tưởng ai cũng sẽ được thu nhận, không có ngoại lệ. Cậu tin rằng họ có thể yên tâm được.

Viên trưởng nhân sự tiến lại gặp họ, xoa tay rất hài lòng thấy nhiều người đến như thế, ông ta cúi chào từng

người và bảo họ đứng thành một hàng. Karl đứng đầu, rồi tới cặp vợ chồng, sau đó mới tới những người khác. Khi họ đứng ngay ngắn rồi (thoạt tiên những anh chàng kia chen lấn nhau, mất một lúc đám ấy mới yên lặng) viên trưởng nhân sự nói, trong lúc các kèn trumpet im bặt: "Nhân danh hí viện Oklahama tôi chào mừng quý vị. Quý vị đã đến sớm" (sắp giữa trưa rồi còn gì), "chưa phải chen lấn gì nhiều, nên các thủ tục thu nhận quý vị sẽ được thực hiện nhanh chóng. Chắc chắn quý vị đều có đem theo giấy căn cước chứ."

Mấy anh chàng kia móc túi lấy ngay ra giấy tờ gì đấy và huơ huơ trước viên trưởng nhân sự; người chồng huých vợ, bà lôi từ dưới tấm đệm lông của chiếc xe đẩy ra cả một bó giấy tờ. Còn Karl không có. Nó có thể gây trở ngại cho việc thu nhận cậu chăng? Có thể lắm chứ[1]. Dẫu sao kinh nghiệm đã cho Karl biết rằng những quy định kiểu này dễ luồn lách thôi, miễn ta kiên quyết một chút. Viên trưởng nhân sự nhìn khắp hàng người để biết chắc ai cũng có giấy tờ và vì Karl cũng giơ tay, song tay không, ông ta nghĩ giấy tờ cậu cũng ổn.

"Được rồi," viên trưởng nhân sự nói, song phẩy tay từ chối kiểm tra ngay giấy tờ của mấy anh chàng kia, "giấy tờ sẽ được kiểm tra tại các văn phòng thu nhận. Như quý vị đã thấy trên biển quảng cáo của chúng tôi, ai chúng tôi cũng có thể cần. Nhưng tất nhiên chúng tôi phải biết cho đến nay quý vị đã làm nghề gì, hầu chúng tôi có

1. Bản của Max Brod sắp câu này sau câu tiếp theo đoạn "Dẫu sao... một chút", khiến nghĩa của đoạn này thành ra khác!

thể xếp quý vị vào đúng chỗ, để quý vị có thể phát huy kiến thức của mình." "Đây là hí viện thôi mà," Karl hoài nghi nghĩ và chăm chú nghe. "Vì thế tại những buồng đánh cá cược," viên trưởng nhân sự nói tiếp, "chúng tôi đã đặt những văn phòng thu nhận, mỗi văn phòng cho một nhóm nghề nghiệp. Vậy bây giờ mỗi vị hãy cho tôi biết về nghề nghiệp của mình, ai có gia đình thì gia đình nói chung thuộc vào văn phòng của người chồng. Rồi tôi sẽ dẫn quý vị đến các văn phòng, ở đó đầu tiên là giấy tờ rồi kiến thức của quý vị sẽ được các chuyên gia kiểm tra, chỉ là một cuộc kiểm tra rất ngắn thôi, quý vị chẳng có gì phải sợ. Quý vị cũng được thu nhận luôn tại đó và được hướng dẫn tiếp tục. Chúng ta bắt đầu nhé. Đây, văn phòng đầu tiên, như hàng chữ đã ghi, dành cho các kỹ sư. Trong số quý vị có ai là kỹ sư không?" Karl giơ tay. Cậu nghĩ rằng chính vì mình không có giấy tờ nên phải nỗ lực chạy qua mọi thủ tục hết sức nhanh, ngoài ra cậu cũng có một chút lý do chính đáng để đăng ký, vì cậu từng muốn trở thành kỹ sư. Nhưng khi mấy anh chàng kia thấy Karl giơ tay, liền ganh tị và cũng giơ tay luôn; cả bọn giơ tay. Viên trưởng nhân sự đứng thẳng lên và nói với mấy anh chàng: "Các cậu là kỹ sư à?" Bấy giờ họ từ từ hạ tay xuống, còn Karl vẫn giữ nguyên ý kiến. Tuy viên trưởng nhân sự nhìn cậu không tin, vì thấy Karl ăn mặc lôi thôi và cũng quá trẻ, khó là kỹ sư được, nhưng ông ta không nói gì thêm, có lẽ vì biết ơn Karl, ít nhất theo quan niệm của ông ta, đã dẫn người xin việc vào. Ông ta trỏ vào văn phòng vẻ mời mọc và Karl đi tới đó, trong khi viên trưởng nhân sự quay lại với những người kia.

Trong văn phòng dành cho kỹ sư có hai ông đang ngồi hai bên một chiếc bàn hình chữ nhật và đối chiếu hai danh sách to đặt trước mặt họ. Một ông đọc lớn, ông kia gạch trong danh sách của mình những tên vừa được xướng lên. Khi Karl vừa chào vừa tiến lại trước họ, họ lập tức bỏ hai danh sách xuống và cầm lấy những quyển sách to khác, lật ra.

Một ông, rõ ràng chỉ là thư ký, nói: "Yêu cầu anh cho xem giấy căn cước."

"Rất tiếc tôi không mang theo," Karl nói.

"Anh ấy không mang theo," viên thư ký nói với ông kia và ghi câu trả lời vào quyển sách của mình.

"Anh là kỹ sư?" ông kia, dường như là trưởng văn phòng này, hỏi.

"Tôi chưa," Karl đáp nhanh, "nhưng..."

"Đủ rồi," ông ta nói còn nhanh hơn nhiều, "vậy anh không thuộc về văn phòng này. Tôi yêu cầu chú ý đến dòng chữ ghi." Karl cắn răng, ông ta hẳn đã nhận thấy, vì ông ta bảo: "Đó không phải là lý do để anh phải lo lắng. Chúng tôi có thể cần mọi người." Rồi ông ta vẫy một trong những tùy phái đang vô công rồi nghề lượn qua lượn lại giữa các thanh chắn: "Anh dẫn cậu này tới văn phòng cho những người có kiến thức kỹ thuật."

Viên tùy phái hiểu lệnh này theo nghĩa đen nên đã nắm tay Karl dẫn đi. Họ đi qua giữa nhiều phòng, ở một phòng Karl thấy một trong những anh chàng nọ, y đã được thu nhận và đang bắt tay cám ơn các ông ở đó. Diễn tiến trong văn phòng Karl được dẫn tới này, như cậu đã thấy trước, tương tự như ở văn phòng đầu tiên. Khi Karl nói đã

học xong trung học, từ đây người ta lại gửi cậu đến văn phòng cho những người từng học trung học. Nhưng ở đó, khi Karl khai đã học một trường trung học Âu châu, người ta liền tuyên bố không có thẩm quyền và bảo tùy phái dẫn cậu tới văn phòng dành cho học sinh trung học Âu châu. Đó là một văn phòng ở tận ngoài rìa, không chỉ nhỏ mà còn thấp hơn mọi văn phòng khác. Viên tùy phái đưa cậu tới đây đã điên tiết vì phải dẫn cậu đi xa và gặp bao lần khước từ, mà theo hắn nghĩ thì đó là lỗi của một mình Karl. Nên hắn không chờ người ta hỏi cậu nữa, mà lập tức chạy đi. Văn phòng này hẳn cũng là chốn nương tựa cuối cùng. Khi Karl trông thấy viên trưởng văn phòng, cậu suýt hốt hoảng về sự giống nhau giữa ông ta và một ông thầy của mình có lẽ giờ đây vẫn còn dạy tại trường trung học ở quê nhà. Tuy nhiên cậu nhận thấy ngay họ chỉ giống nhau về chi tiết; nhưng cặp kính trên cái mũi to bè, bộ râu quai nón vàng hoe được chăm chút như một vật triển lãm, cái lưng hơi còng và giọng nói luôn bất chợt cất cao đã khiến Karl sửng sốt mất một lúc. May mà cậu không phải quá chú ý, vì nơi đây mọi chuyện diễn ra đơn giản hơn ở những văn phòng khác. Tuy người ta cũng ghi rằng cậu thiếu giấy căn cước và viên trưởng phòng bảo đó là một sơ suất khó hiểu, nhưng người thư ký, ông ta có tiếng nói quyết định ở đây, đã lờ đi và tuyên bố Karl được thu nhận, sau khi viên trưởng phòng hỏi vài câu ngắn ngủi và đang định hỏi một câu khó hơn. Viên trưởng phòng há hốc miệng quay nhìn người thư ký, nhưng ông này phẩy tay tỏ ý kết thúc, nói "Thu nhận" và ghi ngay quyết định này vào sổ. Rõ ràng viên thư ký cho rằng việc là một học

sinh trung học ở châu Âu đủ nhục nhã rồi, nên có thể tin tưởng ở người tự khẳng định điều này mà không cần phải kiểm tra gì cho phiền toái. Về phần mình, Karl chẳng có gì phản đối và định đi tới cám ơn ông ta. Nhưng cậu phải tạm hoãn, vì người ta cần biết tên cậu. Karl không trả lời ngay, cậu ngượng ngùng phải nói để người ta viết ra tên thật của mình. Bao giờ cậu nhận được ở đây một công việc, cho dù hết sức tầm thường, và hoàn thành nó mỹ mãn, lúc ấy người ta tha hồ biết tên cậu, nhưng lúc này thì chưa; cậu giấu tên thật của mình đã quá lâu, chẳng lẽ bây giờ lại để lộ ra. Vì lúc ấy không nghĩ ra được cái tên nào khác, cậu bèn nêu cái tên đã dùng ở những chỗ làm cuối cùng: "Negro"

"Negro?" viên trưởng phòng hỏi, quay đầu, vẻ mặt nhăn nhó như thể Karl vừa đạt đỉnh cao của sự không đáng tin cậy. Cả người thư ký cũng nhìn Karl một lúc bằng cặp mắt thăm dò, nhưng rồi lặp lại "Negro" và ghi vào sổ.

"Ông không ghi Negro đấy chứ?" viên trưởng phòng la lối.

"Ghi chứ, Negro," người thư ký thản nhiên nói và phác tay như bảo viên trưởng phòng nói qua chuyện khác.

Viên trưởng phòng tự kiềm chế, đứng lên tuyên bố: "Thế là hí viện Oklahama..." nhưng không nói tiếp được nữa; ông ta không thể làm trái với lương tâm, nên lại ngồi xuống và nói: "Tên anh này không phải là Negro."

Người thư ký nhướng cao đôi mày, tự đứng dậy và nói: "Vậy tôi cho cậu biết rằng cậu đã được hí viện Oklahama thu nhận và bây giờ sẽ được đưa đến trình diện với đội trưởng của chúng tôi."

Một tùy phái lại được gọi đến, dẫn Karl tới khán đài của trọng tài. Dưới chân cầu thang Karl thấy chiếc xe đẩy của trẻ con, lúc ấy cặp vợ chồng cũng vừa xuống tới, người vợ bế đứa con trên tay.

"Cậu được nhận chứ?" người chồng hỏi, ông ta linh lợi hơn hồi nãy nhiều, bà vợ cũng cười ngoái nhìn chồng. Khi Karl trả lời rằng mới vừa được thu nhận và bây giờ đi trình diện, người chồng nói: "Chúc mừng cậu. Chúng tôi cũng được nhận. Xem ra đây là một doanh nghiệp lớn, tất nhiên ta không thể thích nghi ngay được với mọi thứ, nhưng ở đâu chả thế." Họ còn chào nhau "Hẹn gặp lại" và Karl leo lên khán đài. Cậu đi chậm rãi, vì căn phòng trên kia có vẻ đầy nghẹt người, cậu không muốn chen lấn. Thậm chí cậu còn dừng lại, quan sát trường đua rộng lớn, trải dài tới tận những cánh rừng xa. Chợt cậu nổi hứng được một lần xem đua ngựa, ở Mỹ cậu chưa có được dịp nào. Hồi nhỏ, ở châu Âu cậu đã có lần được dẫn tới một cuộc đua, nhưng không thể nhớ lại gì hơn là bị mẹ kéo qua giữa đông đảo người không chịu tránh. Tức là đúng ra cậu chưa được xem cuộc đua ngựa nào. Sau lưng Karl máy móc bắt đầu kêu rì rì, cậu quay nhìn cái thiết bị vốn dùng để trưng tên những con ngựa thắng giải, giờ đây trên cao chạy hàng chữ: "Thương gia Kalla cùng vợ con". Tức là ở đây nó thông báo cho các văn phòng tên những người được thu nhận.

Đúng lúc ấy có vài ông tay cầm bút chì và sổ ghi chép, trò chuyện sôi nổi với nhau, chạy xuống cầu thang, Karl nép sát vào lan can nhường lối, rồi leo lên, vì bây giờ trên kia đã trống. Trong một góc của cái bục có lan

can gỗ bao quanh - trông như cái mái bằng của một ngọn tháp hẹp - một ông đang ngồi duỗi tay dọc lan can, ngang ngực đeo một băng lụa trắng to mang hàng chữ "Đội trưởng đội tuyển mộ thứ mười của hí viện Oklahama". Bên cạnh là chiếc bàn con, trên đặt một máy điện thoại (chắc cũng dùng trong các cuộc đua ngựa), nhờ máy này mà đội trưởng hiển nhiên biết mọi điều cần thiết về từng người xin việc trước khi cuộc phỏng vấn bắt đầu, vì ông ta chẳng hỏi han gì Karl mà nói với một ông ngồi tựa lưng bên cạnh, chân vắt tréo, tay chống cằm: "Negro, một học sinh trung học Âu châu." Và như thể qua đó đã giải quyết xong mọi việc với Karl đang cúi thấp đầu, ông ta nhìn xuống cầu thang xem lại có ai tới nữa không. Nhưng vì không ai tới, nên thỉnh thoảng ông ta cũng lắng nghe ông kia trò chuyện với Karl, còn phần nhiều ông ta nhìn qua trường đua và gõ ngón tay lên lan can. Những ngón tay mảnh dẻ nhưng khỏe, dài và cử động thoăn thoắt kia đôi lúc cũng khiến Karl sao nhãng, tuy cậu đã phải rất lưu tâm đến người đang trò chuyện với mình.

"Trước đây anh thất nghiệp à?" mới đầu ông ta hỏi. Câu hỏi này, như hầu hết mọi câu hỏi khác ông ta đặt ra, đều rất đơn giản, chẳng có gì hóc búa và thêm vào đó, những điều Karl trả lời cũng không bị ông ta hỏi những câu chen ngang để kiểm chứng; tuy nhiên qua kiểu ông ta mở to mắt khi nêu những câu hỏi, kiểu ông ta cúi thân trên quan sát tác động của chúng, kiểu ông ta cúi đầu xuống ngực đón nhận những câu trả lời và thỉnh thoảng cao giọng lặp lại, ông ta đã biết cách tạo cho chúng một tầm quan trọng đặc biệt, tuy ta không hiểu tầm quan trọng ấy,

nhưng sự linh cảm về nó khiến ta phải thận trọng và e dè. Nhiều khi Karl tha thiết muốn rút lại điều đã trả lời và thay bằng một câu khác có lẽ được tán đồng hơn, nhưng cậu luôn dừng lại, vì biết một sự dao động như thế sẽ gây ấn tượng xấu thế nào và ngoài ra tác động của những câu trả lời này phần lớn khó lường. Hơn nữa việc thu nhận cậu dường như ngã ngũ rồi, điều này đã cho cậu chỗ dựa.

Câu hỏi có phải trước đây cậu thất nghiệp không, cậu trả lời với một tiếng "phải" ngắn gọn.

"Mới đây nhất anh làm việc ở đâu?" rồi ông ta hỏi. Karl đã định trả lời, lúc ấy ông ta giơ ngón tay trỏ và nói lại: "Mới đây nhất!"

Ngay câu hỏi đầu Karl đã hiểu đúng rồi, bất giác cậu lắc đầu rũ bỏ lời chú thích gây băn khoăn của ông ta và đáp: "Trong một văn phòng." Đó vẫn là sự thật, nhưng nếu ông ta đòi thông tin rõ hơn về văn phòng này thuộc loại nào, thì cậu sẽ phải nói dối. Nhưng ông ta không đòi, mà chỉ đặt ra câu hỏi hoàn toàn dễ trả lời theo đúng sự thật: "Ở đó anh có hài lòng không?"

"Không!" Karl kêu lên, gần như ngắt lời ông ta. Karl liếc thấy viên đội trưởng hơi mỉm cười. Karl ân hận đã thiếu cân nhắc về câu trả lời vừa rồi, nhưng cậu quá thèm được bật ra tiếng "không" này, vì trong suốt thời gian làm việc gần đây nhất của mình, cậu chỉ có một ước muốn lớn nhất là một người sếp lạ mặt nào đó một lần bước vào và hỏi cậu câu này. Nhưng câu trả lời của cậu còn có thể đưa tới một bất lợi khác, vì giờ đây ông ta có thể hỏi tại sao cậu không hài lòng. Thay vì thế ông ta lại hỏi: "Anh cảm thấy thích hợp với công việc nào?"

Câu hỏi này quả thật có thể là bẫy, vì nó được đặt ra để làm gì, khi Karl đã được thu nhận làm diễn viên? Nhận thấy thế, song Karl đã không buộc được mình giải thích rằng cậu cảm thấy đặc biệt thích hợp với nghề diễn viên. Cho nên cậu né tránh câu hỏi và nói, dù có nguy cơ bị coi là ngang bướng: "Tôi xem biển quảng cáo ở thành phố, thấy viết rằng hí viện có thể cần mọi người, nên đã đăng ký."

"Chúng tôi biết điều đó," ông ta nói rồi im lặng, qua đó cho thấy ông ta khăng khăng với câu vừa hỏi.

"Tôi được thu nhận làm diễn viên," Karl ngập ngừng nói để ông ta hiểu về sự khó khăn mà câu hỏi vừa rồi đã gây ra cho cậu.

"Đúng vậy," ông ta nói rồi lại lặng im.

"Hừm[1]," Karl nói và mọi hy vọng tìm được việc làm của cậu bị lung lay, "tôi không biết mình có thích hợp với việc diễn kịch chăng. Nhưng tôi sẽ nỗ lực và cố thực hiện mọi công việc được giao."

Ông ta quay nhìn viên đội trưởng, cả hai gật đầu, dường như Karl đã trả lời đúng; cậu cảm thấy can đảm trở lại và trấn tĩnh tinh thần chờ câu hỏi tới. Nó như sau: "Hồi đó, mới đầu cậu định học gì?"

Để câu hỏi được chính xác hơn - ông ta luôn rất chú trọng đến việc làm cho chính xác - ông ta nói thêm: "Ý tôi muốn hỏi ở châu Âu." Nói đến đây ông ta nhấc tay khỏi cằm và phác nhẹ, như cùng lúc muốn cho thấy châu Âu xa

---

1. Nguyên văn "*Nun*", ở đây nó chỉ là một từ đệm (tức là không có nghĩa gì!). Bản do Max Brod chủ biên in nhầm thành "*Nein - không*" - sai hẳn ý!

xôi biết mấy và những dự định từng được ấp ủ ở đó mới vô nghĩa làm sao.

Karl nói: "Hồi đó tôi muốn trở thành kỹ sư." Tuy cậu không ưa câu trả lời này (ý thức rõ về sự nghiệp của mình cho đến nay trên nước Mỹ thì thật là khôi hài khi làm sống lại tại đây kỷ niệm xưa, rằng cậu từng muốn trở thành kỹ sư - nếu còn ở châu Âu cậu có bao giờ trở thành kỹ sư không?) nhưng tạm thời không biết trả lời thế nào khác, nên đã đáp như thế.

Nhưng ông ta coi đó là nghiêm chỉnh, như đã coi mọi câu trả lời của cậu là nghiêm chỉnh. "Chà, kỹ sư," ông ta nói, "hẳn là anh không thể trở thành ngay được, nhưng tạm thời thực hiện những công việc kỹ thuật ở mức thấp hơn có thể thích hợp với anh."

"Chắc chắn," Karl nói, rất hài lòng; nếu cậu chấp nhận đề nghị này, tuy sẽ bị đẩy từ tầng lớp diễn viên sang công nhân kỹ thuật, nhưng cậu thật sự tin rằng ở công việc này cậu có thể chứng minh tốt hơn khả năng của mình. Hơn nữa, cậu luôn luôn tự nhắc nhở rằng điều quan trọng không phải là công việc nào, mà ngược lại, trụ được lâu dài ở bất cứ đâu.

"Anh có đủ sức vóc cho công việc nặng không đấy?" ông ta hỏi.

"Dạ có," Karl nói.

Ông ta liền bảo Karl lại gần và nắn nắn cánh tay cậu. "Đây là một thanh niên khỏe mạnh," rồi ông ta vừa nói vừa nắm tay Karl kéo tới viên đội trưởng. Đội trưởng mỉm cười gật đầu, không nhấc người khỏi chỗ ngồi thoải mái, chìa tay cho Karl và nói: "Vậy là chúng ta đã xong. Ở

Oklahoma mọi chuyện sẽ được kiểm tra lại. Cậu hãy tỏ ra xứng đáng với đội tuyển mộ của chúng ta!"

Karl cúi đầu chào tạm biệt, rồi cậu cũng muốn từ biệt ông kia nữa, nhưng ông ta đã đi tới đi lui trên bục, mặt nghếch lên trời, như thể đã xong hoàn toàn nhiệm vụ. Trong lúc Karl bước xuống, một hàng chữ chạy cao trên tấm biển cạnh cầu thang: "Negro, công nhân kỹ thuật."

Vì ở đây mọi chuyện đều tiến hành quy củ, nên giả thử Karl thấy tên thật của mình trên tấm biển, cậu cũng không ân hận gì nhiều nữa. Thậm chí mọi chuyện còn được sắp xếp quá chu đáo, vì Karl được một tùy phái đón dưới chân cầu thang, buộc quanh cánh tay cậu một tấm băng. Khi giơ tay để xem trên tấm băng có gì, Karl thấy ở đó cụm từ hoàn toàn chính xác "công nhân kỹ thuật".

Nhưng bây giờ mặc cho được dẫn đi đâu, trước hết Karl muốn báo cho Fanny biết mọi chuyện đã diễn ra may mắn biết bao. Nhưng cậu rất tiếc được người tùy phái cho biết rằng các thiên thần cũng như quỷ sứ đã đi đến địa điểm hoạt động mới của đội tuyển mộ, để quảng bá về việc đội sẽ tới vào hôm sau. "Tiếc quá," Karl nói, đó là điều thất vọng đầu tiên cậu trải qua trong doanh nghiệp này, "tôi có một cô bạn trong số các thiên thần."

"Anh sẽ gặp lại cô ấy ở Oklahama," người tùy phái nói, "nhưng bây giờ đi thôi, anh là người cuối cùng đấy."

Hắn dẫn Karl đi dọc mặt sau của khán đài, nơi các thiên thần đứng hồi nãy; giờ đây ở đó chỉ còn những bệ trống trơ. Phỏng đoán của Karl rằng vắng tiếng nhạc của các thiên thần sẽ có nhiều người đến tìm việc hơn đã tỏ ra không đúng, vì lúc này trước khán đài chẳng có người

lớn nào nữa, chỉ thấy vài đứa trẻ đang tranh nhau một chiếc lông chim dài màu trắng, chắc rơi ra từ một cánh thiên thần. Một thằng bé giơ chiếc lông lên cao, trong khi những đứa kia cố dùng một tay ấn đầu nó xuống, còn tay kia chụp lấy chiếc lông.

Karl chỉ vào những đứa bé, nhưng người tùy phái nói mà không nhìn chúng: "Nhanh lên anh, họ hỏi anh rõ thật lâu, rồi mới thu nhận. Họ hoài nghi à?"

"Tôi không biết," Karl ngạc nhiên đáp, nhưng cậu không tin điều hắn vừa nói. Kể cả trong những tình huống sáng tỏ nhất vẫn luôn có ai đấy thích gây lo lắng cho đồng loại. Nhưng trước quang cảnh thân mật của khán đài lớn dành cho khán giả, mà họ đang đi tới, Karl mau chóng quên lời nhận xét của người tùy phái. Trên khán đài có một băng ghế to, dài phủ khăn trắng, mọi người được thu nhận ngồi trên ghế băng thấp hơn kế đó, quay lưng về đường đua và đang được khoản đãi. Ai nấy tươi vui và khích động; vừa khi Karl, người cuối cùng, kín đáo ngồi xuống ghế, nhiều người đứng lên nâng ly và một người nói lời chúc tụng viên đội trưởng đội tuyển mộ thứ mười, gọi ông ta là "cha của những người tìm việc". Ai đó lưu ý rằng từ chỗ này người ta vẫn có thể trông thấy ông ta, và quả thật khán đài cho trọng tài với hai ông kia không quá xa, có thể thấy được. Mọi người liền huơ ly về hướng đó, Karl cũng cầm lấy chiếc ly trước mặt mình, nhưng dù người ta kêu to đến đâu và cố gây chú ý thế nào, trên khán đài cho trọng tài chẳng có gì tỏ ra rằng hai ông đó thấy, hoặc ít nhất muốn nhận thấy, sự tung hô. Viên đội trưởng vẫn tựa vào góc như hồi nãy và ông kia đứng bên cạnh, tay sờ cằm.

Họ hơi thất vọng ngồi xuống trở lại, thỉnh thoảng lại có một người quay về phía khán đài cho trọng tài, nhưng rồi người ta nhanh chóng chỉ còn bận bịu với bữa ăn thịnh soạn; gà vịt to Karl chưa từng thấy, nĩa cắm đầy trên lớp thịt nướng giòn, được chuyển quanh, rượu vang không ngớt được những người giúp việc rót thêm - ta hầu như không nhận thấy, ta cúi xuống đĩa ăn và tia rượu vang đỏ chảy vào ly - và ai không muốn tham gia vào cuộc vui chung có thể xem hình ảnh của hí viện Oklahama xếp thành chồng ở cuối bàn tiệc và được chuyền tay. Nhưng người ta không quan tâm nhiều đến hình ảnh, nên đã xảy ra chuyện chỉ một bức hình được Karl, người ngồi cuối, chú ý. Xét theo tấm ảnh này thì mọi bức hình đều rất đáng xem cả. Tấm ảnh chụp lô của tổng thống Hợp chúng quốc. Thoạt nhìn ta có thể nghĩ đó không phải một lô, mà là sân khấu, vì bao lơn hình vòng cung nhô thật xa vào không gian trống. Mọi bộ phận của bao lơn đều hoàn toàn bằng vàng. Giữa những cột trụ nhỏ, trông như thể được cắt tỉa bằng những cái kéo tinh xảo nhất, treo kề nhau những chân dung đắp nổi của những tổng thống trước, một ông mũi thẳng khác thường, môi bĩu, mắt sâu hoắm trừng trừng dưới hai mí lồi. Từ chung quanh, từ hai bên và từ trên cao chiếu vào lô những tia sáng; ánh sáng trắng nhưng dịu để lộ phần trước của lô, trong khi phần sau của nó (được một tấm màn nhung đỏ, gấp nếp thành những vạt đậm nhạt, buông rủ che kín và kéo mở bằng dây) trông như một khoảng trống tối, lấp lánh màu hung đỏ. Tất cả trông thật oai nghiêm, khiến ta không thể hình dung được trong đó có người. Karl không quên ăn,

nhưng vẫn thường ngắm nhìn tấm hình mà cậu để cạnh đĩa của mình.

Cuối cùng Karl rất muốn được xem ít nhất một trong những tấm hình khác, nhưng không tiện tự ra lấy, vì một người giúp việc đang đặt tay lên những tấm hình, hẳn là chúng phải được giữ thứ tự; nên cậu chỉ nhìn khắp bàn tiệc xem có tấm hình nào đang được chuyển tới gần không. Lúc ấy cậu sửng sốt nhận ra - mới đầu cậu hoàn toàn không tin - trong số những người đang cúi gằm trên đĩa ăn một khuôn mặt rất quen: Giacomo. Karl liền chạy ngay tới, gọi: "Giacomo!"

Gã này rụt rè, như vẫn luôn như thế khi bị bất ngờ, đứng lên khỏi bàn ăn, quay người trong khoảng không gian chật hẹp giữa những băng ghế, đưa tay chùi miệng, rồi mừng rỡ khi thấy Karl, gã yêu cầu cậu ngồi cạnh gã hoặc đề nghị chuyển qua chỗ Karl, họ muốn kể nhau nghe mọi chuyện và ngồi mãi bên nhau. Karl không muốn làm phiền những người kia, nên họ cứ tạm giữ chỗ của mình, bữa tiệc sắp kết thúc rồi và sau đó dĩ nhiên họ sẽ mãi mãi gắn bó với nhau. Nhưng Karl vẫn đứng lại bên Giacomo, chỉ để ngắm nhìn gã. Biết bao kỷ niệm về những thời gian qua! Bà bếp trưởng giờ ở đâu? Therese nay làm gì? Hình dáng Giacomo hầu như không hề thay đổi, điều tiên đoán của bà bếp trưởng rằng trong nửa năm gã phải trở thành một người Mỹ rắn rỏi đã không xảy ra, gã vẫn mảnh dẻ như ngày trước, má vẫn hóp như xưa, song trước mắt đang phính, vì gã ngậm trong miệng một miếng thịt quá to mà gã đang từ từ rút xương ra, quẳng lên đĩa. Như Karl thấy được trên băng tay Giacomo thì gã cũng không được thu

nhận làm diễn viên, mà gác thang máy; hí viện Oklahama dường như quả thật có thể sử dụng mọi người.

Mải miết nhìn Giacomo nên Karl đã rời chỗ mình quá lâu. Cậu vừa định quay về thì viên trưởng nhân sự đến, đứng trên một trong những băng ghế kê cao hơn, vỗ tay và nói ngắn vài lời, trong khi phần lớn thực khách đã đứng lên thì những người nán ngồi lại vì không thể rời khỏi đĩa ăn bị người khác huých cuối cùng cũng buộc phải đứng dậy.

"Tôi hy vọng," ông ta nói, trong khi đó Karl đã rón rén chạy về chỗ của mình, "rằng quý vị hài lòng với bữa ăn chào mừng của chúng tôi. Nói chung người ta ca ngợi bữa ăn của đội tuyển mộ chúng ta. Rất tiếc tôi phải tuyên bố kết thúc bữa tiệc, vì chuyến xe lửa đưa quý vị đến Oklahama sẽ khởi hành trong năm phút nữa. Tuy đó là một chuyến đi dài, nhưng quý vị sẽ thấy mình được chăm sóc chu đáo. Đây, tôi xin giới thiệu với quý vị người sẽ dẫn quý vị đi và quý vị có bổn phận tuân lời ông ấy."

Một ông thấp bé gầy còm leo lên băng ghế mà viên trưởng nhân sự đang đứng, ông ta không thèm dành chút thì giờ cúi chào qua loa, mà lập tức dang tay nóng nảy chỉ trỏ mọi người phải tập trung, xếp thành hàng ngũ và di chuyển như thế nào. Nhưng tạm thời chưa ai theo ông ta, vì thực khách hồi nãy nâng ly chúc tụng trong bữa chiêu đãi đã đập tay lên bàn và bắt đầu dài dòng cám ơn, tuy - Karl sốt cả ruột - vừa được cho biết xe lửa sắp khởi hành đến nơi. Nhưng diễn giả kể ra mọi món ăn đã được dọn trên bàn tiệc, nhận xét từng món (chẳng cần để ý rằng cả viên trưởng nhân sự cũng không lắng nghe, mà đang ra

nhiều chỉ thị khác nhau cho người phụ trách chuyến đi) rồi kết thúc gọn với lời hô: "Kính thưa quý ngài, đó là cách quý ngài chinh phục chúng tôi đấy." Trừ những người được thưa gửi, ai nấy đều cười, nhưng đó là sự thật chứ không phải đùa bỡn.

Ta bù lại cho quãng thời gian đã mất bởi bài diễn văn này bằng cách giờ đây phải đi như chạy đoạn đường ra xe lửa. Việc này chẳng khó khăn gì lắm, vì - bây giờ Karl mới nhận thấy - không ai mang theo hành lý; món hành lý duy nhất chính là chiếc xe trẻ con do ông bố đẩy, hết nẩy lên lại nẩy xuống, giờ đây nó dẫn đầu đoàn người. Những con người nghèo khổ, khả nghi đã cùng tới nơi đây, được hoan hỉ đón nhận và che chở! Và họ gần như đã phó thác cho sự bảo trợ của người phụ trách chuyến đi. Lúc thì ông ta một tay phụ cầm cần lái chiếc xe trẻ con, tay kia giơ cao khích lệ đoàn người, lúc thì đứng sau hàng cuối cùng hối họ đi, lúc lại chạy dọc theo hai bên, chú ý đến vài người đi hơi chậm trong đoàn và cố vung tay cho họ thấy phải chạy như thế nào.

Khi họ tới ga, tàu đã chờ sẵn. Những người trên sân ga chỉ cho nhau đoàn người, ta nghe những câu như: "Hết thảy những người này là của hí viện Oklahama đấy!" hí viện dường như nổi tiếng hơn Karl tưởng nhiều, tất nhiên cũng vì cậu chưa hề quan tâm tới sinh hoạt hí viện. Nguyên một toa được dành riêng cho đoàn, người phụ trách chuyến đi hối thúc họ lên tàu còn hơn người soát vé. Trước hết ông ta ngó vào từng buồng tàu, sắp xếp chỗ này chỗ nọ rồi mới leo lên. Ngẫu nhiên Karl được một chỗ bên cửa sổ và kéo Giacomo ngồi bên cạnh. Họ ngồi chen chúc

bên nhau và nói chung cả hai đều vui mừng về chuyến đi. Họ chưa từng có được chuyến đi nào vô tư đến thế ở Mỹ. Khi tàu chuyển bánh, họ vẫy vẫy tay ra ngoài cửa sổ, trong khi mấy anh chàng ngồi đối diện huých nhau, cho hành động của họ là khôi hài.

3[1]

Họ đi tàu hai ngày hai đêm. Bây giờ Karl mới hiểu nước Mỹ rộng lớn thế nào. Cậu không ngừng ngó ra cửa sổ và Giacomo cũng chen tới để cùng ngắm nhìn, cho tới lúc mấy anh chàng ngồi đối diện (họ bận rộn nhiều với việc chơi bài) chán cảnh tượng ấy và tự nguyện nhường chỗ bên cửa sổ cho gã. Karl cám ơn họ - vì không phải ai cũng hiểu được tiếng Anh của Giacomo - và theo thời gian, như không thể khác được giữa những người ngồi cùng khoang, họ trở nên thân mật hơn nhiều; nhưng sự thân mật của họ cũng thường gây khó chịu, vì chẳng hạn khi một lá bài rơi xuống sàn và họ mò tìm, họ luôn nhéo chân Karl hoặc Giacomo thật lực. Giacomo luôn bị bất ngờ, hét toáng và thu chân lên. Có lần Karl thử đạp trả, nhưng rồi lặng thinh để mặc. Mọi chuyện diễn ra trong khoang xe nhỏ đầy khói kể cả khi cửa sổ mở chẳng đáng kể so với những gì cậu được thấy bên ngoài.

Ngày đầu họ chạy qua một rặng núi cao. Những khối đá xanh đen như những cái nêm nhọn hoắt chạy sát con

1. Trong ấn bản của Max Brod *chương chưa hoàn chỉnh* (3) này được nối thẳng vào cuối chương 8 "Hí viện Oklahoma".

tàu, ta thò đầu ra cửa sổ và hoài công tìm đỉnh núi, những thung lũng tối, hẹp và nham nhở mở ra, khuất dần theo hướng ngón tay ta chỉ, những dòng suối to từ trên núi đổ xuống thành những con sóng lớn cuồn cuộn trên nền đất mấp mô và bắn tung thành nghìn con sóng nhỏ ngầu bọt, chúng đổ xuống dưới những chiếc cầu mà xe lửa chạy qua và chúng gần đến nỗi hơi lạnh làm mặt ta tê tái.

Bạt

"Chúa Trời không muốn tôi viết;
còn tôi, tôi muốn viết."
Franz Kafka

Chỉ trong một đêm cuối tháng Chín 1912, viết một mạch từ khuya đến sáng sớm, Kafka hoàn thành truyện ngắn "Lời phán quyết" (Das Urteil) mà ông vô cùng hài lòng - hơn cả đối với tác phẩm nổi tiếng "Hóa thân" (Die Umwandlung) được sáng tác ít lâu sau đó. Sau đó, Kafka bắt tay ngay vào việc viết bản thảo thứ hai cho tiểu thuyết *Nước Mỹ / Kẻ mất tích* (*Amerika / Der Verschollene*); bản thảo đầu tiên khoảng 200 trang, nay không còn nữa, được viết từ mùa đông 1911 đến quãng giữa 1912 thì bị bỏ dở, vì Kafka cho là không đạt (không ít nhà nghiên cứu nhận xét rằng Kafka là người phê bình nghiêm khắc nhất các tác phẩm của chính mình).

Phấn khởi với "Lời phán quyết", nên chỉ trong vòng một tháng rưỡi, cũng với cách viết hăng say một mạch "bằng cả tấm lòng và thể xác" khi sáng tác truyện ngắn

vừa nêu, Kafka đã hoàn thành năm chương đầu và gần hết chương 6 (vị chi khoảng hai phần ba tác phẩm) như ông hào hứng kể trong bức thư ngày 11 tháng Mười một năm 1912 gửi bạn gái mới quen Felice Bauer - người sẽ hai lần đính hôn với Kafka, rồi từ hôn vĩnh viễn vào năm 1917 - đồng thời cho biết ông đặt tên tiểu thuyết "có thể kéo dài bất tận" này là *Kẻ mất tích*.

Song từ chương 7 trở đi (thảy đều không có tựa) Kafka đã viết rất ì ạch, vì ông thường tạm ngừng để sáng tác *Vụ án* (Der Prozess), tiểu thuyết thứ hai, và các truyện ngắn "Hóa thân", "Ở một trại trừng giới" (In der Strafkolonie)... Gần cuối năm 1914 tác giả bỏ dở hoàn toàn *Kẻ mất tích*.

Và cũng vì các chương cuối này không được tác giả đánh số nên Max Brod đã nhầm lẫn khi sắp xếp thứ tự cho ấn bản của mình.

Kẻ mất tích là cuốn đầu tiên trong ba tiểu thuyết ở dạng dang dở (cùng với *Vụ án* và *Lâu đài*) được gọi là "bộ ba về sự cô đơn" (Trilogie der Einsamkeit) của Kafka.

Năm 1924, trước khi mất vì bệnh lao, Kafka để lại "chúc thư văn học" cho bạn thân là Max Brod yêu cầu thiêu hủy hết mọi di cảo của ông. Nhưng Max Brod đã không thực hiện di nguyện này .

Năm 1927, *Kẻ mất tích* được Max Brod cho xuất bản tại Praha nhưng với tên *Nước Mỹ* (vì theo "Lời bạt" cho ấn bản lần thứ nhất của Max Brod thì đó là tên mà Kafka hay gọi tác phẩm này khi trò chuyện với bạn bè).

Tất nhiên *Kẻ mất tích* là hư cấu, song Kafka đã "lấy cảm hứng" từ hai người anh em họ của mình: một người

tên Franz (qua Mỹ đổi thành Frank) Kafka, năm 16 tuổi được cha mẹ cho sang Mỹ ở với anh trai, người thứ hai tên Robert Kafka, năm 14 tuổi bị một cô giúp việc dụ dỗ, và ông cậu Alfred Löwy, rất thành đạt ở Tây Ban Nha và từng được gặp tổng thống Mỹ Theodore Roosevelt.

Và, như chính tác giả cho biết, *Kẻ mất tích* chịu ảnh hưởng tác phẩm *David Copperfield* của Charles Dickens.

Tuy chưa một lần đến Mỹ, song Kafka đã miêu tả thật sinh động cuộc sống tất bật và vô cùng nghiệt ngã ở đất nước này vào đầu thế kỷ 20. Đặc biệt, như Max Brod đã chỉ ra, nhiều cảnh trong truyện thật không khác một số màn phim câm của Charlie Chaplin sau này.

Không rõ tác giả có ý định - như hàng triệu người Âu hồi đầu thế kỷ 20 - di dân sang Mỹ chăng? Chỉ thấy ông kể trong *Nhật ký* rằng hồi nhỏ, trong một lần về thăm ông bà, Kafka có viết câu chuyện về hai anh em, người xấu sang Mỹ, người tốt ở lại "trong nhà tù châu Âu"; một ông chú bác đọc rồi bảo "chuyện tầm phào", khiến lúc ấy Kafka cảm thấy khung cảnh quanh mình thật lạnh lẽo và mọi người thật xa lạ. Và khi viết cho hôn thê Felice Bauer rằng ông "thù ghét Praha, một bà mẹ nanh nọc" thì phải chăng ít nhất "trong tâm tưởng", Kafka đã muốn rời khỏi thành phố này, nơi ông thường xuyên chịu sự áp chế của người cha độc đoán, nơi đã từ hàng thế kỷ những người gốc Do Thái như ông phải hứng chịu sự kỳ thị, thù hằn, ngược đãi, thậm chí tàn sát... từ cả hai cộng đồng người Tiệp và người Đức? Và rồi cả ba cô em gái và Milena Jesenská, người tình của tác giả, phải bỏ xác trong các trại tập trung của Đức Quốc xã?

Karl Roßmann trong *Kẻ mất tích*, Josef K. trong *Vụ án* hoặc K. trong *Lâu đài* đều là hình ảnh cô đơn của chính tác giả.

Khi Max Brod hỏi số phận Karl Roßmann rồi sẽ ra sao, Kafka cho biết rằng "trong hí viện Oklahama, nhân vật chính này sẽ có được nghề nghiệp, sự tự do, nơi nương tựa, thậm chí tìm lại được quê hương và cha mẹ như thể qua một màn ảo thuật tuyệt vời" (theo "Lời bạt" của Max Brod) - cái hí viện như một xã hội không tưởng, như nhà nghiên cứu người Anh Anthony Northey đã nhận xét.

Đầu Thế chiến II, khi Quốc xã Đức tiến chiếm Praha thì Max Brod chạy thoát được sang Palestin cùng với toàn bộ di cảo của Kafka. Năm 1961, những di cảo này được nhượng cho Bodleian Library ở Oxford (Anh) để giới học thuật dễ tiếp cận hơn.

Dựa trên bản viết tay của Kafka, Malcolm Pasley, một học giả của Đại học Oxford, đã "tái tạo trung thực" *Vụ án* và *Lâu đài*.

Cũng như thế, *Kẻ mất tích* do Jost Schillemeit, giáo sư Đại học Braunschweig (Đức), chủ biên.

Nhà nghiên cứu Wilhelm Emrich, giáo sư Đại học Berlin, đã coi *Kẻ mất tích* "thuộc vào số những khám phá có tính thơ ca tinh tường nhất của xã hội công nghiệp hiện đại mà văn học thế giới được biết. Ở đây, sự vận hành bí mật về kinh tế và tâm lý của xã hội này cùng những hệ quả quỷ quái của nó bị phơi trần thẳng tay."

Sankt Augustin, hè 2016

Lê Chu Cầu

Kafka niên biểu (sơ lược)

1883	Franz Kafka sinh ngày 3 tháng Bảy ở Praha.
1889-1893	học trường tiểu học Đức.
1893-1901	học trường trung học Đức – tú tài.
1901	học Luật tại trường Đại học Đức ở Praha.
1902	tháng Mười: gặp và kết bạn với Max Brod.
1904	bắt đầu sáng tác.
1906	tháng Sáu: hoàn thành luận án tiến sĩ. Thực tập một năm tại tòa án.
1907	trợ tá tại công ty bảo hiểm Assicurazioni Generali.
1908	tháng Bảy: nhân viên của Cơ quan bảo hiểm tai nạn lao động của Vương quốc Boheme ở Praha.
1912	bắt đầu bản phác thảo đầu tiên tiểu thuyết *Kẻ mất tích*, sau bị Kafka hủy. tháng Tám: gặp Felice Bauer. Phác thảo lần 2 tiểu thuyết *Kẻ mất tích*. tháng Mười hai: hoàn thành truyện Hóa thân.
1913	tháng Một: bỏ dở tiểu thuyết *Kẻ mất tích*.
1914	1 tháng Sáu: hứa hôn với Felice Bauer. 12 tháng Bảy từ hôn. 28 tháng Bảy: Thế chiến I bùng nổ. tháng Tám: bắt đầu viết *Vụ án*.
1915	tháng Một: bỏ sáng tác *Vụ án*. tháng Bảy: dưỡng bệnh ở Bắc Boheme.
1916	hoàn tất một loạt truyện ngắn.

1917	tháng Bảy: hứa hôn lần hai với Felice Bauer. Tháng Chín: bị lao. Tháng Mười hai: từ hôn lần hai.
1918	tháng Một: gặp Julie Wohryzek rồi hứa hôn vào mùa hè. Tháng Mười một: viết *Thư gửi cha* (nhưng không gửi).
1919	tháng Tư: gặp Milena Jesenská (người dịch một số tác phẩm của Kafka sang tiếng Tiệp). Tháng Bảy: từ hôn Julie Wohryzek.
1922	tháng Một: có lẽ khởi thảo tiểu thuyết *Lâu đài*. Hoàn thành một số truyện ngắn. Tháng Tám: không sáng tác tiếp *Lâu đài*.
1923	tháng Bảy: gặp Dora Diamant. Tháng Chín: dọn về Berlin ở với Dora Diamant. Sức khỏe suy giảm. Các truyện ngắn cuối cùng: "Hang ổ", "Nữ ca sĩ Josefine hay dân chuột" và "Một nghệ sĩ trò nhịn đói".
1924	tháng Ba: về lại Praha. Tháng Tư: được Dora Diamant đưa vào ba dưỡng đường khác nhau ở Áo. 3 tháng Sáu: mất, an táng tại nghĩa trang Do Thái ở Praha.
1942	Ottla, người em gái mà Kafka yêu thương nhất, chết tại trại tập trung Ausschwitz. Hai em gái khác, Elli và Valli, cũng chết tại các trại tập trung Đức.
1943	Milena Jesenská chết tại trại tập trung Đức.
1952	Dora Diamant mất ở Luân Đôn.
1960	Felice Bauer mất ở New York.

Mục Lục

NƯỚC MỸ - Kẻ mất tích (tái bản)

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc - Tổng biên tập
NGUYỄN QUANG THIỀU

Biên tập	Tạ Viết Đăng
Biên tập viên Nhã Nam	Kiều Vân
Thiết kế bìa	Tùng Nâm
Trình bày	Thành Khánh
Sửa bản in	Phạm Thủy

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN
65 Nguyễn Du - Hà Nội
Tel & Fax: 04 38222135
Email: nxbhoinhavan@yahoo.com.vn
http://nxbhoinhavan.com

Chi nhánh miền Nam
371/16 Hai Bà Trưng - Q3 - TP. HCM
Tel & Fax: 08 38297915
Email: nxbhnv.saigon@gmail.com

LIÊN KẾT XUẤT BẢN VÀ PHÁT HÀNH

CÔNG TY VĂN HÓA & TRUYỀN THÔNG NHÃ NAM
59 Đỗ Quang, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 04 35146875 | Fax: 04 35146965
Website: www.nhanam.vn
Email: nhanambook@vnn.vn
http://www.facebook.com/nhanampublishing

Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh
Nhà 015 Lô B chung cư 43 Hồ Văn Huê,
Phường 9, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08 38479853 | Fax: 08 38443034
Email: hcm@nhanam.vn

In 1.500 cuốn, khổ 14x20.5cm tại Công ty CP In Viễn Đông (Km19+400, Giai Phạm, Yên Mỹ, Hưng Yên). Căn cứ trên số đăng ký xuất bản: 4272-2020/CXBIPH/08-149/HNV và quyết định xuất bản số 1786/QĐ-NXBHNV của Nhà xuất bản Hội Nhà Văn ngày 27.10.2020. Mã ISBN: 978-604-306-980-8. In xong và nộp lưu chiểu năm 2020.

Hiện nay, trên thị trường đã xuất hiện hàng loạt cuốn sách làm giả sách của Nhã Nam với chất lượng in thấp và nhiều sai lỗi. Mong quý độc giả hãy cẩn thận khi chọn mua sách. Mọi hành vi in và buôn bán sách lậu đều vi phạm pháp luật và làm tổn hại đến quyền lợi của tác giả và nhà xuất bản.

"Tôi chẳng là gì khác, ngoài văn chương."

- FRANZ KAFKA

"Với Kafka, tiểu thuyết không còn là điều tự bạch của tác giả. Tiểu thuyết là cơ hội thăm dò ý nghĩa cuộc sống, khi thế giới đã trở thành một cái bẫy giam hãm con người."

- MILAN KUNDERA

"Trách nhiệm của Kafka chỉ là đặt ra những câu hỏi, chứ không phải giải quyết nó."

- RITCHIE ROBERTSON

BECOME A FAN



nhanampublishing

"Tác phẩm là nhát búa phá vỡ biển cả đã đóng băng trong chúng ta."

- FRANZ KAFKA

Cập cảng New York trên một con tàu lớn khủng khiếp, Karl Roßmann, kẻ tội đồ từng gây tội lỗi tình ái ở quê hương được chào đón bởi Nữ thần Tự do giương cao thanh kiếm giữa bầu trời lồng lộng. Cảnh tượng bỗng đột nhiên trở nên chói lọi. Từ đây, Karl rơi thẳng vào vòng xoáy rủi may may rủi đến chóng mặt. Karl đã trải nghiệm cuộc sống lên voi xuống chó khôn lường dở cười dở khóc nơi miền đất của những cợ hội thần kỳ. Và tương lai của cậu là gì? Điều đó không ai biết, bởi vì tiểu thuyết đã dừng bước ngay khi chuyến tàu đưa nhân vật chính đến vùng đất có cái tên hư hư thực thực – Oklahoma – chỉ vừa mới khởi hành...

Nước Mỹ (Kẻ mất tích) - tiểu thuyết đầu tiên, và hài hước nhất của Franz Kafka như tia sáng lẻ loi bên ngoài chùm tác phẩm đã trở thành huyền thoại vẫn thường được nhắc đến là *Hóa thân, Vụ án* và *Lâu đài*. E. L. Doctorow – nhà văn đương đại lớn hàng đầu nước Mỹ đánh giá đây là câu chuyện hiện đại, mang tầm tư tưởng lớn về nước Mỹ như một nơi chốn chưa ai từng thấy, trong một thời kỳ lịch sử không thể nhận dạng, vì nó được Kafka, dù chưa từng đặt chân đến Mỹ, viết nên từ những yếu tố thần thoại trong chính tâm trí thiên tài của ông.

"Để nêu danh một nhà văn đã đặt dấu ấn sâu đậm lên thời đại của chúng ta không kém gì Dante, Shakespeare hay Goethe, thì với các thế hệ đương thời, đó nhất định là Kafka."

- W. H. AUDEN

ISBN: 978-604-306-980-8



Giá: 105.000đ

